

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

VĂN-HÓA VÀ CHÍNH-TRỊ

Kỳ trước bản-chí có đăng một bài đại-luận của ông Trần Văn-Tăng đề là « Quá-khứ và hiện-tại ». Thật lâu nay trong các báo-chí ta chưa có mấy bài luận-thuyết có giá-trị và có đặc-sắc bằng bài ấy. Lập-luận đủ cao xa cho cái quát được cả vấn-đề, thuyết-lý đủ tinh-vi cho khám-phá được khắp mọi lẽ, trước sau có mạch lạc, trên dưới có thống-hệ, lại tham-bác Đông Tây, dẫn-chứng kim-cổ, mà nghị-luận vẫn có cái vẻ điềm-dạm thung dung, không có lời kịch liệt, không có giọng chua - cay, uyển - nhiên ra cái thái độ một kẻ học-giả Đông-phương vậy.

Trong bài trường-thiên-luận-thuyết đó, tác-giả đã bày rõ cái vấn-đề căn-bản của nước ta ngày nay. Vấn-đề ấy tóm lại hai điều như sau này : 1^o làm thế nào cho nước Nam ta thật trở nên một nước chân-chính ; 2^o làm thế nào cho nước Nam chân-chính đó có một cái bản-lĩnh chánh đáng về tinh-thần và về thực-tế để vĩnh-viễn sinh-tồn »

Tác-giả đứng về phương-diện triết-lý, cho nên xét cái vấn-đề tận chỗ căn-nguyên, chỗ cứu-cánh, phát-minh ra cái lẽ xung-đột hai văn-minh Đông-Tây, suy-diễn ra cái hiện-tượng cho vận-mệnh chung cả nhân-loại và vận-mệnh riêng của giống mình. Nhưng dù nghị-luận cao xa, dưỡn, như thuộc về thuần-lý hơn thuộc về thực-tế, mà cái mục-dịch của tác-giả chẳng qua cũng chỉ là muốn giúp cho công việc « văn-hồi quốc-vận, phù-cứu quốc-nguy » mà thôi.

Mục - dịch chánh - đáng vô - cùng Phạm kẻ làm văn, kẻ tư-tưởng ở nước ta ngày nay, không thể có mục-dịch khác được.

Tôi cũng xin vì mục-dịch ấy và thể cái lòng nhiệt-thành của tác-giả, muốn xét lại cái vấn-đề trên kia về một phương-giới thiết-thực với thời-thế ngày nay.

Làm thế nào cho nước Nam ta thật trở nên một nước chân-chính ? Làm thế nào cho nước Nam chân-chính đó có một cái bản-lĩnh chánh đáng về tinh - thần và về thực-tế để vĩnh-viễn sinh-tồn ? — Hai câu hỏi đó, mới xét tựa-hồ như dờn nhau, một câu thuộc về hiện-tại, một câu thuộc về tương - lai, có giải-quyết được câu thứ nhất thời mới giải-quyết được câu thứ nhì ; nhưng xét kỹ hai câu cũng là một, câu trên thuộc về chính-trị, câu dưới thuộc về văn-hóa, mà chính-trị rút lại cũng là gồm ở trong phạm-vi văn-hóa. Thành ra cái vấn-đề sinh tử cho nước ta ngày nay, xét cho cùng, suy cho kỹ, chính là một vấn-đề văn-hóa, phần chính-trị chẳng qua là một phương-diện, một phương-tiện, một bộ-phận, một thời-kỳ trong toàn-thể cái vấn-đề lớn-lao đó.

Sau đây xin bàn rõ về hai phương-diện chính trị và văn-hóa và chứng-giải rằng trong hai phương-diện ấy phương-diện văn-hóa mới thật là quan-hệ và bao-quát hơn, dầu có lúc tùy thời-thế, tùy cơ-hội phải chuyển-chủ về phương-

diện chính-trị cũng không thể nâng-bỏ phương-diện văn-hóa, một đảng là gốc, một đảng là ngọn, gốc có vững thì ngọn mới tốt được.

Ngày nay ai là người có bụng để đến việc nước, có chí mưu về việc nước, cũng hăm-hở châu-tuần về phương-diện chính-trị, bần-khoăn-muốn giải-quyết cho được cái câu hỏi thứ nhất : Làm thế nào cho nước Nam ta thật trở nên một nước chân-chính ?

Nước Nam ta hiện chưa được là một nước chân-chính, điều đó hiển-nhiên ai cũng biết. Sở dĩ chưa được là một nước chân-chính là bởi không có chủ-quyền về chính-trị, điều đó cũng hiển-nhiên ai cũng biết. Đã thế thì cái cấp-vụ ngày nay há chẳng phải là tìm đường để thu-phục lấy cái chủ-quyền chính-trị đó ư ? Một nước đã mất quyền chính-trị mà muốn thu-phục lại, thời chỉ có hai cách: một cách bạo-dộng, một cách ôn-hòa. Cách bạo-dộng thời bất-tất phải nói ; muốn bạo-dộng phải có sức mạnh ; đã có sức mạnh thời ngăn cho đừng bạo-dộng cũng không được, mà chưa có sức mạnh thời giục cho cứ bạo-dộng cũng vô-ích ; cái sức mạnh cõ-lai không cần đến lý-luận bao giờ. Đến như cách ôn-hòa thời thủ-tục tuy phức-tạp, nhưng tôn-chỉ cũng là một : là chằm-chước vận-dộng để yêu-cầu cho kẻ cầm quyền dần dần nhường lại cho mình từng cái quyền-lợi một. Đã không có sức mạnh mà dùng cách bạo-dộng thời tất phải nhần-nhục mà theo cách ôn-hòa. Nhưng dù dùng cách bạo-dộng hay theo cách ôn-hòa, tông-chỉ cũng là vận-dộng về chính-trị cả, và mục-dịch cận-tiếp là thu-phục lấy cái chủ-quyền về chính-trị, mà mục-dịch cao-xa là khiến cho nước Nam ta trở nên một quốc-~~gia~~ chân-chính.

Nay thử xem hai cái mục-dịch đó có thể chỉ dùng sự vận-dộng chính-trị mà đạt tới được hoàn-toàn không ; hay là

sự vận-dộng chính-trị phải hàm có cái ý-nghĩa văn-hóa, mà cái ý-nghĩa văn-hóa mới thật là thiết-thực thâm-trầm.

Theo ý-kiến tôi thời cái thuyết thứ nhì là phải hơn. Mà ông Trần Văn-Tăng sở dĩ thiết-tha nghị-luận về văn-minh Đông-Tây cũng là đồng một ý-kiến như thế, cũng là cho phương-diện văn-hóa có lẽ là quan trọng hơn phương-diện chính-trị, và cái vấn-đề của quốc-dân ta phải giải-quyết ngày nay chính là một vấn-đề văn-hóa vậy. Bởi ông đứng cao và bàn rộng về triết-lý, nên chưa xét đến thực-tế. Tôi muốn bổ-tiếp cho lời bàn của ông mà chứng-nghiệm ngay về tình-trạng nước Nam ta ngày nay.

Nước Nam ta đã mất quyền độc-lập về chính-trị trên dưới năm mươi năm nay. Kể cái tình-cảnh mất nước thời trong lịch-sử chúng ta cũng đã từng trải đôi phen và chịu đựng lâu đời, không phải mới một ngày nay. Nhưng xưa kia thời mất nước là bị nội-thuộc vào một nước đồng-hóa mà đồng-văn, có gặp cái khốn-cảnh « vong-quốc » nhưng không phải cái hiểm-tượng « tiêu-hồn » ; nông-nô mất nước chẳng qua chỉ là một vấn-đề chính-trị, có thể giải-quyết bằng phương-pháp chính-trị, (sự chiến-tranh cũng là một-phương pháp ấy), không có ghép thêm một cái vấn-đề văn-hóa phiền phức mà gian-nan. Ngày nay thời không thế : cái nông-nô mất nước của ta chính là một tấn kịch nhỏ trong cái đại-bì-kịch của thế-giới bây giờ, là cái bi-kịch Đông-Tây xung-đột nhau, Tây-phương đem cái chủ-nghĩa đế-quốc, cái dục-vọng bá-quyền, những tư-tưởng phá-hoại, những cơ-khí tối-tân mà tràn-ngập sang Đông-phương, trong khoảng một thế kỷ nay làm cho các dân-tộc Đông-phương thất-diên bát-dão, bầy nòi ba chìm, tôi nay hãy còn té-mé lẫn lộn, chưa tỉnh sự đời. Thành ra nông-nô ấy đối với ta không phải

chỉ là một vấn-đề chính-trị mà thôi, lại kèm thêm một vấn-đề văn-hóa nữa, khó-khăn nguy-hiểm vô-cùng. Chúng ta ngày nay thật là vừa gặp cái khốn-cảnh « vong-quốc », vừa phải cái hèn-tượng « tiều-hồn », hiểm-tượng này lại còn nguy-ngập cho ta hội-phần. Xưa kia nước có mất mà hồn hầy còn, thời hồn vẫn còn nước không đến nỗi mất hẳn. Nay có khác: nước đã mất mà hồn cũng thoi-thóp, thời nguy-hiểm ấy to biết dường nào!

Vậy thời cái cấp-vụ của chúng ta là phải dùng những kế-hoạch tạm-thời để thu lấy mấy cái quyền-lợi trước mắt, hay là tìm những phương pháp trường-cửu để phục lấy cái tinh-thần cố-bữ? là phải châu-tuần về phương-diện chính-trị là phương-diện trên, hay là chuyên-chủ về phương-diện văn-hóa là phương-diện dưới?

Hai đảng vốn không có phần trái gì nhau, duy chỉ có nông sâu rộng hẹp khác nhau mà thôi. Cứ lấy cái kết-quả nhữn-tiền mà xét thời phương-diện chính-trị có lẽ là cần hơn; cứ lấy cái thực-hiệu chân-chính mà nghiệm thời phương-diện văn-hóa xem ra mới thiết-thực. Hai đảng có thể đồng-thời thi-hành được, nhưng muốn cho có hiệu-quả chắc-chắn thời phải chuyên-chủ về phương-diện văn-hóa trước, hễ phần văn-hóa giải-quyết được thì phần chính-trị cũng giải-quyết xong; nếu chỉ tri-trục về một đường chính-trị mà những bổ bản đường văn-hóa thì có kết-quả rút lại cũng là hư-không vậy.

Như trên kia đã nói, vận-dộng về chính-trị có hai cách: cách bạo-dộng và cách ôn-hòa. Cách bạo-dộng, không nói làm chi, nói cũng vô-ích; muốn bạo-dộng, phải có sức mạnh, sức mạnh không có, bạo-dộng thế nào? Sức mạnh không có mà bạo-dộng, ấy là xuẩn-dộng, tai hại vô-cùng. Hoặc giả nói: sức mình không có, nên mượn

sức người; miễn là phá-hoại cho được cường-quyền, rồi sau kiến-thiết thế nào sẽ liệu. — Nói thế là nói liều: xưa nay có việc gì không tự-lực, không thực-lực mà làm nên được không? có người nào mượn sức người mà nổi được cơ-dở không? Thuộc về sự-nghiệp nhỏ-mọn của cá-nhân còn thế, huống chi là thuộc về vận-mệnh lớn-lao cả một quốc-gia, một dân-tộc.

Duy có cách vận-dộng ôn-hòa, là lấy pháp-luật, lấy dư-luận mà yêu-cầu cho kẻ cầm-quyền phải nhượng dần quyền-lợi cho mình. Cách này là chân-đáng, phạm chính-phủ văn-minh không bao giờ ngăn-cấm.

Vậy nay ta thử xét xem nếu chỉ vận-dộng về đường chính-trị như thế, không vận-dộng về đường văn-hóa ở ngoài, có thể thành được kết-quả chân-chính không.

Cái kết-quả tạm-thời thời tất có, cái kết-quả chân-chính thời chưa chắc.

Phạm vận-dộng về chính-trị, tất phải dùng đến khi-giới về chính-trị. Lối chính-trị ngày nay, lối chính-trị của các nước gọi là nước « văn minh » ngày nay, lại chính là một cái kết-quả bất-lương, một cái trạng-thái ác-liệt của cái văn-minh Tây-phương họ. Tây nho, ông GUGLIELMO FERRERO nước Ý, đã giải-thích văn-minh Tây-phương là cái văn-minh chỉ có « lượng » (*quantitative*), không có « phẩm » (*qualitative*). Lối chính-trị Tây-phương cũng tính - cách ấy, mà lại diễn đến cực - đoan; có khách hoạt - kẻ đã phê-bình cách chính-trị ấy một câu như sau này: « Ở các xã-hội dân-chủ chúng tôi, bốn mươi chín ông Hàn-lâm không bằng năm mươi một thằng gánh đều. » — Cái lợi-khi đệ-nhất của cách chính-trị ấy là cái vẻ bầu-cử, mà cái phương-pháp tuyệt-luận là lối siểm-mị công chúng, tệ hơn siểm-mị cá-nhân gấp mấy lần. — Nay chúng ta tri-trực

về chính-trị, thiết-tha mà yêu-cầu, là kêu nài cho được gì ? Chẳng qua mỗi miệng đòi cho được lợi-dụng cái khí-giới ấy, thi-hành cái phương-pháp ấy ; tưng-sử được nữa, phỏng có đáng bao ? Huống lại còn khó-nhọc mới được mà cũng miễn-cưỡng mới cho, trao tay này giật tay khác, vá miếng nọ chắp miếng kia, thành ra những cái chế-độ « lang-lổ », những cái hình-thức « lổ-lăng », không thích-thiết cho dân-tình quốc-vận một chút nào. Vẫn biết rằng lối chính-trị ngày nay chỉ toàn ở những chế-độ, những hình-thức đó mà thôi, chúng ta muốn có hoạt-động về chính-trị thời những chế-độ, những hình-thức đó cũng phải có, cũng phải tập, dẫu chẳng hay-ho gì, nhưng thiên-hạ thế cả, mình cũng phải thế, tựa-hồ có thể mới ra vẻ một quốc-gia đời nay. Người ta xưng dân-chủ, mình cũng xưng dân-chủ ; người ta cầu tự-do, mình cũng cầu tự-do ; người ta đòi bình-dẳng, mình cũng đòi bình-dẳng ; chẳng qua là « nhượng-bộ » cho lưu-lục đó mà thôi, chứ những cái tư-tưởng « tha-phương » đó, ta đã biết nó thế nào mà chất-chịu yêu-giấu, ta đã rõ nó thế nào mà cầu-khẩn-thiết-tha. Biết dẫu cái mầm họa hại cho ta lại không ở đó mà ra cũng có ?

Cho nên phạm vận-động chính trị mà không đồng-thời vận-động văn hóa, thời là vận-động bóng-lông cả, là nhằm mất theo liều, là a-dua vô-ích cả. Những cái lý-thuyết phất-phơ lơ-lão của Tây-phương truyền sang cho ta, ta cần phải sát-hạch cho kỹ, nếu quả có lợi mà không có hai thời hăng nên để vào tai mắt, gửi vào tâm tư, còn thời nên hoài-nghi hết cả. Nhưng muốn cho có đủ tư-cách mà sát-hạch được của người cho biết là hay hay dở, thời tự mình cũng phải có cái bản-lĩnh thế nào để làm

thước đo, để làm tỉ-lệ. Nếu chính-nhân cách mình cũng phất-phơ lơ-lão, thời thế sao mà phán-đoán được người ? Cho nên việc cần-cấp ngày nay không phải là chỉ yêu-cầu lấy quyền-lợi, mà lại phải bồi-bổ lấy tinh-thần, gây lấy tư cách của chủng-tộc thế nào cho thành cái bản-lĩnh vững-vàng chắc-chắn có thể chống-đối với những cái phong-trào ác-liệt ngày nay. Muốn cho được độc-lập về chính-trị, thời trước phải biết tự-lập về tinh-thần, mà muốn cho tự-lập về tinh-thần thời đối với cái văn-hóa cũ của Đông-phương phải biết trân-trọng mà giữ-gìn lấy, đối với cái văn-hóa mới của Tây-phương phải biết cần-thận mà kén-chọn kỹ. Nói tóm lại thời phải có một cái bản-lĩnh chân-chính mới tạo - thành được một quốc-gia chân-chính. Nếu chưa có cái bản-lĩnh chân-chính thời dẫu có quyền bầu-cử, có đặt Nghị-viện, có được tự - do, cũng là chuyện mô-hồ huyền-diệu cả.

Trong hai câu hỏi : — Làm thế nào cho nước Nam ta thật trở nên một nước chân-chính ? — Làm thế nào cho nước Nam chân-chính đó có một cái bản-lĩnh chánh-dáng về tinh-thần, về thực-tế để vĩnh viễn sinh-tồn ? — câu thứ nhì mới thật là quan-trọng, hễ câu thứ nhì giải-quyết được thời câu thứ nhất cũng giải-quyết xong ; hễ chúng ta gây được một cái bản-lĩnh chánh-dáng về tinh-thần, về thực-tế, thời nước Nam ta tiện-thị trở nên một quốc gia chân-chính và hoàn-toàn. Trong hai phương-diện của cái đại-vấn-đề quốc-gia ngày nay, phương-diện chính-trị và phương-diện văn-hóa, phương - diện dưới tuy cao-xa mà khẩn-kiết, quốc-dân ta cần phải chuyên chú hơn nhất.

CÔNG-LỢI VỚI HỌC-THUẬT ⁽¹⁾

Nước Tàu từ khi tiếp-xúc cái văn-minh của Tây-phương, thì cái chủ-nghĩa công-lợi lại càng có thể-lực lắm. Cái chủ-nghĩa công-lợi chỉ cốt làm cho thích-hợp thực-dụng được thì là tốt, nếu không thực-dụng được thì là xấu. Bởi vậy phàm những sự-vật hữu-hình hoặc vô-hình, người ta đều cho là cốt ở thực-dụng cả, nếu có thực - dụng được thì theo, bằng không thì thôi. Bốn năm mươi năm trước đã có cái thuyết phủ-quốc cường-binh, người ta chuộng phủ - cường là cốt cầu được thắng-trận, chống được giặc ngoài, làm thành được cái công-hiệu nhà no người đủ, đó thực là cái chủ-nghĩa công-lợi rất rõ-ràng. Gần và ba mươi năm nay lại có cái thuyết cách-trí thực - học, người ta mà nghiên - cứu cách - trí thực-học, là cốt làm cho tinh - sắc đồ khí-giới, phát-dạt sự công-nghệ, để hưởng-thụ lấy cái vật-chất văn-minh, đó cũng chẳng ngoại cái vòng công-lợi chủ-nghĩa. Vài mươi năm nay lại có cái thuyết dân-quyền tự - do, lập-hiến cộng-hòa. Dân-quyền với tự-do, lập-hiến với cộng-hòa, người Âu Mỹ mà xướng lên lắm, là chỉ cốt để trừ-khử cái cựu-chế về đời thân-uyên, và đời phong-kiến, hoặc làm cho tổ cái lý-tưởng nhân-dạo chính-nghĩa, như thế thì hình như không có bao-hàm cái công-lợi chủ-nghĩa. Nhưng ở về người Tàu thì không thế, vẫn tưởng rằng người Âu Mỹ mà được cường-thịnh nức tiếng ở trên thế-giới, là vì đã trải qua con đường dân-quyền tự-do, lập-hiến cộng-hòa, nay muốn được hưởng cái hạnh-phúc phủ-cường như

Âu Mỹ, thì cũng phải noi theo con đường ấy mới được. Xưa kia có nhà văn-gia đã từng chê dân nước Pháp cách-mệnh nói rằng : Bọn dân-dân nó vẫn tưởng rằng bánh mì tự khắc ở trên trời rơi xuống ; chỉ con gái chữa chồng kia nó vẫn nghĩ rằng hễ ra đường là vợ ngay được anh chồng đẹp trai. Ấy cái tâm-lý phần nhiều người tàn-tụng cách-mệnh đại-loại cũng giống như thế, đó cũng là thoát-thai ở cái chủ-nghĩa công-lợi mà ra. Nhưng vì cái phép kén chọn không tinh, cái sức tưởng-tượng bạc-nhược, nên phàm những điều văn-minh cổ-hữu của mình có đã lâu, mà trái khác với cái chủ-nghĩa công-lợi ấy đều phá nát cả đi. Cái văn-minh ngoại-lai mà ảnh-hưởng không trực-tiếp gì với cái chủ-nghĩa công-lợi thì cũng khinh bỏ đi cả. Còn chính cái phần công-lợi chủ-nghĩa gọi là cái hạnh-phúc lớn cho phần nhiều người, cũng vì không hợp với cái tư-lợi một mình, không dùng với cái cần-lợi một lúc, thì cũng phải hi-sinh đi hết cả. Ngoài công-lợi chủ-nghĩa ra không còn có chính-trị gì cả, gọi là chính-trị ấy chẳng qua là một cái đăm-om xôm cạnh-tranh quyền-lợi mà thôi. Ngoài công-lợi chủ-nghĩa ra không còn có luân-lý gì cả, gọi là luân-lý ấy chẳng qua là một cái câu lẽ-lối sùng-bái cường-quyền mà thôi. Ngoài công-lợi chủ-nghĩa ra không còn có học-thuật gì cả, gọi là học-thuật ấy chẳng qua là một cái thang bước lên thêm lương cao bằng hậu mà thôi. Bởi vì trong xã-hội bây giờ, phàm nhất-thiết văn-hóa chế-độ đã coi thấu suốt cả,

(1) Nguyễn Hàn-văn của Tiểu Trí-Tu trong tập *Bông-phương văn-khố*.

chỉ có một cái mục-dịch cốt nhất là cơm ăn áo mặc mà thôi, ấy cái chủ-nghĩa công-lợi lưu-tệ đến nỗi cả nước chỉ có một cái mục-dịch cốt-nhất là cơm ăn áo mặc, như thế thì cũng không phải cái ý ông Biền-tám (BENTHAM) ông Ước-hàn-mục-lặc (JOHN MILL) khi mới xướng cái chủ-nghĩa ấy lên đã nghĩ đến như thế vậy.

Đầu bài này tôi chỉ cốt bàn về học-thuật, còn về phương - diện chính-trị và luân-lý xin hãy để đó không bàn đến vội, nay chỉ chuyên bàn về cái chủ-nghĩa công-lợi nó làm tai vạ cho học-thuật, như thế nào? Chủ-nghĩa công-lợi rất là hại cho học-thuật, là vì chỉ lấy ứng-dụng làm cái mục-dịch học-thuật, chứ không lấy học-thuật làm cái mục-dịch học-thuật. Người nước Tàu vốn cũng giàu cái tư-tưởng hiện-thực, cho nên trong cựu-học đã có một phái thông-kinh đề trí - dụng, như là học thiên Vũ-cống thì biết cách trị thủy, học sách Xuân-thu thì biết luật sử-kien, học ba trăm thiên kinh Thi thì biết lời can ngăn, tức là đại-biêu cái tư-tưởng của phái cựu-học đó. Tự ông Hà-gian Hiên-vương mới khai ra cái môn-hộ cổ-văn học, có câu nói rằng: « thực sự cầu thị 實事求是 » nghĩa là học phải xét đến thực-sự mà cầu cho phải, câu nói ấy đã thành ra kim-khoa ngọc-luật làm khuôn-phép cho các nhà Hán-học. Đến đời Thanh các nhà bác - học lại càng nhiều, học-thuyết chỉ cốt cho có chứng-cứ rõ sự thực, để giữ-gìn lấy cái chân-tượng số - học của mình, thế thì cũng gần giống như phương-pháp khoa-học, dù nghĩ rằng cái nội-dung nghiên-cứu hai đảng khác nhau mà coi làm khác vậy. Lại còn những nhà học văn-sử, học huyền-lý cũng thế, người ta-sở-đĩ cứ cầm-cúi ham muốn học mãi mà không chán, chỉ là vì cái bản-thể học-thuật ấy thực có cái điều đáng ham muốn, chứ không phải chỉ vì cái cơ học đem ra ứng-dụng

ngay, vì thế nên con đường học-vấn mới rộng-rãi, mà các nhà học-giả mới hay theo các môn-học mà cùng-cùng làm cho phát - đạt mãi ra. Từ khi tây-học tràn sang, cái chủ-nghĩa công-lợi nó làm đắm-duối cả lòng người, phạm nhất-thiết học-thuật, đều chỉ cốt về cái mục-dịch ứng-dụng. Có khi cần nhắc cái giá ứng-dụng rồi mới hỏi đến học-thuật, như là muốn làm nghề công-nghệ cho phát-dạt thì mới theo học về lý-hóa; muốn làm cho thừa-tiền của tiêu dùng thì mới theo học về kinh-tế, còn các học-thuật khác đều gác bỏ đi hết cả. Có khi lấy học-thuật làm như cái đồ dơ dáy, cái giò bầy thổ, cho được ứng-dụng thì thôi, như là học chính-trị cốt để cầu ra làm quan, học pháp-luật cốt để cầu làm thầy kiện, đến khi đã được làm quan làm thầy kiện rồi, thì cái sở-học trước cũng đem xếp xô đi cả. Cứ như cái thuyết trên mà học như thế thì ví như là lấy ống xem trời, lấy dùi vạc đất, tài nào biết được cái nội-dung tốt-đẹp của học-thuật. Cứ như cái thuyết dưới mà học như thế thì chỉ là học kiếm ăn, học một nơi mà bụng nghĩ một nơi, chỉ thêm làm bẩn cái không-khí trong sạch trong học-giới. Tóm lại đều làm trở-ngại cho học-thuật không hay độc-lập được, nếu học-thuật mà không độc-lập được, thì ai còn quý gì học-thuật nữa.

Theo cái chủ-nghĩa công-lợi mà bàn học-thuật thì chỉ lấy ứng-dụng làm cốt đã đành. Nhưng học không cứ gì tinh-thần hay là vật-chất, hễ học đến cái cõi cao-thâm lại thường hay thiên về lý-luận, lại càng không hợp với cái cách ứng-dụng; vì thế mới lại xướng lên cái chủ-nghĩa học sao cho thông-tục học sao cho bình-thường, thì mới phổ-thông được, còn như cái cách học cao thâm thì người đời không ai dám hỏi đến nữa. Đề nên cho sút bớt cái trình-độ văn-học đi, chỉ cầu cho được nhiều người biết chữ, làm ra những

sách thiên-cận loảng-soảng, để mong cho được nhiều người đọc, ấy là những lời khấn-dầu của các ngài văn-học bấy giờ bán đến cách phổ-thông giáo-dục đều nói như thế cả. Tuy rằng thế, nhưng phổ-thông giáo-dục, cái mục-dịch chỉ ở cơm ăn áo mặc mà thôi ư? Hay là ngoài cách cơm ăn áo mặc còn có mục-dịch gì khác nữa không? Nếu chỉ lấy cơm ăn áo mặc làm mục-dịch, thì chỉ học đi viết thuê để kiếm ăn, gọi là học nếm chữ cho khỏi đói, cách học như thế cũng hèn kém lắm! Nếu bảo rằng ngoài cơm ăn áo mặc ra, kẻ đi học còn có cái mục-dịch duy-trì văn-hóa, tăng-tiến tri-thức, thì cái trọng-tâm của văn-hóa ở về cái cách học cao-thâm kia, còn cái cách học phổ-thông giáo-dục, chẳng qua là một phần diễn-dịch qua cái nghĩa học cao-thâm ra để dạy cho các hạng người trung-dẳng hạ-dẳng dễ hiểu mà thôi. Xưa kia Nho-học có nghĩa tinh-vi rồi mới có nghĩa rộng-rãi, Phật-học có bậc bồ-tát thượng-thừa rồi mới có bậc thanh-văn hạ-thừa, ấy cái cách học cao-thâm với cách phổ-thông giáo-dục quan-hệ với nhau cũng như thế, nếu không có cách học cao-thâm, thì phổ-thông giáo-dục còn chú-trọng trông vào cái gì được nữa? Vả lại theo cách phổ-thông giáo-dục mà biết bao nhiêu sách xuất-bản bán ra rẻ như bèo, không những là vô-ích cho học-thuật mà lại làm hại thêm. Bớt-lap-ty (BRYCE) đã từng nói ở trong bài luận « Bình-dân chính-trị » rằng: « Đi qua các ga xe-hỏa bên nước Mỹ thường trông thấy những thằng bé con cấp báo ôm sách thi-thọt trên xe bán rao khắp cho mọi người, xem ra các tờ báo thì toàn là chép lại của nhau trùng-diệp lẫn nhảm cả, còn sách vở thì toàn là một giống tiêu-thuyết, sách tiêu-thuyết vẫn là có giúp thêm cái ý-thức kinh-nghiệm cho người thường, mà những tờ báo cũng có thể mở rộng cái tri-khôn cho kẻ

thuyền-thợ, nhưng báo sách bẽ-bọn khiến người đọc không xuê, thẳng-thối một lúc đọc lên cũng có cảm-xúc tự-tưởng, xong rồi cũng như nước đổ dầu vớt, thoảng qua đi thì thôi chứ không có phát-dạt được cái tri-thức trang-nghiêm, cái thiên-tài sáng-tạo. » Ấy nước Mỹ còn như thế, huống chi nước Tàu. Người ta trông thấy các cửa hàng sách bán đầy những sách dăm-bốn, những tuồng Trinh-thám, toàn là sách hồi-đạo hồi-dám càng ngày càng lắm, cũng có người than-thở về nỗi thế-giáo suy-đổi, nhưng không biết đó chính là tại theo cái chủ-nghĩa thông-lục bình-thường mà sinh ra thế, mà chính cái bệnh-căn rỏ là chết về cái chủ-nghĩa công-lợi vậy.

Nguyên cái chủ-nghĩa công-lợi chỉ lấy phần đại-đa-số để cân nhắc mọi việc, như là luận cái công-hiệu học-thuật, thì lấy được phần nhiều người hưởng-thụ là hơn, mà bản học-thuật hơn kém cũng lấy được hợp ý-kiến phần nhiều người làm đoán-định, tưởng như thế thì làm tỏa mất cái khi kẻ nhân-tài đi, mà làm ngăn-trở con đường tiến-bộ của học-thuật đi mất. Bởi vì học-thuật cũng vì như hạng qui-tộc chứ không như phần nhiều hạng bình-dân được; học-thuật tiến hay thoái là chỉ xem cái thảo-nghệ của các bậc học đại-gia, chứ không kể gì cái số nhiều về đường phổ-thông-lọc. Cái điều ấy không phải bàn chi lắm, có thể chứng-dẫn trong lịch-sử ra thì khắc rõ, xem như đất Phậ-la-luân-ty (Florence) là một nơi đô-ội nước Ý-dại-lý, đương cái hồi thế-kỷ thứ 14, 15, các nhà văn-học nghệ-thuật sinh ra lũ lượt, như là: Đăn-đề (DANTE), Kiêu-dóa (GIOTTO), Bì-đắc-lạp-cách (PÉTRARQUE), Bà-tập-giác (BOCCACCIO), Gia-bà-đề (GHIRBERTI), Mịch-khuốc-phật-lê (MACHIAVEL), Di-khuốc-yêm-cát-la (MICHEL ANGE), các người ấy đều nức tiếng ở trong cõi học, qua đời rồi mà

vẫn như còn, thế mà lúc bấy giờ số người thành ấy chẳng qua có độ sáu vạn người mà thôi. Nay thử xét xem nước Mĩ bấy giờ thì số người hơn chín nghìn vạn, mà người ta bảo rằng trong phái học-thuật nước Mĩ không được một người nào là đệ-nhất-dẳng nhân-tài. Lại như nước Đức số người sinh-sản rất nhiều, các nhà tiểu-học như rừng, mà người ta khen văn-hóa nước Đức chỉ kể những ông Cách-dại (Goethe), Hi-lặc (Schiller), Khang-đức (Kant), Hải-cách-nhĩ (Hegel), là những người về thời-dại cựu-giáo-dục làm đại-biểu; xem thế thì biết hợp một lũ diếc đặc không sáng tài được bằng ông Sur Khoáng, hợp một lũ thông-mạnh không sáng mắt được bằng ông Ly-Lâu, muốn duy-tri học-thuật trong một nước, chỉ nhờ về mấy bậc tài-tuấn số ít, chứ không phải tại gì những bọn dung-tục số nhiều. Ôi! học một mình không có bạn, thì có-lâu quả-văn, cho nên học hành tư-ích phải nhờ về bạn thanh-khi, mà khi-cụ đồ-thư cũng phải nhờ giúp sức ở bọn chúng-nhân, thế thì học-thuật phát-dạt cũng có nhờ về số nhiều người thực. Tuy rằng thế, mà tất phải có một điều cốt-tử, là lấy số ít người làm phần chủ-thể cho học-thuật, mà số nhiều người là phần khách-thể, nghĩa là khắp người trong nước ai ai cũng có cái thói tôn-hiến hiếu-thiện, để cho người tài-trí được hết sức làm cho phát-siển cái thiên-tài của mình. Người tài-trí đã được phát-siển cái thiên-tài của mình, lại hay đem cái mới thừa để làm tiêu-biểu cho kẻ dân-chúng, mà kẻ dân-chúng cũng hay hư-tâm ngưỡng-mộ bất chước đua theo, vì thế học-phái mới thành, học-phong mới thịnh, học-thuật trong một nước mới nhân đó mà cao thêm cái trình-độ lên. Nếu phần-khách vì chủ, lấy cái lời phán-đoán của những kẻ dân-chúng số nhiều, mà định cái phần hơn kém của mấy nhà học-vấn số ít, thì những người có bảo-

phụ cái kỹ-tinh cao-từ thường sợ rằng trái ý kẻ dung-tục mà không dám thổ-lộ ra, có khi lại phải đua theo thói đời mà cố làm cho thấp bớt cái phẩm-cách mình đi, khiến cho người tài-trí phải thấp-kém bằng hạng dung-tục mới thôi. Xem như gần đây các nhà văn-chương phải pha thêm giọng phường chèo mới vui, các nhà hội-họa phải đậm thêm nét rườm-rà mới cho là đẹp, ấy cũng là vì lẽ đó. Nếu cứ theo cái chủ-nghĩa công-lợi mà cái gì cũng lấy số nhiều làm hơn, thì mỹ-văn nhã-hóa đều đến đây sèo bỏ đi hết, mà lại quay về cái thói đời mờ-mịt ù-ly.

Theo cái thuyết số nhiều của chủ-nghĩa công-lợi, thì cái tệ nó đến tuyệt bỏ cả bậc thanh-tri, khiến cho trong học-thuật-giới không có kẻ nào là bậc nhân-tài lĩnh-tự cả. Tuy vậy, mà họ cũng có nhận cái người giỏi làm lĩnh-tự đấy chứ không dẫu; nhưng mà những người giỏi về học-thuật thì không phải kẻ tầm-thường biết được; mà như người giỏi về sự-công, thì ai ai cũng dễ biết, vì thế họ mới nhận làm cái người giỏi về sự-công tưởng rằng cũng giỏi về học-thuật, mà lấy ngay những nhà sự-công làm lĩnh-tự cho phái học-thuật. Ấy làm phương-hại cho học-thuật không được độc-lập, cũng giống như là lấy ứng-dụng làm mục-dịch cho học-thuật, mà nhận lầm đưa giặc cho làm con, thực là làm lầm-lỡ cho kẻ thanh-niên tử-đệ, mà lưu-truyền cái sự lầm đến vô cùng, lại càng tệ-hại hơn trước nhiều, không thể gọi là công-lợi chủ-nghĩa được nữa, chỉ gọi là thế-lợi chủ-nghĩa mà thôi. Than ôi! ham mộ hư-danh, vẫn là cái thường tình người ta, mà ghé gằm phong-nhã, cũng không nên chê-bai chỉ vội, xem như các bậc triều-qui về cựu-thời, thường hay in khắc ra các bộ sách cũng nhiều, nên các bậc đạt-quan lập nên danh-giá cũng dễ, như Lý Quang-Địa 李光地 mà khen là nhà lý-học, Cao Sĩ Kỳ 高士奇

mà khen là nhà từ-chương, Kỷ-Quân 紀勻 mà khen là nhà Hán-học, cũng chẳng qua là trọng về cái mũ vóc dò mà thôi. Nhưng may cái giống con nhà Thi-Thư vẫn chứa tuyết, cũng có kẻ khỏi tự chôn hang cùng ngõ hẹp ra mà chủ-trì cái phong-khí học-vấn, các đời trước tưởng cũng còn có người, mà bây giờ thì thế nào? Liêm, Lạc, Quan, Mân (1) đã cách mấy mươi đời không còn thấy xuất-hiện bậc danh-nho nào nữa, nay thử hỏi có người nào như Hoàng Cổ 黃顧 hay chịu khó học-hành, trác-tuyệt hơn đời, tự sáng-tạo được học-phong ấy không? chắc là không có; thử hỏi có người nào như Giang Vĩnh 江永, Đới Trấn 戴震 hay trước-thư lập-ngôn đề phát-minh tuyết-học ấy không? chắc là không có; lại thử hỏi có người nào như Du Việt 俞樾, Hoàng Dĩ-Chu 黃以周 làm chủ một cái thư-viện, học-trò theo học đầy cả đất Đông-nam ấy không? không có; thử hỏi có người nào như Lý Thiệp - Lan 李善蘭, Hoa Hành-Phương 華蘅芳 hay nghiên-tính lịch - toán dịch ra làm sách để truyền khắp cả thiên-hạ ấy không? cũng không có. Có ra nữa, thì chỉ là tôn một cụ lớn nào đó để làm đầu trong học-hội, và những thư-từ về chính-kiến của một bậc vĩ-nhân luân-nghiệp nào đó mà thôi. Than ôi! Bậc vĩ-nhân thì giỏi thực, nhưng nhưng-mã vội-vàng, khó nhọc về việc nước, những việc văn-chương tỉ-mỉ, các cụ có thêm làm đầu, thế mà chúng ta lại lấy sự văn-chương học-vấn trách mong ở các cụ lớn, lấy học-vấn văn-chương mà trách-mong ở các bậc vĩ-nhân, thế chẳng hóa ra coi khinh các bậc vĩ-nhân, mà cũng coi khinh cả văn-chương học-vấn hay sao? Kém xuống một bậc nữa thì chỉ có kẻ nào muốn nổi tiếng ở trong học-giới, tất phải nhanh chân mà khéo su-phụ; kẻ nào muốn mượn văn-

chương trước-tác để xuất-dầu thì tất phải giũ mồm tài lém-lỉnh mà thôi. Thôi không kể chi những bọn ấy nữa, nay tôi xin kể rõ cái lẽ sự-công với học-thuật hai đảng không tịnh-lập được. Học-thuật là cái việc ở trong tâm, mà sự-công là cái việc ở ngoài tâm. Đã là nhà học-vấn thì phải tìm-tám suy-nghĩ, chỉ mong tìm-tòi cho ra chân-lý, tình-từ chỉ sợ rằng không thấu, dụng-lực chỉ sợ rằng không chuyên. Còn như nhà sự-công thì không thế, chỉ thiệp-liệp qua kinh-sử, học cho đủ hiểu việc trước, thông sự đời thì thôi. Cái nghề học của các nhà kinh-sinh bác-sĩ, không những là vô-ích về sự-công, mà cũng làm kém mất cả cái tài biện-sự đi nữa. Nhưng muốn hỏi việc cây thì phải hỏi chủ nông-phu, hỏi việc dệt thì phải hỏi có chức-nữ, muốn đem học-thuật ra mà bàn học-thuật, thì tất phải lấy nhà học-vấn làm chủ mới được, nếu để nhà sự-công lẫn lên cái chiếu nhà học-vấn, thì không cứ cái người ấy thông-thái ngang-dọc thế nào, cũng không khỏi trọng ngoại mà khinh nội, làm cho bại-hoại mất cái phong đốc-chí học-hành đi. Thế mà kẻ theo cái chủ-nghĩa công-lợi ấy cứ hợp lại làm một mà bàn, thế cũng là một điều chủ-nghĩa công-lợi làm cho hại học-thuật đó.

Công-lợi chủ-nghĩa vì chỉ thiên-trọng về đa-số mà biến thành ra cái thế-lợi chủ-nghĩa, cho nên người ta hễ nói đến học-thuật tất là suy-tôn Âu Mĩ, hoặc khen Nhật-bản đã bắt chước Âu Mĩ mà cường-thịnh, còn những học-thuyết của những bậc tiên-nho tổ-quốc nhà mình, thì đều coi như rẻ rách như mớ rác. Đó là vì so-sánh nước Tàu với Âu Mĩ cái thế nước có mạnh yếu khác nhau, nên bàn đến học-thuật cũng phân ra một đảng là nó một đảng là chủ, cái sai lầm đó là bởi tại đâu? Ôi! bảo rằng,

(1) Bốn tên đất có tiếng sản-xuất những bậc danh-nho như Châu, Triệt, Trương, Chu.

học-thuật không cứ phân ra giới-hạn nước nào thì vẫn là phải. Nhưng đó là bảo học-giả nên mở to con mắt ra, thu-lãm hết những điều tinh-hoa cổ-kim trung-ngoại để kén chọn lấy mà thôi. Đã là kén-chọn thì cũng có điều nên lấy, cũng có điều nên bỏ, đã có lấy có bỏ, thì phải xét xem cái bản-thể học-thuật đang nào hơn kém mà làm cái thăng-bằng đề mà kén chọn lấy bỏ. Nay thì không kể gì cái bản-thể học-thuật hơn kém, chỉ thấy người nào đội lốt Âu-Tây là hơn; thậm-chi những cái thuật chiêu vong-hồn, bói hưu-cửu, là cái thuật của kẻ đồng-cốt phương Đông ta vẫn làm thừa di, mà nay chỉ nhân có mấy người Âu-Mĩ hiểu-kỹ, khoe tài cái thuật ấy, mà người mình cũng lấy làm sùng-trọng, thì là nghĩa gì? Đó chỉ tại cái não-chất phán đoán, cái tâm-lý manh-túng của người ta đã kém mất cái tài biện-biệt suy xét đi rồi, về phần căn-bản đã không có cái tư-chất học-vấn nữa. Lại thậm-tệ đến nỗi muốn bỏ cả chữ bản-quốc đi mà dùng tiếng Anh hoặc tiếng thế-giới, làm như thể là muốn trừ bỏ cái dây mơ rễ mái cựu-học di, để dung-nạp lấy tân-học của thế-giới. Song thế không những cựu học nước mình vì không cùng dòng dõi với Âu-Mĩ mà bị phải tuyệt-diệt đã đành; mà muốn dung-nạp tân-học cũng chưa chắc đã được. Vì rằng cái việc học-vấn bước thứ nhất là *nhân* 因 mà bước thứ nhì là *cách* 革. *Nhân* là bắt chước của người để làm cái hay cho mình, thì cốt phải *đồng*; *cách* là sáng-tạo tự mình mà có phần giỏi hơn, thì cốt phải *đi*. Dị với đồng giúp lẫn nhau, nhân với cách dùng thay đổi, mà làm cho hay thêm học-thuật lên, cho nên học-thuật của nước Giáp đã lấy là tư-cách học-tiên-tiến làm thầy cho nước Ất; nhưng học-thuật của nước Ất cũng có khi vì biến-đổi mới hậu-khởi lên mà lại làm thầy cho nước Giáp, thế là học

thuật nhân sự thay đổi bất chước lẫn nhau mà tiến-bộ thêm lên. Nhưng sở dĩ hay thay đổi mà tiến-bộ lên được, là vì có một thứ chữ làm cái đồ để chở sự học mỗi nước một khác; cái tư-tưởng tự ngoài lại, thường do một thứ chữ của bản-quốc phát-biểu ra đã hòa-hợp với tư-tưởng của bản-quốc, mà làm cho biến mất cái nguyên-hình đi. Nếu đem bỏ chữ bản-quốc đi, mà đổi lấy những lời nói thông-dụng bên Âu-châu, như thế thì về phần nhân phần đồng là phải, còn lấy gì để làm phần cách phần dị mà thúc-giục cho học-thuật tiến-bộ lên được. Vả lại học-thuật có điều huyền-diệu, văn-học mĩ-thuật, học-giả không thể bỏ được, hề nói đến văn-học mĩ-thuật thì lại càng cần thiết đến chữ của bản-quốc lắm. Nay xin dẫn lời Bật-lap-ty để chứng-giải cho rõ ra rằng: « Phàm sự thực của nước Mĩ, thì người Mĩ tất phải dùng đến văn-học và mĩ-thuật đặc-biệt của mình để tự-phát-huy ra, thì mới là hoàn-toàn được. Song cái năng-lực tinh-thần của người Mĩ so với người Anh cũng không kém gì, cớ sao người Anh hay lấy văn-học cung-cấp cho người Mĩ dùng, mà người Mĩ thì không hay làm được? Hay là người Anh giàu văn-học, người Pháp giàu mĩ-thuật, khiến cho người Mĩ dẫu có xuất-sản những thứ ấy cũng phải kém sút đi chăng? Phỏng thử người Mĩ không phải cần dùng đến tiếng Anh, không phải mượn đến nước Anh cung-cấp cho mình, thì về phần văn-học chẳng hay ra ư? Nhưng nay thì không thế, phàm người Mĩ tư-tưởng điều gì, sắp đem bút mực viết ra, xem đến sách người Anh đã thấy người Anh nói trước mình rồi, đành phải bỏ đi mà không dám viết ra nữa. Ấy văn-học suy-dồi cũng là vì cớ đó. » Lời bàn trên đó rất là tinh xác, không phải chỉ nói phiếm rằng duy-trí quốc-túy mà thôi. Nhưng đó là tại nước Mĩ vốn không có văn-tự mới phải chịu

thế, chứ như cái nước vốn có văn-tự học-nghệ thâm-cẩn cố-đế đã lâu, cứ sao lại vì thế-lợi mà nỡ bỏ mình đi theo người hay sao? Thế thì ra chỉ hoặc về cái chủ-nghĩa công-lợi mà thôi.

Trở lên năm việc đều là cái hiện-tượng trong học giới bây-giờ, mà suy cái nguyên-nhân thì đều hại bởi cái chủ-nghĩa công-lợi cả. Ta dám bảo rằng : « Nếu cái chủ-nghĩa công-lợi mà không bỏ đi, thì học-thuật không khi nào có cái hi-vọng tinh-tiến lên được nữa, dẫu đem học-thuật mà tiêu-bỏ lên cũng vô-ích. » Tuy rằng thế, mà còn có một điều nữa là cái tổng-nhân cũng bởi công-lợi chủ-nghĩa mà làm ngăn-trở cho học-thuật. Nguyên là cái chủ-nghĩa ấy nó hay làm cho cách xã-hội tổ-chức thay đổi đi chóng lăm, và sinh-kế của cá-nhân càng túng ngặt mãi lại, không còn có thì giờ thung-dang để nghiên-cứu học-vấn được nữa. Ôi ! Cái nghề trước-thuật rộng-rãi, phải mong thành-hiệu ở buổi lâu dài, mà cái tư u-dật sâu xa, phải để ngâm-rghĩ ở nơi tĩnh-

mịch, chứ như đời nay thì bốn mặt chung quanh đã ồn-ào rắc-rối, đủ làm cho rối loạn tinh-thần của kẻ học trò, mà mọi đường sinh-kế lại vất-vả vội vàng, đủ cướp mất nhậ-lực của kẻ học-giả ; thế thì dẫu muốn học cho thâm-thúy, nhưng sao hay đạt được cái chí cầu-học. Song năm điều trên mà sai lầm là bởi tại cái ý tưởng của cá nhân, có thể chắc về cái lòng hối-ngộ của cá nhân để bài-trừ đi được. Còn một điều dưới thì vì cái cơ-quan của xã hội lập-thành đã lâu, khó lấy cái sức của cá-nhân mà văn-hồi lại được. Một điều ấy mà không giải-quyết cho xong, thì không ai chuyên sức về học-vấn được. Thế thì làm thế nào bây giờ ? Nay chỉ nhờ về sức nhà nước giúp cho một hạng người học trò thiếu số, thoát-ly cái vòng câu-thức của xã-hội, khiến cho thung-dung nghiên-cứu về đường học-vấn cho tinh-thâm thì cái trình-độ học-thuật mới cao lên được.

ĐÔNG-CHÂU dịch



HÁN VIỆT VĂN-TỰ (1)

I

Hai khoa-học về ngữ-ngôn văn-tự : bác-ngữ-học và ngữ-ngôn học-Hán-ngữ với Việt-ngữ : so-sánh về tiếng Tàu và tiếng ta.

Chuyên nghiên-cứu về ngữ-ngôn văn-tự, có hai khoa-học riêng: một khoa bác-ngữ-học (*la philologie*), và một khoa ngữ-ngôn-học (*la linguistique*), mỗi khoa theo một phương-diện, dùng những phương-pháp khác nhau.

Khoa-học của chúng ta đây là khoa văn-chương và bác-ngữ, nhưng một đôi khi cũng có tham-bác đến khoa ngữ-ngôn-học.

Nay bắt đầu nên phân-biệt cho rõ-ràng cái phạm-vi của hai khoa-học ấy tiếp-giáp nhau mà không tương-tự nhau.

Bác-ngữ-học là một khoa-học thuộc về lịch-sử (*une science historique*); ngữ-ngôn-học là một khoa-học thuộc về thiên-nhiên (*une science naturelle*). Bác-ngữ-học thì dùng tiếng nói làm một cách đề-sưu-tầm, đề-khám-phá, đề-lý-hội, đề-thấu-hiểu những thư-tịch văn-tự của đời xưa để lại. Ngữ-ngôn-học thời nghiên-cứu chính ngay về tiếng nói, cho tiếng nói là một cái hiện-tượng thiên-nhiên, hay là một mớ những hiện-tượng thiên-nhiên, phải tìm xét cho ra cái phép-tắc nó thế nào, phép-tắc ấy lại phải cầu cho đích-xác

như phép cách-tri vậy. Ngữ-ngôn-học là học về các nguyên-chất của tiếng nói; bác-ngữ-học là khảo về tiếng nói đã thành văn. Nhà ngữ-học nước Đức SCHLEICHER đã nói rằng: « Nhà ngữ-học đối với nhà bác-ngữ tức như nhà bác-vật đối với tay nông-phổ vậy. »

Trong bài khai-giảng, tôi có thuật một đoạn của nhà bác-ngữ nước Anh, Max MÜLLER, giải-nghĩa bác-ngữ-học là môn học về các cổ-văn-tự và các văn-chương thư-tịch của đời xưa để lại « khiến cho nhà sử-học nhân đó có thể tự-thuật được cái bước tiến-hóa của loài người về đường xã-hội, đường trí-thức, đường đạo-đức, đường tôn-giáo. » Nói về ngữ-ngôn-học, ông đối với bác-ngữ-học như sau này : « Thuộc về ngữ-ngôn-học thời khác hẳn : ngữ-ngôn-học không coi tiếng nói là phương-tiện, mà coi là cứu-cánh, là mục-dích của sự nghiên-cứu; theo về phương-diện ngữ-ngôn-học, thì những thồ-âm mộc-mạc chưa từng có văn-chương bao giờ, những tiếng xi-xỏ của các rợ man di, tiếng tắc lười của mọi *Hottentots*, có khi lại quan-hệ cho sự nghiên-cứu nhiều vấn-đề hơn là thơ

1) Bản-chỉ chủ-bút, ông PHẠM QUỲNH, tự hai năm nay liêh dạy khoa « Hán-Việt Văn-tự » (*Philologie et Littérature sino-annamites*), ở trường Cao-học Đông-Pháp (*Ecole des Hautes Etudes indo-chinoises*). Bài khai-giảng đã đăng trong bản-chỉ năm trước (N-P. 88. Octobre 1924). Nhân các bạn đọc báo muốn được đọc cả toàn-khoa, vậy Phạm-quân cũng sẵn lòng biên-lập lại ra quốc-văn những bài giảng bằng tiếng Pháp trong năm thứ nhất và năm thứ nhì để công-đồng-lãm. Khoa Hán-Việt này là một khoa mới-mẽ, chưa ai nghiên-cứu, hoặc có chỗ sai-lầm khuyết-diểm, xin độc-giả cũng lượng cho, sau này sẽ cải-hỗ dần.

Sau đây phụ-lục chương-trình khoa Hán-Việt văn-tự ở trường Cao-học trong ba năm (chương-trình do ông Phan Quỳnh dự-thảo, Hội-đồng Học-chính duyệt-y):

I. — Năm thứ nhất (mỗi tuần-lễ một giờ). — Khái-luận về Hán-ngữ và Việt-ngữ; so-sánh tiếng Tàu và tiếng An-Nam; xét tiếng Tàu và tiếng Nam về âm-vận-học và tự-nghĩa-học. — Nói về các sách giáo-khoa và sách tự-vương cũ của người An-Nam soạn ra để học chữ

HOMÈRE hay văn CICÉRON vậy. Ngữ-ngôn-học là học về cách nói (*le langage*), chứ không phải học về các thứ tiếng nói (*les langues*); là xét xem tiếng nói là gì, sở dĩ làm sao mà dùng để làm cơ-quan thông-đạt cho tư-tưởng; là khảo về cội-rễ, tính-cách và phép-tắc của tiếng nói thế nào; muốn cho biết bấy nhiêu điều nên nhà ngữ-ngôn-học phải gia-công sưu-tập các hiện-tượng về ngữ-ngôn (*les faits du langage*) và sắp đặt cho thành thống-hệ. »

Nhưng dù học về các nguyên-chất của ngữ-ngôn hay học về ngữ-ngôn đã thành văn-tự, dù cho tiếng nói là phương-tiện hay là cứu-cánh, bác-ngữ-học cũng như ngữ-ngôn-học không có chuyên - chủ học một thứ tiếng nào thuần về phương-diện thực-tế để cho biết nói biết dùng trong công việc thường đàu. Người nào chỉ học một thứ tiếng ngoại-quốc để cho nói được mà thôi, chưa phải là nhà ngữ-ngôn-học hay là nhà bác-ngữ-học. Phải nghiên-cứu theo phương-pháp khoa-học cho biết cái then-chốt tiếng nói thế nào, biết phép-tắc tiến-hóa ra làm sao, biết nó tương-dồng tương-dị với các thứ tiếng thế nào, biết nó sản-xuất ra được những văn-tự thế nào. Như vậy thời người An-Nam ta học tiếng Pháp, nói tiếng Pháp không

phải là chuyên về bác-ngữ-học hay là ngữ-ngôn-học. Lại như người Pháp học tiếng An-nam để cho biết dùng, biết nói, để thì lấy bằng và được tiền thưởng, cũng không phải là nhà bác-ngữ-học hay là nhà ngữ-ngôn-học. Cái phương-diện khoa-học với cái phương-diện thực-tế, tuy không phải là phản-trái nhau, nhưng không tất-nhiên là liên-lạc với nhau. Bởi thế nên một nhà ngữ-ngôn-học nước Pháp, JULIEN VINSON, đã nói rằng : « Nhà ngữ-ngôn-học có khi ngoài tiếng nước nhà không biết nói sỏi một thứ tiếng nào cả; lại có người thuộc nhiều thứ tiếng mà không biết ngữ-ngôn-học là gì; đối với chúng tôi thời quyền mẹo không phải là sách dạy cho nói đúng viết đúng một thứ tiếng nào, chính là một cách để suy-tầm và nghiên-cứu các nguyên-tố trong tiếng nói. » Đối với nhà bác-ngữ-học cũng vậy, theo như lời bác-sĩ MAX MULLER đã nói, chỉ coi ngữ-ngôn và văn-tự « như một cách giới-thiệu cho chúng ta được biết những xã-hội và văn-chương hay của các nước lớn trong thiên-hạ. »

Vậy thời bác-ngữ-học và ngữ-ngôn-học là hai khoa-học khác hẳn với cách học tiếng thường theo về đường thực-tế.

Hai khoa-học này có những phương-châm, những phép-tắc riêng càng ngày

Hán : *Tam-tự-kinh*, *Nhất-thiên-tự*, *Tam-thiên-tự*, v. v. — Cách viết chữ Tàu. — Nói về chữ Nôm. — Nói về chữ quốc-ngữ : cội-rễ chữ quốc-ngữ và duyên-cách thế nào : các sách của ông cổ DE RUODES. — Nói về tiếng An-Nam các địa-phương khác nhau thế nào : tiếng đường ngoài và tiếng đường trong. — Xét qua về các thứ tiếng địa-phương ở nước Tàu. — Nói về Khổng phu-tử và sách Tứ-truyện ; giảng về sách *Luận-ngữ* và sách *Mạnh-tử*. — Người An-Nam học sử Tàu thế nào ; các sách giáo-khoa cũ về Bắc-sử : bộ *Thiếu-vi* và *Quan-Hành*. — Xét qua về sách sử các đời bên Tàu. — Khái-luận về sử-ký Việt-Nam. — Nói về các lối văn-chương truyền-khẩu của An-nam : ca-đạo, tục-ngữ, thành-ngữ, phương-ngôn, câu ví, câu đố, v. v. — Nói về kinh *Thi* của Tàu và các bài hát An-Nam.

II. — *Năm thứ hai* (mỗi tuần-lễ một giờ). — Khái-luận về văn-học-sử Tàu (các lối văn-chương và các thời-kỳ lớn). — Nói về tính cách chung của văn-chương Hán Việt : các lối phỏng theo của Tàu và các lối riêng của An-Nam. — Phép làm thơ Tàu và lối vận-văn An-Nam. Lối câu đối và lối phú ở văn Tàu và văn Nam. — Các thơ văn trước nhất bằng tiếng nôm. Thơ nôm đời Hồng-đức. Thơ nôm của Trạng Trình Nguyễn Bình-Khiêm. — Các nhà thơ văn An-Nam bằng chữ Hán, từ Lý đến Họa-Lê ; trích-lục các bài và giảng nghĩa. — Văn-học nước Nam về đời

càng phát-siển ra rõ - ràng, ta cũng nên phải biết qua.

Khoa bác-ngữ-học không phải là một khoa-học mới có gần đây. Khoa này đã cổ lắm. Ở Tây-phương thời khởi-xương ra từ các nhà từ-học thành *Alexandrie* chuyên khảo-cứu các cổ-văn để thu-thập lấy cái văn hóa cũ của Hi-lạp còn lại. Đến đời Cổ-học Phục-hưng (*la Renaissance*), là sau đời Trung-cổ lỗi học phiên-toái đã làm đoạn-tuyệt mất cái học-thống của La-Hi, bấy giờ mới đột-nhiên khôi-phục lại, thời khoa bác-ngữ-học lại thịnh-hành lắm. Từ bấy đến nay, đời nào cũng có người chuyên-trị, thứ nhất là ở nước Đức và nước Pháp, và dần dần bỏ cái tính-cách kinh-nghiệm, thành một khoa-học có phép-tắc hẳn-hoi. — Ở Đông-phương thời khoa bác-ngữ-học có từ đời thượng-cổ. Về thế-kỷ thứ 4 trước Gia-tô, ở Ấn-độ đã có một phái từ-học, người trứ-danh nhất là PANINI. Ở nước Tàu thời đời nào cũng có người chuyên-trị về khoa này, cho là khoa-học tuyệt-luân, vì nhà bác-học ở Tàu tức là người

ngiên-cứu nhiều về cổ-văn-tự. Không-phu-tử san-định các kinh chính là nhà bác-ngữ-học thứ nhất vậy. Nhưng khoa bác-ngữ-học đến đời Hán, sau đời Tần Thủy-hoàng đốt sách, mới thật là thịnh-hành : bấy giờ các học-giả chỉ chuyên-chủ một việc, là sưu-tầm và biên-tập lại các thư-tịch cổ. Nhân đó xuất-hiện ra vô-số các nhà khảo-cứu, các nhà bác-cổ, gia-công kê-cứu về các văn-tự cổ, lập thành hẳn một khoa học riêng gọi là khoa « tiểu-học » 小學. Tiểu-học chia ra ba phần : một là « huấn-hỗ học » 訓詁學, là giải-thích nghĩa các cổ-văn ; hai là « tự-học » 字學, là học về chữ, cách viết chữ và cội-rễ chữ ; ba là « vận-học » 韻學, là học về âm-vận, nghĩa là cách đọc các chữ thể nào. Khoa « tiểu-học » ở Tàu đời đời vẫn có người học, và về đời Mãn-Thanh gần đây lại thịnh-hành lắm :

Giải theo nghĩa rất rộng thời như trong bài khai-giảng tôi đã nói, khoa bác-ngữ-học chính là khảo về văn-tự một nước để cho biết văn-hóa nước ấy thế nào. Giải theo nghĩa hẹp thì bác-

Trần đời Lê. — Các sách sử-ký thứ nhất của nước Nam : bộ *Bại-Việt sử-ký*. — Nói về Nguyễn Trãi ; các sách bằng chữ Hán và chữ nôm của ông : sách *Gia-huân ca*. — Các lối văn Hán-Việt : kinh-nghĩa, văn-sách, thi, phú, phú, phú, phú, phú, v. v. — Nói về khoa-cử : lịch-sử khoa-cử. — Nói về Lão, Trang và Đạo-giáo : nói về Mặc-Dịch và Dương Chu. — Nói về các nhà thi-văn Tàu dù có ảnh-hưởng sâu đến văn-học nước Nam : Khuất Nguyên và sách *Lí-tao* ; Đào Tiềm ; các văn báo thi-hào Đường Tống : Lý Bạch, Đỗ Phủ.

III. — Năm thứ ba (mỗi tuần-lễ một giờ.) — Nói về các Tống-nho và Minh-nho : Trình, Chu, sách *Tĩnh-lý* ; Vương Dương-Minh. — Lối học khảo-cứu ở Tàu về đời Thanh : các sách tự-diễn, sách loại-thư biên-tập về thời-dại ấy. — Nói về văn-học đời Lê-mạt ở nước Nam ; nói về Lê Quý-Đôn. — Nói về thời-kỷ giao-tiếp Lê với Nguyễn và mấy bộ sách tiêu-biểu cho thời-kỷ ấy : sách *Tang-thương ngẫu-lục*, sách *Vũ-trung tùy-bút*, v. v. — Văn-học về đời Nguyễn : các sách sử-ký và sách địa-dư : bộ *Việt-sử cương-mục*, bộ *Bại-Nam nhất-thống-chí*, v. v. : sách *Thực-lực* và *Liệt-truyện* của bản-triều. — Thơ văn bằng chữ Hán của vua Minh-mạnh và Thiệu-trị. — Khảo về sách *Lịch-triều hiến-chương*. — Văn-chương nôm : *Truyện Kiều*. Các truyện nôm khác về Lê-mạt Nguyễn-sơ : *Cung-oán*, *Hoa-tiên*, *Bích-câu*, *Nhị-dộ-mai*, *Chính-phụ*, *Phan-Trần*, v. v. — Các sách dịch chữ Hán ra tiếng nôm. — Ảnh-hưởng Tây-phương sang văn-học nước Tàu : Lương Khải-Siêu và khởi-thủy nghề làm báo ở nước Tàu. — Ảnh-hưởng của các tân-thư Tàu và của Pháp-sách chữ mượn của Nhật của Tàu ; tiếng Pháp ảnh-hưởng sang tiếng An-Nam thế nào. — Lối tân-ngữ xuất-bản ở Nam-kỳ và Bắc-kỳ. — Các báo-chí bằng quốc-ngữ. — Văn-chương quốc-ngữ mới.

ngữ-học là gồm các môn-học cần để cho biết được văn-tự một nước (như văn-pháp-học, âm-luật-học, bi-ký-học, phê-bình-học, v. v.). Ngày nay bác-ngữ-học chia ra một phần thuộc về danh-từ (*philologie verbale*), một phần thuộc về thực-sự (*philologie réelle*). Thuộc về danh-từ là gồm các môn như văn-pháp-học, âm-luật-học, phê-bình-học, v. v., nghĩa là chỉ chú xét về hình-thức các cổ-văn-tự. Thuộc về thực-sự là gồm những môn như lịch-sử-học, pháp-luật-học, triết-lý-học, bi-ký-học, cổ-tích-học, v. v., thì chủ-khảo về sự thực và về nghĩa-lý.

Đến như khoa ngữ-ngôn-học thì mới thành-lập về cận-dại đây, trước sau được một thế kỷ nay. Lịch-sử khoa-học này tức là lịch-sử những sự nghiên-cứu về cội-rễ các thứ tiếng trong loại Ấn-độ Âu-la-ba (*langues indo-européennes*), là loại từ trước đến nay khảo xét đã kỹ nhất. Lịch-sử này chia ra ba thời-kỳ: thời-kỳ sáng-lập (tiền-bán thế-kỷ thứ 19), nổi danh là nhà bác-học nước Đức Bopp, chuyên nghiên-cứu về các thứ tiếng Âu-châu giống nhau những gì; thời-kỳ thứ nhì, nổi danh cũng là một nhà bác-học Đức Schleiermacher, chuyên chủ khôi-phục lại thứ tiếng gốc của các tiếng Âu-châu và Ấn-độ, gọi là « tiếng mẹ A-lợi á » (*langue mère aryenne*); thời-kỳ thứ ba là thời-kỳ phái « tân-từ-học » (*néogrammairiens*), chuyên-chủ tìm xét trong các thứ tiếng Âu-châu và Ấn-độ thay đổi khác nhau những gì. Về cuối thế-kỷ thứ 19, đầu thế-kỷ thứ 20, nhân các nhà thám-hiểm đã đi khắp các phương xa đất lạ, tìm ra được nhiều những dân-tộc trước kia chưa biết, các nhà ngữ-ngôn-học mới ra ngoài cái phạm-vi Ấn-độ Âu-la-ba cũ và mở rộng sự nghiên-cứu cho đến các thứ tiếng thổ-âm ở châu Phi châu Úc. Ngày nay thời tài-liệu đã nhiều, khảo-sát đã kỹ, đã

khái-luận mà đặt được mấy cái phép-tắc chung, cũng có thể cho là nhất-định được, như cái thuyết về âm-vận làm tỉ-lệ tuyệt-đích cho các thứ tiếng, cái thuyết về các thứ tiếng thường tăng-gia và thay-đổi bằng phép suy-loại (*loi de l'analogie*).

Như vậy thời ngữ-ngôn-học đã hầu thành một khoa-học có cái tính-cách đích-xác vậy. Thường chia làm bốn bộ-phần: một là « âm-vận-học » (*la phonétique*), là học về các « bộ thanh-âm » (*matériel sonore*) trong tiếng nói; về các mẫu-tự là cách viết các thanh-âm ra chữ; về sự quan hệ các thanh-âm với nhau, về cách nó điều-hòa biến-hóa thế nào; — hai là « hình-thể-học » (*la morphologie*), là khảo về các chữ cái, các tiếng gốc (*racines et radicaux*), về hình-thể các tiếng tùy cách dùng biến-thiên đi thế nẻo, như khi thêm bớt các « tiếp-dầu-ngữ » (*préfixes*), « tiếp-vĩ-ngữ » (*suffixes*), hay là khi tiếng gốc là một tiếng động-từ mà « chia » ra các « thì » hiện-tại, quá-khứ, vị-lai, hình-thể thay đổi đi thế nào; như trong tiếng Tàu thì hình-thể-học là phải khảo riêng về các *hư-tự* 虛字, là những chữ đưa-dây cho thành tiếng không có những chữ ấy làm khuôn thời tiếng nói không thành hình vậy. Hư-tự ở tiếng Tàu, các tiếp đầu tiếp-vĩ-ngữ và các « ngữ-vĩ biến-hóa » (*déclinaisons*), ở các thứ tiếng thuộc về loại Ấn-độ Âu-la-ba, trong ngữ-ngôn-học đặt tên riêng gọi là « ngữ-thể » (*morphèmes*), nghĩa là những phần-tử trong ngữ-ngôn dùng để làm khuôn làm hình cho tiếng, nói; — ba là « từ-nguyên-học » (*la sémantique*), là học về cội-rễ các chữ, về cách dùng chữ thế nào, về nghĩa các chữ biến-thiên duyên-cách thế nào; — bốn là « cú-pháp-học » (*la syntaxe*), là học về phép ghép chữ đặt thành câu thế nào; phần thứ tư này tức thông-tục gọi là « học mẹo » (*grammaire*).

Xét ra thì hình như các thứ tiếng lúc khởi-thủy đều là tiếng « độc-vận » cả (*monosyllabiques*) ; nhưng phần nhiều rồi biến-hóa đi, trước còn nhân cái vận độc cũ kết-hợp (*agglutiner*) với vần mới, làm thành ra tiếng « liên-vận » (*polysyllabiques*), sau rồi các đuôi chữ cứ tùy cách tác-dụng mà thay đổi đều đặn, thành ra thứ tiếng « chuyên-biến » (*flexionnelles ou à déclinaisons*).

Vậy thời hiện nay các thứ tiếng nói trong thế-giới có thể chia ra ba loại lớn :

1^o — Các thứ tiếng « độc-vận » hay là « biệt-vận » (*langues monosyllabiques ou isolantes*), như : tiếng Tàu, tiếng An-Nam, tiếng Xiêm-la, tiếng Diên-diên, tiếng Tây-tạng, tiếng Khasia (một thứ tiếng nói ở miền Đông-bắc Ấn-độ) ;

2^o — Các thứ tiếng « hợp-vận » (*langues agglutinantes*). Loại này gồm phần nhiều các thứ tiếng ở Phi-châu, Mĩ-châu, Úc-châu, hai phần ba Á-châu và mấy miền ở Âu-châu. Lại chia ra nhiều các chủng-tộc ; mấy chủng-tộc lớn là các thứ tiếng của các dân *Dravidiens* ở Nam-bộ Ấn-độ (*langues dravidiennes*), như tiếng *tamul*, tiếng *tulu*, v. v. ; — các thứ tiếng về miền núi *Oural*s và núi *Altai* (*langues uralo-altaiques*), như tiếng *Mông-cô*, tiếng *toungouze*, tiếng *Thát-dát* (*tatar*), tiếng *samoyède*, tiếng *ouïgour*, tiếng *finnois* ; — các thứ tiếng thổ-âm châu Mĩ ; — tiếng *Cao-ly*, tiếng *Nhật-bản* ; — các thứ tiếng *Mã-lai* và *Nam-dương quần-đảo* (*langues malayo-polynésiennes*) ; — tiếng *bantou*, của giống người *Cafres* ở Phi-châu ; — các tiếng nói ở miền *Nubie*, thuộc Nam-bộ *Ai-cập* (*langues nubiennes*) ; — các thứ tiếng của giống *Négritos* (ở Phi-luật-tân) ; — các tiếng thổ-âm ở Úc-châu ; các thứ tiếng ở miền *Caucase*.

3^o — Các thứ tiếng « chuyên-biến » (*langues à flexion ou flexionnelles*), gồm có hai chủng-tộc lớn : một là các thứ tiếng *A-lợi-á* hay là tiếng *Ấn-độ Âu-la-ba*

(*langues aryennes ou indo-européennes*), hai là các thứ tiếng *Do-thái* (*langues sémitiques*). Hai chủng-tộc ấy tên gọi như thế kể cũng không được dùng lắm, có người bàn nên đổi tên « *Ấn-độ Âu-la-ba* » là « *Ấn-độ Xê-ních* » (*langues indo-celtiques*) và « *tiếng Do-thái* » là « *Tây-lí Á-rập* » (*langues syro-arabes*), như thế thì rõ-ràng hơn. Hai chủng-tộc này là gồm cả các thứ tiếng nói trong khắp cõi *Âu-châu*, ở *Tiền-Á-tê-á* và *Ấn-độ*, tức là loại quan-trọng nhất và đã từng nghiên-cứu kỹ hơn nhất.

Các thứ tiếng trong thế-giới phân ra ba loại độc-vận, hợp-vận và chuyên-biến, là lấy đại-khái mà thôi, chứ sự phân-loại đó không có cái tính-cách tuyệt-dịch. Vì rằng các tiếng chuyên-biến cũng lại là tiếng hợp-vận nữa, và các tiếng hợp-vận tức là tiếng độc-vận mà ngoài vần cái lại có thêm vần phụ.

Vậy ngữ-ngôn học càng ngày càng tiến-tới, nhà chuyên-môn có thể suy-nguyên mà tìm được cội-rễ các thứ tiếng, biết được các thứ tiếng chủng-tộc liên-lạc với nhau thế nào, nhiều khi định được cái quan-hệ « *thân-tộc* » (*la parenté*) của hai thứ tiếng một cách chắc-bằng đích-xác. Tài-liệu giúp cho sự phát-mịch đó, phần nhiều là ở hai môn « *ngữ-thể-học* » (*morphologie*) và « *âm-vận-học* » (*phonétique*), vì đã nghiệm ra các « *âm-thể* » (*phonèmes*) và các « *ngữ-thể* » (*morphèmes*) là những nguyên-chất mật-thiết nhất trong tiếng nói, không có mấy khi là thay đổi, chứ còn những danh-từ thì ở tiếng nọ sang tiếng kia dễ lắm, các thứ tiếng mượn chữ của nhau là sự thường. Bởi thế nên xét hai thứ tiếng khác nhau mà nhận thấy có những nguyên-chất thuộc về « *âm-thể* », « *ngữ-thể* » giống nhau, thì có thể chắc hai thứ tiếng ấy thế nào cũng có cái quan-hệ thân-tộc với nhau, chứ còn như thấy trong tiếng nọ có nhiều những danh-từ

thuộc về tiếng kia thời chỉ đủ chứng rằng tiếng nọ mượn chữ của tiếng kia, không đủ cho là tiếng nọ phát-nghuyên tự tiếng kia vậy. Tỉ như tiếng An-Nam ta, tuy dùng-rạp nhiều chữ Tàu, nhưng không phải là «chuyên-lai» (*dérivé*) tự tiếng Tàu, thật là thuộc về một loại khác hẳn tiếng Tàu.

..

Từ trên là khái-luận về hai khoa bác-ngữ-học và ngữ-ngôn-học, toàn là những điều phổ-thông cần phải biết trước khi bắt đầu nghiên-cứu về Hán-ngữ và Việt-ngữ và khám-phá sự quan-hệ hai thứ tiếng ấy với nhau thế nào. Sự quan-hệ ấy tuy không thể định được hẳn cái mối liên-tộc hai thứ tiếng ấy với nhau, nhưng cũng đủ phiền-phức, cũng đủ mật-thiết khiến cho muốn biết rõ tiếng An-nam không thể không biết đến tiếng Tàu được. Sự quan-hệ ấy vừa thuộc về ngữ-ngôn-thượng, vừa thuộc về lịch-sử-thượng. Xét trong suốt cuộc lịch-sử nước Nam ta, có một cái hiện-tượng về ngữ-ngôn cũng lạ, là trong một nước có hai thứ tiếng thuộc về hai giống khác nhau, đời đời vẫn đồng-sinh cộng-tồn với nhau: chữ tàu làm văn-tự và tiếng nôm làm tiếng nói, chữ tàu là một thứ ngữ-ngôn của vua quan, tiếng nôm là một thứ ngữ-ngôn của thông-tục, hai thứ hẳn-đi khác nhau hẳn. Tục cũng như ở Ba-tư và Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay, tiếng Thổ và tiếng Ba là tiếng thông-tục, mà tiếng văn-tự, tiếng vua quan lại là tiếng Ả-rập (*arabe*). Hai thứ tiếng cùng sinh-hoạt với nhau như thế là do những nguyên-nhân thuộc về lịch-sử, tuy không thể thay-đổi được cái bản-chất, cái tinh-thần của tiếng thổ-âm, nhưng cũng làm cho hai tiếng lâu ngày hỗn-hợp với nhau một cách rất mật-thiết, có lẽ mật-thiết hơn cả tiếng Pháp đối với tiếng La-tinh vậy.

Dù thế nào mặc lòng, và đợi cho đến ngày có chứng-cớ hẳn-hoai không kể, hiện nay thời có thể cho tiếng Tàu với tiếng An-Nam là hai thứ tiếng đặc-biệt, đối với nhau không có cái quan-hệ thân-tộc gì. Chỉ có một điều là hai thứ tiếng cùng nhau sinh-hoạt với nhau ở một xứ trong lâu đời, thành ra tiếng An-Nam có mượn chữ của tiếng Tàu nhiều, những chữ mượn ấy dần thay hình đổi dạng thế nào, ngày nay cũng vẫn còn nhận ra được.

Tiếng An-Nam cũng như tiếng Tàu là thuộc về loại các thứ tiếng độc-văn mà có thanh-âm cao-hạ (*langues monosyllabiques et toniques*). Nhưng chỉ giống nhau có thể thôi, còn thói hình thể cú pháp khác nhau hẳn. Cú-pháp tiếng An-Nam thời trực-tiếp mà cú-pháp tiếng Tàu thời đảo ngược; một cái trái nhau đó cũng đủ phân-biệt hẳn hai thứ tiếng.

Trong một câu tiếng Tàu, tiếng danh-từ riêng (*nom propre*) bao giờ cũng đứng trước, tiếng danh-từ chung (*nom commun*) bao giờ cũng đứng sau; như nói 河東省 Hà-dông-linh, tiếng An-Nam thời nói là: tỉnh Hà-dông.

Trong tiếng Tàu, tiếng danh-từ chỉ sự «thuộc về» (*substantif au génitif*) bao giờ cũng đứng trước, như nói 人 名 nhân-danh, tiếng An-Nam nói là: tên người.

Trong tiếng Tàu, tiếng phẩm-từ (*adjectif*) bao giờ cũng đứng trước tiếng danh-từ. Như: 好 人 hảo-nhân; tiếng ta nói là: người tốt.

Tiếng đại-danh-từ (*pronom*) 者 giả bao giờ cũng đứng sau tiếng động-từ, còn tiếng kẻ của ta thì đứng trước. Thí-đụ: 作者 tác giả, tiếng ta là: kẻ làm.

Tiếng phụ-từ (*adverbe*) ở Tàu thường đứng trước tiếng động-từ, ở ta thời thường lại đứng sau. Thí-đụ: 久 別, 久 別, 久 別, An-Nam, biệt lâu.

Tiếng An-Nam cũng đồng một lối thanh-âm như tiếng Tàu, nhưng lối thanh-âm này không phải ở tiếng Tàu mà ra, vì chung cho cả một loại các thứ tiếng độc-vận, như các thứ tiếng Thái cũ và mới, tiếng Xiêm, tiếng Lào, tiếng Tây-tạng, Diến-diện. Cốt là phân-biệt cao-thấp ở vần đầu, khi « thanh », khi « trọc », và chuyển-diệu ở vần cuối theo « tứ-thanh » (bình, thượng, khứ, nhập) ở tiếng Tàu và theo sáu dấu *bằng, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng* ở tiếng Nam. Có lẽ lúc khởi-thủy các thứ tiếng nói đều có phân-biệt như thế, nhưng thanh-âm sau duyên-cách mãi rồi mỗi ngày một khác nhau đi.

Nay tiếng An-Nam dấu cú-pháp và thanh-âm không phải chịu của tiếng Tàu, nhưng cũng nhờ tiếng Tàu mà gây thành ra một thứ tiếng riêng gọi là tiếng « Hán-Việt (*le sino-annamite*) ». Nước Nam ta nội-thuộc Tàu trong mười thế-kỷ. Hồi bấy giờ biết bao nhiêu là quan-lại, khách-thương, và cả những tội-nhân bị phát-lưu ở Tàu sang ta; ta học tiếng Tàu ở những bọn đó, đọc theo thanh-âm Tàu lưu-hành về thời ấy. « Về thế-kỷ thứ 10 thời nước Nam mới dần dần thoát-ly Tàu mà độc-lập, từ đấy hai nước đi lại với Tàu cũng ít. Người Nam không học tiếng Tàu ở bọn quan-lại và lưu-dân Tàu nữa, đọc chữ Tàu mỗi ngày một sai cái thanh-âm chính của Tàu đi, bấy giờ mới thành ra một lối đọc riêng, tức là « tiếng Hán-Việt », là chuyển-lai từ tiếng Tàu về thế-kỷ thứ 9 và thứ 10 sau Gia-tô vậy. » (H. MASPERO)

Vậy thời tiếng Hán-Việt là tiếng người Việt-Nam đọc chữ Tàu từ thế-kỷ thứ 10 theo tiếng Tàu về cuối đời Đường đầu đời Tống. Cách đọc ấy khác cả các tiếng địa-phương của Tàu ngày nay, vì là chuyển-lai từ tiếng Tàu về thế-kỷ thứ 10, và từ bấy đến nay ở An-Nam vẫn cứ học là một thứ « tử-văn »

không theo phép-tắc của tiếng Tàu nữa mà theo âm-vận tiếng An-Nam. Kết-quả thành một thứ tiếng đặc-biệt ghép vào với tiếng nôm, nghiêm-nhiên là thứ tiếng của bọn học-giả, của phái nhà nho, không phải là tiếng Tàu vì không giống một thứ tiếng địa-phương nào ở nước Tàu ngày nay, mà cũng không phải là tiếng An-Nam, vì ngoài những tiếng nôm chuyển-lai từ chữ Hán, lại có vô-số những câu những chữ mượn trong các kinh-tịch Tàu mà đọc ra tiếng An-Nam.

Ông HENRI MASPERO trước làm giáo-sư ở trường Viễn-Đông Bắc-cổ Hà-nội, nay dạy khoa Trung hoa-văn-tự ở Đại-Pháp Học-viện (*Collège de France*), ngoài mười năm trước có xuất-bản một bài nghiên-cứu tường về âm-vận cổ tiếng An-nam, trong bài ấy ông chia lịch-sử tiếng Việt-Nam ra làm năm thời-kỷ :

1^o Thời-kỷ « Tỏi-cổ Việt-ngữ » (*le proto-annamite*) là tiếng nói của dân Việt-Nam hồi đầu, trước khi nội-thuộc Tàu và trong khi nội-thuộc Tàu, chắc có một phần gốc tiếng nôm lối, không mấy tí, và ít nhiều tiếng mượn thẳng của Tàu, đọc theo tiếng Tàu ;

2^o Thời-kỷ « Tiền-cổ Việt-ngữ » (*le préannamite*), là « tỏi-cổ Việt-ngữ » mà thêm thứ tiếng Hán-Việt mới gây thành về thế-kỷ thứ 10, sau khi nội-thuộc Tàu ;

3^o Thời-kỷ « Cổ-việt-ngữ » (*l'annamite ancien*), là tiếng Việt-Nam lưu-hành về thế-kỷ thứ 15, theo như một bộ tự-vựng cổ tiếng Tàu và tiếng ta biên-tập từ đời Minh còn lại ngày nay, tên là *Hoa-di dịch-ngữ* 華夷譯語 (*Houa gi yi yu*) ;

4^o Thời-kỷ « Trung-dại Việt-ngữ » (*l'annamite moyen*), là tiếng Việt-Nam lưu-hành về thế-kỷ thứ 17 theo như bộ tự-vựng tiếng An-Nam, tiếng La-tinh và tiếng Bồ-đào, của ông cổ ALEXANDRE DE RHODEZ còn truyền lại.

50 Thời-kỳ « Cộn-dại Việt-ngữ » (*l'annamite moderne*), là tiếng Việt-nam ngày nay.

Mỗi một thời-kỳ đó, trong âm-vận tiếng An-Nam đều có thay đổi, ông MASPÉRO theo những phương-pháp rất tinh-tế về ngữ-ngôn-học mà nghiên-cứu cùng phát-minh ra rõ-rang, đây không thể thuật lại tường được, sợ dài quá.

Chỉ nên nhớ rằng trong năm thời-kỳ đó thì ngay từ thời-kỳ thứ nhất tiếng Việt-Nam ta đã có chịu ảnh-hưởng của tiếng Tàu rồi, và trong thứ tiếng « tối-cổ Việt-ngữ » đã có nhiều tiếng mượn của Tàu. Những tiếng mượn đây là từ người bản-dân mượn thẳng ở bọn lưu-dân Tàu sang ở bên này và đọc đúng theo tiếng Tàu về thời-dại ấy. Từ thế-kỷ thứ 10 thời nước Nam không nội-thuộc Tàu nữa, sự vắng-lai hai nước mỗi ngày một thưa, những tiếng mượn của Tàu đọc không được đúng như của Tàu nữa, dần dần chuyển theo về âm-vận An-Nam, bấy giờ mới thành ra thứ tiếng Hán-Việt, nghĩa là chữ Hán đọc theo thanh-âm Nam-Việt. Trong lịch-sử ngôn-ngữ văn-tự nước ta, sự thành-lập ra thứ tiếng Hán-Việt đó cũng là một cái hiện-tượng kỳ, nhân đó mà tiếng ta có mặt-thiết quan-hệ với tiếng Tàu, không phải với tiếng Tàu ngày nay mà là tiếng Tàu cổ về thế-kỷ thứ 10, vì như trên kia đã nói tiếng Hán-Việt tuyệt-nhiên không giống cả các tiếng địa-phương Tàu ngày nay, mà chính là tiếng Tàu về thế-kỷ thứ 10 trong ngót nghìn năm biến-hóa theo âm-luật tiếng An-Nam. Nay chữ của một thứ tiếng mà trong nghìn năm theo âm-vận một thứ tiếng khác, thời còn là thuộc về tiếng thứ nhất nữa hay đã hẳn là thuộc về tiếng thứ nhì rồi? Nếu không còn mặt chữ đó thời có thể cho là tiếng An-Nam được, nhưng chữ viết còn đó thời chỉ là chữ Hán đọc theo tiếng Việt mà thôi. Song cứ thực thời cũng là tiếng

An-Nam rồi, một thứ tiếng An-Nam không phải thiên-thành, hơi có tính-cách nhân-tạo một chút, tuy cứ lý-thuyết thời vừa thuộc tiếng Nam vừa thuộc tiếng Tàu, nhưng cứ thực-tế thời là tiếng An-Nam hơn là tiếng Tàu, tức cũng như con dơi kia, nhác trông cho là chim cũng được mà cho là chuột cũng được, mà thực thời là thuộc về loài có vú hơn là loài có cánh.

Nói tóm lại thì từ thế-kỷ thứ 10 đến giờ-chúng ta chỉ chung với người Tàu có chữ Hán mà thôi, là một thứ « dấu tượng ý » (*signes idéographiques*) chúng ta đọc ra tiếng chúng ta mà họ đọc ra tiếng của họ. Nhân đó mới thành ra tiếng Hán-Việt, không phải là một cách đọc chữ mà thôi, hầu như một thứ tiếng riêng vậy. Thứ tiếng ấy trong mấy thế-kỷ ở nước ta là thứ tiếng học-van. Ta vẫn coi là tiếng của ta gọi chữ Hán là « chữ ta », chữ không ai học chữ Hán mà cho là mình học chữ ngoại-quốc bao giờ.

Tiếng « Hán-Việt » ấy là tiếng học-văn, tiếng giáo-dục, mỗi ngày một thâm-nhập dần vào tiếng thông-thường trong dân-gian, mà chính tiếng thông-thường trong dân-gian, ngoài một cái gốc nôm lõi, còn thời nhiều chữ cũng là chuyển-lai từ tiếng Tàu mà âm-vận biến-hóa theo một cái phương-pháp riêng sẽ giải sau này, cho nên tiếng « chữ » với tiếng « nôm » hầu như hỗn-hợp với nhau, tiếng « chữ » gần tiếng « nôm » thời mất những cái đặc-tính trong cú-pháp Tàu mà cũng uốn theo hình-thức tiếng An-Nam, thành ra một thứ tiếng rất phong-phú và rất phức-tạp, chính là tiếng văn chương của ta, như tiếng truyện *Kiều* và các thơ truyện khác.

Nay thứ tiếng Hán-Việt ấy, duy-tri cách thế nào? sinh-tồn cách thế nào? Sinh-tồn và duy-tri bằng sự học cổ-văn trong sách

Tàu. Nhưng sách lâu viết bằng thứ chữ biểu-ý, không có dấu-hiệu gì dễ tiêu-âm, nếu quên mất cách đọc thời làm thế nào tìm lại được? Cách đọc ấy đã biên tro. g các sách tự-diễn theo một cái phương-pháp riêng gọi là «phân-thiết» 反切, nghĩa là lấy hai chữ dễ đã biết rồi, mỗi chữ cắt đôi vần ra, rồi nối vần thứ nhất của chữ trước với vần thứ nhì của chữ sau đọc liền lại, thế là thành ra tiếng mình tìm. Thí dụ như chữ 𢆶 (thảo, không biết đọc là thế nào, tra tự-diễn thấy biên là phải đọc theo «phân-thiết» hai chữ 采 (thái) và 保 (bảo), nghĩa là chữ thái và chữ bảo mỗi chữ phải cắt đôi vần ra: thái = th-ái, bảo = b-ảo, lấy vần trên chữ thái là th ghép vần dưới chữ bảo là ảo, đọc liền lại thời thành ra thảo 𢆶. — Lại như chữ 甘 (cam) phải đọc theo «phân-thiết» hai chữ 古 cổ và 三 tam, v. v... Dùng phép này thời tất là cũng đã phải biết trước ít nhiều chữ thông-dụng đã; biết độ nghìn chữ thời cũng đã dư-dự lắm rồi, đủ để tra tự-diễn cho biết cách đọc các chữ khó khác.

Lối «phân-thiết» đó (tiếng quan-hoại đọc là /an-tsie), người Tàu đọc theo âm-vận tiếng Tàu, chúng ta đọc theo âm-vận tiếng ta, thành ra phương-pháp cũng là một, mà kết-quả nghĩa là cách đọc khác nhau. Nhưng cũng có khi theo lối «phân-thiết» trong tự-diễn Tàu không đúng, bấy giờ thời phải theo cách đọc phổ-thông trong dân-gian. Như chữ 必, tự-diễn biên là 璧吉切 (bích cát thiết), phân-thiết là bát, mà chữ này thông-tục đọc là tất, không

phải bát. Chữ 賓 tán, 比 tỉ, 鼻 tị, 便 tiện cũng thế, tiếng Tàu đọc là pín, pí, pi, pién. Là bởi chữ p nặng của Tàu, ta đọc là b nhẹ, thường chuyển-biến ra thành chữ t; đó cũng là một cách âm-vận chuyển-biến; còn ít nhiều chữ khác nữa thuộc vào cái đặc-lệ đó, truyền miệng nhau mà biết thôi, không bằng-cứ ở tự-diễn được.

Tự-diễn biên «phân-thiết» là cho biết đọc thế nào, rồi lại chỉ cho biết phải đọc theo âm-điệu cao thấp thế nào.

Trên kia đã nói lối âm-điệu của tiếng ta cũng hơi giống như âm-điệu tiếng Tàu.

Âm-điệu của ta có sáu tiếng chia ra làm hai bậc nguyên-âm: một bậc bằng, là tiếng xuôi, một bậc trắc là tiếng ngược.

Bậc bằng thì có dấu bằng, dấu huyền, bậc trắc thì có dấu hỏi, dấu ngã, dấu sắc, và dấu nặng.

Những tiếng dấu nặng mà ở sau có c, ch, p, hay t, thời muốn phân-biệt cho kỹ, giả đặt ra một thứ dấu riêng nữa cũng được. Cũng dấu nặng, mà cứ đọc lên so-sánh mấy chữ lạc, đạt, thạch, mọt, lập, với mấy chữ lại, bị, mộ, định, lệ, thời thấy âm-điệu hai dạng có khác nhau. Mấy chữ dưới thời tiếng như đứt ra, mấy chữ trên thời tiếng lại dài rộng hơi giống như dấu huyền, chỉ khác là sau có những chữ c, ch, p, t, làm cho giọng hơi cao mà thôi.

Tiếng Tàu thời có ngũ-thanh cũng chia ra bằng trắc, đối-chiếu với các dấu An-Nam như sau này:

Bằng	10	Thượng-bình-thanh	上平聲	đối với dấu bằng của ta, như:	tư	思
	20	Hạ-bình thanh	下平一	»	»	huyền » » : bình 平
Trắc	30	Thượng-thanh	上聲	»	»	hỏi, ngã » » : cường 強
	40	Khứ-thanh	去一	»	»	sắc, hỏi » » : giả 假
	50	Nhập-thanh	入 --	»	»	sắc, nặng » » : lạc 樂

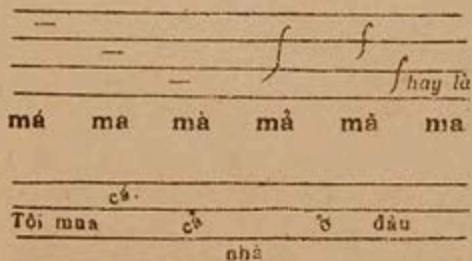
(riêng cho những chữ đang sau có c, ch, p, t.)

Cách đối-chiếu như trên đó cũng không lấy gì làm nhất-định. Trong ngữ-thanh của Tàu, có thể nói là tiếng nào trong tiếng ta cũng có. Duy có tiếng *nhập-thanh* thời trong tiếng ta chỉ thích-hợp riêng với những tiếng về dấu sắc và dấu nặng mà đằng sau có *c, ch, p, t*, như trên kia đã phân-biệt.

Tiếng *nhập-thanh* ấy, ngay trong tiếng Tàu ngày nay cũng ít có, và như tiếng Bắc-kinh bây giờ thời chỉ có « *tứ-thanh* », là : *thượng-bình*, người Tây dịch âm thường đánh dấu ; — *hạ-bình*, đánh dấu, « *thượng-thanh*, đánh dấu ; « *khứ-thanh*, đánh dấu ».

Đai-dễ thời âm-diệu tiếng ta có phần phân-minh hơn tiếng Tàu. Bởi thế nên người Tây thường nói tiếng An-Nam nói lên bằng xuống trầm như hát, khó nói cho đúng được, vì khó đọc cho rõ được sáu dấu.

Một người Tây chuyên học về Nam-ngữ, ông quan năm *Diquer*, phải vẽ ra một cái biểu như kiểu cung-bắc dần để giúp cho người Tây nhận biết các âm-diệu của ta. Biểu chia ra làm ba bậc, mỗi bậc là một tiếng *bằng*, tiếng *bằng* thì đánh dấu ngang, còn tiếng *trắc* thì đánh dấu ngược, lần bậc no lên bậc kia.



Nghe dấu làm cách thế thì người Tây dễ phân-biệt được các dấu của ta.

Tiếng An-Nam ta không những có mật-thiết quan-hệ với tiếng Tàu về thanh-âm vận-diệu mà thôi, về từ-nguyên lại còn có mật-thiết-quan-hệ

nhiều hơn nữa, vì tiếng ta mượn chữ Tàu nhiều lắm. Tiếng ta thật là đầy rẫy những chữ mượn của Tàu mà hóa theo ta, bởi thế nên tuy hai thứ tiếng không có cái quan-hệ thân-tộc với nhau, mà cũng là liên lạc với nhau mật-thiết lắm. Hiện nay chưa có một quyển tự-diệu tiếng An-Nam nào là hoàn-bị. Quyển sưu-tập được nhiều chữ nhất là của ông cố GÉNIBREL. Quyển này có chừng 13.000 chữ, trong số đó thời 5000 chữ là rõ-ràng mượn của Tàu, còn 8000 chữ thời tạm gọi là tiếng « *nôm* », nhưng quyết không phải là « *nôm* gốc » cả, chắc có nhiều chữ mượn ở các thứ tiếng khác hay là mượn ngay ở tiếng Tàu mà biến-hóa đi nhiều quá, chưa nhận ra ngay. Nhiều tiếng bây giờ ta gọi là « *nôm* » mà có lẽ kỳ-thực của Tàu nhiều lắm, duy mượn từ đời xưa, mà đời đời cứ đọc theo âm-vận An-Nam, nên khó phân-biệt ra được. Theo ý ông MASPÉRO cũng cho là tiếng An-Nam thông-thường ngày nay, — không nói tiếng văn-chương, — tới một nửa là mượn của Tàu hay chuyển lại từ tiếng Tàu. Nước ta chịu văn-hóa của Tàu, đời nọ sang đời kia, chữ Tàu bình như tràn-ngập vào tiếng ta. Sự tràn-ngập ấy thế nào? Chữ Tàu làm thế nào mà « *nhập-tích* » tiếng ta được nhiều như thế?

Trước hết có thể nói phạm Hán-tự hệ đọc theo âm-vận An-Nam thời thành tiếng An-Nam cả. Âm-diệu An-Nam hóa cho tiếng Tàu thành tiếng An-Nam. Thứ tiếng đó tức ta gọi là « *tiếng Hán-Việt* », ta đã nói là một thứ tiếng không được tự-nhiên, một thứ tiếng chỉ dùng trong bọn nhà nho học chữ Hán mà thôi.

Nay xét trong tiếng thông-thường của dân-gian, ngoài những chữ gọi là *nôm* và căn-nguyên không phải ở chữ Tàu, thời có bốn hạng chữ chuyển-lại từ chữ Tàu mà ra:

10 Những chữ Hán-Việt chân-chính, nghĩa là đọc theo tiếng An-Nam mà nghĩa theo tiếng Tàu, nghĩa này vẫn giữ đúng như trong sách Tàu, thành ra tuy đọc lên thì người Tàu không hiểu, nhưng viết ra thì người Tàu hiểu ngay;

20 Những chữ Hán-Việt mà nghĩa dùng hẹp lại hay sai đi, thành ra dấu viết thành hình chữ, người Tàu cũng không hiểu theo một nghĩa như người An-Nam;

30 Những chữ chuyển-lai trực-tiếp từ tiếng Tàu, không phải qua tiếng Hán-Việt. Những chữ này chắc thâm-nhập vào tiếng An-Nam trong khi nội-thuộc Tàu và hồi tiếng Hán-Việt chưa thành, nên gần với tiếng Tàu cổ hơn là tiếng Hán-Việt;

40 Những chữ tự An-Nam chế-tạo, nhưng do chữ gốc ở Tàu.

Hạng thứ nhất là hạng nhiều hơn nhất, gồm tất cả những chữ Hán ta dùng theo nguyên-nghĩa mà ta đọc theo

tiếng An-Nam, nghĩa là phần nhiều chữ Hán thâm-nhập vào tiếng ta. Thí dụ: 君子 *quân-tử*; 小人 *tiểu-nhân*; 仁義禮智信 *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*.

Hạng thứ nhì là gồm những chữ Hán-Việt dùng khác nguyên-nghĩa ở chữ Tàu đi. Thí dụ: *văn-tự* 文字, trong tiếng Tàu nghĩa là văn-chương chữ nghĩa, trong tiếng ta thời lại có nghĩa thông-thường là cái giấy bán nhà bán đất; *lịch-sử* 歷史, tiếng Tàu nghĩa là từng-trải công-việc, tiếng ta lại có nghĩa là phong-lưu, đẹp-dẽ; *tử-tế* 仔細, tiếng Tàu nghĩa là cẩn-thận từ việc nhỏ, tiếng ta nghĩa là có bụng tốt.

Hạng thứ ba thì có nhiều chữ mới xét ra tưởng là nôm, nhưng thực là chữ Tàu và có lẽ đọc lại gần giống với tiếng Tàu hơn là tiếng Hán-Việt, đủ chứng rằng trực-tiếp thâm-nhập vào tiếng ta, chứ không qua tiếng Hán-Việt. Thí dụ mấy chữ như sau này, trích trong sách « Cối-rẻ tiếng An-Nam » của ông cổ SOUVIGNET :

Chợ (bán hàng), do chữ Hán	市	Tàu đọc là	cheu, Hán-Việt là	thị
Che (che dầy),	遮	»	tchè,	» già.
Chào (chào lạy),	朝	»	tch'áo,	» triều.
Suối (suối nước),	水	»	chouèi,	» thủy.
Cải (hạt cải),	芥	»	kiai,	» giới.
Cởi (cởi ra),	解	»	kiài,	» giải.
Tim (quả tim),	心	»	sìn,	» tâm.
Kém (bớt kém),	減	»	kiên,	» giảm.
Chú (chú bác),	叔	»	chou,	» thúc.
Chén (chén bát),	盞	»	tchen,	» trăn.
Sé sê (nói sê),	啞	»	tchè-tchè	» xiếp-nhiếp
Trước (hôm trước),	昨	»	tso, tsok,	» tạc.
Mầm, mông, mắng,	萌	»	mông-meng,	» manh.
Chục (mười),	拾 (十)	»	chêu, chéuk,	» thập.
Yếu (nhỏ yếu),	幼	»	yóu,	» ấu.
Sữa (nhựa cây),	汁	»	tcheu,	» trấp.
Chua (vị chua),	酢	»	ts'ou	» thố.

Xem như cái biểu ấy thời những tiếng ta dó đọc gần giống tiếng Tàu hơn là giống tiếng Hán-Việt, chắc là trực tiếp ở tiếng Tàu mà ra, không phải chuyển qua Hán-Việt. Như tiếng *chợ* thì ở tiếng Tàu *cheu* mà ra, chứ không phải ở tiếng Hán-Việt *thị*; *che* ở *tche*, chứ không phải ở *già*; *suối* ở *chouei*, chứ không phải ở *thủy*, v. v. .

Hạng thứ tư là những tiếng tự ta chế-tạo ra, nhưng cũng là do một tiếng gốc ở Tàu. Những tiếng ấy thời cho là tiếng An-Nam được, duy chế-tạo theo một cách riêng có thể gọi là cách « âm-vận suy-diễn », cách này cũng lạ, nhiều khi làm lạc mất cái từ-nguyên tự Tàu đi. Lại trích trong sách ông cổ SOUIGNET mấy chữ thí-dụ như sau này :

Chữ gốc là 播 *bá* (Tàu đọc là *pouo*), nghĩa chung là truyền, rắc ra. Những tiếng nôm *vãi* (văn *v* có khi đọc là *b* = *p*), *vãi*, *bỏ*, *bã*, có lẽ cũng do một gốc *bá* (*pouo*) của Tàu mà ra, nhưng chuyển-biến đi nhiều quá, mới xét khó nhận biết được. Trong ngữ-ngôn-học, những sự chuyển-biến âm-nghĩa như thế cũng là sự thường, không lấy gì làm lạ.

Chữ gốc là : 易 *dị* (Tàu đọc là *yi*), nghĩa chung là cái gì dễ-dàng, nhẹ-nhàng, khinh-thường, không có quan-trọng gì. Nhân chữ gốc ấy thành ra những tiếng An-nam; *dễ*, *dễ* (khinh *dễ*) *dễ* (con *rễ*), *rễ*.

Chữ gốc là : 狹 *trách* (Tàu đọc là *tchék*), nghĩa là hẹp; làm thành ra những

tiếng nôm : *chật*, *chít* (chít khăn), *chất* (chất nước), *khít*, *chật*, *rít*, *riết*, v. v. .

Nói tóm lại thời xét về âm-vận cũng như xét về từ-nguyên, tiếng An-Nam ta thật là có liên-lạc rất mật-thiết với tiếng Tàu. Thực thì tiếng An-Nam không thể dờ tiếng Tàu được. Học tiếng An-Nam mà không học chữ Tàu không được. Nếu không biết ít nhiều chữ Tàu thời không thể nào nói và viết tiếng ta cho gãy-gọn được, vì như trên kia đã nói, nửa phần tiếng An-Nam (có lẽ hơn nữa) là ở chữ Tàu mà ra.

Văn-sĩ Pháp LEON DAUDET có nói một câu rằng: « Những tiếng chúng ta thường dùng trong khi nói khi viết, là nó có nguồn có gốc cả; khi ta nói ta viết, ta phải biết cái từ-nguyên nó thế nào... Người ta cần phải biết cái gốc tiếng nói của mình, — dầu biết sơ-lược lúc mình, cần dùng nói hay viết cũng được, — thời mới có thể nghị-luận phán-đoán cho dich-dáng được, mới khỏi cái tật mơ-hồ phảng-phất mà ông y-sĩ BÉRIL-LON đã đặt tên là *aphronie*, là cái bệnh hăm-hồ, không biết phán-đoán. »

Người An-Nam ta muốn cho khỏi cái tật hăm-hồ trong khi nghị-luận thời cũng phải biết căn-nguyên của tiếng mình, nghĩa là tất phải biết ít nhiều chữ Hán mới được.

P. Q.



CÁI HIỂM - TƯỚNG THÁI - BÌNH - DƯƠNG VÀ TÌNH-THỂ CÔI ĐÔNG - Á

Y-KIẾN MỘT NHÀ NGOẠI-GIAO TRUNG-HOA (1)

Được ít lâu đây, nhân có một người thợ Trung-hoa làm ở một nhà máy Nhật-bản bị giết, ở Thượng-hải có xảy ra một việc. Ngày 30 tháng 5 năm 1925, học-sinh và công-nhân miền ấy vận-dộng để phản-đối cái thái-độ của bọn chủ nhà máy. Cảnh-sát Anh trong tổ-giới Vạn-quốc, đang lễ thời nên phủ-dự cho bọn vận-dộng êm đi, lại khinh-suất mà chĩa súng bắn vào đám đông ấy. Dân Trung-hoa lập-tức nổi công-phẫn, gây ra những sự vận-dộng, sự bãi-công. Từ đấy thời xảy ra lần cái thảm-trạng; Nội-các Nhật-bản đã rập định phái một hạm-đội sang Tàu để thi-uy; đảng Cộng-sản nước Nga thời lợi-dụng cái phong-trào quốc-gia ấy làm một cái khi-giới để phản-đối cái tư-bảo-chủ - nghĩa của người Anglo-Saxons; Zinovieff là thủ-lĩnh «Đệ-tam Quốc-tế hội» (IIe Internationale) thấy thế đã cho là Chính-phủ cách-mệnh Nga được thắng và cuộc đại-cách-mệnh thế-giới đã bắt đầu vậy. Tức-khắc Ngoại-vụ-hộ nước Anh (Foreign Office), Ngoại-vụ-hộ nước Mĩ (Maison blanche) và Ngoại-vụ-hộ nước Pháp (Quai d'Orsay) liền lấy làm chú-ý và cũng hơi có ý lo.

Một việc nhỏ xảy ra ở trong một nhà máy Nhật-bản ở Thượng-hải, sao mà có thể gây nên sự khùng-hoảng như thế? Phải suy-nguyên xa lên một ít mới hiểu rõ được.

Nhật-bản đánh hai trận với Trung-hoa và với Nga đã được lợi nhiều lắm; kể đấy lại tục ước đồng-minh với Anh, ký ước giao-hiệu với Mĩ, với Pháp, với Nga. Thế-lực Nhật bấy giờ thật là mỗi ngày một bành-trướng, thiên-hạ đã hầu coi như một vì chủ-nhân-ông cõi Đông-Á; bèn khởi hành cái chính-sách xâm-lược kiêm-tính ở lục-địa và khuếch-trương thế-lực trên mặt bể, có cái mưu-đồ lớn muốn gây lấy một cái đế-quốc Thành-cát-tư-hãn (Gengis Khan) thứ nhì vậy. Nhưng thế-giới về thế-kỷ thứ 20 có khác thế-giới về thế-kỷ thứ 13. Chủ-nghĩa đế-quốc của Nhật-bản không phải là không gặp trở-lực; trước nhất là nước Tàu bốn trăm bốn mươi triệu người đương thời-kỷ tiến-hóa, rồi đến liệt-cường Âu-Tây cố giữ cái chính-sách chủ-hòa và cái chính-sách thế-lực quân-binh ở Đông-Á. Bấy giờ Nhật mới tìm kết đồng-minh với chính-phủ Nga-hoàng ở Saint Petersbourg. Trong khi Âu-chiến thời Nhật lấy tiếng là đồng-minh với Anh liền cướp lấy Giao-châu và mấy cái đảo của Đức ở Thái-bình-dương. Ngày 18 tháng giêng năm 1915, nhân đã chiếm được nơi ăn-cứ-địa ở Sơn-dông và thừa cơ Âu-châu hữu-sự, Chính-phủ Đông-kinh liền gửi cho Chính-phủ Bắc-kinh hai-mươi một điều yêu-cầu, chủ-ý là để chiếm-cứ lấy tỉnh Sơn-

(1) Bài này đăng trong Tạp-chí *La Revue universelle*. Tác-giả là người Trung-hoa, ông Jousé-kién, làm thư-ký tòa Sứ Trung-hoa ở Madrid, kinh-đô nước Tây-ban-nha.

đồng-nam-bộ Mãn-châu và nội-bộ Mông-cổ. Đông-kinh dọa khai-chiến, Bắc-kinh cực chẳng đã cũng phải nhận. Sự liệt-cường Âu-Tây can-thiệp vào chẳng, ngày mồng 3 tháng 7 năm 1916 Chính-phủ Đông-kinh bèn ký mật - ước với Chính-phủ Nga-hoàng NICOLAS II, vừa giữ cái địa-vị đặc-biệt của mình ở Mãn-châu, vừa chia với Nga các quyền-lợi khác ở Tàu. Bấy nhiêu cách vận-dộng thật là làm điên-đảo cả cái chính-sách «thể-lực quân-binh» và «môn-hộ khai-phóng» (*politique de la porte ouverte*) của liệt-cường ở Á-Đông. Nếu không có Tổng-thống Wilson nước Mỹ can-thiệp, nếu Chính-phủ Nga-hoàng (*le tsarisme*) không bị đổ, nếu không có Hội-nghị Washington và không có cái thái-độ thân-thiện của Chính-phủ Anh, thời thì-a-khóa Bắc-kinh chắc đã về tay người Nhật rồi, nước Nhật với nước Tàu chắc đã áp-đao nhau một trận quyết-chiến, không những thế mà các liệt-cường khác bị thiệt hại về đó không khỏi can - thiệp vào, gây ra một cái thế-giới-chiến-tranh thứ nhì vậy.

Sau khi đình-chiến năm 1918 thời cái trình-trạng đối với hai nước Anh, Mỹ đại-khái như sau này : Nhật-bản dần dần lộ cái âm-mưu xâm-lược cõi Đông-Á ; nhờ được lục-quân hải-quân mạnh, lại nhờ cái địa-thế đặc-biệt, không nước nào muốn khinh-suất mà ra đối-địch. Anh với Mỹ bèn xướng lên một cái chính-sách hòa-hiệp để tìm cách giữ lấy cái thế-quân-binh ở miền Á-châu và miền Thái-bình-dương đó. Hội nghị Thái-bình-dương là kết-quả của cái chính-sách ấy. Hội-nghị ký hai cái ước như sau này : một cái điều-ước định số tàu chiến của Anh, Mỹ và Nhật theo cái tỉ-lệ 5-5-3 ; một cái hiệp-ước bốn nước có quyền - lợi ở Thái-bình-dương, Anh, Mỹ, Nhật, Pháp để thay cái ước đồng - minh Anh-Nhật. Nhờ sự hợp-đồng Anh với Mỹ đó, lại vì dư-luận thế-giới và vì cái hiềm-tượng hồng-hà áp-bách, nên Nhật - bản trước kia

đã lấy cớ giúp đồng-minh trừ cái loạn quả-khích mà đem quân sang chiếm-cử đất *Sibérie*, bấy giờ phải triệt quân về. Tuy phải bỏ cái mưu xâm - lược ở *Sibérie*, những Nhật vẫn tìm chuyện quấy rối ở Tàu để lấy cớ mà can-thiệp. Lại thăm-dạm kinh-doanh, làm thêm tàu chiến, chỉnh-bị hải-quân, cố chí quyết-chiến với hai nước Anh Mỹ, ngày nay là cái trở-lực duy-nhất cho cái mưu bá-dồ của mình ; tức cũng như Đức trước năm 1914 dự-bị quyết - chiến với Tam-quốc-liên-hiệp vậy (*Triple Entente* : Pháp, Anh Nga) vậy.

Ta phải biết rằng Nhật không có sợ gì hải-quân của Mỹ cả. Ở kỳ hội-nghị thứ năm Hội Vạn-quốc ở *Genève*, chánh đại-biêu Nhật là ông Adachi nói rằng hiệp-ước ba nước Anh Mỹ Nhật đã định số hải-quân của ba nước ấy theo cái tỉ-lệ 5-5-3, thời nước Nhật cũng như nước Mỹ từ nay không nước nào có thể dùng thế công mà đánh nhau cho đắc-thắng được. Kể từ ngày cái tỉ lệ 5-5-3 thi-hành thời hải - quân Nhật-bản quả không đủ sức mà vượt qua Thái-bình-dương để sang đánh Mỹ thật ; nhưng mà có đủ sức để chống lại với hải - quân Mỹ sang hải-phần Á-Đông. Nghĩa là cứ như ngày nay thời hải - quân Nhật không thể tái-quân-linh Nhật để sang đánh nước Mỹ và không thể vây bờ biển Mỹ để phóng-pháo vào Mỹ được ; hoặc có thể nhờ những thực-đảo Nhật ở *Hawaii* mà chiếm được đảo ấy của Mỹ chẳng, hay là khéo đất tác-đạn mà phá được vận-hà *Panama* làm được cái thủ-đoạn bất-thình-linh gì về mặt *Mexique* chẳng ; thế mà thôi. Trái lại thời một mình hải-quân Mỹ không đủ giữ được Phi-luật-tân, không đủ bảo-thủ được quyền-lợi của Mỹ ở Á-đông, tất phải nhờ đến hải-quân Anh mới được.

Nay nếu Nhật-bản đặt một dướng thủy-lôi ngầm về phía đông nước Nhật cho đến quần-đảo *Bonin* và *Marianne*

về phía Tây tự Nam chí Bắc bờ biển châu Á, lại đặt một đường tàu ngầm, khu-trục-hạm (*destroyers*) và thủy-phi-dĩnh (*hydro avions*) để phòng chắn ở ngoài, thời nước Nhật không ai xâm-phạm được. Bấy giờ lực-quân Nhật bản sẽ thi hết sức đối với hai nước Anh, Mỹ thời hải-quân của hai nước liên-hiệp nhau cũng vô-lực. Đó là cái hiểm-tượng của phái đế-quốc Nhật muốn gây ra cho chúng ta ở Á-dông và ở Thái-bình-dương (phái này không nên lẫn với quốc-dân Nhật, vì quốc-dân Nhật không giữ cái chủ-nghĩa đế-quốc). Hiện nay nước Nhật đang chăm chế các tàu ngầm và khu-trục-hạm, cứ xem cái biểu thống-kế các hải-quân thế-giới đến ngày mồng 1 tháng 2 năm 1925 như sau này thì đủ biết :

Hiện số tàu của ba nước có hải-quân mạnh nhất

Hạng tàu	Anh	Mỹ	Nhật
Chiến-đấu-đại-thiết-hạm	18	18	6
Chiến-đấu-tuần-dương-hạm	4	"	4
Tuần-dương-hạm	49	31	28
Khu-trục-hạm	189	309	101
Tiềm-thủy-dĩnh (tàu ngầm)	63	118	51

Số tàu của ba nước hiện đang làm hay sắp dự làm

Hạng tàu	Anh	Mỹ	Nhật
Chiến-đấu-đại-thiết-hạm	2	"	"
Chiến-đấu-tuần-dương-hạm	8	"	"
Tuần-dương-hạm	8	9	11
Khu-trục-hạm	2	12	23
Tiềm-thủy-dĩnh		15	28

Đối với cái lòng dục-vọng bá-đồ xâm-lược của người Nhật, nước Anh bách phải đặt ở Tân-giá-ba (*Singapour*) một nơi căn-cứ địa rất kiên-cố cho hải-quân, để có thể lâm-thời Nhật xuống đánh thời phòng-bị được cả Úc-châu (*Australie*), *Nouvelle-Zélande* và Ấn-độ ; mà Mỹ thời cũng bách phải tập-hợp cả hải-quân của mình ở vịnh-hả *Panama*

và quần-đảo *Hawaii* là cái tiền-vệ-chiến-tuyến về phía tây nước Mỹ.

Cách phòng-bị của Anh Mỹ đó chẳng qua là đề-đối-phó với sự kinh-doanh của Nhật mà thôi, thế mà các báo Nhật nghị-luận lấy làm phẫn-kích lắm. Nay trong cuộc lâm-thời xung-đột ba nước Anh, Mỹ, Nhật với nhau, nước nào được lòng nước Tàu chắc là được mạnh thế-lực lên nhiều lắm. Trước khi hợp-hội-nghị tài-giảm hải-quân, Anh với Nhật đã có ý ghen ghét nhau lắm. Đối với Mỹ thời nhân cái phong-trào hạn-chế di-dân ở Mỹ, đại-sứ Nhật ở *Washington* tỏ ra một cái thái-độ phản-đối rất kiêu-căng, chính-phủ Mỹ lại càng tức mà ký gấp lệnh thi-hành luật di-dân ngày 26 tháng 5 năm 1924. Nhật bèn cự-lực kháng-nghị, đòi bãi luật ấy đi. Các báo Nhật-bản đều cho lời kháng-nghị ấy là một cách tối-hậu-thư để tuyên-chiến với Mỹ, chỉ vì gặp thiên-tai động đất nên phải tạm-dinh mà thôi. Tinh-thế như thế thời trận Thái-bình-dương là một sự tất-nhiên có ngày, không sao tránh được. Bởi thế nên bọn cầm quyền ở Đông-kinh hình như muốn theo một cái chính-sách mới. Các báo Nhật đòi trục-xuất các giáo-sĩ Mỹ sang giảng-đạo, đòi cũng thi-hành luật hạn-chế đối với người Mỹ, và đề-chế đồ-hàng Mỹ; chủ-ý thứ nhất là đề-huê với Sô-viết nước Nga và thân-thiện với quốc-dân Tàu, còn những tay chính-khách có thế-lực thời xuống lên cái chủ-nghĩa và gây lên cái phong-trào Đại-A-tế-a, lấy Thương-hải làm trung-tâm-diểm. Điều-ước Nhật Nga ký ở Bắc-kinh ngày 20 tháng giêng năm 1925, nhưng bắt đầu thương-thuyết tự ngày 22 tháng 9 năm trước và phải đến bảy-mươi-bảy lần hội-dồng mới bàn định xong, chính là có cái ý-nghĩa chuyển-di cái chính-sách ngoại-giao của Nhật như trên đó ; lời khai-mào trong điều-ước tuyên-bố rằng hai nước tình-nguyên với nhau làm hai nước lân-bang thân-thiện và hiệp-lự

cộng-tác về đường kinh-tế; điều thứ 4, khoản thứ 3, định hai nước phải đối lẫn nhau theo cách ưu-dãi đệ-nhất; điều thứ V trong điều-uớc và điều thứ IV trong biên-bản hội-nghị gồm lại cũng có thể cho là một cái ước-liên-hiệp. Đối với Tàu thời Nhật và Tàu trao đổi « đại-sứ » (*ambassadeurs*) với nhau, khiến cho sự giao-thiệp cũng được thân-thiện hơn trước. Xem như thế thời cái chính-sách mới của chính-phủ Đông-kinh cũng dễ hiểu được. Việc sát-hạch lại các điều-uớc bất-bình-dẳng cho Tàu, có lẽ người Nhật vui lòng chủ - trương cũng nên, rồi thời hai nước sẽ cam-doan đối - đãi nhau một cách thành-thực thân-mật, không xâm-lấn nhau mà lại phòng-bị lẫn cho nhau; nếu được như thế thời quốc-dân Tàu đối với nước Nhật tất cũng có cảm-tình đậm-thấm như đối với Mĩ với Nga ngày nay vậy. Sự liên - hiệp Bắc-kinh với Đông-kinh không phải là một sự không thể thành được. Lại sự liên-hiệp Chính-phủ Dân-quốc Tàu với Chính-phủ Xô-viết Nga cũng là một sự tự-nhiên, vì hai nước đã sẵn có cảm-tình với nhau rồi, tự khi bãi bỏ các điều-uớc ký với chính-phủ Nga-hoàng trước. Đến như sự Nhật Nga đồng-minh thời tuy chính-sách hai nước có phần trái nhau thật, nhưng cũng là một sự có thể chắc được, vì kẻ thù chung của hai nước là người Anh người Mĩ, muốn hai quyền-lợi của Anh Mĩ thời hai nước dễ đồng-tâm hiệp-lực nhau lắm. Nhờ được nước Tàu giúp cho thời hai đồng-minh Nhật Nga chắc sẽ đạt được cái mục-dịch của mình: một là chiếm được bá-quyền trong Thái-bình-dương, hai là khuyến-dụ được các dân bị áp-chế ở Á-châu theo về chủ-nghĩa cộng-sản. Tuy vậy nước Tàu không thể đồng lòng với lân-bang mà tham-dự vào việc chiến-tranh đối với nước Mĩ là nước bạn của mình, hay đối với nước Âu-châu nào nữa mặc lòng. Trung-hoa rất

có cảm-tình với Mĩ, và xưa nay cũng vẫn thân-thiện với Anh, vì lâm-thời không thể trông cậy cho Mĩ giúp được, thời đối với ba nước có quyền-lợi lớn ở Á-Đông, là Anh, Mĩ, Nhật, giữ một cái thái-độ trung-lập, tưởng cũng là ổn vậy. Vì nếu phải can-thiệp vào việc chiến-tranh mà nước Tàu không thể trông cậy vào các bạn Âu Mĩ giúp được thời tất phải tìm người giúp ở chỗ khác. Còn người Nhật thời đã hiểu rằng gặp lúc hữu-sự không thể lại gây sự với cả các lân-bang nữa, nếu vạn-nhất mà gây ra cuộc chiến-tranh Trung Nhật, thời cho dầu lúc đầu Nhật có được chẳng nữa, rồi sau diên-man ra mãi mà thành cái lối trận mảnh, lối « du-kích » (*guerrilla*) không biết đến bao giờ cùng, kết-quả chỉ khiến cho Nhật một là phải chịu cái thế-lực của Anh Mĩ, hai là sẽ khuynh - hướng về chủ - nghĩa quá-khích của Nga. Bởi thế nên Nhật mà muốn chống nổi với hải-quân của Anh Mĩ để giữ lấy bá-quyền trên mặt biển, thời thế-tất phải tìm thân-thiện với Tàu và Nga. Xem ra người Nhật nay đã có ý theo một cái chính-sách hòa-hiệp với các nước trong lục-địa (Tàu, Nga) có lợi về đường kinh-tế hơn là thân-cận với Anh, Mĩ, hai nước này Nhật cho là kẻ thù không thể nào hòa được.

Trong khi cái mưu can-thiệp của Đồng-minh để ngăn-ngừa cái phong-trào cộng-sản ở Nga bị thất-bại, thời Hội-dồng cộng-sản ở Moscou ben hết sức cô-động để truyền-bá cái chủ-nghĩa cộng-sản ra khắp các nước ngoài, và phải đại-biểu sang khắp các kinh-đô Âu-châu. Nhưng ở Đức thời cái phong-trào *Spartacus* (cùng-dân lao-động) bị thất-bại, lĩnh-tự đảng quá-khích là *LIEBKNECHT* và *ROSA LUXEMBOURG* (đàn bà bị giết năm 1919), ở *Hongrie*, thời đảng *BELA KUN* đã chiếm được quyền chính-phủ năm ấy cũng bị đổ, ở *Pologne* thời hồng-quân đã lộng-lấy một độ, năm 1920 bị thua to; thấy tình-hình như thế,

dăng cầm quyền ở *Moscou* biết rằng cái thời-kỳ lung-lạc Âu-châu vào trong vòng chủ-nghĩa cộng-sản chưa đến, cớ-dòng ở đầu thời bị ngăn-trở ở đó mà thôi, bấy giờ mới xoay ra thương-thuyết đề-tục - giao với Anh, Pháp, Ý; về phương-diện đó thời hiệp-ước *Rapallo* kẻ cũng là một sự đắc-thắng về ngoại-giao cho nước Nga. Trong khi ấy thời sự cớ-dòng ở Âu-châu đem chuyển sang Á-châu, nhưng đến đầu cũng vẫn gặp một kẻ thù, là nước Anh. Cái khôn-khéo của đảng cộng-sản Nga là biết xoay cuộc chiến-dấu ra cái mặt yếu nhất của Anh, là mặt thuộc-địa. Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tur, *Afghanistan*, Ấn-độ, các nước Á-Đông, chỗ nào thuộc quyền Anh hay Anh có quyền-lợi to, bọn cách-mệnh Nga đều gia công cớ-dòng truyền-bá, thấy công-hiệu lắm. Mỗi cái thủ-đoạn đắc-thắng của Nga là làm cho chính-phủ Anh phải lo ngại-ngại, dư-luận Anh phải kêu ó lên, vì đảng Cộng-sản mà tiến lên một bước ở Á-châu thời đế-quốc Anh tất phải lui về một bước. Đó chính là cái mục-dịch của phái cầm quyền ở *Moscou*: nếu không phá được nước Anh thời cuộc thế-giới cách-mệnh không thể thành được. Bởi thế nên sự cạnh tranh người Anh với người Nga ở Á-châu ngày nay lại kịch-liệt hơn là về hồi chính-phủ Nga hoàng. Chính-phủ cách-mệnh Nga muốn kết-liên với Tàu, nhưng cũng lại muốn đồng-minh với Nhật hơn. Vì sự đồng-minh họ cũng như sự kết-liên kia, đều có thể hại cho quyền-lợi nước Anh cả. Vấn-đề này là vấn-đề sống chết cho nước Anh thuộc về tiền-đồ nước ấy ở Á-châu, cho nên người Anh đối với nước Tàu cũng nên chiều lòng bạn Trung-hoa một chút, những cái quyền-lợi nhỏ mọn cũng không nên thiết-tha với nhau làm gì, kéo cái xảy ngày nay ngày sau có thể nảy cái ung vậy.

Nói tóm lại thời ở Á-châu và ở Thái-bình-dương đương sắp-xây ra hai cuộc chiến-tranh vĩ-dại sau này: một là chiến-tranh Nhật-bản với Anh Mĩ, hai là chiến-tranh Nga với Đế-quốc Anh. Thái-độ nước Pháp không phải là không có ảnh-hưởng đến thời-cục Á-châu, vì Pháp có thuộc-địa Ấn-độ-Chi-na là một nơi căn-cứ vững-vàng, lại đối với Trung-hoa và cũng có cảm-tình, nhất là từ khi hai nước ký hiệp-ước ngày 12 tháng 4 năm 1925; nhưng mà sự hành-động của Pháp là thuộc cái tình-thế ở Âu-châu và thuộc sự liên-hiệp Pháp với Anh. Và nước Tàu vốn là cái « đất hoãn-xung » (*Etat tampon*) và cũng là cái sức đề-kháng: trong hai cuộc chiến-tranh sau này địa-vị Trung-hoa tức cũng như địa-vị Pháp và Tỉ trong cuộc Âu-chiến vừa rồi. Đối với các liệt-cường Âu-tây, có quyền-lợi ở Á-châu nhất là nước Anh, nước Pháp, nước Mĩ, thời thân-thiện với Trung-hoa tức là giữ được cái đề rất vững-vàng đề ngăn cái sóng cộng-sản nó tiến lên, cũng như là thân-thiện với các nước phụ-cận Nga ở Âu-châu vậy. Nhất-diện thời phải ngăn cho nước Nhật không chiếm được cái địa-vị chủ-nhân ở Á-châu và Thái-bình-dương, như thế thì vừa hại cho quyền-lợi nước Tàu và vừa hại cho quyền-lợi liệt-cường nữa; nhất-diện thời liệt-cường phải giúp sức cho nước Tàu được mạnh lên, đối-dãi nước Tàu như một nước bè-bạn và bình-dẳng, để làm cái thế y-dốc cho mình ở lục-địa Á-châu. Trong cuộc chiến-dấu, nước Tàu vẫn là đội tiên-phong cho quân Âu-Mĩ. Các nước Âu-Mĩ phải làm thế nào cho Trung-hoa dư-bị được hoàn-toàn thời sẽ làm tron cái nghĩa-vụ bảo-thủ cho cuộc văn-minh và cuộc hòa-bình vậy.



Bia Văn-miếu Hà-nội

Kinh ảnh T. C. khuỷu

KIỆP VĂN-TỰ

Nhà văn-sĩ nhãn-quang như chớp, bút-lực như bay, văn-chương một cái bề khơi, muôn khoảnh ba-dào không biết đâu là bờ bến, một hôm cùng khách chơi Xuân-đình. Nhân lúc hứng, khách nhờ làm bài « Xuân-đình tư », văn-sĩ cầm bút thảo ngay.

Viết xong ngăm-ngà một lúc, ha-ha mà cười, rồi trầm-ngâm một hồi, hu-hu mà khóc. Khóc chán đánh diêm đốt văn. Khách lấy làm lạ, hỏi sao. Văn-sĩ đáp :

— Ham văn mà chẳng biết văn, thà ghét văn mà hơi biết văn ; cầu văn mà chẳng biết văn, thà gheo văn mà hơi biết văn. Biết văn mà ghét văn, ghen văn, còn hơn không biết văn mà ham văn cầu văn vậy.

Ngàn xưa một việc văn - chương không phải là dễ :

Tinh-thần nhật-nguyệt, vẽ thiên-văn rang tổ tinh-hoa.

Hà-hải sơn-xuyên, vừng địa-khí dục nhồi linh-tử.

Dùng bút một ngòi, hệ cùng tinh-mệnh ;

Ngăm thành năm chữ, phá hết sinh-tâm !

Làm văn như thế mà người xem không biết thì có khác gì châu rơi gấm trải giữa bùn than, chén ngọc mâm vàng dầy rau cỏ ?

Nếu gặp hội rồng mây, ưa duyên cá nước. phũ-phất hoàng-du, sinh-dung trị-đạo, thì mới hữu-duyên hội-ngộ. hữu-dụng văn-chương. Nhưng :

Cái « văn » công, cái « ngộ » lại cùng ;

Chữ « tài » có, chữ « duyên » thường nọ.

Đã biết :

Trích - quái, Truyền-ký, quỷ thần vẫn ghét ;

Câu thâm sách ẩn, tạo-hóa hay ghen.

Đành vậy !

Bạch-tuyết dương-xuân, khúc-diệu ấy ai xướng-họa ?

Cao-sơn lưu-thủy, trần - hoàn mấy mặt tri-âm ?

Bà Nha chưa gặp Chung Kỳ, dờn ai biết tiếng ?

Vì thế ấy :

Li-tao mấy quyền, muôn đời còn đề giọng bi-tân ;

Tri-an một thiên, ngàn thừa vẫn nghe lời thống-khốc.

Trải mấy độ cười cười khóc khóc, cười vì văn mà khóc cũng vì văn ;

Có quân chi nhục-nhục vinh-vinh, nhục một kiếp mà vinh cũng một kiếp.

Kìa những kẻ ôm thơ ngồi khóc, thương đời mà ngán cuộc văn-chương ;

Nọ những người dùng bút ngồi than, nghĩ thế luống sầu nghề hàn-mạc .

Thôi văn-tự cùng ai tặng-dáp, chỉ làm tân-chủ với non xanh ;

Xếp bút nghiên nở đề cô-đơn, đưa với trần-gian con mắt trắng !....

Khách nghe nói động lòng ngăm-ngùi, mà :

Thương ôi ! cái kiếp văn-chương, Ngàn xưa một mối đoạn-trường chung nhau !

MINH-PHƯỢNG.

ĐÔNG-LÂN TÂY-TRÀO

Toutes les grandes nations d'Europe ont leurs victimes en d'autres endroits du monde. Cela n'engourdit pas seulement leur sympathie morale, mais aussi leur sympathie intellectuelle, si nécessaire à la compréhension des races différentes de la nôtre. Les Anglais, par exemple, ne peuvent jamais comprendre vraiment l'Inde, car leur esprit n'est pas désintéressé de ce qui touche ce pays.

R. TAGORE

L'Europe a son passé, sa force git dans son histoire propre. Nous, pareillement, nous devons former notre esprit à la pensée que nous ne devons pas emprunter aux autres peuples leur histoire et que si nous étouffons la nôtre, nous commettons un suicide.

R. TAGORE

D'une manière générale, partout où l'Européen était intervenu, l'indigène s'aperçoit avec une sorte de désespoir vraiment poignant que la somme de son bonheur, dans l'ordre moral plus encore que dans l'ordre matériel, loin de s'accroître, a diminué. Tout ce qui faisait l'assiette de la vie sociale vacille et croule sous lui, et les piliers d'or sur lesquels il croyait bâtir à nouveau ne lui apparaissent plus que comme du carton doré.

SYLVAIN LÉVI

Les relations de l'Occident avec les autres parties de la planète ont un caractère d'immoralité anarchique et perturbatrice.

P. LAFFITTE

Hết thấy các cường-quốc Âu-châu đều làm nên tội vạ, có kẻ hàm oan ở khắp các xứ trên mặt đất cả. Vì thế nên không những không thể có cảm-tình với các dị-chủng được, mà lại cũng không thể am - hiểu được các giống ấy nữa. Tỉ như người Anh không khi nào thực hiểu được người Ấn-độ, vì đối với Ấn-độ làm thế nào cũng không khỏi có bụng tây riêng vậy.

Người Âu có lịch-sử của người Âu, họ sở-dĩ cường-thịnh là sở-đặc ở lịch-sử của họ. Chúng ta cũng vậy, chúng ta phải nên uốn trí cho hiểu rõ rằng chúng ta quyết không nên mượn lịch-sử của các dân-tộc khác, và nếu ta làm mất cái lịch-sử của ta đi, là ta phạm tội tự-sát đó.

Đại-dễ người Âu-châu mà can-thiệp đến nơi nào thời dân bản - xứ ở đấy thấy đau-dớn trong lòng, khổ-não trong trí mà kinh-nghiệm rằng sự hạnh-phúc của mình không những không tăng lên mà lại giảm đi, về đường tinh-thần lại tệ hơn về đường vật-chất. Phạm cơ-sở xã-hội đều chuyển-di diên-đảo cả. Tưởng rằng dựng được cột vàng mà xây lại nhà cũ, ai ngờ vàng chẳng thấy đâu, chỉ thấy bằng « giấy chang kim » cả.

Phạm sự giáo-thiệp của Tây-phương với các phương cầu khác, đều có một cái tinh-cách vô-dạo-lý, những họa-loạn và phá-trật-tự cả.

HÀ-TIÊN MẠC-THỊ SỬ

河僊鄭氏史

Quen cây chim the người quen chừa,
 Dễ đổi ngàn cân một tấm son.

Bài tựa

Ăn trái không dám quên kẻ trồng cây, thì ở đất dầm dầu không nhớ đến người khai-thác.

Non cao ai đắp mà cao?

Sông sâu ai bới ai đào mà sâu?

Hồi-tưởng đến mà tấm lòng bàn-hoàn vì non nước, khắc-khỏi với cò-nhân, sao khỏi bồi-hồi lai-láng. Huống chi; sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh, thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh, thì cò-nhân há chẳng có quan-hệ với non nước ấy lắm dư? Non nước ấy sở dĩ được cái đặc-sắc hơn non nước khác, ta ra chơi non nước ấy có cái hừng-thú hơn non nước khác, là bởi non nước ấy nay xưa đã từng làm tài-liệu cho cò-nhân ngâm-vịnh, đã từng làm lợi-khí cho cò-nhân chinh-chiến. Nay ta lên Thạch-đồng hừng gió, đến Bình-san bề bông, qua Nam-phố ngó biển, xuống Đông-hồ chơi trăng, đi ngắm những di-tích, những bức thành cò đồ nát, tuy đường đá cỏ phong, tường vôi rêu phủ, nhưng mắt ta cũng uyên-nhiên trông thấy cái hồn của cò-nhân vẫn còn bàng-bạc phiêu-dương ở đầu non mặt nước, trên ngọn cỏ lá cây, thì ta sao lại không muốn tìm hỏi cho hết cái lịch-sử của người đã từng đem bút mực mà diêm tô cho non nước ấy được sinh-sắc, đem huyết-hồn mà bồi-đắp cho non nước ấy được vững-bền, đó là mục-dịch riêng của người chép sử, là người sinh-trưởng trong non nước ấy.

Còn mục-dịch chung của người xem sử, thì đã có câu « Lịch-sử là tấm gương phản-chiếu của di-vãng, là mặt trời soi tỏ cuộc tương-lai. » Thì người ta ai cũng phải có cái thú « dữ cò-nhân cư, dữ cò-nhân kỷ » vậy.

Hoặc giả nói ông Mạc Cửu là người Tàu, ta há-tất phải biết lịch-sử ông ấy. Phải, ông Mạc Cửu là người Tàu đã dành, nhưng cái lịch-sử ông có quan-hệ đến lịch-sử nước Nam, cái sự-nghiệp ông gây-dựng trong nước Nam, công-nghiệp ông bồi-đắp trong nước Nam: họ Mạc đã thành một họ ở nước Nam, thì cái lịch-sử của họ Mạc không phải là không đáng truyền, cái sự-nghiệp của họ Mạc không phải là không đáng biết, cái công-nghiệp của họ Mạc không phải là không đáng ghi. Ông Sĩ Nhiếp ông Nhâm Diên, ông Tích Quang, chẳng là người Tàu, mà lịch-sử của các ông ấy vẫn thấy lưu-truyền ở nước Nam đây dư ỉ

Bản-triều khai-thác cõi Nam, họ Mạc há chẳng có dự một phần công khai-cương thuộc-địa ; giáo-thiện Cao-miền, họ Mạc há không phải một tay môi-giới ; chúa Nguyễn khi thất-thế vong-gia, họ Mạc há không phải linh-dinh cô-khờ, cùng chia đau xẻ khổn đố ư ? Ngoài-giả còn các sự-nghiệp gây nên một nước « văn-hiến », một các « Chiêu-anh », đều chính là những sự-nghiệp nên nhớ cả.

Bởi hai cái mục-dịch trên kia mà soạn ra quyển tiểu-sử này, trong thì khảo theo sách Mạc gia-phổ, ngoài thì tham với các Nam-sử.

Tôi lại dùng lời trân-trọng cảm ơn ông giáo Huỳnh Toại-Bàng đã khảo hộ tôi những bản chữ nôm chữ hán cũ mà giúp tôi nhiều về việc biên-lập sách này.

Tác-giả cần-chỉ.

Đồng-hồ LÂM TẤN-PHÁC

I — Đau lòng mất nước, bỏ nhà xa khơi

Về cuối đời nhà Minh bên Tàu có nội-loạn, Lý Tự-Thành đánh lấy Trường-an, Ngô Tam-Quế sang cầu-viện người Mãn-châu, vua Thuận-trị qua sông đuổi Lý Tự-Thành, lấy nước Tàu mà làm chủ, đem nhà Minh dời làm nhà Thanh. Nước đã đổi chủ thì chính-sách cũng dần dần đổi mới, nên phong-tục cũng thay mới, không cho dân Tàu được dễ tóc dài như trước, bắt phải cạo đầu để chỏm thắt « đuôi xam » như người Mãn-châu. Dân Tàu lúc bấy giờ sẵn có bụng căm-tức cái tình tham-tàn của người Mãn, ngờ rước về làm cứu-tinh, dè dàu trở nên đại-dịch, đến lệnh « đuôi xam » truyền xuống thì dân-gian lấy làm một sự biến đổi lạ thường, nên cái phong-trào bất-phục đã sôi-nổi lên cuộn-cuộn. Cho mới biết anh em trong nhà phải quấy thì đóng cửa mà dạy bảo nhau, mà quở mắng nhau, chớ có làm ngông rước người ngoài vào, xưng danh hào-hiệp, mang mặt ông thầy, rồi ra có thật tình bênh-vực, có thật tình dạy-dỗ gì đâu. Có lẽ người Tàu bấy giờ họ cũng hối lắm, vì họ đã lầm to. Than

ôi! đại rồi còn biết khôn làm sao đây !
Kể mưu việc nước cũng nên lấy đó làm gương.

Muốn tỏ tình bất-phục ấy, nên dân Tàu kẻ mạnh thì phản-kháng, kẻ yếu thì bỏ nước ra đi. Ông Mạc Cửu 莫玖 tức là một người trong những người ra đi ấy. Ông là người Lôi-châu, đồng giống thi-thư, con nhà thế-phiệt. Năm ấy ông 17 tuổi.

Tấm lòng cố-quốc bời-bời,

Dẫu rằng vượt bể ra khơi quản gì.

Ôi, làm người dân trong nước đương cơn biến-cổ, làm người dân ở dưới quyền người ta chuyên-chế, làm người dân đã mất quyền tự-do thì ai mà chẳng đau lòng, giận vì mình không có cái thủ-đoạn dời loạn làm trị, dời nguy làm an, nên mới phải bỏ nước ra đi, cũng có cái mục-dịch « thả là mặt khuất hơn là lòng đau », mà cũng có cái mục-dịch « lặn mà coi họa thấy lúc nào chẳng ? » Một là thuyền lênh-dênh trôi nổi trong khoảng trời cao biển rộng, ngán nhìn giang-sơn tổ-quốc, có khi tức cũng muốn kêu một tiếng cho dài, có khi thương tâm mà giọt châu tầm-tã.

Biết đâu giọt nước mắt ông Mạc Cửu bấy giờ chẳng cùng với ngọn nước triều lên xuống.

II — Ở nước Cao-miên tìm đường độc-lập

Không được biết ông Mạc Cửu trước chưa đã biết nước Cao-miên và ông có định sang Cao-miên không, sách chỉ chép rằng ông đem gia quyến qui-phục vua Cao-miên, chứ không thấy nói cách ông thăm hỏi dò la thế nào, nhưng lúc bấy giờ người Tàu đã có người doanh thương ở đất Cao-miên thì ông Mạc Cửu chắc cũng đi trong những người ấy. Ông là người thông-minh linh-hoạt, nên khi ra mắt vua Cao-miên, kể những nỗi thảm tình thương thì được vua Cao-miên yêu dùng ngay. Từ đấy ông mới lấy đó làm chỗ trú chân. Lúc ông ở đó ông giúp vua Cao-miên được nhiều việc, ông bày cách chiêu-thương cho dân càng ngày càng đông, khai-khẩn đất hoang cho đất càng ngày càng rộng. Việc nước gặp hồi khó liệu, hỏi ông, ông chỉ cho đều được xong suốt, nên vua Cao-miên càng tin dùng lắm, giao cho điều-định cả việc triều-chính. Ông Cửu lúc bấy giờ kể cũng là một bậc phong-lưu phú-quí, nhà cửa có, xe ngựa có, quyền-tước có, nếu ông nấn-ná nhàn-nhục ở vậy suốt đời ông, thì tấm thân ông cũng sung-sướng lắm rồi. Nhưng ông đã là mẫu-nguyên đầu. Cái đau lòng vong quốc kia bao giờ cũng như cái vết thương đâm sâu vào tâm-can ông. Chỉ ông vẫn định « vào luôn ra củi » sao bằng « riêng một biên-thùy ». Lại người Cao-miên cũng không phải giúp mình làm nên công to, đất Cao-miên không phải đất nuôi mình làm nên việc lớn được, nên vui là vui gương kẻ mà, ai tri-âm đó mặn mà với ai ! Được vua yêu-dùng thì bị triều-thần ghen ghét ấy, là lẽ thường, bỏ thân về với triều-đình, hàng-thần lơ-lão

phận mình ra chi ; mà bấy tôi nước Cao-miên ghen-ghét ông Mạc Cửu cũng phải lắm, vì ông là một người ngoại quốc ; nên ông Mạc Cửu đã nhất-định lánh xa trước liệu tìm đường, ngồi chờ nước đến nên đường còn khuỷa.

Miền duyên-hải phía nam nước Cao-miên có đất Mang-khảm là đất thuộc Cao-miên mà là đất hoang-vu, ông Mạc Cửu biết đất ấy có đủ thế non thế nước, lấy làm một chỗ đóng binh hùng-cử được, ông bèn khéo lời xin vua Cao-miên cho ông ra khai-khẩn đất ấy. Cũng nhờ triều-thần sân ghét ông, nên không mấy lúc mà ông đã cao bay xa chạy. Vua Cao-miên phong cho ông làm chức « Ốc-nha » ra đất Mang-khảm.

III. — Khai-thác Mang-khảm, chiêu-tập nông thương.

Từ đấy đất Mang-khảm đã về tay ông Mạc Cửu quản trị. Một mặt thì ông lo khai-khẩn đồn-diễn, mở hải-cảng, dụ nông chiêu thương, một mặt thì lo đắp đồn lũy tập quân lính để giữ việc trị-an trong xứ. Ông đem lòng nhân mà chiêu-dụ, lấy việc nghĩa mà thâu-phục lòng người, nên danh ông từ ấy đã vang trong ngoài. Người Tàu một lòng cùng ông, lần lượt về với ông cũng nhiều ; những thương-thuyền Ngũ-quảng (Quảng-nam, Quảng-nghiã, Quảng-bình, Quảng-trị, Quảng-đức), cũng đến luôn bản.

Dân-số càng ngày càng đông, vườn ruộng càng ngày càng nhiều. Hải-cảng Mang-khảm bấy giờ đã thấy tập-nập những thuyền buôn Tàu và Xiêm. Đất Mang-khảm từ đấy đã có vẻ sầm uất thịnh mậu.

IV. — Thất-thể về Xiêm, trở sinh con quí.

Mấy năm sau nước Xiêm muốn xâm lấn Cao-miên, cử đại-binh qua đánh đất Mang-khảm. Ông Mạc Cửu nghe

tin giặc đến bèn dâng biểu cầu cứu với vua Cao-miền, vua Cao-miền thấy tình thế giặc Xiêm lớn đã sợ, nên khi được biểu cầu-cứu của Mạc Cửu, vua bèn bỏ ngôi đem gia-quyển tìm đường đào-tị trước.

Mạc Cửu không được binh cứu-viện, thế giặc mạnh mà thế thành yếu, lại quân lính tập-luyện chưa được tinh-nhuệ, quả bất địch chúng, nên đất Mang-khâm mất.

Giặc Xiêm thu vét của cải, cướp bóc nhân-dân, lại bắt cả gia-quyển Mạc Cửu đem về nước. Vua Xiêm trông dung-mạo ông Mạc Cửu không phải người tầm-thường, mới ủy-dụ và trọng-đãi ông để làm người vây cánh. Ông Cửu lúc bấy giờ thế yếu, phải chiều nhân-nhục ở vậy chờ dịp tốt.

Mãi sau ông tìm được chức đất lót cho tôi yêu vua Xiêm, lạ gì nói ngọt của nhiều dễ xiêu, ông xin được vua Xiêm cho ông ra ở hòn Vạn-tế doanh-hương. Hòn Vạn-tế là đất hải-đảo thuộc Xiêm, nhưng xa đường xa tay muốn làm gì cũng dễ.

Cách hai năm sau, anh em hoàng-tử Xiêm tranh nhau để-vị, trong nước có nội-loạn, việc ngoài không còn ai lưu tâm đến nữa. Dịp này là dịp xò lồng tháo cũi cho ông Mạc Cửu đây, ông bèn đem gia-quyển và kẻ tùng-dân theo ông khi ấp Mang-khâm trước xuống thuyền chạy về Trùng-kê (Réam) Trùng-kê là một cái vịnh sâu ở về tây-bắc đất Mang-khâm. Thuyền đến đây thì vợ ông sinh hạ được một trai, mặt mũi khôi-ngô dĩnh-ngộ, ông đặt tên là Mạc Tông 莫琮, sau đổi là Mạc Tử 莫賜.

Sách chép rằng khi trước lúc sinh Mạc Tông thì nước dưới đầm Trùng-kê hồng đỏ màu trong vắt, giữa đầm có nổi lên một pho tượng phật vàng cao bảy thước nam và hào quang nhiều

trên mặt nước, sáng rực một góc trời, khi lâm-bồn rồi thì hào-quang ấy mới tan, còn pho tượng phật thì ngồi y đấy. Mạc Cửu cho người đến khiêng pho tượng phật mà không sao đem lên được, tro như đá vững như đồng, ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rớt, nên Mạc Cửu phải cất một tòa chùa trên tượng ấy.

Những chuyện như thế ai chẳng cho là chuyện hoang-dường, nhưng kẻ chép sử hay chép những chuyện lạ thường là chỉ rằng người mà có được những chuyện ấy là người xuất chúng siêu-quần, phi-thường lỗi-lạc, thì người ấy là người có cái sự-nghiệp khác hơn người. Ấy cũng là cái bệnh thông-thường của nhà chép sử, như chuyện cha rồng mẹ tiên, một bọc trăm trứng ở nước Nam ta, chuyện điện đồ nhiều sao xu mà bà Phụ-bửu sinh vua Hoàng-đế ở nước Tàu, chuyện vua Thần-vũ thiên-hoàng là dòng - dõi Thái - dương - thần Amaterasu ở nước Nhật, thì có khác gì nhau. Chớ cho những chuyện như thế là hoang-dường bất-luật bỏ cả, thì xem sử cũng một-thứ lắm.

Đất Trùng-kê hẹp, nhân-dân đông-dúc, không thể ở lâu được, nên ông Mạc Cửu mới đem nhau về Mang-khâm để lo bề khôi-phục.

V — Đầu nam dâng đất, mẹ tu cất chùa.

Về Mang-khâm rồi, có mưu-sĩ là Từ Quân bàn với ông Mạc Cửu rằng người Cao-miền tâm-tĩnh không chùng, là đất Mang-khâm là đất hải-tân, lúc loạn lạc khuynh-nguy biết lấy ai cứu-viện, chỉ bằng qui-phục với Nam-triều thì có chỗ ý-lại mà đối-dịch với Xiêm chẳng là hay hơn. Mạc Cửu nghe lời, nên mùa thu năm Giáp-ngọ có vua Hiếu-Minh năm thứ 24 (Nguyễn, (1714), Mạc Cửu thân đến triều Huế dâng biểu xin dâng đất Mang-khâm mà xưng thần. Chúa Minh

vương bằng lòng, cho đặt Mang-khâm phụ-thuộc mà đổi tên là Hà-tiên-trần 河仙鎮, sắc phong cho Mạc Cửu là Tổng-binh đại-tướng-quân cho ở giữ trấn Hà-tiên, có ban đủ cả ấn-triên mũng-mạo, và cho người đưa về trọng-hậu. Từ đấy ông Cửu mới lo xây đắp thành-quách, và đặt quan ra cai-trị các phủ quận chung quanh, trong mấy năm công việc đã thấy chỉnh-dốn lắm. Trong trấn nhân-dân càng ngày càng trù-mật, thanh-thế từ ấy đã dần dần khôi-phục được.

Việc nước đã an, mới đến việc nhà. Bà Thái-bà là bà thân sinh ra Mạc Cửu, người mộ đạo từ-bi, nhân lúc trong trấn đã an, Mạc Cửu mới lập một tòa chùa để bà ở tu niệm, tên chùa là «Tiêu-tự», tục gọi là chùa Tam-bảo. Truyền rằng một hôm bà vào qui hướng trước phật đài mà hóa, giải-thoát trần-duyên. Mạc Cửu bèn hết sức đức kim-thần bà để thờ tại chùa ấy. Nền chùa hiện nay hãy còn tại làng M-đức tỉnh Hà-tiên.

VI. — Nối chí nhà xuân. đẹp an bình cỏ

Vầng trăng tròn khuyết, mặt nước đầy vơi, mây tào xóa bầy, biển dâu biến đổi. Ngày 27 tháng năm năm Ất-mão (1735) Mạc Cửu từ-trần, thọ 81 tuổi, nhân-dân đau-dớn thương tiếc như cha mẹ. Lúc này con ông là Mạc Tử 莫賜 đã đứng tuổi, thông-minh vốn sẵn tư trời, noi theo chí cha mà kế-thuật, nên việc tổng-tàng cha xong rồi thì ông Mạc Tử bèn tiến triều dâng biểu mà tâu lên vua Hiếu-minh hoàng-đế. Vua Hiếu-minh nghĩ công Mạc Cửu mới truy-phong là Thái-công khai-trấn thượng-trụ-quốc đại-tướng-quân, và phong cho ông Mạc Tử làm Tổng-binh đại-dó-đốc, ban cho mũng đồ mào vàng, ấn bạc, về giữ trấn Hà-tiên thay Mạc Cửu.

Nhà vua lại lũng-phong cho họ Mạc *thất diệp phiên hân* 七葉藩翰 là lấy bảy chữ « thiên, tử, công, hầu, bá, tử,

nam 天子公侯伯子男 » làm chữ lót tên, và lấy năm chữ thuộc loại ngũ hành tương sinh là « kim thủy mộc hỏa thổ » mà đặt tên. Mạc Tử từ đấy thêm chữ *thiên* ở giữa tên, còn chữ *Tử* 賜 thì bỏ chữ *bối* 貝 bên thay chữ *kim* 金 vào thành chữ Tích 錫; họ Mạc 莫 thì nhà vua không muốn cho trùng với họ Mạc Đổng-Dung, cho họ Mạc ấy là tiếm-ngịch, mới thêm cho chữ *áp* 卬 bên, nên từ đấy tên họ Mạc Tử đổi lại gọi là Mạc Thiên-Tích 鄒天錫, con cháu cứ tuân-tự theo đó mà lấy tên. Như con ông phải lót chữ *tử* 子 và tên phải lấy chữ có *thủy* 水 bàng, cháu ông phải lót chữ *công* 公, và tên phải có chữ *mộc* 木 bên v. v. .

Mạc Thiên-Tích đã chịu hậu-phong của Nam-triều, nên từ đấy một lòng qui phục. Mấy năm sau khai về miền duyên-hải đông-nam đất Hà-tiên thêm được bốn huyện nữa: 1. Long-xuyên (Cà-mau bây giờ); 2. Kiên-giang (Rạch-giá); 3. Trấn-giang (Cần-thơ); 4. Trấn-di (Bãi-xàn), các huyện đều dâng vào bản-dồ Nam-triều cả.

Bấy giờ những huyện ở giáp-giới đất Cao miên thường bị giặc Cao-miên cướp bóc chiếm cứ luôn. Năm 1739 có giặc Cao-miên là Nặc-bồn đến đánh Hà-tiên. Thiên-Tích khai chiến, binh Cao-miên đông, phải kiệt lực đánh mới thắng được, nên dốc binh đánh cả ngày đêm, quân lính không lúc nào được rảnh tay. Mạc phu-nhân là Nguyễn Thị-Thủ phải coi việc hỏa-dầu, lo cơm nước đủ cung cấp cho quân lính, theo trong loạn-quân trước dầu gây mũi dao, luôn mấy ngày đêm, sau giặc Cao-miên thua chạy qua đất Sài-mạc mà về nước. Từ đấy không dám sinh sự đến đất Hà-tiên nữa.

VII. — Xây nên Văn-miếu, dựng các Chiêu-anh

Từ đấy thanh-thế ông Mạc Thiên-Tích càng ngày càng to, oai danh càng

ngày càng lớn mới lo đến việc giáo-hóa nhân dân, đặt trường tự, chiêu tập những người tài俊, người Nam có, người Tàu có, để đem lễ-nghi văn-hóa mà ban bố cho dân gian.

Tại Hà-tiên thì lập ra một thi-dân gọi là « Chiêu-anh-các招英閣 » để thờ đức thánh Khổng-phu-tử và đón những thi-bá, văn-hào, anh-hùng, chí-sĩ được mười tám người gọi là *thập-bát anh* 十八英. Cái Chiêu-anh-các bấy giờ là một văn-miếu, là một thi-dân, mà cũng là một nơi hồ-trường. Cái nền văn-miếu ở đất Hà-tiên từ ông xây móng, và cái giếng tốt văn-chương sản ra ở đất Hà-tiên cũng từ ông gieo hạt vậy.

Những thơ sau này vịnh xứ Hà-tiên có những câu :

- Hà-tiên tự cổ xưng thi-bá. . .
河僊自古稱詩伯。
- Từ phủ tăng hoa văn-hiến quốc. . .
詞賦增華文獻國。(1)
- Văn chương cao ngất trúc-bằng thành. . .
文章高屹竹欄城。(2)
- Tài-hoa lâm lập trú phương thành. . .
才華林立著芳城。(3)
- Nam bắc hàm văn thập bát anh. . .
南北咸云十八英。
- Hồ chức long thoa thành nhũ tụng. . .
虎職龍梭成雅頌。
- Chiêu-anh các thượng hữu tinh công.
招英閣上有精工。

thi thật cực-tả cái cảnh tượng nhân-vật lúc bấy giờ vậy.

Ông Mạc Cửu cùng thập-bát-anh thường có cái thú : « cao-sơn lưu-thủy thi thiên trúc, minh-nguyệt thanh-phong tửu nhất thuyền, gian tay người tài-tử khách thần-tiên, chén rượu thánh câu thơ thần thích chí. » Trăng gió Đồng-hồ 東湖, biển trời Nam-phổ 南浦, hoa cỏ Bình-sơn 屏山, đá cây Thạch-dũng 石洞,

nước mây Kim-dữ 金嶼, chim cò Châu-nham 珠岩, chuông sớm chùa Tiêu 蕭寺, trống khuya giang-thú 江曙, buồm cần câu thông-thả bến Lư 羅溪, uống rượu các thành-thời rừng Lộc 鹿峙, đủ mọi chiều thanh lịch, đủ mọi vẻ phong-lưu, nhờ nét mực ngòi lông của các cụ tô-diêm, mà non nước cây cỏ Hà-tiên càng thêm sinh-sắc. Trấn Hà-tiên không mấy nổi mà đã nổi tiếng là một nơi thanh-danh văn-vật.

Cái khí-vị đất Hà-tiên lúc bấy giờ thật là cái khí-vị nhẹ-nhàng trong-sạch, cái cảnh-tượng đất Hà-tiên lúc bấy giờ thật là cái cảnh-tượng đầm-ấm tươi-cười, cái tư-cách đất Hà-tiên lúc bấy giờ thật là cái tư-cách tao-nhân mặc-khách, cái phong-vị đất Hà-tiên lúc bấy giờ thật là cái phong-vị Hán-sĩ Đường-nho vậy.

Những thi-ca ngâm-vịnh lúc bấy giờ vì sau trải qua một cuộc lửa binh, mấy văn chẳng khuyết mấy thơ chẳng tàn, nên nay không còn được bao nhiêu. Sách chép rằng ông Mạc Thiên-ích có làm hai tập Hà-tiên thập-cảnh vịnh 河仙十景詠. Một tập bằng hàn-văn, một tập bằng quốc-văn và ba mươi bài phú Lư-kê nhân diếu 羅溪閣釣. Nay mười bài Hà-tiên thập vịnh bằng quốc-văn còn truyền đủ, chứ những thơ chữ hán chỉ còn mấy bài thôi. Lại cái di-chỉ Chiêu-anh-các bây giờ cũng không được biết đích thực là chỗ nào nữa.

Sau những khách hoài-cổ qua chơi Hà-tiên, mền cảnh nhớ người, thổ ra biết bao nhiêu câu ngâm-ngui than-tiếc, giọng ai-oán nào-nùng như bài :

Thi hữu tinh-anh tứ hữu thần,
詩有精英思有神。
Sơn hà y cựu vật hoa tân;
山河依舊物華新。

(1, 2, 3) — Những chữ: Văn-hiến-quốc, Trúc-bằng-thành, và Phương-thành đều những lời tốt trở vào đất Hà-tiên.

Bách niên thế sự hồn như mộng,

百年世事渾如夢。

Thầy thị Chiêu-anh các thượng nhân?

誰是招英閣上人。

Và câu :

Thầy năng thức đắc Chiêu-anh các,

誰能識得招英閣。

Minh nguyệt thanh phong nhận đắc

chân;

明月清風認得真。

thì kẻ chép sử « cũng nhân-tâm ấy, há thiên-lý nào ! »

Về đường binh-nhung thì trấn Hà-tiên có cái cảnh : « liễu-dinh xuân thi mã, hồ-trướng dạ đàm binh 柳營春試馬。虎帳夜談兵 », công việc quân-ngũ cũng chinh-bị lắm. Hãy đọc một đoạn thơ ông Thiên-Tích vịnh Giang-thành dạ cổ 江城夜鼓 :

... Ghê thay một thứ tân-ca,

Quang-âm nghiêm-nghị thu-hào dễ qua.

Yên nước nhà phải gài then chốt,

Dự phòng khi nhảy-nhót binh - đao.

Đêm hằng canh trống truyền-lao,

Miền an đất chứa quân nào thân tôi... ;

thì biết Thiên-Tích lúc bấy giờ tuy có lo về hàn-mặc, mà không nhãng việc binh-nhung. Bởi thế nên việc trị - an trong trấn có cái cảnh-tượng như câu : *Dục vọng sôi bốn phương thanh phước*, và câu : *Đầm rồng bật chảy tám kinh vắng sôi*... Còn việc gìn-giữ ở biên - cảnh cũng có cái tình hình như câu : *Giao nghe nhồm gáy chuột rình nếp hơi*...

Nhân-dân trong trấn đã có cái cảnh an-cư lạc-nghiệp, mỹ-tục huấn-phong như những câu ông vịnh *Lộc-tri thôn cư 鹿村居* :

...Người thanh-nhàn vật thì long-thịnh.

Dân bang-kỳ ý sánh Kỳ-tây.

Nhà nhà cửa cửa thuận thay,

Nơi ngâm thơ Lý nơi vầy rượu Tó.

Đã say no lại tỉnh nhân nhượng,

Vì ở nơi cư thượng hữu khoan.

Thanh-thời đất thẳng bìa an,
Có dân làm lụng có làng ăn chơi.

Xem thế thì dân Hà-tiên thật là thắm-nhuần cái ơn giáo-hóa, cái công bảo-hộ của ông Mạc Thiên-Tích sâu lắm vậy.

Lúc này vua Hiếu-Minh hoàng-đế đã thăng-hà, vua Hiếu-Vũ hoàng-đế nối ngôi, ông Thiên-Tích cũng cứ giữ lễ thường ba năm bốn-thần đến triều cống.

Bấy giờ Mạc phu-nhân đã sinh hạ được bốn trai, ba gái : Tử-Hoàng 子潢, Tử-Dung 子溶, Tử-Thượng 子滂, Tử-Thiểm 子添 ; Thị - Long 氏隆, Thị-Hai 氏仁 và Thị-Giác 氏覺.

Vợ Tử-Hoàng là Hứa-thị sau sinh hạ : Công-Bá 公柏, Công-Trụ 公柱, Công-Thê 公栖, Công-Tài 公材, Công-Du 公楹 và Công-Bình 公柄.

VIII. — Môi-giới chúa Nguyễn :

Giao thiệp Cao-miền

Bấy giờ nước Cao - miên có biến-loạn luôn. Năm kỷ-tị (1749) con Nặc-Thảm là Nặc-Nguyên đem binh Xiêm-la về đánh Nặc-Tha mà tranh lấy ngôi vua trong nước, rồi lại cử binh xâm-phạm đất Cao-miền và dòng bắc thì thông với chúa Trịnh để đánh chúa Nguyễn. Năm nhâm-thân (1752), vua Hiếu-Vũ hoàng-đế mới phải sai quan Thống-suất là ông Thiệu-Chinh, quan Tham-mưu là ông Nguyễn Cư-Trình đốc tướng-sĩ ngũ-dinh đi đánh Nặc-Nguyên. Nặc-Nguyên thua bỏ thành Nam-vang chạy xuống Hà-tiên, mà nương theo với ông Mạc Thiên-Tích, nhờ ông dâng sớ về chúa Nguyễn tâu xin cho hiển Tầm-bôn Lôi-lạp các đất ấy để xin chuộc tội. Năm sau ông Mạc Thiên-Tích dâng sớ tâu hết mọi việc ấy, lại ông Nguyễn Cư-Trình cũng dâng sớ tâu rằng : « Việc khai-cương thuộc địa nên dùng cái chính-sách tâm-thực. » Vua Hiếu-Vũ mới nghe lời, lâu nhận lấy đất hai phủ, cho Nặc-Nguyên về nước.

Sau Nặc-Nguyên chết, chú họ là Nặc-Nhuận xin hiến đất Trà-vang, Ba-thắc để cầu được quyền giám-đốc quốc-sự, người Nặc-Nhuận liền đó lại phải rẽ là Nặc-Hình giết chết, con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn chạy xuống Hà-tiên cầu cứu với ông Mạc Thiên-Tịch. Ông không dám tự lệnh, bèn dâng sớ tâu lên vua Hiếu-Vũ hoàng-đế. Vua y lời, mới chỉ sai tướng ngũ-dinh Gia-dịnh hợp với ông Thiên-Tịch mà lo việc ấy. Ông Thiên-Tịch đem binh lên giúp an đất Cao-miền, xong rồi Nặc-Tôn được vua Hiếu-vũ sắc phong là Thiên-vương, mới hiến đất Tâm-phong-long và cắt đất Hương-áo (vùng Thơm), Cần-giột (Kampot), Chưng-rum, Sài-mạt và Linh-quỳnh năm phủ, tạ ơn ông Thiên-Tịch. Ông Tịch đều đem dâng cho thuộc vào bản-đồ Nam-triều cả. Bấy giờ xứ Nam-kỳ mới đặt ra các đạo. Ở Sa-đéc thì đặt làm Đồng-khẩu-đạo, các xứ Tiền-giang thì đặt làm Tân-châu đạo, các xứ Hậu-giang thì đặt làm Châu-đốc đạo, đem năm phủ của Nặc Tôn nạp hiến, và mấy xứ lệ-thuộc Hà-tiên trước kia mà đặt làm Long-xuyên và Kiên-giang hai đạo, từ đó mới toàn thuộc về Nam-triều kinh-lý cả.

IX. — Xiêm-la gây hờn, Hà-tiên thất-thủ.

Tháng mánh-dông năm giáp - thân (1764) nước Xiêm có loạn, người Diến-diện (Birmanie) xâm lấn đất Xiêm. Tháng qui-thu năm đinh-hợi (1767) nước Xiêm đại-bại, thành-quách đều bị giặc Diến-diện chiếm cứ cả. Hai hoàng-tử nước Xiêm là Chiêu-Tụy và Chiêu-Xi Hân, cùng kẻ gia-thần hơn trăm người chạy đến Hà-tiên cầu cứu với ông Mạc Thiên-Tịch xin giúp binh phục quốc. Ông Thiên Tịch dâng biểu tâu vua Hiếu-Định hoàng-đế. vua y lời tâu và sắc dạy quan Tiền-khiển ngũ-dinh là Khôi-dức-hầu đem binh hiệp cùng ông Thiên - Tịch được lo giúp việc phục

quốc cho hai hoàng-tử Xiêm. Ông Thiên-Tịch được lệnh ấy liền dự-bị đề-tấn-binh, kể hay tin rằng người Cao-miền mạnh lắm xâm phạm nước Nam, nên phải định việc giúp Xiêm lại, đề đương địch với Cao-miền đã. Thế nên hai hoàng-tử Xiêm phải lưu-ngụ lại Hà-tiên.

Lúc này ở nước Xiêm đã tam-phân ngũ-liệt, những nhà có thế-lực đều giữ lấy binh-quyền mình mà xưng-hùng xưng-bá, giành-giữ đánh giết nhau, không còn thống-hệ gì nữa. Khi ấy có người Trịnh-Yên 鄭 衍 người Triều-châu (Tân) là nhà đại-thương thấy nước Xiêm đang cơn biến-loạn, mới chiêu-tập đồng-dãng được dư muôn binh, mưu cướp nước Xiêm. việc chưa thành bị bệnh mà thác, con là Trịnh Tân 鄭 新 kế chí cha, giúp được các «sứ-quân», lấy nước Xiêm mà làm vua, thế-lực càng ngày càng mạnh. Trịnh Tân lại còn e hai hoàng-tử Xiêm là Chiêu Tụy và Chiêu Xi-Hân có ngày viện được binh An-Nam về phục quốc, mới gửi thư cho ông Thiên-Tịch và bạc vàng gấm vóc đưa lễ rất hậu. cầu ông Thiên - Tịch hãy bằng lòng trả cho hai hoàng-tử Xiêm về nước, thì cắt đất đền ơn, và thường năm tấn-cống. Nhưng ông Thiên-Tịch nào phải như ai vì vàng đồ mà đen lòng son, nên ông quyết không nhận lời Trịnh Tân. Bởi thế nên cái mầm ác-câm của Trịnh Tân với ông Thiên-Tịch từ đây manh-nha, mà cái phong-trào chinh-chiến của nước Xiêm và trấn Hà-tiên từ đây sôi-nổi.

Ông Thiên Tịch vì lo việc phục quốc cho hai hoàng tử Xiêm, nên muốn do thám binh-tình Trịnh Tân, mới sai con rể ông làm chức Ngũ-nhung là Từ-hầu đem chiến thuyền đến cửa Bắc-nam xin mời Trịnh Tân ra hội-hảo. Trịnh Tân trước đã có sai người tâm-phục là A-Mi ở đó làm người nhà em ông

Thiên-Tích, nên việc ông Thiên-Tích vừa tỉnh thì A-Mị đã đưa tin về cho Trịnh Tân hay liền. Bởi thế mà mưu ông Thiên-Tích bại-lộ. Trịnh Tân không chịu ra tiếp kiến Từ-hầu. Từ-hầu đóng binh đợi ngoài cửa Bắc-nam hơn nửa tháng, sự không thành lại gặp bão to, hư mất mấy chục chiếc thuyền, mới phải bỏ chạy qua núi Nôm 覆釜山, kể ít ngày bệnh mà thác.

Năm sau ông Thiên-Tích lại sai con của em gái ông là Trần-Hầu đề-đốc năm muơn binh qua đất Chinh-bung (*Chantaboun*) chiếm-cứ, đóng đồn-bảo để thừa cơ mà đánh lấy thành Vọng-các (*Bangkok*). Trịnh Tân mới sai tướng là Trần Tân đem binh đến cứu viện đất Chinh-bung, bị Trần-Hầu đánh một trận đại-bại, kéo binh chạy về Vọng-các. Từ ấy Trịnh Tân không ra binh, truyền bệ các yếu-lộ để cố-thủ.

Trần-Hầu nghĩ được một chước bảo hoàng-tử Xiêm là Chiêu-Tụy lên đưa thư vào cho dân Xiêm hay, để làm nội-ứng; nhưng thế-lực Trịnh Tân lúc bấy giờ còn mạnh lắm, dân Xiêm thì đương trong vòng lao-lung, nên cũng không làm được việc gì.

Trần-Hầu đóng binh ở Chinh-bung hơn hai tháng, bị ma thiêng nước độc, dịch-khi lại nổi lên, quân lính hao chết nhiều quá. Trần-Hầu phải bệnh nặng, chư-tướng mới gửi thư về cho ông Thiên-Tích hay, ông Thiên-Tích bèn ra lệnh cho Trần-Hầu thoái binh. Về đến nơi ông Thiên-Tích phải dâng biểu tạ tội với triều-đình.

Vua Hiếu-Định hoàng-đế mới sắc dạy quan điều khiển ngũ dinh ở Gia-định là Khôi-đức-hầu, nếu từ đây người Hà-tiên có báo-cáo sự nguy-cấp, thì phải mau đem binh cứu-viện; còn trấn Hà-tiên cũng phải hư-trương thanh-thế luôn. Bởi cơ ấy mà quan Khôi-đức-hầu lại sinh lòng tham-những, đòi ông Thiên-Tích phải cung-

cấp lễ mễ, ông Thiên-Tích không xử cho được vừa lòng, thì Khôi-đức-hầu lại sinh lòng oán-hận, nhân đó mà có việc không hay sau này.

Năm tân-mão (1771) Trịnh Tân binh-thể đã lớn, mới cử binh sang đánh Hà-tiên, ông Thiên-Tích báo cho quan Khôi-đức-hầu hay và xin binh cứu-viện; vì cái oán « không đầy túi tham » kia mà quan Khôi-đức-hầu không chịu phát binh. Quân trấn Hà-tiên vừa mới bị bệnh ở Chinh-bung năm trước, binh-thể đã suy nhiều, nên không thể sao đánh thắng được binh Xiêm. Ông Thiên-Tích sai con thứ tư là Tử-Thiểm đề-đốc lục-binh ngăn đường bộ, còn con thứ hai là Tử-Dung quản suất chiến thuyền giữ đường thủy, và chư-tướng ngăn các yếu-lộ, đánh nhau với Xiêm hơn nửa tháng. Trong thành đã nguy, ngoài không binh cứu, thế giặc càng ngày càng lớn, nên trấn Hà-tiên bị binh Xiêm vây phủ. Nhân đêm tối binh Xiêm lên được bờ vào đốt kho tàng, thừa lúc lửa cháy mà leo thành, nổi đỏ trong danh ra, ngoài đánh vào; ông Thiên-Tích liền chết, thế quyết chẳng chịu bỏ thành, đánh vui với binh Xiêm suốt đêm. Đánh trận này tỏ cho thiên-ha biết ông Thiên-Tích là một người dũng-cảm lạ thường. Tình-thế đã nguy-ngập, nhưng ông đánh vẫn hăng-hai lắm, càng khuya càng hay, càng lâu càng mạnh, trong đêm đó, một thanh đao ông tung-hoành trong vòng quân giết chết binh Xiêm vô-số, nhưng binh Xiêm đông và có dùng súng « tiểu-thương », nên binh Hà-tiên hao nhiều lắm. Chư-tướng thấy thế không chống cự mãi được, nếu đánh lâu tất có nguy, mới nghĩ chước dối ông Thiên-Tích xuống thuyền để đánh trận thủy. Khi ông Thiên-Tích xuống được thuyền rồi, chư-tướng mới đốc binh chạy qua An-giang (Châu-độc).

Binh Xiêm lấy trấn Hà-tiên, thu vét của cải, cướp bóc nhân-dân, con gái

và hầu - thiếp ông Thiên-Tích đều bị hại. Con thứ tư ông là Mạc Tử-Thiem thừa lúc loạn quân, thoát được vòng vây ra đường biển mà chạy về Gia-dịnh. Chứng ấy quan Điều-khiển Khôi-đức-hầu mới hay trần Hà-tiên đã mất, bèn cho người xuống An-giang rước ông Thiên-Tích về Gia-dịnh.

Lúc ấy binh Trịnh Tân đã đánh lấy được An-giang nữa. Quan Trấn-thủ Đông-khâu đạo (Sa-déc) biết tin, mới đem bốn-bộ xuống chống cự. Đạo tiên-phong của Xiêm, vì không thuộc đường, nên chiến-thuyền đều bị cản cạn, chúng mới phải bỏ ghe lên bộ. Kế đến binh Đông-khâu đạo vừa đến, đánh một trận, giết được binh Xiêm rất nhiều, Trịnh Tân ở đạo hậu còn dư lại muốn binh, bèn thẳng lên Nam-vang, vua Cao-miên là Nặc-Tôn nghe giặc đến, bỏ thành chạy, Trịnh Tân vào lấy thành Nam - vang, bắt được Nặc-Tôn, bèn đóng binh lại ở đó, có ý muốn đánh Gia-dịnh.

Ông Thiên-Tích về Gia-dịnh rồi mới dâng biểu tạ tội. Vua Hiếu-Định hoàng-đế xét ra việc thất-bại ấy là tại quan Điều-khiển không cấp binh cứu-viện, mới sai quan Đốc-chiến là Đàm-luân-hầu và quan Tham-tán là Hiếu-hạnh-hầu đem binh Bình-hòa Bình-thuận vào Gia-dịnh, làm tội quan Khôi-đức-hầu, giáng chức cho làm cai-dội. Đàm-luân-hầu và Hiếu-hạnh-hầu lại đem binh Bình-hòa Bình - thuận hiệp với ông Thiên-Tích thẳng lên Nam-vang đánh Trịnh Tân. Trịnh Tân đại-bại, chạy về Hà-tiên, đề tướng là Trần-Liêu ở lại cố-thủ Hà-tiên rồi thẳng về Vọng-các.

Trần Hà-tiên là nơi hiểm-dịa, mà Trần-Liêu thì cứ cố-thủ nên không sao đánh lấy lại được. Ông Thiên-Tích mới phải ở lại Trấn-giang (Cần-thơ) mà mưu sự khôi-phục.

Năm qui-tị (1773) vua Hiếu-Định hoàng-đế lại sắc dạy ông Thiên-Tích hãy cho người qua Xiêm giao-hảo, ông Thiên-Tích bèn sai Trịnh Tú là người biện-thuyết giỏi sang Xiêm. Trịnh Tú đến ra mắt Trịnh Tân được Trịnh Tân bằng lòng, mới trả những dân bắt ở Hà-tiên lại cho ông Thiên-Tích. Vua Hiếu-Định mới chiếu dạy ông phải lo sức dưỡng quân lính đề đối-dịch với giặc Tây-sơn.

X. — Lòng trung chúa Nguyễn, không dẫu Tây-sơn.

Năm giáp-ngọ (1774), có giặc Tây-sơn ở Bình-dịnh. Đàng bắc thì Trịnh Sâm vào đánh Huế, nên chúa Nguyễn là Duệ-tông Hiếu-Định hoàng-đế (con thứ 16 chúa Võ-vương hiếu-võ hoàng-đế), cùng với cháu là Nguyễn Ánh (con Hiếu-khương-vương là con thứ hai chúa Võ-vương) giết nhau chạy vào Gia-dịnh. Ông Thiên-Tích đem các con đến yết kiến vua. Vui Hiếu-Định mới phong cho Tử-Hoàng làm chức Chương-dinh; Tử-Dung làm chức Tham-sai tham-tướng cai-cơ; Tử-Thượng làm chức Thắng-thủy-lĩnh-sai cai-cơ, đều cho về ở giữ Trấn-giang (Cần-thơ).

Năm ất-vị (1775), Tây-sơn Nguyễn-Huệ vào đánh lấy Gia-dịnh, vua Hiếu-Định xuống Rach-Chanh, có binh Đông-sơn (1) theo hộ-vệ, rồi chạy về Trấn-giang ở với ông Mạc Thiên-Tích, năm sau binh Tây-sơn lại đuổi theo đến nơi. Ông Thiên-Tích bèn sai quan Ngũ-nhưng hộ giá vua Hiếu-Định nơi đường sông ra Kiên-giang (Rach-giá) mà xuống Long-xuyên Cà - mau (2), còn ông thì ở lại giữ Trấn-giang.

Vua Hiếu-Định và các hoàng-thần cùng nhau chạy xuống Long-xuyên. Đến tháng chín năm đinh-dậu (1777) lại bị binh Tây-sơn đánh lấy được

(1) Những binh theo giúp Chúa Nguyễn đánh Tây-sơn, xưng là Đông-sơn. — (2) Cà-mau trước là Long-xuyên, mà Long-xuyên thì trước gọi là Đông-xuyên.

Long-xuyên bắt vua Hiếu-Định và hoàng-tử Đồng (Mục-vương) hai chú cháu về Gia-dịnh mà hành quyết.

Còn Hoàng-tử Xuân là con thứ 17 đức Võ-vương được chiếc thuyền nhỏ mới thoát ra biển lánh khỏi.

Lúc này Nguyễn Huệ biết ông Thiên-Tích là người phò chúa Nguyễn đặc-lực, nên sai người đem thư đến dụ ông về đầu. Ông Thiên-Tích được tin cả giận, truyền chém sứ, từ quyết một cách khảng-khải.

Ôi! *dẫu rằng vật đổi sao dời, từ sinh vẫn giữ lấy lời từ sinh*, ông Thiên-Tích có cái tính-tình ấy; *cùng nhau trót đã nặng lời, dẫu trong nguy-hiềm dăm dời ước xưa*, ông Thiên-Tích có cái chí-khí ấy; *một lời trót đã nói ra, đá vàng cũng quyết phong-ba cũng liều*, ông Thiên-Tích cũng có cái can-dảm ấy. Xem như câu ông vịnh *Châu-nham lạc lộ 珠岩落鹭* có câu: « *Quen cây chim thề người quen chúa, dễ dãi ngàn cân một tấm son* », thì cũng đoán được ông là người thế nào vậy.

Không được tin vua Hiếu-Định thế nào, ông Thiên-Tích lấy làm nóng lòng lắm, bèn đem binh ra hòn Phú-quốc để đề bề dò hỏi.

Chúng-dân hay được tin ông đi, giắt nhau theo ông nhiều quá; ông phải sửa thêm chiến-thuyền để chở. Đến Phú-quốc ông gặp Hoàng-tử Xuân, mới hay vua Hiếu-Định bị Tây-sơn bắt, ông đau đớn thống-khốc đến bỏ cả ăn ngủ. Chư-tướng khuyên mãi, ông mới nguôi dần.

Ông bàn với Hoàng-tử Xuân nên qua Xiêm, xa đường giặc, đề dưỡng binh rồi sẽ liệu cơ mà đánh lại. Ông bèn đem kẻ tùng-nhân qua ở đất Laxan (khỏi Chinh-bung), Trịnh-Tân hay được tin, mới cho người đến đón ông. Trước ông không nỡ bỏ kẻ tùng-dân mà đi, sau có người khuyên ông chẳng

nên từ chối, vì sợ Trịnh-Tân nghi-nan thì lỡ việc, lại nhân đó mà cầu Xiêm giúp binh, nên thàng chấp năm ấy (1777) ông mới đến Vọng-các ra mắt Trịnh-Tân. Ông được Trịnh-Tân tiếp rước trọng-hậu, đãi theo bậc vương-hầu trong nước.

XI. — Thất cơ bức chí

nhẹ mạng uống vàng

Mùa đông năm đinh-dậu (1777), vua Gia-long thu-phục được Gia-dịnh mới sai sứ là Lưu Phước-Trưng xuống Xiêm tu-hảo và báo cho Thiên-Tích với Hoàng-tử Xuân hãy về nước đề lo mà chống với đảng nguy. Trịnh-Tân có ý không muốn cho về, lấy cớ nghi là thư giả mà giữ ông lại, dợt dò cho được tin đích thực đã.

Mùa xuân năm canh-tí (1780), vua Gia-long tức vương-vị ở Gia-dịnh, tháng 6 năm ấy sai Tham-Tĩnh đem thư đến Xiêm giao-hảo, xin cho Hoàng-tử Xuân và Mạc Thiên-Tích về nước, nhưng lúc ấy có thuyền buôn Xiêm ở Quảng-dông về đến Hà-tiên, bị quan lưu-thú ở đấy là Chương Thủy Thăng bắt lại giết người lấy của thì ra là thuyền của Trịnh-Tân cho đi buôn. Trịnh-Tân hay được tin này liền bắt Tham-Tĩnh hạ ngục rồi nói cho Hoàng-tử Xuân và Thiên-Tích hay, bảo gửi thư về Gia-dịnh hỏi coi vì cớ làm sao đã có thư giao-hảo lại có sự bắt thuyền buôn này, cho bốn người tùy-viên mang thư đi, mãi đến tháng mười chẳng thấy tin-tức ra sao cả. Lại có Bồ-ông Keo là người Cao-miền đem dâng cho Trịnh-Tân một bức thư nói rằng bắt được ở trong mình một người An-Nam tên Thận. Thư ấy là thư ở Gia-dịnh gửi cho ông Mạc Thiên-Tích và Hoàng-tử Xuân báo liệu cơ làm nội-ứng được lấy thành Vọng-các.

Nguyên người đem thư của ông Mạc Thiên-Tích sai về Gia-dịnh trước kia bị binh Tây-sơn bắt được, sợ nếu đề

cho chùa Nguyễn ý-giốc vào nước Xiêm thì khó đánh, nên mới có bức thư giả này làm kế phản-gián. Trịnh - Tồn không xét thấu, lại lấy việc Chưởng-Thủy Thăng bắt thuyền trước kia, càng tin chắc lắm nữa, nên giận lắm, bèn đem Hoàng-tử Xuân và Mạc Tử-Dung ra tra tấn để hỏi sự phản-bạn ấy. Hoàng-tử Xuân đang bệnh, không chịu được đau, phải nhận việc ấy là có, còn Mạc Tử-Dung cứ khẳng-khải không chịu cung xưng. Trịnh Tồn bèn hạ sát. Ông Thiên-Tích thấy việc đã hư, vừa buồn lòng vừa bức chế, nên ngày mồng 5 tháng mười năm canh-ti (1780) ông uống vàng (1) mà tự-tấn, thọ được 70 tuổi.

Ôi, cái chết mà cao-thượng mà trong-sạch thay! Ông nuốt vàng mà chết là bụng ông đối với sắc vàng không hề, tấm lòng ông sẽ với sắc vàng thiên vạn cổ về sau còn đỏ còn son, tấm son gột rửa bao giờ cho phai, thì cái danh ông sẽ cùng với cái chất vàng thiên vạn cổ về sau còn thọ. Cái tinh-anh vàng không bao giờ tiêu-diệt, thì cái tinh-túy anh-hào của ông cũng không bao giờ tiêu-diệt, chết là thể-phách còn là tinh-anh; mà cái di-hận của ông tưởng cũng là cái di-hận thiên vạn cổ về sau sẽ cùng với màu vàng không phai nhạt, sau này dẫu-dặc muôn đời không quên! Những người có cái hoài-bảo to, cái chí-hướng lớn, cái hi-vọng cao, thường phải ngâm cái câu: « *Thử tâm vị liễu thân tiên liễu* 此心未了身先了 », thì thực khởi tình mang xuống tuyền-dải chưa tan, xưa nay vẫn thế... Kể chép sử xem sử đến những đoạn này không sao không ngừng ngòi bút đặt quyền sách, đem tấm lòng bàng-khuàng tưởng-nhớ, rỏ một vài giọt lệ dề bằng-diệu cồ-nhân. Đã biết người anh-hùng vẫn xem cái chết làm thường, chết mà phải vui mừng chứ không nên thương khóc, là cái chết oanh-oanh liệt-liệt, tự mình hi-sinh cho cái chết, thì dẫu rằng

thịt nát xương mòn, cũng vẫn ngậm cười chín suối, chứ cái chết của ông Thiên-Tích đây dẫu được thế! Thuở binh-tố thì khi-tiết như thế, tài-lược như thế, hoài-bảo như thế, sự-nghiệp như thế, mà đến cái chết của ông thì thật là « *bất đắc kỳ tử* », chết một cách âm-thầm u-uất, chết một cách dễ-dãi tâm-thường, thì ta nay có thân-tích vì ông, thương-tâm vì ông, thông-hận vì ông, mà trần-tố cho ông, tưởng cũng không phải là một chuyện « *nực cười*, khéo dư nước mắt khóc người đời xưa » dẫu!

Ông Thiên-Tích thác rồi, qua 24 tháng 10 ông Hoàng - tử Xuân cũng chết, với con cháu ông 24 người và kẻ tùng-nhân 17 người, cả thảy 53 người đều bị hại ở Xiêm. Còn lại hai cháu nhỏ gọi ông Thiên-Tích bằng bác là Tử-Sanh 子生, Tử-Tuấn, 子濬, nhờ một quan Xiêm có bụng thương mới nói với Trịnh Tồn xin để cho nuôi, và 4 cháu nội ông là Công-Du, Công-Bình, Công-Thê, Công-Tài, nhờ người dân-gian đem giấu nên đều khỏi hại.

Sau người nước Xiêm hai anh em Chất-tri và Sô-Xi giúp được Trịnh Tồn lấy nước Xiêm lại mà làm vua, giao-hảo với nước Nam mới cho những người An-Nam bên ấy về nước.

Năm Quý-mão (1783), vua Gia-long đánh với Tây-sơn thất-bại, chạy qua Xiêm cầu cứu vua Xiêm là Chất-Tri. Lúc ấy các cháu ông Thiên-Tích đến yết-kiến vua, có Mạc Tử-Sanh được 13 tuổi, vua phong làm chức Tham-tướng lý chánh-lầu và mấy người tùng-nhân trước về nước, cho ở trấn-thủ Hà-tiên. Khi ấy con cháu ông Thiên-Tích mới đem di-hải của ông và ông Tử-Dung về Hà-tiên an-tàng.

Cháu bốn đời ông Mạc Cửu là Công-Du, Công-Bình, Công-Thê, Công-Tài đều lĩnh chức hiệp-trấn giữ Hà-tiên.

(1) Nuốt thứ vàng lá để sơ thép; nuốt vào, vàng làm bí các khiếu ngạt hơi mà chết.

Cháu năm đời ông là Hầu-Hi 侯熹.
Hầu-Điệu 侯耀, Hầu-Phong 侯烽 và
cháu sáu đời ông là Bà-Bình 伯坪, Bà-
Thành 伯城 đều được chức cai-dội
tập-âm.

Đến cháu bảy đời ông là Mạc Tử-
Khâm 鄒子欽 vô-tự, nên dòng họ
Mạc đến bảy đời là dứt.

Sau Nguyễn-triều trung-hưng mới
truy-phong cho ông Mạc Cửu chức:
*Hà-tiên trấn khai-trấn thượng-trụ
quốc, đại-tướng-quân, Nghị-vũ công*
河仙鎮開鎮上柱國大將軍毅
武公: ông Mạc Thiên-Tích chức: *Tổng-
binh đại-dô-đốc quốc-lão Sùng-quân-*

công 總兵大都督國老崇郡公
ông Mạc Tử-Dung chức: *Tham-tướng
cai-cơ, phụ quốc tướng-quân, cầm-y-vệ
chưởng-vệ-sự, đô-đốc, chưởng-cơ, Lý-
chính-hầu*, 參將該奇輔國將軍錦
衣衛掌衛事都督掌奇理政侯.

Phần mộ họ Mạc hiện còn được
kiên-cố ở núi Bình-sơn, làng Mĩ-đức
tỉnh Hà-tiên, và có đền thờ là Trung-
nghĩa-từ 忠義祠, dân Hà-tiên thờ
làm phúc-thần, có 12 đạo sắc truy-phong
của ba vua Minh-mệnh, Thiệu-trị, Tự-
đức, và cấp cho một sở Phong-ngạn
蜂岸 để làm đất hương-hỏa đời đời.

Hà-tiên LÂM TẤN-PHÁC.

Phụ-lục mười bài vịnh « Hà-tiên thập-cảnh » bằng quốc-văn của ông Mạc Thiên-Tích soạn ra (1)

I. — Đông-hồ ấn-nguyệt

東湖印月

Lữ-thờ kia núi no non,
Đời bao mấy lũ cảnh còn nhương-như
Mắt lão-lung mãnh nhìn hoa cỏ,
Một Đông-hồ là thú Vồng-xuyên.
Vũng bâng nước trải trời liền,
Khi bao rứa cùc giòag thuyền giúp vui.
Nguyệt sao soi một vầng vàng-vặc,
Tương giữa dòng in sẵn cung-ngà.
Khách tiên vậy lũ đôi ba,
Trên khoe mặt ngọc dưới lõe dài gương.
Một tấm huồm muôn trùng xa cách,
Nhìn nhau thì trong sạch nước thu.
Nồi chim đã hẳn trước sau,
Lông không chồn hiềm quần đầu lạnh-luog.
Hiu-hiu ai phất gió đông,
Trên hồ tinh-tử một dòng lung-lay.
Kẻ gió mưa người thì non nước,
Hai phía đều chiếm được thu-thanh.
Cảnh lành như đợi người lành,
Mưa nhào một khắc giá đánh nghìn cầu,
Thấy tinh-thần tấm lòng phơi-phới,
Biền vẽ-vời xui lại nguồn tham.
Khuyến ai chưa trả áo cơm,
Đã say thể nước lại ôm thể trời.
Mấy khách chơi xa gần tưng-tu,
Rượu thơ bày chắt ngủ năm canh

Say sưa xem cảnh hòa-thanh.

Ca soang dưới nguyệt tiếng doanh trên ngàn,
Mấy khách thuyền mỗi tài mỗi đủ,
Thường giai-ký kéo phụ lương-tiêu.
Hóa nghe hóa tỏ hóa xiêu,
Gió mưa phủ động nước bèo khiến tan.
Chút lời hoang giải vẫn tả cảnh,
Miễn đừng cười dễ sánh tiên-chương.
Thơ rằng

Một hồ rờ-rờ tiết thu-quang,
Giữa có vầng trăng nổi rõ-ràng.
Bây nước chân mây in một sắc,
À Hằng nàng Tố lộ đôi phương.
Rạng thanh đã hứng thuyền Tô-tử,
Lạnh-lẽo càng đau dạ Lạc-xương.
Cảnh một mà tình người dễ một,
Kẻ thì ngã-ngón kẻ sầu thương.

II. — Nam-phổ trừng-ba

南浦澄波

Muôn cùng lời chúng phổ-trương,
Rằng nơi Nam-phổ một phương là đời.
Khắp dưới trời rằng nơi cảnh-vật,
Muôn miệng truyền hằng thật nào ngoa.
Thanh-thanh nước trải dòng la,
Đó ai dệt được long-thoa cho tẩy?
Bằng-lãng thay núi dài ngủ rộng,
Mấy phùng-tri một giếng quang-tĩnh.

(1) Mười bài sao-lục ra sau đây, truyền lại đã lâu, không chắc có khỏi tam-sao thất-bản, duyệt-
giả có tưởng hơn đính-chỉnh lại cho.

Đã hay ngao-ngán dòng xanh,
 Cá phun nước mực bạc doanh khói trà.
 Nhạn gần xa hãy còn hiệp lũ,
 Chồn bãi nổi bay phủ mừng xuân.
 Tiếc ai gỏi vục ran tần,
 Giang-hồ du-khách mở gần hải-môn.
 Mặc cá tôm đều bày nhạn-nhân,
 Đầm giao-long chưa hẳn dòng khơi.
 Có khi mặc được thợ trời,
 Cũng tòa nhật nguyệt cũng ngôi linh-thần.
 Thú giang-tân này là đệ nhất,
 Nghĩ trần-hoàn một vật một ưa.
 Nguồn trong nước sạch thấy chưa ?
 Cá phao ống ngọc lướt lừa dòng ngân.
 Khách giang-tân tắm lòng mai-mại,
 Sự muốn năm đường hãy mới qua.
 Mãng còn ngoạn-cảnh lần-la,
 Định ai thổi tiếng gió xa đưa gần.
 Khúc vừa ngừng giọng cười ha-ha,
 Tưởng-tượng dường chẳng bặt trần-ai.
 Nước thu đã cạn trời dài,
 Vui trong tạo-hóa khác ngoài càn khôn.
 Ghe ngư-thôn ngâm đề đồ-phủ,
 Sức tài hèn chưa đủ đua bơi.

Thơ rằng :

Dòng Nam vững rặng khách đầu
 chơi,
 Hai thớt như thêu nước với trời
 Bãi khói dưới không hương lại
 bủa,
 Hồ gương trong có gấm thêu rơi.
 Sóng chôn vẫy ngọc tình không xiết,
 Nhạn tả thơ trở giá mấy mươi.
 Một là yên-ba đầu lỏng-lẻo.
 Dong trắng lừng gió nước với voi.

III. — Giang thành dạ-cổ

江城夜鼓

Hồ là làm khách tiêu-dao,
 Muốn cùng hưởng ý trải bầu tam-thiên.
 Tràn Hà-tiên mỗi nơi một lạ,
 Người bốn phương riêng đã ước-ao.
 Ghé thay một thú tân-cai,
 Quang-âm nghiêm-ngệ thu-hào dễ qua.
 Yếu nước nhà phải gài then chốt,
 Dự phòng khi nhứt nhét binh-đạo.
 Đêm hừng canh trống truyền-lao,
 Miễn an đất chừa quân nào thân tới.
 Dục vạc sôi bốn phương thanh-phước,
 Phép nhà binh mỗi chức một hay.
 Ấc vàng vừa lặn hang tây,
 Liễu-dinh tiếng trống vang vầy sơn-xuyên.
 Lệnh một truyền cửa viên giải áo,
 Vạc lặn đồng vừa báo sơ-can.

Nhung-bàng có thứ phân-minh,
 Đăm rỗng bật nhẩy tằm kinh vắng sôi.
 Treo sáo trời diễn bay chủ khách,
 Rạng muôn quân chia sạch Vị-Kinh.
 Càng khuya càng nhứt máy binh,
 Giao nghe xôn gậy chuốt riết nếp hơi.
 Ba bốn dùi đêm đã quá nửa,
 Chénh bóng hờn ngả dựa bờ sông.
 Tan canh rồi lại rặng đồng,
 Phò-tang một miếng chiếu đồng thả vô.
 Vững cơ-đồ khỏe phò thế nước,
 Mỏ đường đi khỏi bước chông gai.
 Sắt định là chỉ con trai.
 Dành người diu dặt đề tay chống thành.
 Đấng vượt nạch anh-tài đã tới,
 Vệ Thanh xưa thủ tốt năm mươi.
 Hãy cho hết phận lối người,
 Cấp non đôi thuở vên trời có khi.
 Khách phụng-tri cũng gồm thao-lược,
 Chồn thi-dân bấy bước tranh-phong.

Thơ rằng :

Trống quân giang-thú nổi uy-phong
 Nghiêm đóng đôi canh ỏi núi sông
 Bảnh phá mặt gian người biết tiếng
 Vang truyền lệnh sấm chúng nghiêng
 lòng
 Phao tuồng đã thấy an ba vạc,
 Nghiêm nhứt chỉ cho lọt mấy lông
 Thề lụng sớm hầu trưa bóng ác,
 Tiếng xe sầm-sạt mới nên công.

IV. — Tiêu tự thần chung

蕭寺晨鐘

Khách chùa Tiêu ân-cần phật-tự,
 Đêm đêm hằng phả thú âm dương.
 Giắc hộc ong bướm mơ-màng,
 Lầu quán trống đã điểm sang năm dài.
 Nỗi buồn vui mặc lòng nhộn-nhủ.
 Gối chưa êm còn bả sự lỏng.
 Gió đưa mấy tiếng thanh-chung,
 Lóng tai nghe lọt bên lòng vui-vui.
 Đối hòa trời sao bay lỗ-mở,
 Vén nhành dương rực-rỡ bốn cầu.
 Chầy kinh thánh-thốt đêm thiền,
 Tĩnh nghe thì một tĩnh sâu thì trăm.
 Kể chẳng năm ngôi chằm đạo-vi.
 Niệm câu kinh sử trí hằng đưa.
 Dầu không lợc nước quyền vua,
 Câu thơ lỗ kiến cầu đùa chòm ông.
 Tiếng lạch-lùng vẫn càng sâu thiết,
 Khách tha-hương sâu biết mấy mươi.
 Phải buồn lập chí thanh-thời,

Đã ôm sự nước lại bơi sự nhà.
Chạnh lòng già riêng buồn chềch gối.
Một tiếng nghe bằng suối nước đông.

Thuyền ai dật dựa bên sông,
Riêng thau mấy tiếng náo-nùng nửa đêm.
Kể êm lòng càng nhiều phở-tế,
Ngộ thiên-cơ làm lẽ ý-vương.

Phong-dô khí nổi hỏa-thang,
Dạ còn mơ-lường mờ-mang từ-đồ.
Ảnh vãng ô vên mù dương-cốc,
Tuệ-nhãn xem trần-tục cũng thanh.

Đường thiên khéo giắc bóng quanh.
Cũng tay tình trí tu-bách rất sâu,
Khách tiêu-dao hướng tỉnh vì cảnh,
Bỏ nguyên-đề phủ chánh tay cao.

Thơ rằng :

Rừng thiên xit-xát ăn ngoài tào,
Chuông giống chùa Tiêu tiếng tiếng cao.
Chày thổ bạt vang muôn khóm sóng,
Oai kinh tan lúc mây cung sao.
Nào phiền kẻ nấu sôi như vạc,
Trí-tuệ người mài sắc tựa dao.
Mơ một gấm đường say mới tỉnh.
Phú-sinh trong một giấc chiêm-bao

V. — Lư-khê nhàn-diêu

欸溪閒釣

Lại nghe hũy có cảnh thanh,
Nhà ngư-Rạch-vượt sáo in nguồn Đào.
Nổi âm-hao bày giờ mới tỉnh,
Kéo gió truyền bán-tin bán-nghi.

Lao-xao lời chúng thị-phí,
Thế non thế nước thanh-kỳ hóa hai.

Dẫu có bài « địa-linh nhân-kiệt »,
Hội ý đây mới biết chẳng vu.

Bên sông có mấy nhà ngư,
Xa xem bóng ngõ bức đồ đan-thanh.

Sánh thị-thành lấy làm nhàn-nhã,
Cũng ơn thần cũng trả nợ vua.

Chối ai lợi chuốc danh mua,
Vui nghề chài lưới tôm cua tháng ngày.

Khi xuống khe một nghe một khác,
Ai ai đều mặc sức hoan-ngư.

Đây đà bao buộc năm hồ,
Một mùi đồ sứt bốn mùa thành-thời.

Câu lộng khơi thích tình khơi lộng,
Bút linh-ngao nước động càn-khôn.

Đang nò hại loại một món,
Lửa kinh như vạc sóng cồn lao-xao.

Thiếp ba-đào kia người đóng dấy,
Tóm trăm loài một dấy lược-thao.

Chia nhau lớn bé thấp cao,

Cá rồng một mắt kinh ngao lộn trông.

Đủ cần sông lại cần tới rạch,
Chờ can cần mỗi cách mỗi hay.

Khi về hiệp mặt gian tay,
Rượu xuân rượu cúc lại vầy tiệc vui.

Biết phân ngôi biết phân chủ khách,
Tuy giang-thỏa nào khác Trường-an.

Trong ca nghe có tiếng vang,
Cũng lời mặc-khách cũng trang cao-bằng.

Thơ rằng :

Đến vược nhà ngư lợp mấy tầng,
Trong nhàn riêng có việc lãng-xăng.
Lưới chài phơi trải đầy trời hạ,
Gỏi rượu say sưa toại nghiệp hằng.
Nghề Thuần hỷ truyền bên trác-trác,
Dân Nghiêu còn thấy đủ rành-rành.
So đây mười cảnh thanh hòa lạ,
Họa cảnh-Hào nguyên mới sánh chằng.

VI. — Lặc-trĩ thôn-cư

鹿峙村居

Ta tình ngư-giã thẳng lui,
Lần qua Lặc-trĩ trải chơi cho tường.

Người bốn phương vầy làm một tát,
Tranh cổ thư lưu-lạc đường an.

Khóm non miêng nước chan-chan,
Thú vui mỗi thú dân nhân bốn dân.

Dầu bí-vận đợi thời mây gió,
Lòng chưa nguôi chút ngõ tối ngay.

Ruộng dân là chốn dân này,
Đề khi gỏi rượu đèn ngày nắng mưa.

Ba sáo trưa hũy còn nghĩ khỏe,
Toại tắc lòng già trẻ đều no.

Hoặc thuyền hoặc bộ cũng cho,
Miễn thông của thế ngõ bù khát-khao.

Thà ba-đào chẳng thà tướng-phủ,
Ông cháu truyền một thú ngư-hà.

Non Ngưu đôi bữa lân-la,
Rút dây đẳng-cát quây chà liễu-dương.

Nấy một phương cây mây cuốc nguyệt,
Ba tháng xuân chưa thiệt một ngày.

Đồng Châu nội Võ ra tay,
Khi cầu nước trí khi cây núi nhân.

Người thanh-nhân vật thi long-thạch,
Dân bang-kỳ ý sáo Kỳ-tây.

Nhà nhà cửa cửa thuận thay,
Nơi ngâm thơ Lý nơi vầy rượu Tô.

Đã say no lại tỉnh nhơn-nhượng,
Vi ở nơi cư thượng hữu khoan.

Thanh-thời đất thẳng bữa ao,
Có dân làm-lung có làng ăn chơi.

Thôi lảnh đầu chờ quẻ cũng thú,
 Ít nhiều nơi theo dấu sừa sang.
 Chuông-nam nẻo tất làm quan,
 Để cho chim nghé vượn bản cái danh.

Thơ rằng :

Lâm lộc ai rằng thú chẳng thanh,
 Nửa kẻ nước biếc nửa non xanh.
 Ruổi co chẳng túng cán khôn hạp,
 Cúi ngửa vì vàng đức-giáo lành.
 Lưu-loát hưởng dư ơn nước thanh,
 Ê-hề sẵn có cửa trời dành,
 Đâu no thì đó là an lạc,
 Lựa phải chen chân chốn thi-thành.

VII. — Bình-sơn điệp-thúy

屏山疊翠

Sau thành dựng núi Bình-sơn,
 Cao-kỳ một khóm an-nhàn bốn dân.
 Đuốc tinh-thần ngọc lành cảnh tốt,
 Cao thấp đều trọn một thức xanh.
 Thợ trời sao khéo địa-tinh,
 Đá giảng lưng hạm cây đoanh khúc rồng.
 Lược đông-phong trái dấu điệp-thúy,
 Lúc trời xuân rơi phỉ muông cảnh.
 Rờn rờn trúc lục thung xanh,
 Chỗi xuân non bên lá quỳnh phơi gie.
 Ong vói ve om xôm cụm liễu,
 Bướm dập-diu lẻo-đẽ chòm hoa.
 Mây liền ba khóm một tòa,
 Dưới trên bích mát gần xa xanh giề.
 Cách bên khe tiếng ngư ra-rả,
 Gõ mạn thuyền ca họa đôi cung.
 Dưới rừng mấy trẻ mục-đồng,
 Lưng trâu thổi địch gió lồng theo khe.
 Tiễn đi về dưng dưng chẳng dứt,
 Cây lả là trưa mặc còn chơi.
 Tầng kia mấy bức xanh tươi,
 Đòi thanh đòi nhũ một nơi một nhai.
 Nghĩ thế-gian một bầu phong-cảnh,
 Sao cho bằng hết chánh nổi riêng.
 Trưag-bưng thú dạn chim quen,
 Bãng - xãng tỉnh nước đeo phiến lòng mây.
 Phỉ thay là người này cảnh ấy,
 Toại ba sinh như thấy kỷ-viên.
 Thích tình vui thú anh-linh,
 Nương theo tiên-vân hồ nhai phượng-mao.

Thơ rằng :

Một bước càng thêm một thú yên,
 Lân cây vết đá vẽ hay thêu.
 Mây tòng khói liễu chông rồi chấp,

Hòn suối ca chim thấp lại cao,
 Luật-ngọc Châu-công chẳng phải thời,
 Ngòi sương Ma-cát đã thua nhiều.
 Đến đây mới biết lâm-tuyền quý,
 Chẳng trách Sào Do lảnh Đế-Nghieu.

VIII. — Thạch-dộng thôn-vân

石洞吞雲

Lân.la lại bước qua đông,
 Nước vai thủ nước non mòng thú non.
 Tầm lòng sơn dã say đòi cảnh,
 Vội giữa trời một đỉnh cao xây.
 Chập-chồng cửa lợp cao dày,
 Một gang khép mở năm mây ra vào.
 Tường động-đào đầu đây lại sót,
 Đoái tư bề nghi-ngút khí linh.
 Trời gần gang tắc chẳng chừng,
 Để tòa Bắc-đầu dựa dinh Tử-hư.
 Thú dữ ưa thú cầm cũng có,
 Ngăn giữa dòng dấu ngũ nguy-nga.
 Một hang bên điện thay là,
 Bã phun tám gió lại hà năm mây.
 Khi tan bay hòa trời lóm-khóm,
 Khi bay về một đám linh-lung.
 Bông thu ghé trần thương-bưng,
 Cũng cơ lữ rụng cũng chừng lưng voi.
 Thở một hơi chín tầng khí thoát,
 Hòa mưa xuân nhuần rưới ruộng dâu.
 Khi làm gần-rữ non Ngưu,
 Cũng làm ngút tỏa ngang lầu Nhạc-đương.
 Khấp bốn phương gồm về một động.
 Máy hư-linh hồ rộng khắp xa.
 Rờ ràng sắc cổ màu hoa.
 Đào say thức đáng mai tòa đoá trắng,
 Vải sơn-tàng hỏi rằng ai phụ.
 Phải đây là dấu cũ Thiên-thai.
 Vách thơ mấy lữ trăm bài,
 Chẳng hay Hán-sĩ cũng tài Đường-nho.
 Kếp-phong-lưu diệu càng họa hươu,
 Giỏi năm văn với bạn ngâm-nga.

Thơ rằng :

Qui-trở thần soi nổi một tòa,
 Ghom cây khóm đá dấu tiên-gia.
 Hang sâu thăm-thẳm mây vun lại,
 Cửa rộng thênh-thênh gió thổi qua.
 Tróng-lông bốn bề thâu thế-giới,
 Chang-bang một dãy chứa yên-hà.
 Chân trời mới biết kho trời đầy,
 Càn dái hên chi rõ ỷ-la.

IX. — Kim-dữ lan-đào

金嶼欄濤

Giữa trời một đỉnh cao xây,
 Sáu ngao ấy giá năm mây là lâu.
 Trái ngàn thu con vua ngâm đá,
 Suy hình-hài như thả ngọc-phong.
 Kim-thang đứng sững giữa dòng,
 Công cao nhạc độc tuổi đồng càn khôn.
 Chốn hải-môn tiết còn rành-rạnh,
 Chồng miếu đường một cách với xa.
 Há chồng cây nhóm giao-gia,
 Ngấn ghềnh rảy mực cảnh hoa diêm ngấn.
 Dầu qui thần hằng âu chơn chớ,
 Khách thoát nhin sức nhớ Bồng-lai.
 Thú nẫu rừ quên lòng ai,
 Say sưa biển rộng dãi mải non tiên.
 Thế tự-nhiên ghềnh cầu vịnh lưới,
 Nước cùng non trên dưới đều ưa.
 E khi nổi trận nắng mưa.
 Sức lăm đánh bắc tài lừa phò nam.
 Thời có làm giốc an muốn chúng,
 Bồi thành dài mặt chống nước xa.
 Ghe phen chiến-hạm vào ra,
 Thu-đào vỡ mặt Phục-ba kính lòng.
 Hết rũi run gặp ngày ca-khải,
 Thu quân về cũng hãy dưỡng-an.
 Một tay vững đặt giang-san,
 Danh phong Kim-dữ trước ban lan-đào.
 Bọt như phao núi gồ-gồ chẳng động,
 Sóng biển an khơi long đều thanh.
 Hãy hãy nước biển non xanh,
 Gõ gươm thần-võ dân lành khỏi nghiêng.
 Ai chẳng khen ai mà chẳng ngợi,
 Hằng lâu-la diệu vợi nài chi.
 Muốn cho sáng cảnh sơn-khê,
 Đáp trong nguyên-vận hóa đề một thiên.

Thơ rằng:

Kim-dữ này là núi chốt-then,
 Xanh xanh dành trấn cửa Hà-tiên.
 Ngấn-ngĩa nước dữ không vùng-vẫy,
 Che chở dân lành khỏi ngã nghiêng.
 Thế vững kinh-cảng trên bắc-hải,
 Công cao đồ-sộ giữa nam-thiên.
 Nước an chẳng chút long thu-động,
 Rộng bủa nhân xa tiếp bách-xuyên.

X. — Châu-nham lạc-lộ

珠岩落鷺

Luôn đàng trở gót ra đi,
 Chân còn Thạch-động mất thì Châu-nham.
 Thế đã cam thơ nào mặc đặng,
 Bính thể này mấy bạn họa danh.
 Đỉnh kia thấp ọ đã đành.

Sói hùm lộn lạo yến oanh dần-dần.
 Non chẳng già ai xưa khéo đặt,
 Nở chồi thu hũy khác kiểu-nhiều.
 Đọc dò đá mọc cheo leo,
 Đã quen quyền nhận lại nhiều rủ lang.
 Có đâu kẻ số muôn ngàn,
 Tuôn mây vén ngút mang mang bay về.
 Đây bốn bề kêu la tỏ-mở,
 Lộn rông rông như võ chòm ong.
 Rơi ngàn rớt phấn giữa không,
 Sương kêu đòi cùm tuyết phong khắp hàng.
 Vĩ Hoàn-h-ương nhận phẫn chủ khách,
 Trắng hòa ngàn chẳng khác trời đông.
 Cheo nhau giáp cánh đứng lòng,
 Vật tranh thế ấy non lòng biết bao.
 Sắc phau phau đã nên trong sạch,
 Đối thái-hư hắc bạch càng phân.
 Bỏ ngày khác chốn giang-tân,
 Cá tôm đốn mắt xa gần ỏi tai.
 Xót cõi ngoài doi le bãi hạc,
 Nhớ đầm xưa lại nhắc ngọt ngào.
 Chỉ bằng cây cỏ tán cao,
 Co tay một giắt ba sào chưa hay.
 Dầu chẳng tày sẽ toan thế khác,
 Ai chẳng cho ưu lạc làm chi.
 Đã bay có chỗ về đi,
 Người lành chưa để mất khi đồ đình.
 Một chữ tình lại thêm chữ cảnh,
 Chạnh lòng này mấy tiếng trường-ngôn.

Thơ rằng:

Biết chỗ mà nương ấy mới khôn,
 Bay về đầm cũ mấy mươi muôn.
 Hã dăng chữ nhất dài trăm trượng,
 Lại sắp bàn vây trắng mấy non.
 Ngày giữa ba xuân ngàn phẫn vẽ,
 Đêm tròng chín hạ tuyết sương còn,
 Quen cây chim thể người quen chùa.
 Để đôi ngàn càn một tấm son.

Tổng-vịnh

總詠

Mười cảnh Hà-tiên rất hữu-tình,
 Non non nước nước gấm nên xinh.
 Đông-hồ Lộc-tri luôn dòng chảy,
 Nam-phổ Lư-kê một mạch xanh.
 Tiêu-tự Giang-thành chuông trống ỏi,
 Châu-nham Kim-dữ cá chim doanh.
 Bình-sơn Thạch-động là giường cột,
 Sừng sực muốn năm cũng đề dành.

Hòa-bích Lâm Tắc-Phác
 sao-lục

THĂM HƯƠNG-CẢNG VÀ QUẢNG-ĐÔNG (1)

I

I. — Nguyên-nhân của chủ-nghĩa Tôn Dật-Tiên. — Nói về Quốc-dân-dảng và tôn-chỉ của người sáng-lập đảng ấy. — Sự xung-đột với chủ-nghĩa cộng-sản

Thành Quảng-dông là nơi bạo-dộng, nơi cách-mệnh, khách du-quan như tôi chủ-ý đến để mà bình-phẩm, thế mà trông thấy cái cảnh-tượng hoạt-dộng ấy cũng phải lấy làm kinh-dị, không thấy hứng muốn bình-phẩm nữa và lại sẵn lòng ngơ cho những điều khuyết-diểm của những người còn chưa có kinh-lịch nhiều về việc nước.

Vì cái cảnh-tượng ở Quảng-dông là cái cảnh - tượng sinh - hoạt, cái cảnh-tượng vận-dộng, lắm khi là vận - động vô-ích, nhưng mà đâu đâu cũng thấy hàng-học cái tinh-thần của thanh-niên, dần có cạnh-tranh xung-đột cũng là sự cạnh-tranh xung-đột hay của những người đương sức trai-trẻ (những người ấy chưa ai đã hơn 40 tuổi cả) tham muốn lấy tiếng với nước, muốn được lòng tin của quốc-dân, mà không phải là dùng võ-lực để tranh quyền cướp đất gì, chính là đua nhau đặt ra những phương-pháp hay để trị dân cứu nước vậy.

Trong bài kỹ-thuật này, tôi không nói những truyện người nọ người kia tranh nhau quyền cao chức trọng, tôi chủ nhất là thuật những sự cạnh-tranh về lý-tưởng, sự xung-đột quốc-dân-dảng với đảng cộng-sản quốc-tế, sự xung-đột của phái muốn đề-huê với Hương-cảng và muốn cải-tạo cho tấn-tới ngay với phái còn cho những cách bãi-công, cách đề-chế là cái khi-giới về chính-trị và còn tìm cách thân-thiện với nước Nga mãi.

Trừ có mấy người thuộc về hội-dồng trị-sự trong chính-phủ [Quảng đông, còn tôi sẽ cố ý không phẩm-bình đến các nhân-vật, vì rằng người nọ người kia, dù ý - kiến có khác nhau, nhưng ai cũng là nhiệt-thành về việc nước cả. Còn những người thuộc về đảng Cộng-sản, thời tôi dám ví như cái cối đá đeo vào cổ chính-phủ Quảng-dông, vì họ mà trong bài kỹ-thuật này có chỗ tôi phải nói đôi lời quá-dáng; đến Quảng-dông mà tiếp chuyện với bọn đó, thật là mất cả cái thú du-lịch.

..

Kể viết bài này có khi không đồng ý-kiến với ông Tôn Trung-sơn, thường thấy nhiều khi vì ông mà gây nên cái trở-lực cho Trung-quốc không hợp-nhất được. Lại có khi không tin ông là người đại-nhân, không tin rằng ông có cái địa-vị quan-hệ trong lịch-sử nước Tàu, lại cũng không tin cả cái cơ-hành - động của ông là thành-thực nữa. Nhưng nay Tôn Trung-sơn đã mất rồi, nói đến ông phải nói như một nhân-vật thuộc về lịch-sử, không những thế, lại có thể cho như một nhân-vật thuộc về tôn-giáo. Vì muốn quan-sát việc Quảng-dông ngày nay, muốn thương-lượng cho biết cái sức hành-dộng của đảng cầm quyền bây giờ thế nào, muốn hiểu được cái ý-nghĩa của sự vận-dộng của họ, nói tóm lại là muốn biết cái phương-châm, cái mục-dích của họ thế nào, không thể không công-nhận rằng cái chủ-nghĩa của Tôn Văn ngày nay thật thiên-hạ đương sùng-bái như một cái tôn-giáo rất cảm-dộng vậy.

(1) Dịch mấy bài của một nhà phóng-sự Anh đăng trong nhật-báo nước Anh ở Thượng-hải North China Daily News, theo bản dịch chữ Pháp của báo La Politique de Pékin 北京政聞報

* *

Hôm ấy là sáng ngày thứ hai, giữa đầu tuần lễ. Ở trường võ bị Hoàng-phổ (Whampoa), ở hội-dồng trị-sự, ở các chi hội Quốc-dân-dân, trong các trại lính, các quân-đội, trong bọn đồng-tử-quân, ở khắp các công-sở nhà nước, đầu đầu cũng dần ông dần bà đứng đầu trần đợi quan hữu-tư ra hành-lễ. Các độc-giã chắc đã đoán biết lễ này chính là lễ kỷ-niệm Tôn Trung-sơn vậy.

Chợt thấy đập một cái xuống bàn. Trong phòng, ngoài trại, trên sân, dưới sân, đầu đầu đều im phăng-phắc, lặng như tờ, bấy giờ thấy bao nhiêu đầu người đều cúi rầm-rập xuống ba lượt trước bức ảnh ông Tôn Văn.

Đoạn rồi đọc lời di-chức của ông, tức là lời ông tuyên-bố cho dõ-dàng khi sắp chết. Những lời ấy kể đã đọc đi đọc lại biết bao nhiêu lần rồi, vậy mà ai cũng lắng tai nghe, không nói một câu, không ho một tiếng. Rồi đứng yên lặng trong ba phút đồng-hồ để tâm-niệm về nghĩa đạo, và quả-quyết giúp công vào sự-nghiệp cải-cách của đảng Quốc-dân. Đứng tâm-niệm một lúc xong rồi, thời tuyên đọc các tờ trình về công việc trong đảng Quốc-dân và sự hoạt-dộng riêng của chi đảng đương-sự đó.

Tôi ở Tàu thật chưa từng được mục-kích một đám người Tàu họp-tập nhau mà được tĩnh-túc nghiêm-trang, lại có cái vẻ cảm-dộng bằng buổi lễ kỷ-niệm và đọc di-chức sáng ngày thứ hai đó. Một lần tôi đã được xem một lễ giống như thế ở Thượng-hải, là lễ truy-diệu ông Tôn đặt ở cửa Tây-môn, nhưng mà xem ra lơ-lãng và hỗn-độn lắm.

Ở Quảng-dông thời trong lúc làm lễ tĩnh-túc đó, mỗi khoảnh-khắc như có một cái không-khí mới, người ta hô-hấp mà cảm nhớ đến cái sức vĩ

dại của dân-tộc, lại nhớ đến những cái nông-nổi khó-khăn nguy-hiểm, khiến cho bọn mưu việc nước kia phải ra đấu sức nhau để tìm lấy phương-kế gì làm cho quốc-gia được phú-cường, quốc-dân được bình-dẳng. Dẫu người khách qua đường không có chân trong đảng Quốc-dân, dẫu người khách ngoại-quốc đến nơi tỉnh-thành này là chỗ người ngoại-quốc thường không được tiếp-dãi tử-tế gì cho lắm, trông thấy cái cảnh-tượng ấy, cũng phải cảm-dộng. Cũng cái lạ ba cái, cũng đứng lảng-lặng nghe lời tuyên-đọc mà tự mình không hiểu nghĩa là gì. Cũng tỏ ra cái thái-dộ tĩnh-túc nghiêm-trang, cũng đứng yên-lặng ba phút đồng-hồ để tâm-niệm, và trong khi ấy cũng thấy trong lòng được bình-tĩnh lạ thường. Thấy tự mình cũng có cảm-tình với những người đứng chung quanh mình đó. Ấy cái sự-nghiệp của Tôn Văn còn để lại như thế đấy. Ấy cái ý-nghĩa thâm-trầm của nhân-vật ông Tôn như thế đấy. Ông mất đi rồi mà ông lại trở nên vĩ-dại hơn là lúc bình-sinh vậy.

Nghe nói rằng lễ kỷ-niệm này là tự tướng Hsu Chung-Chi đặt ra trong quân-đội ở Sơn-dầu (Swatow) trước nhất, rồi suốt trong quân đoàn liên bất chuộc mà theo hết. Ngày nay thời lễ ấy thành phổ-thông trong khắp tỉnh Quảng-dông, và ở Quảng-tây cũng đã thành tục rồi.

Những điều ý-nguyện của ông Tôn thế nào mà ngày nay lời di-chức đã thành như những giáo-diệu cho mấy trăm vạn người Tàu tin theo? Lời di-chức cho các đảng-nhân trong Quốc-dân-dân là phải theo ba cái chủ-nghĩa, và muốn thi-hành ba chủ-nghĩa ấy thời phải qua ba thời-kỳ. Ba chủ-nghĩa là :

10/ Dân-tộc chủ-nghĩa ;

20/ Dân-quyền chủ-nghĩa ;

30/ Dân-sinh chủ-nghĩa.

Ba thời-kỳ là :

- 10) Thời-kỳ dụng binh ;
- 20) Thời-kỳ giám-đốc ;
- 30) Thời-kỳ lập-hiến.

Phàm ai ở trong Quốc-dân-dảng cũng phải biết và phải tin ba chủ-nghĩa, và ba chủ-nghĩa ấy sau này sẽ là cái gốc xung-đột đảng Quốc-dân với đảng Cộng-sản, vậy tưởng cũng cần phải cắt nghĩa cho rõ ba chủ-nghĩa ấy là thế nào. Hiện ở Quảng-dông có nhiều người biết dịch cái ý ông Tôn khi ông viết tờ di-chức thế nào. Có điều ngờ thi đã có các sách-vở của ông đã xuất-bản ; lại còn có những người đã quen biết ông thân, tức là các tay lãnh-tự ở trong đảng Quốc-dân bây giờ, một tay trừu-danh chính là con ông, là Tôn Khoa (Sun Fo).

Tôi nhớ ông Tôn Khoa cắt nghĩa cho tôi về ba chủ-nghĩa.

Trước hết ông nói rằng theo chủ-nghĩa ông Tôn thì không có cái căn-cứ gì cho chủ-nghĩa Cộng-sản được. Chủ-nghĩa Cộng-sản là chủ-trương cho chủ-nghĩa quốc-tế, mà trong tờ di-chức thời dặn rõ-ràng cho các đồ-đệ phải theo về chủ-nghĩa quốc-gia hay chủ-nghĩa dân-tộc để cầu cho nước Tàu được tự-do bình-dẳng ở trong đoàn-thể Vạn-quốc.

Chủ-nghĩa dân-tộc đối với Quốc-dân-dảng tức là chủ-nghĩa ái-quốc theo như nghĩa nước Anh, nước Pháp, nước Mỹ đã giải-thích, nghĩa là yêu-mến nước mình và hết sức phụng-sự cho nước mình, hết sức trung-thành với nước và lâm-thời có thể hi-sinh cho nước.

Thứ đến chủ-nghĩa dân-quyền, lại cũng trái hẳn với chủ-nghĩa cộng-sản cho phái lao-dộng được quyền chuyên-chế. Ông Tôn cho phép bầu-cử và lệ đa-số là chánh-dáng, duy phải chăm-chước cái chủ-nghĩa ấy với thời-kỳ đệ-nhiệ là thời-kỳ giám-đốc, thời ông nói rằng sự giám-đốc ấy là cần vì quốc-dân Tàu ngày nay hãy còn chưa

đủ kinh-lịch về chính-trị, chưa thể để cho toàn-quyền tự-quyết được.

Nhưng đối với cái tôn-chỉ của đảng Cộng-sản cho rằng giai-cấp lao-dộng hay là một giai-cấp nào trong xã-hội được quyền chuyên-chế, thời đảng Quốc-dân công-nhiên phản-đối, lấy thế là trái với phép chính-trị chánh-dáng và trái với cả lời di-chức của ông Tôn. Bọn Cộng-sản ở Quảng-dông nhân đó bài-bác lời di-chức ấy là trần-hủ. Nhưng mà bài-bác kịch-liệt đến đâu cũng không thêm được nhiều người theo, mà lại thành ra công-nhiên xung-đột với các đồ-đệ ông Tôn, bọn này họ vừa có số nhiều, vừa có thế-lực, lại vừa rất khôn-khéo, đảng Cộng-sản không thể nào đối-dịch cho được.

Sau cùng đến chủ-nghĩa dân-sinh. Chủ-nghĩa này là thuộc về sự-quan-hệ kinh-tế dân với Chính-phủ, định cái nghĩa-vụ của Chính-phủ đối với dân. Chủ-nghĩa này cũng trái với chủ-nghĩa Cộng-sản. Ông Tôn khuyên nên đặt ra lệ-luật để cho Nhà nước được quyền giám-đốc tư-bản, tức là một cách thi-hành cái chủ-nghĩa xã-hội do quyền Chính-phủ chủ-trương theo như các nước Âu-Mỹ hiện đương thi-hành ngày nay. Ông Tôn không có khuyên nên bãi-bỏ cái chế-độ tư-sản bao giờ. Ông cũng không muốn cho các công-nghệ là thuộc về Nhà nước hết cả. Ông bàn rằng những công-nghệ quan-hệ đến cả nhất-ban quốc-dân, như xe lửa, như điện-báo, vào vãn... thời nên đặt làm chuyên-quyền của Nhà nước, và những thuế tự-nhiên cùng các mỏ trong nước thời nên đặt là công-sản Nhà-nước, mà cách kinh-lý thời lập-thành công-ti. Nhà nước thay mặt dân đứng một phần, còn người lĩnh-trung đứng một phần, cách đó ngày nay nhiều nước đã thi-hành rồi. Trong sách ông Tôn lại nói rõ cách người ngoại-quốc có thể tham-dự vào các công-nghệ ấy thế nào. Phép

kinh-tế như thế thời cũng là trái với chủ-nghĩa cộng sản, vì chủ-nghĩa này khiến phải bãi-bỏ hẳn cái tư-sản đi.

Thuộc về vấn-đề ruộng đất thời lời di-chức khuyên rằng quyề-sở-hữu nên cho được quân-binh, nghĩa là những sản-nghiệp ruộng đất to quá nên chia bớt đi để cho nông-dân mỗi người đều có phần ruộng đất riêng của mình mà cấy-cấy, cách đó thì hiện nay phần nhiều ở nước Tàu đã được như thế rồi.

Nay nói đến ba thời-kỳ, thời ông Tôn nói rằng cứ hiện-tình nước Tàu đương giữa buổi bọn quân-phiệt cát-cử và lộng-hành thật là hại cho nước và tất phải cần đến võ-lực mới phá nổi được bọn đó. Trong cái thời-kỳ dụng võ-lực để phá bọn quân-phiệt đó, thời lại liền ngay cái thời-kỳ giám-đốc, nghĩa là đảng quốc dân bấy giờ phải thay quyền dân mà chủ-trương việc nước, vì dân tuy vốn có quyền nhưng chưa đủ tư-cách thi-hành được chánh-đáng, nên phải có một chính-đảng tạm-thời giám-đốc cho. Trong thời-kỳ này, thời nghĩa-vụ của dân-đảng là phải dạy dân thế nào cho có thể cầm quyền chính-trị được, không những là đủ tham-dự vào chính-đảng và chính-phủ mà thôi, lại đủ giám-đốc được lại cả chính-phủ và chính-đảng nữa. Trong thời-kỳ này thời đảng Quốc-dân có hai cái nhiệm-vụ cốt-yếu: một là làm chính-phủ, hai là làm cái cơ-quan cõ-dộng cho quốc-dân mỗi ngày một biết để ý đến việc nước; theo như lời một người ở Quảng-đông đã nói, đảng Quốc-dân đảm-đương cái nhiệm-vụ thứ nhì đó tức là làm giảm cái nhiệm-vụ thứ nhất đi, là cái nhiệm-vụ cầm quyền chính-phủ để giám-đốc cho quốc-dân trong khi hãy còn bơ-ngỡ về việc nước.

Sau đến thời-kỳ cuối cùng là thời-kỳ lập-hiến, bấy giờ thời dân đã biết tham-dự việc nước và thi-hành quyền-lợi của mình, thời-kỳ này nay hãy còn chưa tới.

Nói tóm lại thời bảo Quốc-dân-dăng Tàu là một đảng Cộng-sản, hay là bảo chính-phủ Quảng-đông là thuộc đảng Cộng-sản là nói sai, vừa sai về sự-thực, vừa sai về danh-từ. Dù xét về phương-diện nào mặc lòng, chính-phủ Quảng-đông cũng có thể cho là tiêu-biểu một cái công-phu thành-thực để thi-hành cái chủ-nghĩa của ông Tôn và mưu sự ích-lợi cho nước.

II. - Cách cai-trị của Quốc-dân-dăng. - Chính-đảng cầm quyền chính-phủ lần thứ nhất. - Cách cai-trị ấy hay dở ra thế nào.

Khi Quốc-dân-dăng chiếm được quyền chính-phủ ở Quảng-đông hơn một năm nay, thời phải đối-phó với sự phản-đối của bọn quân-phiệt ở trong hàng tỉnh và ngoài hàng tỉnh, đối-phó với những cái phong trào trong dân-gian muốn làm cho giảm mất quyền-lợi chính-phủ đi; lại phải xung-đột dữ với Hương-cảng là nơi có đủ thế-lực chống lại với đảng Quốc dân, và làm cho chính-phủ đến phải khuyh-đảo được.

Nếu đảng Quốc-dân muốn chiếm giữ lấy quyền chính-trị để thi-hành cái chủ-nghĩa của mình thời trước hết phải chiếm được quyền giám-đốc bọn quân-phiệt, sau phải mua chuộc lấy lòng công-chúng để cho hoặc có kẻ quân-nhân nào muốn khuyh-đảo như đối với các chính-phủ Quảng-đông từ trước đến giờ cũng không thể làm gì được; muốn có quyền giám-đốc bọn quân-phiệt, và muốn được lòng nhân-dân trong hàng tỉnh, đảng Quốc-dân đã phải đánh hai trận ở mặt Đông và mặt Nam và phải đuổi được những bọn quân-nhân Vân-nam và Quảng-tây ở Quảng-đông đi hết. Lại muốn cho nhân-dân phục-tòng thời chính-phủ Quốc-dân phải âm-trợ cho bọn thợ hải-công. Dù người rất nhiệt-thành với dân, Quốc-dân cũng không dám cả quyết rằng đảng này đã chiếm được toàn-quyền chính-trị trong

tỉnh Quảng-dông được hơn sáu tháng nay. Bài này chỉ xét về cách tổ-chức và cách cai-trị của Chính-phủ Quốc-dân, vậy chỉ nói về cái tình-trạng trong sáu tháng cuối cùng này mà thôi.

Chính-phủ quốc-dân lấy tờ di-chức của ông Tôn làm kỷ-cương chính-trị.

Những người cầm quyền chính-trị ngày nay quyết rằng ở tỉnh Quảng-dông thời-kỳ vô-bị đã qua rồi mà hiện đã bắt đầu thời-kỳ giám-đốc.

Trong thời-kỳ này thời Quốc-dân-dảng chiếm lấy quyền của dân và thay vì dân mà cai-trị, nhưng chủ-ý là tập cho dân có ngày đủ tư-cách thi-hành được lối chính-trị dân-chủ.

Cái đoàn-thể đã lập ra Chính-phủ quốc-dân là Đại-hội-ng nghị Quốc-dân-dảng họp ở Quảng-dông từ ngày mồng 1 đến ngày 20 tháng giêng năm 1926. Hội-ng nghị ấy chọn một hội uỷ-viên trung-ương coi về việc hành-chính và gồm những lãnh-tự Quốc-dân-dảng khắp nước Tàu. Hội trung-ương uỷ-viên là cơ-quan của chính-dảng, không can-thiệp gì với Chính-phủ ngày nay. Hội uỷ-viên phải quản-lý các việc trong đảng, thừa-nhận những đảng-nhân mới, khu-trục những người bất-trung-thành với đảng, thông-tin với các chi đảng trong nước Tàu và khắp thế-giới, và trừng-trị những quan-lại Chính-phủ không phục-tòng các tôn-chỉ của đảng, thứ nhất là ba chủ-nghĩa đã tuyên bố trong lời di-chức của ông Tôn. Tuy vậy cái chức-vụ quan-trọng nhất của « Hội uỷ-viên hành-chính trung-ương », chính là chọn lấy một tòa chính-trị hiện nay giám-đốc cho Chính-phủ Quảng-dông và đương tổ-chức lại Chính-phủ Quảng-tây.

Tòa chính-trị có những người như sau này: HOU HAN-MIN (Hồ Hán-Dân), WANG CHING-WEI (Vương Tinh-Vệ), TAN CING-CHAN, tướng TAN YEN-KAI, tướng PHANG KAI-SHIK (Vương Giới-Thạch)

tướng CHU PEI-TEH, Bác-sĩ C. C. OU, SUN FO (Tôn Khoa) và T. V. SOONG. Có ba người dự-khuyết để thay cho những người vắng mặt: LIN TSU-HAN, CHEN KUNG-PO, và KAN NAI-KOUANG.

Ở các tỉnh khác nước Tàu, chưa thấy đâu chỉnh-dốn được các máy chính-trị cho thành Chính-phủ hẳn-hoi. Đầu đầu cũng còn giữ cái lối cũ, là lối « Đốc-quản, Tỉnh-trưởng và Tỉnh nghị-hội », danh-hiệu có khác nhau, nhưng lẽ-lối cũng vẫn thế.

Lối ấy chẳng qua là mô-phỏng lối Mãn-Thanh cũ cai-trị các hàng tỉnh, thật là hỗn-dộn và lộn-lệ vô-cùng. Duy có tỉnh Quảng-dông là biết ra tay thay đổi các lối cũ đó, không phải là nhân đó mà dần dần đổi mới đầu, nhưng chính là làm mới hết cả, không hồi-cổ đến lối cũ một chút nào. Sự cách-tán đó làm theo một cái chủ-nghĩa như sau này: là phạm việc gì có thể giao cho các hội uỷ-viên đảm-dương được thì đặt hội uỷ-viên, chứ không giao cho cá-nhân làm, khiến cho cái trách-nhiệm có chia ra mà vẫn nhất-định. Duy chỉ có hai phần việc là còn giữ các bộ thự và đặt bộ-trưởng như cũ, nhưng cũng là tạm-thời mà thôi, và chỉ chủ đề giải-quyết những sự khó-khẩn bởi Bắc-kinh và bởi các tỉnh còn giữ lối chính-trị cũ.

Cái lối chính-trị bằng hội uỷ-viên đó được cái lợi là đầu cá-nhân có khuyết-pháp mà quyền-chức vẫn thi-hành được. Tỉ như HOU HAN-MIN là Tổng-trưởng Bộ Ngoại-giao, nhưng trong khi ông vắng thì việc bộ vẫn làm, vì đã có Bác-sĩ C. C. OU và ông FOU PING-CHANG thay quyền và đảm-dương trách-nhiệm.

Có một điều dường như khuyết-diễm, là không có đủ nhân tài mà đảm-dương được hết những chức-quyền khuyết đó. Vì thế cho nên một người có thể tham-dự nhiều hội uỷ-viên, và đồng-

thời vẫn chuyên-chủ một việc hành-chính riêng. Như Bác-sĩ C. C. Ou vừa là thị-trưởng thành Quảng-đông, lại vừa có chân hội hành-chính trung-trương, tòa chính-trị, hội thẩm-phán, nhiều các hội ủy-viên khác nữa, lại chuyên riêng về việc giao-thiệp và thương-thuyết với Hương-cảng.

Nhiều các quan-viên khác cũng thế. Cách phân-phát tài-lực như thế cũng có điều bất-tiện, sự bất-tiện ấy chỉ bao giờ Quảng-đông thu-phục được nhiều nhân-tài trong nước thì bấy giờ mới khỏi được. Chính-phủ xem ra cũng sẵn-sóc kiếm người lắm, nhất là những người đã đi du-học ở ngoại-quốc về để làm tay chuyên-môn giúp việc. Tất có người hỏi: một viên quan-lại kiêm nhiều chức như thế, có được mỗi chức mỗi lương riêng không?

Cứ thực thì mỗi chức đều có định lương cả, nhưng một viên quan-lại chỉ được lĩnh có một lương mà thôi, lĩnh phải ký giấy biên-lai cẩn-thận.

Tỉ như Bác-sĩ Ou, lương tháng là 800 đồng, phụ-cấp 500 đồng; tiểu phụ-cấp ấy phần nhiều dùng để mua dầu xe ô-tô cả.

Tòa chính-trị cử một hội-đồng Chính-phủ 16 người toàn là bọn quan-liêu cả, cốt ý để tổ ra sự độc-lập của Chính-phủ Quảng-đông đối với Chính-phủ Bắc-kinh.

Rồi đến các cơ-quan hành-chính hiện cầm quyền chính-trị ở Quảng-đông. Hai Bộ cũ hầy còn là bộ Ngoại-giao và bộ Tài-chính. Tuy bộ Ngoại-giao chính là trực thuộc về Tòa Chính-trị, nhưng vẫn giữ tên « Bộ » để tiện-biểu sự độc-lập của Chính-phủ Quảng-đông đối với Bắc-kinh, rõ ra cái ý rằng bộ Ngoại-giao này là coi việc ngoại-giao cho cả quốc-dân, chứ không phải cho riêng một tỉnh. Bộ Tài-chính thì giữ là vì theo pháp-luật phải là một bộ mới có quyền thu các thuế, thứ nhất

là thuế điền-thổ. Bộ này quan-trọng lắm, sau sẽ có một chương bản riêng.

Quân-vụ thời thuộc quyền Hội-đồng quân-sự, có những người như sau này: Tướng CHANG KAI-SHI, tướng TAN YEN-KAI, tướng CHU PEI-TCHI, tướng LI CHI-SEU, HOU HAN-MIN và WANG CHING-WEI. Không có tướng nào được quyền đốc-quân như ở các tỉnh. Quân-đội là thuộc cả hội-đồng giám-đốc, chứ không thuộc quyền một tướng nào. Tướng CHANG KAI-SHI giữ chức tổng-giám-binh, nhưng không có quyền phát-khởi về việc quân.

Làm sao bọn quân-phiệt ở Quảng-đông lại chịu phục - tòng chính-phủ quốc - dân, mà ở các tỉnh khác thì không? Vấn-đề này sẽ bàn tường về sau.

Chánh-phủ Quảng - đông tiếng là thuộc về Hội-đồng Chánh-phủ, nhưng thực là thuộc Tòa Chính-trị. Chính-phủ có bảy người, họp lại cũng như là Tỉnh-Hội-nghị, và mỗi người đứng đầu một sảnh riêng. Các sảnh là: sảnh Dân-chính, sảnh Tài-chính, sảnh Cải-tạo, sảnh Công-thương, sảnh Học-chính, sảnh Nông-dân và Lao - động, sảnh Địa-chính.

Tòa Chính-trị có quyền khả-phủ. Tài-chính thì thuộc bộ Tài-chính, còn dân-chính thời kiểm-sát việc hành-chính ở các huyện và việc tư-pháp; Hội-nghị Học-chính thời kiểm việc giáo-dục và trường Đại-học Quảng-đông; Hội-nghị Tư-pháp thời trông nom về các pháp-viên.

Có một điều nên chú-ý, là các sảnh-trưởng nghị-trưởng đều là những người chưa đến 40 tuổi cả, và trong tám người thời bấy người là những tay đã du-học ở ngoại-quốc về.

Ngoại-giã còn ba viên quan nữa sung những chức theo điều-uớc đã định: là tổng-ủy-viên coi về địam-chính, tổng-quản-lý về thương-chính và tổng-ủy-viên về ngoại-vụ. Tuy các

ti-sánh ấy vẫn giữ như cũ và danh-hiệu cũng giống như các nơi khác trong nước Tàu, nhưng quan-viên thời phải phục-tòng các cơ-quan chính-trị cao hơn có quyền giám-đốc.

Tổng-ủy-viên về ngoại-vụ là thuộc về bộ Ngoại-vụ và tổng-ủy-viên về diêm-chính và tổng-quản-lý về thương-chính là thuộc bộ Tài-chính.

Cách tổ-chức chính-phủ như thế, mục-dịch là để định rõ trách-nhiệm và cầu lấy hiệu-lực. Đối với người Tây-phương thời có lẽ cho cách tổ-chức ấy là đơn-sơ quá, nhưng xét ra ở nước Tàu không đâu là có Chính-phủ hẳn-hoài, không đâu là thấy bộ nọ sánh kia có liên-lạc nhất-lịnh với nhau, hay là các quan-lại đối với toàn-thể chính-phủ có một cái mối "quan-hệ vô-ngã" (*une parenté impersonnelle*), vậy mà ở Quảng-dông trong sáu tháng tổ-chức được như thế thời kẻ cũng là tấn-tới lắm vậy.

Ở Quảng-dông và ở Hương-cảng ngày nay cho chính-phủ quốc-dân bây giờ là một chính-phủ có hiệu-lực và có kỷ-cương nhất ở tỉnh Quảng-dông từ khi tuyên-bố Dân-quốc đến giờ. Chính ở Hương-cảng, những người phản-đối với Quảng-dông vì việc bãi-công và việc đề-chế, cũng từng khen Chính-phủ Quảng-dông và mong cho cứ hành-dộng được như thế, không bị ngăn-trở vì những sự tranh-canh ở trong, hay vì bọn quân-phiệt ở ngoài. Cái nhược-diểm của chính-phủ ngày nay là ở sự bất-bình với đảng Cộng-sản; lại có cái hiểm-tượng nữa, 1 sợ bọn quân nhân không chịu phục-tòng bọn chính-khách, và sợ hoặc vì một duyên-cớ gì chính-phủ nhất-dân bị đổ trước khi đủ sức vững-vàng mà chống-lại được. Cứ như bây giờ thời phái quân-nhân đáng bằng lòng là phải, vì hiện nay chính-phủ ở trong tay bọn chính-khách thời các khoản quân-phí lại cung-cấp được đều-đặn hơn là khi ở trong tay bọn võ-biên chỉ biết dùng

cách ăn cướp mà vẫn không bao giờ đủ tiền.

Duy có một điều nguy-hiểm, là thuộc về dân-cộng-sản, đảng này ở Quảng-dông cũng như ở mọi nơi khác, vẫn tỏ ý bất-bình. Nhưng cứ xét cái tình-trạng ngày nay thì phải chịu rằng chính-phủ Quảng-dông không phải là không tốt hẳn. Tay có những chuyện bãi-công, những chuyện đề-chế, những chuyện ăn cướp luôn luôn, nhưng cũng phải công-nhận rằng Quảng-dông đã có Chính-phủ, có một cái mầm Chính-phủ tốt mới phôi-thai ra, kẻ thời bấy còn ấu-trĩ lắm, cần phải chăm-chú nhiều mới có thể phá-t-dại được, nhưng cũng có thể cho là một Chính-phủ hẳn-hoài vậy.

III. — Đảng cộng-sản thoái-bộ. — Bọn thợ bãi-công ở Hương-cảng.

Giữa lúc ông Tôn dời thành Quảng-dông để đi đến Bắc-kinh, rồi sau mất ở đó, thời có một phái-bộ của bọn thợ đến thăm ông đề-hỏi ý-kiến về cách nên hành-dộng thế nào. Ông khuyên không nên bãi-công để yêu-cầu cho được tăng lương - vì trong một nước, lấy về phương-diện quốc-gia mà xét thời cái chức-vụ của công-nghe là để sinh-sản ra tư-bản chứ không phải để phá-hoại tư-bản. Nay công-nghe ở Quảng-dông đã vì công-thợ cao, vì bãi-công luôn, lại vì các thuế nặng, đã bị thiệt-hại nhiều lắm. Thực ra thời thành Quảng-dông vốn không phải một nơi công-nghe to ở nước Tàu, chính là một nơi thị-trường, một nơi giao-dịch các hàng-hóa do con đường sông Châu giang vận-lái từ miền trên là miền rất phi-nhiên phong-phủ, xuống trung-châu rồi chở đi bán, hay xuất-cảng ra khắp mọi nơi. Trong bản báo cáo về thuế thương-chánh thu-nhập năm 1924, nhận ra không thấy nói đến nghề làm diêm, mà việc đó là từ trước khi có Chính-phủ ngày nay nhiều; ở Quảng-

đồng, nghề dệt sợi và nghề lọc đường cũng không có mấy xưởng to. Nghề làm đồ sứ cũng không phát-dạt chi mấy, và chỉ cốt vẽ lại và nung lại những đồ sứ đã làm sẵn ở Giang-tây. Buồn bán to, thời chỉ có buôn những đồ nguyên-liệu, như tơ, gừng, cá, các thổ-sản, vân-vân. Công-nghệ thương-nghiệp như thế thời không đủ gây nên một bọn lao-dộng, và duy-trì cho được đảng Cộng-sản có thể-lực nhất nước Tàu.

Đảng Cộng-sản ở Quảng-dông nhờ được hai mối như sau này mới thành có thể-lực : một là người Nga ở Quảng-dông, hai là bọn thợ bãi-công ở Hương-cảng.

Tôi không phải có ý trách ông BORODINE là công-sứ Nga ở Quảng-dông rằng ông muốn lợi-dụng cái địa-vị của ông để tổ-chức và củng-cố cho đảng cộng-sản ở đây. Cứ như người Tàu và người ngoại-quốc ở Quảng-dông nói với tôi thời vợ chồng ông BORODINE ở Quảng-dông lại tỏ ra cái thái-dộ bảo-thủ và thường khuyên người ta không nên làm quá cái gì. Tôi thuật lại đây hai câu truyện, không dám quyết thực hư thế nào, nhưng hai truyện đều tỏ được cái tinh-ý của Quảng-dông đối với hai vợ chồng BORODINE thế nào.

Một truyện nói rằng bà BORODINE thường nói với mọi người rằng bà lấy bọn Cộng-sản Tàu là chán lắm, vì bọn này dốt quá. Bà thường diễn-thuyết cho nghe về các thời-kỳ tiến-hóa của chủ-nghĩa Cộng-sản thì không mấy người là chịu khó để trí nghe cho hiểu.

Câu truyện nữa thời nói rằng : Đảng Cộng-sản Tàu đã đệ giấy về tận Nga đề-thủ với Đế-tam Quốc-tế-hội rằng ông BORODINE không được nhiệt-thành với chủ-nghĩa Cộng-sản.

Tuy vậy, ông BORODINE thời có ý ôn-hòa và bảo-thủ như thế, mà trong

bọn tùy-nhân của ông thời xem ra lại không thế. Bọn này đến Quảng-dông đã thấy có sẵn một đảng Cộng-sản, khắp nước Tàu đi đến đâu cũng thấy những chi-đảng ấy. Lại thấy một cái đoàn-thể nữa đã lập thành là đảng Thiếu-niên Cộng-sản. Bọn ấy bèn dùng hết cách để ám-trợ cho các hội-đảng đó, như cò-dộng truyền-bá cho những bọn thợ-thuyền, bọn học-sinh, bọn nông-dân ở Quảng-dông.

Ở Hương-cảng thời công-nghệ mới ngày một phát-dạt, và đã có một bọn lao-dộng hẳn-hoai. Bao nhiêu thợ ở Hương-cảng toàn là người ở Quảng-dông cả. Đảng Cộng-sản cò-dộng trong bọn thợ này đặc-lực lắm. Sau ngày 23 tháng sáu năm 1925 hạ lệnh bãi-công ở Hương-cảng thời có ước đến 10 vạn thợ bỏ Hương-cảng về Quảng-dông ; đảng Cộng-sản ở Quảng-dông được một mớ người khổ-sở, đói khát, sẵn có cái mối bất-bình ở trong lòng như thế, thật là dễ khuyên nhủ cho theo về chủ-nghĩa Cộng-sản. Lũ công-nhân khổ-nạn đó tự cho mình là ái-quốc và phải chịu khổ vì nước ; tự cho mình là kẻ lao-dộng khổ-sở bị cái « Đế - quốc chủ - nghĩa » nó áp-chế mà phải tự hi-sinh cái thân mình đi. Đảng Cộng-sản bèn cung-cấp cho bọn đó những danh-từ cùng những hiệu-lệnh thật là thích-hợp với cái tinh-cách của họ, như những câu : *Bảng-cấp chiến-tranh ; triệt-hạ bọn đế-quốc, triệt-hạ bọn tư-bản ; Bọn lao-dộng trong thế-giới nên hiệp-lực và đoàn-kết với nhau, v. v. .*

Giữa lúc bấy giờ thời Chính-phủ Xô-viết nước Nga lại đương ám-trợ cho cái phong-trào bãi ngoại ở nước Tàu, bọn thợ bãi-công đó, dần ông dần bà đều có ý ngóng trông mong nước Nga có giúp gì cho mình chẳng. Thử nghĩ là mong rằng Nga sẽ khai-chiến với Anh, chiếm-cử lấy Hương-

cảng, rồi đặt một Chính-phủ Cộng-sản làm mẫu-mực cho nước Tàu. Bọn Cộng-sản Tàu và Nga hứa cho lũ thợ khổ-nạn ấy những cái gì, thời không thể biết rõ được, và lại thuộc về những việc xảy ra trong khoảng tháng 6 tháng 7 năm 1925 là những việc người ngoại-quốc và người Tàu đều lấy làm ân-hận cả, ta đây đối với lũ đó cũng chẳng có ác-cảm gì. Tuy vậy ở Quảng-dông hồi bấy giờ có tới mười vạn phu và thợ bãi-công ở Hương-cảng về, trong lòng đương sẵn tức giận, muốn yêu-cầu bạo-động ngay, đặt chính-phủ vào một cái địa-vị rất khó xử. Bọn đó đòi chính-phủ phải cho đề-chế Hương-cảng; bên đặt ra những toán quân bãi-công có kỷ-luật riêng như trong quân-đội, đề-ngăn-cấm cho không ai buôn bán gì được với Hương-cảng, và cho đồn hàng Tây không đem vào tỉnh Quảng-dông được.

Hoặc-giả nói chính-phủ Quảng-dông bấy giờ nếu muốn thắng tay làm thời có thể giải-tán ngay những toán quân bất-chính-thức ấy được. Trên kia đã nói rằng chính-phủ Quảng-dông hiện nay cũng còn thuộc thời-kỳ ấu-trĩ, thời bấy giờ lại mới là thời-kỳ phối-thai mà thôi, đã có đủ sức mạnh dẫu mà làm gì được.

Vả lại muốn thắng tay trị thời chỉ có một cách là cho bán vào những toán quân, nhưng mà tưởng làm thế không ai nhần-tâm làm.

Vậy thời Chính-phủ chỉ còn có một cách là thừa nhận cái tình-trạng ấy và tìm phương hạn-chế cho những toán quân ấy không làm bậy và ngăn-ngừa cho không có thể ma-th-tam chiền-đoạt Chính-phủ được, vì bấy giờ Chính-phủ đương suy-nhược lắm, đương phải đánh nhau về hai mặt, một mặt thời đánh với những quân cổ-binh Quảng-tây và Vân-nam, một mặt thời đánh với Trần Quýnh-Minh.

Đương khi ấy là đảng cộng-sản thắng-thế lắm, công-nhiên cho phải phản-đối với chủ-nghĩa Cộng-sản là chủ-trì cho chủ-nghĩa Đế-quốc, và thóa-mạ kẻ phản-đối, gọi là làm chó săn cho chủ-nghĩa Đế-quốc của người Anh. Đảng Cộng-sản kích thích công chúng mạnh quá, khiến cho khó lòng mà đối-kháng lại được. Chính-phủ Quảng-dông bấy giờ phải quyết-định nên đề mặ cho bọn quá-khích làm gì thì làm, hay là nên công-nhiên ra xung-đột với cái dư-luận kịch-liệt đó, làm cách sau ấy thời có cái nguy-hiểm bị đổ mất.

Đương khi ấy thời ông Hồ Hán-Dân là người vốn phản-đối chủ-nghĩa Cộng-sản xưa nay, nhân sang chơi *Moscou*, bị lưu-dậu ở đấy. Xem như thế thì biết dư-luận khuynh-hướng về mặt Cộng-sản mạnh quá, dẫu một người lão-luyện trong Quốc-dân-đảng như ông cũng không thể chống lại được. Công-chúng tán-trợ cho bọn Cộng-sản, không phải là vì những chủ-nghĩa xã-hội tinh-tế của đảng ấy đâu, cũng không phải là vì hiểu biết và hám-mộ những chính-thể cùng chế-độ ở bên Nga đâu, chỉ là đảng Cộng-sản phản-đối Hương-cảng, phản-đối những cái quyền-lợi đặc-biệt của người ngoại-quốc ở Tàu, phản-đối những việc xảy ra ở Thượng-hải, Hương-cảng và Sa-diện. Nhân-dân còn cho những việc ấy là quan-trọng và thành Quân-dòng còn tam chứa kẻ hàng nghìn người trong bọn thợ bãi công ở Hương-cảng, thời cái phong-trào quá-khích ấy đã nổi lên không thể sio mà ngăn-ngừa cho được.

Trong hồi bấy giờ bọn bãi-công và bọn Cộng-sản tác-hại những gì, đây không thể kể hết được. Các báo hàng ngày đã thuật lại tường-g. Bị hại vì bọn đó, không những là các nhà công-thương mà thôi, đến ác-tửuông học, các nhà thương là những nơi có công

với dân Quảng-dông biết bao nhiêu, cũng bị hại cả.

Thời thì bọn đó công-nhiên làm bậy, và chính-phủ Quảng-dông cũng không xin lỗi với ai cả.

Vả biết xin lỗi thế nào? Buổi là buổi loạn, công-chúng vì công-phần mà làm bậy, đối với tất cả người ngoại - quốc đều ác-cảm hết, không phân-biệt là người nò sang Tàu để trục lợi, hay người nào sang Tàu để giúp cho nước Tàu, như bọn cố - đạo, bác - học, thầy giáo. Duy chỉ phân - biệt nước nào đã chịu bỏ các đặc-quyền ở nước Tàu thời được biệt-dãi hơn mà thôi. Các cố đạo coi nhà thương lại bị hành - hạ hơn nhất, vì thường xung-dột với đoàn-thể các công-nhân tạp-nghề là một hội có thế-lực mạnh kiểm-đốc cả những bọn công-nhân không có chuyên-môn, như hạng phục-dịch ở các nhà thương.

Đảng Cộng-sản thật là một hội bí-mật; cũng có người thì công-nhiên nhận là có chân đảng Cộng-sản, nhiều người thì giấu cho người ngoài không biết. Có người thì thiên hạ ngỡ là thuộc đảng Cộng-sản mà vẫn chối là không; những người ấy thì cho là « có khuynh-hướng về chủ-nghĩa Cộng-sản ».

Một người trong hạng ấy là KAN NAI KOON, có cái chức-vụ chủ-trương sự vận-dộng của bọn thanh-niên trong Quốc-dân - đảng. Việc của ông là phải rủ bọn thanh-niên vào Quốc-dân-đảng cho đông; phải chăm-chút, phải chú-ý đến công việc của các đội Đồng-tử - quân con trai con gái, sự hành-dộng của bọn học - sinh, v. v. ... Ông tuổi còn trẻ lắm, kề cũng còn là một tay thanh-niên, lại có tài hùng-bien, thật là đủ tư-cách làm một tay cõ-dộng hữu-lực. Ông lanh-lợi, hoạt-bát, có cơ-mưu, nhưng không biết điều độ, và cũng không hiểu rõ tình-thế nước Tàu. Ông chỉ đi Thượng-hải và Nam-kinh một chuyến, còn thời ngoài

Quảng-tây là tỉnh nhà yà Quảng-dông là nơi hành-dộng bây giờ, ông không hề quan-sát các nơi khác ở nước Tàu.

Giả có đi học ngoại-quốc thời cũng là một tay được việc cho nước, nhưng ông lại phản-đối sự học. Cái lý-thuyết của ông là đương - thời cách-mệnh không có thì giờ mà học. Bọn thanh-niên trong nước phải hi-sinh cả về việc cách-mệnh. Ông vì những kẻ học-sinh chăm-chút cho được cái bằng-cấp, cho được cái phần thưởng, không khác gì bọn trọc-phủ kia, hăm-hở cho được cái mẽ-day hay cái phẩm-hàm. Ông khuyến-khích bọn học - sinh phải bải học, phải thi-uy vận-dộng để giúp cho sự-nghiệp cách-mệnh. Đã có một hồi ông làm cho não-dộng cả thành Quảng-dông, nhưng mà xui cho bọn học-trò bỏ học thời phỏng có khó chi và có hay-ho nỗi gì? Nhưng mà cái vinh-dự của ông đã sút rồi, vì bọn thanh-niên oân-ông đã làm cho mất bao nhiêu năm tháng học - hành để vận-dộng những chuyện chẳng vào đâu.

Một nhân-vật nữa trong chính-phủ Quảng - đông cũng khuynh-hướng về chủ - nghĩa Cộng-sản là CHEN KUNG-PO người này trầm-tĩnh và điều-độ hơn, có tư-cách một tay lĩnh-tự xứng đáng. Chức-vụ ông là coi về việc các công-dân và nông-dân; ông có trách-nhiệm to trong việc tổ - chức bãi-công độ trước và thuộc về cái tình-trạng phân-vân trong bọn nông-dân, khiến cho vụ tư năm nay thế nào cũng sút kém mọi năm trước. Nhưng ông CHEN không có kịch-liệt quá như ông KAN; ông xem ra người vụ-thực, và chăm tìm cái phương-kế làm cho được việc hơn là thuyết-lý hảo-huuyền. Hiện nay ông đương « nghỉ dưỡng-bệnh », ấy cũng là cái triệu-trầm về thời-thế. Nghe đâu thế-lực ông CHEN là nhờ ở ông WANG CHING-WEI (Uông Tinh-Vệ), nay ông WANG không có chân Chính-phủ nữa thời thế-lực ấy cũng bị kềm đi

Đây phải nói đến cái tình-cảnh bọn nông-dân. Ở tỉnh Quảng-dông, những điền-chủ cấy ruộng nhiều, dùng người nhà quê để cấy cấy. Họ thu-lợi được chừng 50/o: nếu người nhà quê xin tăng công hay là muốn cấy rẽ, thời lợi ấy không còn gì nữa. Ở mấy miền trồng dâu nuôi tằm cũng vậy. Hành-khách đi trên sông Châu-giang thấy các đường vệ sông và các cù cống ở miền trung-châu hư-hỏng cả, cần phải sửa chữa lại. Sở dĩ đến thế là vì bọn điền-chủ làm ăn không có lợi gì, nên không chịu đóng góp để tu-bổ các kiều-lương đạo-lộ. Có người ngoại-quốc mới rồi đi qua một vùng nuôi tằm, nói chuyện lại với tôi rằng vụ tơ kén năm nay có lẽ không được bằng mọi năm, vì bọn điền-chủ và bọn nông-dân thường bất-bình với nhau và cãi-cọ nhau luôn. Hiện nay trong Chính-phủ có người có tri kiến-thiết, thường phản-đối những sự vận-dộng của phái Cộng-sản trong bọn nông-dân, nói rằng bọn này trình độ học còn kém, không đủ hiểu mà làm gì được; những người ấy cho rằng trong hàng tỉnh cũng cứ nên tổ-chức theo một phương-pháp như ở tỉnh-thành. Khi tôi ở tỉnh-thành Quảng-dông tôi thấy thế-lực những người ấy mỗi ngày một tăng, và cứ xem như ông KAN đã công-nhiên tuyên-bố rằng không theo chủ-nghĩa Cộng-sản, lại ông CHEN cũng xin nghỉ để dưỡng-bệnh, thời đó cũng là một cái triệu-chứng vậy.

Bọn Cộng-sản lại gây ra một cái tình-trạng bất-lương nữa, là cấp súng-ống cho bọn vệ-binh nhà quê.

Mấy năm trước ở Quảng-dông vẫn có một ngạch dân - binh do bọn phú-hào các địa-phương chủ-trương. Ngạch dân-binh này là các điền-chủ nhà quê tổ-chức ra để phòng-bị cho các làng khỏi trộm cướp. Tức là cả dân hiệp-lực lại để bảo-thủ quyền-lợi cho bọn điền-chủ.

Đảng Cộng-sản bèn tổ-chức ra một ngạch khác, gọi là ngạch nông-binh, cũng dùng để phòng-bị các làng khỏi trộm cướp, nhưng không nhờ đến bọn tư-bản tham - dự vào. Ngạch nông-binh này công-nhiên theo về Cộng-sản. Ở đâu có nông-binh dân-binh đóng là ở đấy loạn. Binh không đánh nhau với giặc cướp, lại đánh lẫn nhau. Có điều lạ là hai ngạch binh ấy đều là người trong binh-dân cả, thế mà đi đến hạt nào chỉ tranh-danh nhau làm cho loạn cả hạt ấy. Điều này cũng là một điều hệ-trọng, khi nào Chính-phủ bắt đầu tầm-nã các đảng thổ-phỉ thời phải giải-quyết cho xong mới được.

Hiện nay thế-lực đảng cộng-sản đã bắt đầu sút kém. Những thợ bãi-công Hương-cảng còn ở tỉnh-thành Quảng-dông có độ 20/o mà thôi. Thiên-hạ thấy bọn cộng-sản càng ngày càng làm tệ, cho nên dần dần càng thêm chán. Cách cổ động thời chỉ nhắc đi nhắc lại mấy câu sáo thường, nghe mãi cũng rướm tai. Lại phần nhiều người Nga ở Quảng-dông cũng đi cả, bọn quân-phiệt thời phản-đối không cho truyền-bá chủ-nghĩa cộng-sản trong quân lính, ở Chính-phủ thời có nhiều người có chí kiến-thiết, không muốn để cho phá-hoại vô - ích, bấy nhiêu nguyên-nhân làm cho người dân này đã xoay lại phản bọn cộng-sản. Bọn này không thể ở lâu được nữa. Ở Quảng-dông người ta cho việc ông WANG CHING-WEI (Ông Tỉnh Vệ) đi và việc ông HOU HAN-MIN (Hò Hàn-Dân) về, là triệu-trảm sự cạnh - tranh Quốc-dân - đảng với Cộng-sản - đảng.

Song cứ con mắt khách ngoại-quốc, thời có một điều đã rõ-ràng lắm: là bất-luận Quốc-dân-đảng xưa kia dung-túng đảng Cộng-sản là hay hay dở, nay đã đến ngày nếu Quốc-dân-đảng không lia với Cộng-sản-đảng thời sẽ bị Cộng-sản-đảng tiêu-diệt mất.

IV. — Nói về các điều ước bất-công. — Chính-phủ Quảng-dông không tiếp-nhận hội quốc-tế ủy viên điều tra về vấn đề quyền tài phán của lãnh-sự. — Địa-vị Liệt-cường ở Quảng-dông.

Khi Bác-sĩ WANG CHUNG-HUI nói với Chính-phủ Quảng-dông xin sửa-soạn đề tiếp hội-dồng ủy-viên quốc-tế điều tra về vấn đề quyền tài phán của lãnh-sự, Chính-phủ Quảng-dông trả lời rằng:

« Chính-phủ Quảng-dông nhất-quyết phản-đối các điều-ước bất-công và tìm cách làm cho bãi bỏ ngay lập-lức, không chịu nhận điều-kiện gì cả.

« Chính-phủ Quảng-dông yêu-cầu như thế không phải là cốt cái-lương cái tình trạng nước Tàu bây giờ, mà cốt là đòi lấy cái quyền-lợi một quốc-gia bình-dẳng trong vạn-quốc. Như vậy thời Chính-phủ không thể cho phép một hội-dồng quốc-tế đến mà tra-khảo công việc của mình được. »

Đồng thời chính-phủ Quảng-dông lại gửi giấy mời bang Quảng - đông ở Thượng-hải, và nghe đầu mời cả một đoàn-thể địa - phương khác nữa đến Quảng-dông mà điều-tra các việc của hội-dồng quốc-tế muốn xem xét.

Ấy cái thái-độ của chính-phủ Quảng-dông đối với việc ngoại-giao quốc-tế thế đấy, nghĩa là chính-phủ Quảng-dông, đối với các điều-ước bất-công cho là bất-tất phải thi-hành, trừ khi dân-áp bằng võ-lực thì không kè. Muốn thảo luận cho tường về vấn đề này, thời phải dùng những danh-từ riêng của phái cầm quyền ở Quảng-dông mà những danh-từ đó thời trong báo *North China Daily News* không tiện dùng đến, nhưng mà không dùng những chữ ấy thời cũng khó lòng mà giải-rõ được cái vi-y của Chính-phủ Quảng-dông thuộc về việc quốc-tế vậy.

Chính-phủ Quảng-dông coi các liệt-cường được hưởng cái đặc-quyền tài-phân, cùng những quyền-lợi khác do các điều-ước bất-công mà được, là thi-hành cái chủ-nghĩa đế-quốc đối với nước Tàu. Những cường-quốc nào thuận bỏ các quyền-lợi ấy thời mới coi là những nước bạn và đối một cách thân-thiện.

Đối với các cường-quốc về hạng trên thời không có phân-biệt nước có lãnh thổ ở Tàu hay nước không có lãnh thổ ở Tàu. Thi-dụ như nước Mĩ thời tuy không có lãnh thổ ở Tàu, nhưng cũng cho là thi-hành chủ-nghĩa đế-quốc, vì cũng được hưởng đặc-quyền quá lạm như các nước khác, và làm thời lại đem hải-quân lục-quân giúp cho cái chính-sách xâm-lược của các nước ấy. Những điều-ước nước Tàu ký với các nước ấy đã là những điều-ước bất-bình-dẳng, bất-công-bằng, thời phải bãi bỏ đi, nhưng nước Tàu ngày nay chưa đủ sức mà bắt bãi bỏ được, thời suốt trong nước đầu đầu cũng phải tỏ-y khinh-miệt các điều-ước ấy, về phần Chính - phủ Quảng-dông thời hễ có dịp nào, hoặc bằng lời nói hoặc bằng sự thực, có thể tuyên-truyền được cái ý bất-bình ấy ra thời không bỏ qua bao giờ.

Để cho những hội-dồng quốc-tế đến khám xét công việc nước mình, thế là dễ nhọc đến quốc-thể. Cứ đợi cho liệt-cường họ tự hiểu mà biết rằng đối với Tàu nên làm « nước bạn » lợi hơn là làm « nước thù », còn hơn là ngày nay nhần-nhục chịu cho liệt-cường họ giám-đốc mình. Chính-phủ Quảng-dông không với chí và chưa khứng muốn ra thảo-luận với liệt-cường về vấn đề điều ước.

Chính-phủ quốc-dân ở Quảng-dông không thừa-hận cho Chính-phủ Bắc-kinh được quyền chủ-trương việc ngoại-giao cho cả nước Tàu. Những

điều-ước cùng hiệp-ước của Bắc-kinh ký với ngoại-quốc. Quảng-dông cho là không can thiệp gì đến mình và không bị bó buộc gì vì đó. Khi nào ký những điều-ước như thế thời Quảng-dông phải có quyền được sát-hạch lại các điều-khoản, điều nào có hợp với cái chương-trình ngoại-giao của Chính-phủ quốc-dân đã định thời mới nhận mà thôi. Liệt-cường nói rằng chỉ có Chính-phủ Bắc-kinh mới là thay mặt cho cả nước Tàu, còn Chính-phủ Quảng-dông là bất-túc khinh-trọng. Liệt-cường nói thế, liệt-cờn; chia lấy trách-nhiệm. Liệt-cường tự kinh-ng niệm cũng đã biết rằng những mệnh - lệnh của Chính-phủ Bắc-kinh, ngoài thành Bắc-kinh có ai thi - hành đâu. Nếu điều-định gì với Bắc-kinh thời chắc rằng đến những nơi thuộc phạm-vi thế lực của Quảng-dông không thể nào bắt thi-hành cho được.

Hiện nay Chính-phủ Quảng-dông không cần cho liệt-cường công-nhận, nhưng tướng giá được công nhận thời cũng hoan-ngheh lắm.

Bác-sĩ Ouy nói một câu như sau này, ra ý tự-phụ : « Các ông đừng tưởng rằng người Nga đi là cái chính-sách ngoại-giao của chúng tôi thay đổi đâu. Phương-châm của chúng tôi trước thế nào, nay vẫn thế. Ai dãi chúng tôi bằng-dẳng thời chúng tôi coi là bạn ; ai xử với chúng tôi bất công thời chúng tôi coi là thù. »

Năm 1923, sau khi Tôn Văn bị Trần Quýnh-Minh đánh thua, thời ông phái người cố-vấn Gia-nã-dại của ông là MORRIS A. COHEN sang Hoa kỳ và Gia-nã-dại để chọn những tay chuyên-môn về mả chỉnh-đốn quân-đội cho quốc-dân-dảng. Ông biết rằng ông thua là cái cách dụng-binh trong quân ông còn theo lối cổ. Thực ra thời Trần Quýnh-Minh đánh phản là theo

cái lý-tưởng hủ-lưu đời trước cho rằng lúc ra đánh nhau là tướng nào đánh riêng về phần tướng ấy. Ông COHEN tuy cũng chọn được nhiều người lịch-duyet, những tay kỹ-cự trong cuộc Âu-chiến năm trước, nhưng đem về không thể lợi-dụng được, theo như ý ông Tôn, chỉ vì cái vấn-đề pháp-ngoại-tài-phán chưa giải-quyết. Người Anh người Mỹ không thể dùng để công-nhiên đánh lại với Chính-phủ Bắc-kinh được, vì Chính-phủ này nước Anh và nước Mỹ đã công-nhận rồi. Bấy giờ ông Tôn mới quay về nước Nga và nước Đức. Chính-phủ Xô-viết Nga bèn gửi cho ông những tay thầy giáo và tay chuyên-môn về vũ-bị, còn Đức thời gửi cho tay chuyên-môn về tàu bay. Tôi không được biết rõ về đường quân-bị đó. Nga giúp cho Chính-phủ Quảng-dông được những gì, vì đó là chuyện quân-cơ bí-mật. Người Nga làm cố-vấn về quân-sự cũng nhiều, trong số đó có tướng GALEN là một nhân-vật trứ-danh trong quân-giới nước Nga ngày nay. Kinh-phí về sự giúp này, nước Nga tự chịu lấy cả. Lại gửi cả binh-khí đạn-dược nữa. Có người ngoại-quốc mách cho tôi biết rằng lần thứ nhất nước Nga gửi cho chính-phủ Quảng-dông là 1 vạn 2 nghìn khẩu súng tay và 40 khẩu đại-bác, thiệt Quảng-dông không phải chịu phí-tồn một đồng nào. Lời báo-cáo nói rằng chuyển ấy Nga giúp cho Quảng-dông cả thầy tới 14 triệu bạc, số ấy tôi không thể kiểm-điem cho biết rằng đúng hay không. Việc hành-dộng Nga ở Quảng-dông là ông BORODINE chủ-trương.

Thuộc về sự nước Nga giúp Chính-phủ Quảng-dông giá-trị thế nào, thời phải biết hai phương-diện như sau : Một là phương-diện của phần nhiều các tay lãnh-tự trong Chính-phủ ; hai là phương-diện của những tay lãnh-tự trong Chính-phủ mà có ý phản-đối về chủ-nghĩa cộng-sản.

Theo phương-diện thứ nhất thời ý kiến như thế này : Dù Chính-phủ Quảng-dông và Chính-phủ Xô-viết nước Nga hai bên giao-thiệp với nhau sau này thế nào, Quảng-dông cũng không nên bao giờ quên rằng Nga đã giúp cho mình nhiều. Chính người Nga đã tổ-chức lại quân-dội theo lối mới, đã giúp cho chỉnh-dốn tài-chính, lại trong quân-dội nhờ có người Nga nên quân-sĩ phần-trấn, đánh đâu được đấy, giá cứ để mặc quân Quảng-dông thời có lẽ nhiều trận đẽa thua. Chính-phủ Quảng-dông không nên để mang tiếng rằng khi cần đến người Nga thì dùng người ta, khi không cần đến nữa thời xử bạc. Như đã nói ở trên, Chính-phủ Quảng-dông nhờ có ông BORODINE giúp mới có một cái phương-diện quốc-tế và mới biết dùng những phương-pháp tổ-chức khiến cho hành-dộng đặc-lực, nếu không thời vị-tất đã được như thế. Nếu cần phải để cho người Nga dờ Quảng-dông mà đi thời phải dờ nhau như bè bạn, chứ không phải như cừu-thù.

Theo phương-diện thứ nhì thời hoặc có người nói rằng : Nga đi lại với Quảng-dông, Nga cũng có lợi chứ không phải không. Nga vẫn tìm cách giao-thiệp với nước Tàu điều đó là thuộc trong cái phương-châm ngoại-giao của Nga, may được có Chính-phủ Quảng-dông sẵn lòng giao-thiệp, thế là được việc cho Nga lắm. Sự Nga giúp tiền-tài cho Quảng-dông thời nói quá đi nhiều, chứ có đâu đến cái số như trên đó. Người Nga kể công thẳng lên quá là lắm, và khiến cho thiên-hạ ngộ-tưởng rằng phạm việc gì xảy ra ở Quảng-dông bất-cứ việc lành việc dữ, đều là tự người Nga cả, thật không phải thế. Đại sứ BORODINE, đại tướng GALEN có giúp cho chính-phủ Quảng-dông được nhiều việc thật, nhưng cái công ấy lại bị cái hại khác đối lại, hại này là do « Đệ-tam

quốc-tế hội » (*Troisième Internationale*) và mấy các phái-viên nhỏ khác của Chính-phủ cách-mệnh Nga phải sang để thừa cơ-hội tốt ấy mà truyền bá cổ động cái chủ-nghĩa cộng-sản, bọn phái-viên sau này là những người chưa từng ra ngoài nước Nga bao giờ có biết đầu đến cái phương-diện quốc-tế. Chính-phủ Quảng-dông đối với Chính-phủ Xô-viết cũng như đối với Chính-phủ ngoại-quốc khác phải nên giữ lấy độc-lập. Người ngoại-quốc Chính-phủ Quảng-dông dùng phải là công-bộc của chính-phủ, chứ không thể làm chủ-nhân ông trong chính-phủ được.

Tôi cố thuật lại cho rõ-ràng hai cái phương-diện như trên đó, vì trong hai ý-kiến đó cái phần tây-riêng thiên-lệch cũng nhiều. Cứ ngoại-diện mà xét thời hình như Quảng-dông cố ý không muốn làm cho mất lòng ông BORODINE hay là không muốn cho chính-phủ Nga ở Moscou ngờ rằng vì ông mà sự hành-dộng Nga ở Quảng-dông không được kết-quả tốt. Vì sự hành động ấy thật đã bị thất-bại nhiều. Khi tôi ở Quảng-dông thời suốt trong tỉnh-thành còn có chừng hơn 30 người Nga mà thôi. Các nhân-vật trọng-yếu thời đã đi cả rồi. Những người ở lại là những kẻ ti-tiện không có chí muốn về Nga nữa.

Mà ngày nào cũng có người Nga đi, ngày nào cũng có người Nga làm việc cho chính-phủ xin từ-chức về. Khi tôi ở Quảng-dông có chừng 12 người Nga đi một cái tàu Đức đến, nhưng thấy tình-hình như thế người nào cũng có ý chán cả. Tôi có nói chuyện với mấy người Nga, tôi cũng biết cái ý-kiến của họ. Thực ra thời khi tôi mới đến Quảng-dông, Chính-phủ Quảng-dông hình như cũng không biết rằng cái « thời-kỳ Nga » (*la phase russe*) đã hết rồi, vì có ý sợ rằng nếu quá thế thật thời thiên-hạ không khỏi đoán rằng cái chính-sách ngoại-giao của

Chính-phủ đã thay đổi. Sự thay đổi ấy tôi nghe người Nga nói trước, rồi mới lại nghe thấy người Quảng-dông nói sau.

Người Nga ở Quảng-dông trước cũng có lạm-dụng cái địa-vị của mình thật. Đầu đầu người Tàu cũng lấy làm không bằng lòng nghe người ta nói rằng nhất-thiết việc gì cũng phải nhờ ngoại-quốc, đến việc làm loạn cũng vậy. Bọn quan-lại Quảng-dông lại bất-bình về cái cách sỗ-sang của người Nga, thường diễn-thuyết ở ngoại-quốc hay gọi chính-phủ Quảng-dông là « bọn Quốc-dân-dảng của ta », lại hay yêu-hãnh đề chiếm-giữ lấy những địa-vị có thế-lực ở Quảng-dông. Bọn quan-lại trước hiệp-lực với người Nga để vận động trong hải-quân lục-quân mà phá-hoại cái lối chính-trị thường, là tự phá-hoại cái thế-lực của mình mà không biết vậy. Và lại Quảng-dông nay đã qua cái thời-kỳ phá-hoại, đến thời-kỳ kiến-thiết, thời người Nga hiển-nhiên là không được việc gì nữa mà lại có thể ngăn-trở cho lỡ việc. Vì cái sở-trường của người Nga không phải là sự kiến-thiết vậy.

Địa-vị người Đức xem ra còn hơn. Hưởng-lai người Đức ở Quảng-dông vẫn đứng ngoài việc chính-trị. Chỉ chăm đường doanh-nghiệp và kiếm được tiền nhiều. Chính-phủ Quảng-dông cũng có ý biệt-dãi người Đức, vì người Đức không được hưởng quyền-lợi thuộc về các điều-ước bất-công. Chủ-ý chính-phủ làm như thế là đề-tỏ cho các cường-quốc theo cái đề-quốc chủ-nghĩa biết rằng nếu chịu bãi những điều-ước bất-công đối với Tàu thời người Tàu xử-tử-tế như thế. Người Đức không ở trong tô-giới *Shameen* (Sa diện), nên không bị thiệt-thòi về sự đề-chế của người Tàu. Khi sở-Điện-thoại Quảng-dông định đặt một thư máy tự-dộng mới chạy tốt hơn, thời liền ký giấy giao cho một công-ti người Đức làm.

Lại mỗi khi lãnh-sự Đức có công-văn gửi cho Ủy-viên ngoại-vụ, thời xem ra thường được biệt-dãi hơn lãnh-sự các nước.

Nước Nhật thời được lợi về sự đề-chế các tàu Anh, vì hàng-hóa đem đến Hoàng-phổ (*Whampoa*) và Quảng-dông nay là do tàu Nhật cả. Tôi xem ra người Tàu không có chú-ý đề-chế gì người Nhật.

Nước Mỹ cũng bị thiệt-hại về cái phong-trào phản-đối chủ-nghĩa đề-quốc, vì nước Mỹ cũng cho là một nước có cái dã-tâm đề-quốc. Đồ hàng Mỹ không bị đề-chế, là vì phần nhiều những quan-lại trong chính-phủ Quảng-dông ngày nay là cựu-học-sinh ở Mỹ cả, cho nên đại-đề-đối với Mỹ vẫn có chút cảm-tình. Và lại ở Quảng-dông, người Mỹ chỉ có hai cái sự-nghiệp lớn: là công-ti bán dầu hỏa và các hội truyền đạo. — Việc bán dầu thời từ ngày mất độc-quyền cũng thiệt-hại nhiều lắm. Còn việc truyền đạo thời lại bị bọn cộng-sản công-kích dữ. Bọn cộng-sản yêu-cầu cho ở các nhà thương người làm việc phải theo một cái chế-độ nhất-luật như các hạng lao-động khác, như thế thành ra người Mỹ chủ trương không được toàn-quyền giám-đốc nữa. Ở các trường học thời cái phong-trào phản-đối đạo Cơ-đốc vẫn còn, duy không được mạnh bằng sáu tháng trước. Xem ý người Quảng-dông thời cho rằng người Mỹ không thể trực-tiếp giúp mình được mấy tí, có khi đã muốn sẵn lòng biệt-dãi người Mỹ, cho những quyền-lợi riêng đề-nhờ tán-trợ cho việc nọ việc kia, nhưng sau rồi cũng thôi. Và lại nước Mỹ đã công-nhiên giúp cho chính-phủ Bắc-kinh rồi. Bởi thế nên Quảng-dông cho rằng cách đối-dãi Mỹ không thể khác cách đối-dãi các nước có dã-tâm đề-quốc khác được.

Tôi viết bài này cũng lấy làm khó-lắm, vì không phải là thuật những sự thực xảy ra, mà là thuật những phương-

diện ý-kiến của người ta, thật là phân-vân bất-nhất và thay đổi luôn luôn. Tôi cố ý tự-thuật cho công-bằng đối với khắp cả mọi phái, không để cho cái quan-kiến riêng của tôi nó ảnh-hưởng

đến lời tôi biên chép, thuộc về các hạng người vậy.

(Còn nữa)

HỒNG-NHÂN dịch

ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

V

13 — Kỵ-nữ Dương Tôn-Tôn

Tương-truyền loài khoáng-vật có loài hùng-hoàng, loài ấy được cái linh-khi của son-xuyến ba nghìn năm, thì kết thành cái quả tròn, sáng-sủa trơn nhẵn hình giống hòn đạn, tục gọi là đạn hùng-hoàng; khi nó cay và thom, loài rắn rất xúc phạm vào nó thì chết ngay, hòn lớn như cái trứng gà, hòn nhỏ như quả long-nhãn, càng lớn càng quý báu, ít khi tìm được.

Đất Duy-dương có một người danh-kỹ họ Dương 楊 còn là chạc thiếu-nữ, tên là Tôn-Nhị 兒二, tên tự là Tôn-Tôn 兒兒, nhan-sắc với tài-nghệ hơn cả chị em, tuổi mới cập-kê, thanh-giá cực thịnh, khách trong làng chơi phí có lắm tiền không được tiếp-kiến.

Đất Sở-bắc có một chàng họ Thư 舒, nguyên là dòng-dõi thế-gia, dung-mạo hơn người, tài-hoa phong-phú. Vì có người phụ-chấp Mỗ làm quan to ở đất Dương-châu, được làm chức thư-ký. Khi ấy mộ tiếng Tôn-Tôn, đem một món hậu-tinh đi vào tiếp-kiến, người chủ dẫn đến khách-phòng, ngồi đợi một chút, ít lâu hai người thị-tì đi kèm Tôn-Tôn bước ra, Tôn-Tôn bấy giờ vừa yếu mới khỏi, đầu dễ xõa tóc, trùm cái khăn lụa xanh, áo trắng xiêm trắng, không tu-sức gì cả, mà da trắng, tóc đen, mắt sáng, răng đẹp, quang-thái lộng-lẫy đều cả người ngoài. Trông thấy Thư-sinh, hỏi

qua quê-quán tên họ, hai người đều lược-lược đối-dáp, xúng ý nhau lắm. Ngày đã xế chiều, sinh muốn từ-giã ra về. Nàng cười lưu lại mà nói rằng: « Sao chàng vội đi đấy ! nếu chẳng hiềm nhà em sỗ-nổi tạm ở lại xơi cơm chiều, chàng nghĩ thế nào ? » Sinh lấy làm mừng lắm, liền đáp rằng xin vâng. Cơm xong, nàng sai đưa thị-tì thấp nển, dẫn sinh vào chỗ phòng riêng của mình. Trong phòng, ngoài những đồ nữ-trang không kể, còn thì nào là đồ-họa, nào là cầm-thu, la-liệt đầy cả ở trên án. Sinh vốn là người khéo gây đàn, mới lấy cái đàn treo ở trên vách xuống, cởi túi đàn ra xem thì giây chu trụ ngọc, trang-sức tinh-khiết; cất tay gây lên, thì tiếng đàn thanh-việt khác thường. Nàng nói: « Chàng cũng hiểu nghề đàn đấy ư ! » Sinh nói: « Tôi cũng lăm-bõm đôi ba tiếng; nhưng cái đàn này rất cở, nàng lấy về được ở đâu ? » Nàng nói: « Đó là cái vật ở Biện-ngọc-kinh, ngày trước có người khách-thương xuất một món vàng to mua lấy đem cho tôi, chàng chẳng xem ở dưới bụng nó lại có chữ khoả-chi nữa đấy. » Sinh xem ra thì ở dưới chỗ bụng đàn có hai chữ 卍字, khắc bằng lối lệ-thư, dưới hai chữ lại có mấy lời minh-khắc bằng lối hành-khải-thư rằng: « Phong suy không tang, thủy thanh lương lương, hoa thiên nguyệt minh, tâm thanh ý lương. »

(1) Xem N. P. 101, 102, 104, 105.

吹空桑。水聲浪浪。花天月明。
心清意涼。 Chỗ lạc-khoản thì có
chín chữ rằng: « Ất-dậu xuân tam
nguyệt, Ngọc - kinh đạo-nhân. 乙酉春
三月玉京道人 » Sinh xem xong, nức-
nở tán-thán nói rằng: « Nàng chữa cái
dàn này, nằng tất là tay cao-thủ, xin gảy
cho nghe một khúc, để rửa tai trần. »
Nàng nói: « Tôi lâu nay cũng không
gảy đến, nay đã gặp tri-âm, thì cũng
không dám giấu cái vụng; nếu có
sai lầm đâu, xin chỉ-diểm cho. Mỗi giờ
cao ống tay áo là, nấn sẽ ngón tay ngọc,
vì sinh phở ra một khúc Hợp-hoan rằng:
« Quán hà phiến phiến hề, thiếp hà
quyển quyển. Vị kiến hề tâm tương liên.
Kỷ kiến hề tâm tương hoan. Hoa hợp
hoan hề tịnh để trăng xuân. Nhân hợp
hoan hề như ý diên niên. Đại đại hoan-
hỉ hề hợp nhân thiên. Thích sở nguyên
hề vĩnh phất huyền. 君何翩翩兮
妾何娟娟。未見兮心相憐。既
見兮心相歡。花合歡兮並蒂長
春。人合歡兮如意延年。皆大歡
喜兮合人天。適所願兮永弗諠。

(Bài đàn Tào, cũng như điệu Cầu-hoàng,
không tiện dịch ra quốc - âm và cũng
dễ nghĩa.) Gảy đàn xong, cười nói
rằng: « Giây sấp, tay ngược, xin chàng
chớ cười. » Sinh đập tay khen hay. Nhân
ở trên án có sẵn giấy hoa-tiên, sinh
liền tần-bút viết một bài thơ tặng nàng
rằng: « Bề trần man mác hiểm tri-âm,
Khúc bạch-dầu nay mấy kẻ ngâm.
Mảnh nguyệt hồng-kiều tình lắm tá.
Sợi riêng cho những khách ôm cầm.
塵海茫茫幾賞音。玉人爲譜白
頭吟。多情惟有紅橋月。不照吹
簫照鼓琴。 » Đề xong, cầm bảo nàng
rằng: « Đánh trống qua cửa nhà sáo,
chẳng bỏ một trạn cười. » Nàng mỉm
cười nói rằng: « Ba chữ bạch-dầu-ngâm
rất hay, chữa biết ba chữ có thể thành
được lời sấm hay không ! » Sinh liệu
chừng đêm đã đến canh hai, muốn

đứng dậy làm lễ tương-biệt. Nàng rón-
rén nói với sinh rằng: « Chàng hằng ở
lại đây để trò chuyện chút nữa. » Sinh
hân - hạnh lắm, liền ở lại.

Tổn-Tổn bình-nhật gặp người khách
nào phong-nhã, thì hoặc đánh một ván
cờ, hay hoặc đưa một bức họa, có hậu-
tình cho lắm thì cũng chỉ tặng bài thơ,
chửa từng có vị ai làm ra bài ca mà phở
vào khúc đàn bao giờ. Huống-chi mời
nhất-kiến mà đã có ý thiết-tha lưu-luyến,
trịnh-trọng ân-cần, thật là một sự kỳ-ngộ.
Từ đấy có nhiều kẻ ghen ghét sinh, trong
bụng tức-tối, khiến người vào nói xấu
sinh với ông quan phụ-chấp, ông quan
phụ-chấp cũng là người có lượng, phó
mặc cho tự-do. Sinh với nàng vừa cảm
ơa vừa cậy thế quan phụ-chấp, không
phải kiêng sợ gì cả, ăn ở ra vào, ngày
đêm như thề vợ chồng, đã có cái chi-
nguyên với nhau về sự bách-niên. Có
khách khác lại chơi, thì nàng từ-tạ không
ra tiếp-kiến nữa. Người chủ chủ nể sinh
là khách nhà quan, bấy lâu vẫn không
dám so-kê mỗi lợi. Chửa được bao lâu,
ông quan phụ-chấp dời đất Dương-châu
vào làm quan Kinh. Sinh vì có quyền-
luyến Tổn-Tổn không chịu theo quan
thầy cùng lên Kinh, mà túi tiền ở chỗ
đất khách đã gần rỗng không. Bấy giờ
mụ chủ không nề gì nữa, chỉ lấy đồng
tiền làm trọng, sinh không thể sao
xứng được ý mụ. Lại những kẻ ghen
ghét sinh bấy lâu, quần nhau mà
gièm-pha sinh với mụ, mụ càng chán
sinh; khi sinh đến, mụ thường tỏ ra
ý cự-tuyệt, không cho tiếp-kiến Tổn-
Tổn nữa. Tổn-Tổn có bảo riêng với
sinh rằng: « Trước chàng là khách nhà
quan, phạm sự muốn sao muốn vậy,
mụ chủ thường cảm giận để bụng mà
không dám nói ra đây thôi; bây giờ
thì đã khác trước lắm rồi; những kẻ
ghen ghét chàng xưa nay họ đều muốn
báo oán; xem cái nét mặt mụ chủ mới
đây, là cái nét mặt bất-trắc đấy. Nếu

không tri-cơ cho sớm, thì không khỏi có sự nguy-hiểm đến nơi. » Nhân tháo một chiếc vòng vàng ra luồn vào cánh tay cho sinh, lại tặng cho một nén bạch-kim, giục đi cho mau. Và bảo sinh rằng : « Tôi nay tuổi mới mười tám, chàng thì tuổi mới hai mươi hai, xin chờ đợi nhau lấy ba năm nữa ; khi ấy chưa đã già đâu, ngày xuân âu hỷ còn dài, chứ cái tài-bộ chàng với cái gia-thế chàng lo gì chẳng hơn được người ; thời thì hăng cổ đi mà lập lấy thân, chớ bảo tôi bây giờ là một kẻ vô-tinh, muốn van ân-ái, muốn van trân-trọng. » Sinh xui-xụt khóc, nghe lời nàng, một lời một gạt đầu, bắt-đắc-đi gạt nước mắt ra đi. Mới đem món bạch-kim trang-trải những món nợ-nần cũ cho qua-quýt, rồi thuê thuyền ngược lên đất Sở.

Kịp khi đi đến đất Hán-cai, ước chừng cách chỗ cố-hương độ hơn trăm dặm, vì không có của thuê xe, lại không có đầy tớ, dúi học mang xách đi chân không, ngày chiều lạc đường, ngủ nhờ ở một chỗ nhà trạm, nhà ấy là cái nhà bỏ không ; vì đi đường khó nhọc cho nên ngủ lưng một cái thì đã ngủ say ngay. Sáng sớm mai, thấy một con rết thật lớn chết cứng ra ở bên cạnh mình, lấy làm kinh-hãi lắm, mà cũng không biết là vì cơ sao. Phút chốc, các người coi trạm đều đến cả, thấy sinh là người lạ, hỏi họ tên, cũng có nhiều kẻ đã biết tiếng sinh, nên cũng có ý biệt-dãi. Các người đều bảo rằng : « Con rết này làm hại người ta rất nhiều, chúng tôi đây đương khổn-nạn về không có kẻ-sách gì trừ được nó, nay hốt-nhiên nó bị chết ở đây, chắc trong mình ông có cái vật quý báu gì ? » Sinh nói : « Trong mình tôi không có vật gì quý báu. Các người không tin, thử giở khăn gói ra xem. » Giở xem thì thấy một cái khăn nhỏ bọc một cái vật lớn hơn cái trứng gà. Có kẻ đã từng biết cái vật ấy nói rằng : « Cái này là

dạn hùng-hoàng đây, ông có cái vật chí-bảo ấy mà ông lại không biết ư ! » Trước kia, nàng cứ đến mùa nực, thì sợ những giống ruồi bọ kiến nhặng quấy nhiễu, có một người lái buôn thuốc ở Lát-thủy, tặng nàng cái vật ấy, để vào chỗ bèn gối nằm, thì những loài quấy nhiễu ở mùa nực ấy, quả-nhiên diệt-tích. Khi vô-sự, nàng thường cầm chơi, khi lâm-biệt, nàng vô-ý gói lẫn vào trong khăn gói. Bấy giờ nhân có kẻ đã biết cái vật ấy hồi sinh, sinh không thể giấu được, mới nói dối rằng là của tổ-tiên để lại cho, bấy lâu vẫn không biết là dùng để làm gì. Cái người đã biết ấy nói rằng cái vật này quý báu hiểm cớ. Các người tranh nhau cầm xem, đều tắc lưỡi khen lạ. Rồi cùng nhau đem con rết chết ấy mổ phanh ra, nạo vảy nạy xương, được những hạt minh-châu lớn nhỏ vô-số. Một cái hạt ở trên trán, lớn như mắt con cá, dăng về phần sinh. Các người đều lại đặt tiệc, đón sinh về nhà thiết đãi, mời nghỉ lại vài ngày, rồi đem xe đưa tiễn sinh về.

Sinh về đến nhà, mừng mẹ già còn được mạnh khỏe, hỏi đến vợ, thì vợ đã chết rồi, thương cảm vô-cùng. Nhưng vẫn nhớ lời ước của nàng thề rằng không lấy người khác. Rồi đem cái vòng vàng của nàng tặng cho ngày trước bán đi, mua được một ít ruộng ở-quanh làng, ở nhà cày ruộng nuôi mẹ xem sách. Đến năm sau, đi thi hương, đỗ hương-cống, vì cơ mẹ già, quyến-luyến ở nhà nuôi mẹ, không chịu lên Kinh đi thi hội. Lại cách vài năm nữa tỉnh ra thì đã sai cái ước ba năm rồi, những lúc vắng-vẻ, nghĩ lại tình xưa, vẫn ứa nước mắt khóc thầm. Lại nghĩ rằng sự nàng trót đã sai ước, mình là một kẻ hân-nho, mà người ngọc ở trong làng chơi, hoặc đã lọt vào tay người khác rồi chẳng, nghĩ-ngợi băn-khoăn, đã toan tính sự đoạn-tình, không dám theo đuổi gì nữa.

Một phen sinh có việc cần phải đi qua hồ Đồng-dinh, chợt gặp gió bão. Khi ấy có một ông quan Tuần-phủ Mộ cũng đi phó-nhiệm đất Sở nam qua hồ Đồng-dinh, thuyền quan thể dương nguy-cấp, quan Tuần-phủ Mộ thấy thuyền-bè ở trên mặt hồ, tan dầm gần hết, chỉ có một chiếc thuyền yên-ôn vô-sự, lấy làm lạ, kíp sai phu thuyền chở đến nương tựa ở ven, thì quả-nhiên cũng chuyển nguy-cấp ra yên-ôn, liền sai một viên quan hầu cầm thiếp đến mời người thuyền-chủ sang chơi bên thuyền quan. Chiếc thuyền ấy tức là thuyền của sinh, người thuyền-chủ tức là sinh vậy. Quan Tuần-phủ Mộ với sinh cùng nhau trò chuyện kể-lẽ đến lịch-sử tiền-nhân, thì ra hai nhà vốn có nghĩa thề-nghị. Nhân hỏi sinh có cái thuật gì mà khiến cho thuyền yên-ôn được. Sinh cũng ngỡ-ngần không biết là vì cơ sao. Quan Tuần-phủ Mộ chợt thấy trên mũ sinh có cái dắt một cái ngọc rết, trông mắt trông kỹ, lấy làm lạ mà nói rằng : « Người được cái hạt châu định-phong này từ đâu ? cái này thật là cái của báu không mấy đời có, chớ trách vượt qua hiểm-trở mà như chỗ bình-thường vậy ! » Sinh mới hiểu ra, nhân đem cái hạt châu ấy dâng quan Tuần-phủ Mộ, và nói rằng : « Cái hạt châu này là của tiền-nhân để lại cho, không ngờ lại có công-hiệu định-phong như vậy : tôi là một kẻ thư-sinh làm bạn với quyền sách, nhà lại còn mẹ già, chẳng qua vui cảnh điền-viên, chăm sự hiếu-dương mà thôi ; ngài nay dõ mệnh vua, gánh việc nước, ra vào nơi trạch-quốc, cái hạt châu này tất là cần dùng ; xin dâng ngài để giúp về sự vượt hồ qua sông cho tiện, gọi là thay lễ chi-kiến một chút. » Quan Tuần-phủ Mộ lấy làm mừng lắm, cho sinh là nghĩa thân-gia, và cùng nhau trong khi hoạn-nạn, khiến phu-nhân cùng với các cơ-thiếp ra chào, và phó cho biết cái hạt châu ấy là lạ. Khi ấy những đồ là lượt găm vóc la-liệt xán-

lạn, nàng Dương Tồn-Tồn cũng ở trong đám cơ-thiếp, sinh với nàng rõ-ràng mở mắt, còn ngờ trong giấc chiêm bao, trông nhau ứa nước mắt khóc, hạt lệ khôn cầm. Quan Tuần-phủ Mộ lấy làm quái, hỏi cơ sao. Hai người qui xuống trần tỏ sự-tình đầu đuôi. Quan Tuần-phủ Mộ vội-vàng dắt tay đứng dậy, yên-ủ vài lời, rồi vuốt râu cười ha-ha nói rằng : « Thề mới biết số có tiền-dịnh ! lão-phu này dương nghĩ chửa biết lấy gì báo lại cái ơn tặng châu, thôi thì xin bắt chước như kiểu châu hoàn Hợp-phố, để đáp lại cái ơn to, người nghĩ thế nào ? » — Sinh sụp xuống dập đầu tạ ơn.

Sinh thông-dong hỏi quan Tuần-phủ Mộ về lời số-dịnh. Quan nói : « Trước Mộ có đi qua đất Dương-châu, nghe Tồn-Tồn là người thông-thái văn-học, lấy ba nghìn lạng vàng chuộc về, định cho sung chức nội-ký-thất. Khi ấy có cầu-khẩn một chỗ đền thiêng, xin quẻ thẻ để ám hỏi về việc sau này, được một thẻ đệ-ngũ có thơ rằng : « *Bích vân thư quyền bích thiên tình, dương liễu y-y tổng khách hành, Hợp-phố châu hoàn tương lạc địa, công chân nhất tiểu li hà thanh.* 碧雲舒卷碧天情。楊柳依依送客行。合浦珠還最樂地。公真一笑比河清。 »

Nay mỗi ngâm-nghĩ trong lời thơ, thì ra hai câu trên chữ *thư* với chữ *dương* phân-minh diêm ra hai họ, câu thứ ba là nói bóng về chỗ Đồng-dinh, câu thứ tư rõ về lão-phu ; chẳng phải số có tiền-dịnh là gì. » Sinh cũng thiết-tha khen hay. Quan Tuần-phủ Mộ sai người tiễn sinh với nàng đi về thuyền, những đồ y-phục trang-sức ở trong mình của nàng bấy giờ, giá đáng nghìn vàng, quan Tuần-phủ cho cả mang đi, lại cho thêm nghìn vàng nữa để giúp cho đồ hồi-môn. Hai người khấn đầu tạ ơn quan Tuần-phủ và phu-nhân, cảm-khích vô-cùng, khóc-lóc mà từ-giã tương-biệt,

Trước kia bà mẹ sinh nghe hồ Đồng-dinh có bão to, nhiều người bị thủy-hại, tựa cửa hôm mai, rất là áy-náy; nay thấy con đem được vợ dòn về, lấy làm mừng lắm. Sinh thuật lại đầu đuôi việc trước cho mẹ nghe, rồi đem vàng ra mua ruộng đất thêm, làm cửa làm nhà, nuôi đầy nuôi tở, nghiêm-nhiên là một nhà phong phú bậc trung. Bà mẹ cũng là người phong-nhã, lúc vô-sự, cùng với con dâu đánh cờ, hoặc xem con dâu cầm bút vẽ, hoặc gảy đàn, rất là hoan-hỉ. Bà mẹ nhân bảo sinh rằng: « Trước kia ta vì không có người phụng-dưỡng, cho nên không cho mày đi xa, nay đã được vợ mày, thờ ta rất hiếu, nếu mày lại tạ-khẩu nuôi mẹ, không nghĩ đến đường sự-nghiệp của kẻ nam-nhĩ, cứ quanh-quẩn ở nhà với vợ, thì mày tức là đứa bất-hiểu, mày nên đi cố chí lập-thân hiển-dương cha mẹ, để yên thỏa cái bụng già này ». Sinh không dám trái lời mẹ, lên Kinh học tập ít lâu, năm ấy gặp khoa thi hội, thi đỗ tiến-sĩ, thi-chinh ở Lại-bộ, được vài năm thăng-chức chỉnh-lang, ra làm quan cai-trị đất Dương-châu, đem xe kiệu về đón mẹ với vợ sang Dương-châu phụng-dưỡng. Thật là đất cũ mà trùng-lai, không thiếu gì kẻ ân người oán. Nhưng Thư-sinh cũng là người kẻ cả, ân thì trả ân, oán thì không báo oán, những kẻ môi-nghiệt làm hại mình khi xưa, nhất-thiết không hỏi chi đến, người đất Dương-châu ai nấy đều ngợi khen. Tồn-Tồn bấy giờ được thụ sắc-mệnh, phong tước là Cung-nhân, mỗi khi xe Tôn-Tồn đi ra, những bạn chị em ngày trước đều liếc mắt trông trộm, khen thầm với nhau rằng Tồn-Tồn tốt số hơn chị hơn em. Sinh với nàng cùng nhau thường nói việc cũ, khôn xiết cảm-dộng chứa - chan, mới đón một người họa-sư vẽ ra một bức hai vợ chồng cùng ngồi, đằng trước có bày một hòn đàn hũn, hoàng với cái ngọc rết, gọi là « Đàn-châu đồ », để tỏ ra ý bất-

vong. Kể đề-vịnh bức tranh ấy cũng nhiều, đời truyền làm mỹ-sự.

Lời phê - bình

Truyện này cũng là một truyện thông-thường, không ly-ký xán-lạn gì là mấy, các nhân-vật trong truyện chẳng qua là một hạng nhân-vật vô-tội với xã-hội bấy mà thôi. Duy có cái thuyết số-nhữ-tiền-định, cũng nên bàn qua. Xưa nay các nhà triết-học với khoa-học, đều cáo cái thuyết tiền-định là huyền-hoặc, không bằng-cứ vào đâu. Mà thật thế, nếu cái thuyết tiền-định mà hành-trưởng mãi ra, phạm sự đều cho là tại số, thì triết-học với khoa-học đều vất cả đi. Song, triết-học cũng có lúc cùng, khoa-học cũng có khi không tới. Con người ta gặp cái cảnh-ngộ sung-sướng quá, may-mắn quá, nếu không có cái thuyết tiền-định, thuận về lẽ cố-hữu, thì lấy gì tiết-chế cái kiêu-xĩ-tâm, đem khoa-học ra mà tiết-chế được chăng? Con người ta gặp cái cảnh-ngộ khổ-nạn quá, gian-truân quá, nếu không có cái thuyết tiền-định, thuận về đường số-mệnh, thì lấy gì yên-ủi cái oán-vong-tâm, đem triết-học ra mà yên-ủi được chăng? Câu rằng: « Nhất-âm nhất-trắc, dai do tiền-định. » Lại câu rằng: « Trời đã định nhân-duyên tại số, con người ta dễ mấy hôm mai. » đều là cái phương thuốc để giảm đi cái nhiệt-độ vui, giải đi cái lạnh-lạnh buồn của người ta cả. Như bà Ngọc-hân công-chúa là con vua Cảnh-hưng, lấy được vua Quang-trung, sau lại cháu đức Cao-hoàng, sung sướng đến thế là có một. Cho nên xã-hội không dám ghen-tị, mà có câu đoán định rằng: « Số đâu có số lạ-lùng, con vua lại lấy hai chồng làm vua. » Lại như á Thục-Kiền, sinh lý Kim Trọng, tử-biệt Từ Hải, mặc bợm Tú-bà Bạc-bà, vào chòng Hoạn-thư, phải bỏ Hồ Tôn-Hiến, gian-truân đến thế cũng là không hai. Cho nên cụ Tiên-diễn phải gắt-guôi lên, mà có câu đoán-định rằng: « Chém cha cái số hoa đào, coi ra rồi lại buột vào như chơi! » Duy con người ta ở đời, đối với cuộc đời cứ nên hết lấy nghĩa-vụ, mà giữ lấy bề cao-thượng-tâm với liêm-sĩ-tâm, còn như những sự đắc-thất, hoặc-giả là tiền-định, hoặc-giả không phải là tiền-định, cũng chẳng hai gì.

14. - Hiệp-nữ Lý-thị-tì

Đất Ngô-trung có họ Lý, nguyên là một họ có danh-vọng. Đời trước từng có người làm chức thị-lang ở Kinh-sư cũng có danh tiếng về chính-trị. Về sau con cháu này-nở ra nhiều, kể

lượng người ác, sâm-si bắt - tề, gián-hoặc kẻ đạo-tặc cũng ở trong họ ấy mà ra. Trong họ có một người là Lý Hòa-Trai 李禾齋, là người tốt lắm, họ Lý đã suy hèn mà lại chấn-hưng lên được, phần nhiều là công người ấy. Hòa-Trai thừa bé thông-minh sớm, thâm-thuý văn-học, lớn lên đã có tài kinh-tế. Duy cũng chưa có ai biết đến mà dùng, vẫn uất-ức ở trong đám cỏ, chưa khác gì ai. Rồi có cảm-khái mà than rằng: « Thân có tu rồi sau gia mới tề, gia có tề rồi sau quốc mới trị; nay ta nhà còn chưa tề, nói làm chi những sự nước trị. Tổ-tiên ta đời đời có đức tốt, làm kẻ công-khanh có danh-dự ở đời, đến ngày nay đã là bao nhiêu, mà vì với ngày xưa, sao khác lắm vậy; suy cái nguyên-do, chỉ tại bề giáo-dục trong gia-tộc lắm điều bất-lương, nên nông-nỗ thế; nếu cứ mãi thế, thì họ Lý nhà ta sau này, suy-bại còn biết thế nào mà kể; ta là người họ Lý, ta thề khôi-phục lấy gia-thanh họ Lý, để yên thoả cho dạ tiên-nhân. » Mới họp-tập người trong họ ngày ngày giảng học khuyên bảo những điều nhân-nghĩa đạo-đức, những nét hiếu-đễ liêm-sĩ; vài mươi năm về sau, gia-đình họ Lý lại được như xưa, người trong họ cư-xử ra vào đều có phong-thái nho-nhã, người lấy làm khen Hòa-Trai đem cái học của mình ra thực-hành về việc trị-gia đã có công-hiệu; lại vì địa-phương làm việc công-ích, thực-nhận những điều hưng-lợi trừ-hại làm cái trách-nhiệm của mình. Thương cho cái đời mạt-vận, phong-tục đồi-bại, đã đến cực-diểm; cái phép chỉnh-dốn lại, trước hết phải thực-hành trừ - khử những đũa vô-lại trong địa-phương. Mới hết sức điều-tra những kẻ vô-lại, phạm có một sự gì bất-lương bất-nghĩa phát ra, cho đến những thói đi biển-trá lấy kim-tiền, nhất-nhất trưng-giới, khiến cho không có những sự cử-động trái đạo trái phép chút nào. Về

phương-diện kẻ cư-dân thì thật là có ích-lợi chung, về phương - diện kẻ vô-lại thì không khỏi có sự thù oán riêng. Nếu quốc-gia với xã-hội vẫn giữ được trật-tự, thì cũng không hại gì.

Chẳng may bấy giờ quân Hồng-Tu-Toàn, Dương-Tú-Thanh khởi lên, thiên-hạ đại-loạn, nhất-loạt những kẻ vô-lại các nơi di lẫn ở trong quân ấy, đốt nhà, giết người, cướp lấy kim-tiền, hiếp-nhục phụ-nữ, dẫu dẫu cũng vậy. Vì có ấy mà đại-sự-nghiệp trong địa-phương, đều bị lũ ấy phá-hoại mất cả. Những đũa vô-lại trong Ngô-trung, nhân dịp ấy đều đi vào đám Hồng-quân, binh-nhật cừu-oán với Hòa-Trai, đến bấy giờ thường muốn thừa-cơ dễ báo-phục. Hồ-quân cầu-dâng, cùng nhau hoành-hành chốn hương-lý, nhân-dân trong hương-lý phải thiên-tí đi nơi khác, mười nhà thì chín nhà bỏ không, quang-cảnh cực là tiêu-diệu. Trước kia những đũa vô-lại giả-danh quang-phục, vỗ tay ra đi, mong lập-công ở nơi khác, người làng đã lấy làm mừng, ai nấy đều lầm-dầm niệm Phật, khẩn cho lũ ấy chiến-tử nơi chiến-trường. Được vài tháng, lại thấy những bọn vô-lại cưỡi ngựa về, tự khoe rằng ở chốn ấy chốn nọ đắc-thắng tấu khải-hoàn, bấy giờ mặc áo gấm về làng đây, người làng đều ngơ-ngác đại-thất-vọng. Bọn vô-lại càng đắc-thế, thi-hành những thủ-đoạn hung-ác, làm hại hương-lý. Người chốn hương-lý coi bọn ấy như nước như lửa, muốn trừ-khử bọn ấy mà không có thế-lực, mới bàn với Hòa-Trai. Hòa-Trai cũng đồng-nhiệm lấy việc ấy, liền mời những bọn vô-lại đến một nơi, khuyên bảo lấy đại-nghĩa rằng: « Các người cầm cái chủ-nghĩa chủng-tộc, dấy quân cách-mệnh, hưng Hán diệt Mãn, tôi đây thực khâm-phục vô - cùng, dẫu dẫu trách các người, chỉ nỗi làm hại nhân-dân, thiết-tưởng điều đó không phải là chính-sách hay; vua Thang vua Vũ

dắc thiên-hạ, tại gì đâu, tại dắc dân-tâm đấy. Vua Kiệt vua Trụ thất thiên-hạ, cũng tại gì đâu, tại thất dân-tâm đấy. Các người đã thất dân-tâm, sao có cái lễ dắc thiên-hạ; các người làm thế, thiết-tưởng sai mất cái bản-ý cách-mệnh nhiều lắm, các người thử nghĩ cho kỹ xem». Hay đâu, những kẻ vô-lại vốn như con cầm-thú, vô tri vô-thức, chỉ nghĩ binh-chật oán Hòa-Trai, đến bây giờ là cái cơ-hội báo-phục, kíp rủ nhau xúm lại bắt Hòa-Trai, cùng lấy cớ tay hết sức dành mãi. Hòa-Trai vốn là một kẻ thư-sinh, kham thể nào được những thủ-đoạn cường-hoạnh ấy, nhân đau quá, được vài ngày rồi chết. Than ôi! người ấy mà có nạn ấy ư! người ấy mà có nạn ấy ư! Khi ấy người nhà và người họ Hòa-Trai, thương khóc vô-cùng, mà vô-môn đề không-cáo, chỉ kêu trời kêu đất mà thôi. Người mẹ Hòa-Trai đã bảy-mươi tuổi, đầu bạc răng long, mắt lòa tai ngãng, chột nghe tin thảm, buồn cực mà chết. Người vợ Hòa-Trai cũng hân rằng không biết kêu oan vào đâu, cũng nuôi con dao nhọn mà chết. Con Hòa-Trai thì còn thơ-ấu chưa biết gì. Trong một nhà chỉ có một đứa ti (đứa hầu gái, nữa con ở, nữa con nuôi) mười-sáu tuổi là thương-tám ăm-hạn về sự ấy mà thôi. Bấy giờ cái khi-diễm Hồng-quân đương thịnh, ai nấy đều dám oán giận mà không dám nói ra, người trong họ cũng phải nín hơi nuốt nước mắt, mà lạo-thảo đem chôn Hòa-Trai ở ven chỗ tiên-nhân phần-mộ.

Nhà Hòa-Trai đã tan-tành, không có ai mà nương tựa được nữa, người ti ấy mới trốn về nhà mình, ngày đêm gào khóc, vì Hòa-Trai kêu oan, và có nói rằng: « Nhà ta làm ti-bộc họ Lý, đến nay đã mấy đời, họ Lý coi ta như người nhà thân-thích, một bề trung-hậu với ta, ta thờ họ Lý ta cũng hết lòng hết sức để đáp lại, bấy lâu ta là một người tin-dùng của họ Lý; bấy

giờ sự đã đến thế, ta nữ nào thu tay mà đứng trông. Than ôi! chủ ta mắc phải cái oan bất-bạch ấy, ai làm ra đây, ta chắc rằng chủ ta ở dưới chín suối, chưa nhắm mắt đâu. Chủ ta bây giờ nhà đã tan-tành, trừ ta ra, ai báo được cái thù ấy; ta khi đứng khi ngồi, khi ăn khi uống, không khi nào quên được hai chữ báo-thù cho chủ-nhân ta; báo-thù, báo-thù, l ng ta quyết đây! sự bất-tiện không thể di-dịch được cái long báo-thù của ta, sự phú-quí không thể dâm-dăng được cái lòng báo-thù của ta, sự uy-vũ không thể khuất-phục được cái lòng báo-hù của ta; báo-thù, báo-thù, lòng ta quyết đây! »

Người ti ấy cái lòng báo-thù cho chủ-nhân đã quyết, ngày đêm nghĩ-ngợi, chưa biết thổ-thủ ra làm sao. Nguyên cái kẻ hạ-thủ đánh Hòa-Trai ấy, có đến vài mươi người, nhưng đầu sỏ thì thực là tên Kim Át-Quy. Lão Kim là một kẻ cừ-khôi và tiên-tiến trong tụi vô-lại, phạm trong tụi vô-lại nhất-cử nhất-dộng đều phải nghe Lão Kim nhất-tiến nhất - thoái đều lão Kim trở bảo. Người ti ấy muốn giết lão Kim, song le lão Kim sức khỏe đã hơn người, mà lại biết miếng võ, dẫn người con trai bình-thường cũng không có thể địch nổi, huống-chi một người con gái yếu đuối, đối-dịch được sao. Người ti ấy mới đi học nghề ở nhà cậu, người cậu là tay kỹ-sư về nghề quyền dả, khen cháu có cái chí kiên-nhẫn, hết lòng dạy cho. Người ti vốn là người thông-minh, bảo một thì biết hai; người cậu lại dạy cho cái phép đánh gươm nữa, cái phép đánh gươm chính là người cậu sở-tràng; không đầy năm năm, mà người ti ấy quyền-thuật với kiếm-thuật đại-tiến, đủ quyết-dấu được với lão Kim.

Bấy giờ cái lửa dữ-dội cảnh Hồng-quân đã sắp tắt, thế cường-thịnh nhất-biến ra thế suy-đồi; những đứa vô-lại cũng dần-dà sợ-hãi núp-náu ở trong đám thảo-dã, không dám hiển-lộ hình-

tích như xưa. Người ti học nghề đã thành, mới tính sự ra tay báo-thù cho chủ-nhân; nghe cánh Hồng-quân thất-bại, trong lòng mừng-rỡ, ra ngoài ý-tưởng; khi ngày khi đêm không cứ khi nào, chỗ đông chỗ vắng, không cứ chỗ nào, chỉ một niềm rình giết lão Kim. Nhưng chưa có cơ khả-thừa, chưa làm gì được hẳn. Chỗ người ti ở với chủ nhà lão Kim cách nhau không đầy một dặm, mà cái chi người ti định báo-thù, lão Kim vẫn không biết. Lão Kim là người hay rượu và tính hung, thường nhân khi say rượu đi ra ngoài, tính lại càng hung-hỗ, hễ nhọc thì lâu ra ngủ, gập đầu ngủ đấy, không cứ chỗ nào. Một hôm về buổi quá trưa, lão Kim đương nằm ngủ ở dưới gốc cây, bấy giờ khi trời nóng-nực, cởi trần ra ngủ, tay vẫn cầm ngọn giáo khur-khur, kẻ vô-tình không ai biết là ngủ. Người ti theo hủt đã lâu, vẫn dự-bị một thanh lợi-kiếm, tra vào túi dắt ở trong mình; người ti khi ấy trước còn ở xa, sau tiến lại gần, nghe có tiếng ngáy, mới rút thanh lợi-kiếm ở trong túi ra, nhảy vào ba bước, chẹn ngay được cổ họng, đâm ngay một nhát. Lão Kim vùng thức dậy, kêu lên to được một tiếng, nhưng máu đã chảy ra òng-ọc như nước suối tuôn, và bất-tình nhân-sự, liền lại phục xuống. Vì người ti đã là tay luyện-tập, cho nên đâm trúng huyết ngay, cũng ví như người lão-thủ đồ-ngưu chọc tiết một con trâu vậy. Nếu nhát đâm ấy mà chời-với không trúng huyết, tinh-thần lão Kim còn tráng, sức lão Kim còn đủ chống cự, thì sự ấy thành-bại chưa biết ra sao. Rồi người ti liền cắt lấy sớ lão Kim sách về làng, bảo cho người làng biết, người làng mừng lắm, cho rằng thanh quí ẩn thật người không thanh ấy đã nộp đầu rồi, và cùng bảo nhau rằng khôn-ngờ người ti họ Lý mà lại có chí nghĩa-hiệp như vậy, không biết một người con gái yếu-duối như thế kia, làm thế nào mà lấy được đầu một lão hùng-hỗ

như thế nọ. Đều lấy làm kinh-phạ vô-cùng. Những tội vô-lại ở trong làng, vì có cánh Hồng-quân đã tàn, lão Kim Át - Qui đã chết, rồi cũng dần-dần tuyệt-tích cả đi, trong làng cũng dần-dần khôi-phục được trật-tự.

Người ti ấy đã giết được lão Kim, rồi đem cái đầu lão Kim, bày lên tế trước mã Hòa-Trai, khóc mà khấn rằng: « Chủ-nhân ta ơi! chủ-nhân ta ơi! ta thù sâu của chủ-nhân, tiểu-ti này đã báo được rồi đấy; từ đây trở đi, chủ-nhân ta có thể nhắm mắt được ở đời chín xuôi, cái thù của chủ-nhân ta, ta đã báo được, thế là cái nghĩa-vụ là người ở đời của ta, đã trọn-vẹn rồi. ta cũng không cần sống thừa chi nữa. Nói xong, liền lấy gương tự đâm mình mà chết ở trước mã Hòa-Trai. Người họ Lý thương cảm vô-cùng, tự già trẻ đều chảy nước mắt khóc, làm cho người ti thật to, cả họ đều đi về sau họ Lý cứ đến xuân-thu nhai-tất làm lễ kỷ-niệm tế người ti ấy ở chỗ nhà thờ, coi như một vị tổ-tôn vậy. Người ti ấy họ với tên là gì, đời không truyền, cũng khá tiếc thay!

Lời phê - bình

Kể có tính-huyết xem đến truyện này, biết rằng không những dân-bà phương Bắc có danh-dự thiên-cổ, mà dân-ông-phương Đông cũng có danh-dự thiên-cổ. Vì Lý-thị-ti là một người nhược-nữ, hi-sinh cho tổ-bi-sinh cho công-lý, hi-sinh cho phoang-lục; Hòa-Trai là một kẻ thư-sinh, hi-sinh cho học-thuyết, hi-sinh cho gia-tộc, hi-sinh cho quốc-hội, ti với chủ đền có cái giá-trị thiên-cổ. Chớ bảo Lý-thị-ti chết mà là yếu; Lý-thị-ti chết chính là thọ, thọ mãi ở nhà thờ họ là thọ mãi ở bia miếu Đông-phương. Chớ bảo Lý Hòa-Trai chết mà là thiệt-mệnh; Lý Hòa-Trai chết chính là thành-danh, thành-danh ở học-thuyết ông Khổng, thành-danh ở luân-lý, ở xã-hội luân-lý. Nếu là buổi binh-vô-sự, tại tiết-hạch Lý-thị-ti, sự-việc Lý Hòa-Trai, tưởng cũng ít người đã biết, mà chép đến. Duy gặp buổi thiêu-ti

loạn, trật-lự xã-hội đảo-diễn, Lý-thị-ti mới hiểu ra là người hiệp-nữ, Lý Hòa-Trai mới hiểu ra là kẻ đại-trượng-phu.

15. — ; Cung-nhân Lý-phu-nhân.

Nàng Lý-phu-nhân 李夫人 ở đời Hán, nguyên là một người con hát xuất-thân. Trước kia nàng có người anh là Lý Diên-Niên cũng hát hay múa giỏi, thường được múa hát ở trước mặt vua. Một hôm anh ta có hát một bài thơ rằng: « Bắc-phương có một người xinh thay đẹp nhất đời. Một cười nghiêng thành người, hai cười nghiêng nước cùng nghiêng thành, người đẹp một không hai 北方有佳人。絕世而獨立。一笑傾人城。再笑傾人國。寧不知傾城與傾國。佳人難再得。 » Vua Vũ - để nghe lời hát ấy than-thở mà nói rằng: « Đời há lại có người như thế ư! Sau người đất Bình-dương có kẻ nói với vua rằng chính Lý Diên-Niên có một người em gái đẹp lắm. Vua cho triệu vào coi, thì quả-nhiên là một người quốc-sắc, có vẻ thiên-nhiên, không phải mượn đến màu son phấn, mà nghề hát nghề múa cũng tuyệt-trần. Vua yêu lắm, cho đón về hậu-cung. Sau sinh được một người con trai, vua phong ngay cho là Xương-ấp-vương. Thế là mẹ quý mà con cũng quý.

Sau nàng ốm nặng, nằm ở trong cung đã ít lâu. Vua thân-hành đến tận nơi vào thăm. Nàng thấy vua sắp-sửa vào, liền lấy cái chân dấp vào mình, trùm kín cả mặt đi mà có lời từ tạ với vua rằng: « Thiếp tôi yếu đã lâu ngày, hình-dung tiêu-tụy, không có thể ngồi dậy mà yết-kiến vua được, thiếp tôi chỉ xin chúc-thác với vua về sự bảo-toàn cho Xương-ấp-vương, và sự làm ơn cho một vài người họ Lý, xin vua nhớ cho ». Vua nói rằng: « Phu-nhân yếu lắm chỉ sợ không sống được; chỉ bằng

cho ta trông thấy mặt một chút, mà dặn dò về mai sau, há chẳng quý lắm ư! » Nàng thưa rằng: « Phàm người đàn bà không chải-chuốt nghiêm-trang, không có phép được yết-kiến đấng quân-phụ; thiếp tôi nay không dám đem điều vô-lẽ mà yết-kiến vua. » Vua nói rằng: « Phu-nhân chớ nệ, phu-nhân cứ cho ta trông thấy mặt một chút, cho hả lòng ta, rồi ta sẽ cho anh em phu-nhân đều được quan sang. » Nàng lại thưa rằng: « Cái sự được làm quan sang là lại lòng vua về mai sau, chứ chẳng tại gì trông thấy mặt một chút lúc bây giờ. » Vua lại năn-ni nói thế nào cũng phải cho vua trông thấy mặt một chút. Nàng mới chuyển thân ngả về vua mà khóc lên mấy tiếng có giọng ai-oán xót thương, rồi chẳng nói gì nữa. Bấy giờ vua không bằng lòng, đứng phắt dậy rồi đi ra.

Khi vua đã ra rồi, những người chi em thân-thích với nàng có trách nàng rằng: « Quý-nhân lại chẳng nên cho vua trông thấy mặt một chút, để chúc-thác về sự anh em đấy ư, sao lại làm điều giận vua như vậy? » Nàng nói rằng: « Chi em có biết cái sự lấy nhan-sắc thờ người xưa nay đấy không? Ôi! cái sự lấy nhan-sắc thờ người ấy, sắc thịnh thì ái-tình nồng, sắc suy thì ái-tình nhạt; ái-tình mà đã nhạt, thì ân-tình còn gì nữa mà mong. Vua là người hiếu-sắc, vua sô-dĩ quyến-luyến với ta, là vì ta có cái nhan-sắc thừa bình-sinh. Nay cái nhan-sắc ta đã hủy-hoại đi rồi, không được như trước nữa. Nếu vua trông thấy không khỏi sinh ra lòng ghét ta, mong gì còn nhớ đến ta mà làm ơn cho anh em ta nữa. Chỉ bằng để cho vua tưởng-tượng thừa bình-sinh, ta dấu khuất, mà cái ái-tình của vua vẫn như ngày ta còn. Ta sô-dĩ không muốn cho vua trông mặt ta, chính là ta hoàn-toàn lấy cái nhan-sắc của ta, mà ta vị anh em tình về đường mai sau đó. »

Đến khi nàng mất, vua thương-xót vô-cùng, làm ma cho nàng thật to. Vua

lại đem bức tranh truyền-thần của nàng về để ở Cam-toàn-cung, để tỏ ra lòng thương nhớ nàng. Vua lại nhớ lời nàng, cho anh em nàng như bọn Lý Diên-Niên đều làm quan to cả.

Vua vẫn nhớ nàng mà không biết làm thế nào lại được thấy nàng. Một khi vua đi chơi thuyền ở ao Côn-linh. Bấy giờ thuộc về cảnh thu, mặt trời đã lặn, gió tây hiu-hắt, làn sóng rập-rềnh. Vua có làm ra một khúc hát gọi là khúc « Lạc-diệp ai-thiên 落葉哀蟬 » Đại-khai tả ra lời là rụng ve sầu để tỏ ra ý nhớ nàng. Vua ngồi ở trong thuyền, sai con hát hát khúc ấy lên. Vua bất-giác tâm-dộng hạt châu lã-chũ khôn cầm, bất-dắc-dĩ phải uống rượu khuấy buồn, đến khuya mới về nghỉ ở trong một cái nhà gọi là *Diên-lương-thất* 延涼室. Tối hôm ấy vua nằm chiêm bao thấy Lý phu-nhân tay cầm một bó hương hành-vũ đưa cho vua, vua chợt tỉnh dậy, thì mùi hương hầy còn thoảng ở bên gối bên màn, hơn một tháng mà mùi hương vẫn chưa phai. Vua mới đổi tên *Diên-lương-thất* ra là *Di-phương-thất* 遺芳室. Sau vua nhớ Lý phu-nhân mới làm ra một cái đài gọi là *Linh-mộng-dài* 靈夢臺, để tuế-thời kỷ-niệm.

Lời phê - bình

Xưa nay người đẹp chưa tất đã tốt số, người tốt số chưa tất đã đẹp, chỉ Lý-phu-nhân là kiêm cả. Làm một kẻ khuynh-thành khuynh-quốc một đời, thế là đẹp; làm một kẻ ca-nhi, lấy được ông thiên-tử, để con phong-vương ngay từ thừa lợt lòng, thế là tốt số. Nhưng cái đẹp của Lý-phu-nhân không làm gì, mà cái tốt số của Lý-phu-nhân cũng không làm gì, đều là thường cả. Chỉ cái khôn của Lý-phu-nhân, thì thiên-hạ cũng ít thấy. Thế nào là khôn? bính-sinh chỉ lấy một chữ sắc đối với người, lúc sắp lìa cõi trần, lại nhất-thiết giữ lấy một chữ sắc để đối với người, khiến cho người chỉ được

tưởng-tượng lúc bính-sinh, thế là khôn. Sẽ biết cái phương-thuật minh-triết của kẻ khuynh-quốc khuynh-thành.

16. — Cung-phi Giang Mai-phi

Mai-phi họ Giang 江, người đất Phủ-diên, cha là Giang Trọng-Tồn, nhà đời đời giữ nghề làm thuốc. Mai-phi lên chín tuổi, đã biết đọc hai thiên *Chunam Thiệu-nam* trong kinh *Thi*. Bào với cha rằng con tuy là phận nữ-nhi, song chí-nguyên con cũng muốn kỳ-vọng lấy như thế. Nghĩa là hai thơ Nam phần nhiều ngợi khen cái đức bà hậu-phi. Người cha lấy làm lạ và khen lắm, nhân đặt tên là Thái-Tần 采蘋, cũng lấy nghĩa chức-sự bà hậu-phi trong kinh *Thi*. Năm Khai-nguyên đời vua Huyền-tôn nhà Đường, có viên hoạn-quan là Cao Lực-Sĩ đi sứ đất Mãn-việt; khi ấy Mai phi đã xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập-kê rồi, trông thấy Mai-phi ít tuổi mà xinh đẹp, tuyền về châu vua Huyền-tôn. Vua yêu quý lắm, ba cung Đại-nội Đại-minh Hưng-khánh ở đất Tráng-an, hai cung Đại-nội Thượng-dương ở đất Đông-dô hồ đến bốn vạn người mĩ-nhân, tự khi vua được Mai-phi, thì vua coi các người mĩ-nhân khác như trần-thổ, mĩ-nhân trong các cung cũng tự biết mình là bất-cập rồi ít lâu Mai-phi được sách-phong làm cung-phi.

Mai-phi đẹp về bề than-tú, không đẹp về bề yêu-diễm, khi châu vua ở trong cung, chỉ dành cờ, thời sáo, uống rượu, làm thơ, làm phú-mọi bề thanh-nhã mà thôi, không ư những sự làm mê-hoặc lòng vua gì cả. vua cũng quý như người bạn hiền. Mai-phi tinh ư cây mai, xung quanh chỗ ở, ngoài hiên dưới thềm, chỗ câu-lơn đứng trông xuống, đều khiến trồng cả, trên đặt một cái bảng đề rằng Mai-dinh. Cứ đến kỳ hoa mai nở thì làm phú thưởng-thức hoa mai, thường đến nửa đêm còn ở dưới hoa đoái trông quuyến-luyến, bằng đường không thể dứt hoa mai mà đi

được. Vua lấy làm cái tình sớ-hiếu, nhân gọi tên là Mai-phí. Mai-phí có tám bài phú : *Mai-lan phú* tả cái hoa mai ; *Tiểu-lan phú*, tả cái hoa lan ; *Lê-viên phú* tả cái hoa lê ; *Phượng-dịch phú* tả cái sáo hay ; *Pha-bối phú* tả cái chén lạ ; *Tiến-dao phú* tả con dao xinh ; *Ỗ-song phú* tả cái cửa sổ đẹp. Tám bài phú đều truyền-tụng ở nhân-gian.

Đời bấy giờ thái-bình đã lâu, thiên-hạ vô-sự, vua đối với các hàng anh em trong kim-chi ngọc-diệp rất là tỏ lòng hữu-ái, hằng ngày hội chư-vương yến-tiệc, khi yến-tiệc tất có Mai-phí đứng hầu ở bên cạnh vua. Một hôm vua sai Mai-phí bỏ buổi lần lượt đi đưa tận tay ban cho chư-vương, cũng là nghĩa tỏ lòng thân-ái. Đi đến chỗ Hán-thần, Hán-thần-vương là một kẻ dồ-dại lấy chân lẳng-lẳng dẫm lên giày Mai-phí. Mai tức thời bỏ việc ban buổi đấy, lui lên gác. Vua liền sai người lên giục thì trả lời rằng vì cái giày xấu hạt châu ở trên mũ giày trượt đứt, đợi thay xong rồi sẽ lại. Đợi mãi không thấy lại, vua phải thân-hành lên gọi Mai-phí, và hỏi cơ sao. Khi ấy Mai-phí chỉ nín lặng lấy tay kéo cái áo đứng dậy nghênh-tiếp vua, tựa như người mỗi-một, rồi nói rằng chợt có chứng đau bụng phát lên, không thể đi ra được, quả-nhiên không đến chỗ yến tiệc nữa. Là ý ghét Hán-thần-vương là kẻ vô-lễ, cho nên không muốn dự tiệc nữa. Nhưng nếu nói thực với vua, thì Hán-thần-vương tất phải tội, phượng-hại mất cái tình huynh-đệ hữu-ái và cái cuộc đế-vương thịnh-sự của vua đi, cho nên chỉ thắc ra có chứng đau bụng mà thôi. Khi ấy người ngoài đều cho là Mai-phí cậy mình được vua yêu mà kiêu-lộng với vua, Mai-phí cũng không hề biện-bạch, mà vua cũng không trách gì Mai-phí. Sau lại một hôm Mai-phí cùng với vua đánh cờ, vua bị thua. Mai-phí liền đứng lên cầm cái sáo bạch-ngọc, vừa thổi vừa múa,

làm ra kiểu lạc-nhạn kinh-hồng, cử-tọa đều vui-vẻ, là ý để giải buồn cho vua. Vua khen Mai-phí cờ cao, hôm nay lại thắng ta đấy. Mai-phí ứng khẩu nói rằng : « Cái nghề du-hí, ngẫu-nhiên thắng bại-hạ, vì khiêu điếu - hòa bốn bề, cai-trị ức-triệu thần-dân, thì chi-tôn tự có tâm - pháp chứ tiện-thiếp này sao dám so kể thắng-phụ. » Vua lấy làm bằng lòng lắm.

Sau tự khi có nàng Dương Quí-phí vào hầu, phần sủng-ái của Mai-phí một ngày một giảm, vua nguyên cũng không có ý xa bỏ Mai-phí. Duy Quí-phí với Mai-phí hai người thường ghét nhau lắm, khi đi ra, đi vào, thường tránh mặt nhau mà đi. Quí-phí là người béo tốt đậm-dà, đẹp về bề diêm-lệ, tai-quái khôn-ngoa, tính đa-dâm mà dố-ky, đối với Mai-phí thường tỏ ra cách ghen ngược. Mai-phí thì chỉ một bề lãnh-dạm nhu-hòa, cho nên không thể thắng được. Quí-phí đã dắc-thể, muốn sao muốn vậy, mới đem đòi Mai-phí ra cung Thượng-dương, nơi ấy là nơi biệt-cung, không cho đi lại với vua nữa.

Sau vua nhớ đến Mai-phí, ban đêm sai một viên tiều-hoàng-môn tất cả đèn đuốc, đi thăm ra cung Thượng-dương bí-mật triệu Mai-phí ; Mai-phí đến nơi tây-các cung Thúy-hoa, cùng vua tự-tình cũ, Mai-phí khóc - lóc như mưa, thâu đêm không lúc nào dứt hạt lệ. Hôm ấy vua thất-ý nằm ngủ trưa, chợt thấy viên quan hầu kinh-hải vào báo rằng Quí-phí đã đến trước cửa gác, bấy giờ làm thế nào ! Vua vội-vàng ngồi dậy mặc áo, ôm Mai-phí đem giấu ở chỗ hai lá màn giáp nhau. Quí-phí đã đến nơi, hỏi : « Con Mai-tĩnh ở đâu ? » Vua nói : « Ở cung Thượng-dương. » Quí-phí nói : « Xin tuyên chỉ triệu nó đến đây, để hôm nay cùng đi ra tắm chỗ ôn-toàn. » Vua nói : « Người đã là kẻ bị phóng rồi, không thể cùng đi được nữa. »

Qui-phi cố đòi tuyên-triệu cho được. Vua đoán trông bên tả bên hữu, rồi cũng lười không đáp lời được nữa. Qui-phi thét lên rằng: « Đồ rượu còn bữa bãi ở đây, dưới sập vua còn có đôi dầy bỏ sót của người đàn bà, đêm hôm qua người nào chầu chực chầu gối cho bệ-hạ, đến nỗi say rượu ngủ trưa mặt trời mọc đã lâu rồi mà không coi chầu, bệ-hạ phải ra tiếp-kiến quần-thần ngay đi, thiếp tôi xin ở lại gác này, để nghinh tiếp xa-giã bệ-hạ về ». Vua không biết làm thế nào, mới kéo cái chần ngăn mặt vào bức bình - phong lại nằm xuống ngủ, và nói rằng: « Ngày nay có tật, không thể lâm-triều được ». Qui-phi giận lắm, làm ra bộ hờn-dỗi liền quay gót đi về chỗ nhà riêng. Qui-phi đã ra rồi vua mới đi tìm chỗ Mai-phi náu thì Mai-phi đã bị một viên tiều-hoàng-môn đưa giấu đi bỏ về cung Thượng-dương rồi. Vua giận, vua chém viên tiều-hoàng-môn, là ý vua tiếc cái thì giờ khó-khăn quý báu hội-hợp với Mai-phi. Còn đôi dầy chầu với chiếc vành thùy của Mai-phi để lại, vua lại sai sứ phong-gói đưa trả Mai-phi. Mai-phi bảo sứ-giã rằng: « Vua thật lòng bỏ ta đấy ư? » Sứ-giã nói: vua không phải là bỏ phi, vua chỉ sợ Qui-phi đấy thôi ». Mai-phi cười nhạt mà nói rằng: « Hễ thương đến ta thì lại sợ con tiều kia nó động tình, vua chẳng bỏ thì cũng như bỏ ».

Mai-phi đem nghìn vàng ra nhờ Cao Lực-Sĩ cầu lấy người vầu hay làm cho một bài phú, bắt-chước như kiểu *Tràng-môn-phú* của Tư-Mã Tương-Như nói được động tình vua Hán Vũ, để vãn-hồi lấy ý vua. Lực-Sĩ khi ấy đương xu-phụ Qui-phi, và lại cũng sợ thế-lực Qui-phi nữa, trả lời cho Mai-phi rằng: Không người nào làm nổi phú ». Mai-phi mới tự mình làm ra bài phú *Lầu-dông* 樓東賦, trong phú đại-lược có những lời rằng: « Kinh ngọc trần đơ, hộp loan hương tầy. Dầu biếng chải dầy, áo buồn gập dầy. Cảnh Huệ-cung tịch - tịch

thương thay, hờn lan-diên băng-khuâng xiết mấy. Cảnh hoa mai tan-tác biết về đâu, ngao-ngán nỗi *Tràng-môn* trông chẳng thấy. 玉鑑塵生. 鳳臺香殢. 懶蟬鬢之巧梳. 閒綠衣之輕練. 苦寂寞于蕙宮. 但凝思乎蘭殿. 信飄落之梅花. 隔長門而不見. » Qui-phi nghe tiếng, mách vua rằng Giang-phi là kẻ hèn-hạ, dám đem văn-từ tuyên-ngôn ra những lời oán-vọng xin cho nó được phép tự-tử đi. Vua khi ấy nửa phần thương Mai-phi, nửa phần sợ Qui-phi, chỉ ngồi nin lặng không nói gì mà thôi.

Trước kia vẫn thường có sứ-giã ở đất Giang-nam lên Kinh tiến-cống hoa mai, vì Mai-phi tính ưa hoa mai. Đến bây giờ lại có sứ-giã ở ngoài Lĩnh-biêu lên kinh tiến-cống quả lệ-chi, vì Qui-phi tính ưa lệ-chi. Một hôm gặp có sứ-giã ở nam-phương về, Mai-phi hỏi những người tả hữu rằng: « Sứ-giã ở nơi nào về, là mai-hoa sứ-giã đấy ư? » Người tả hữu thưa rằng: « Không phải là lệ-chi sứ-giã đấy. » Mai-phi phu-nhân thồn-thức than khóc một hồi lâu.

Vua đối với Mai-phi, ân-tình cũng chưa tuyệt. Một hôm vua đương ở Hoa-ngạc-lâu chợt có sứ-giã tự Đông-dô đến, vua phong một vốc trân-châu, sai sứ-giã giấu giếm đem cho Mai-phi. Mai-phi từ-tạ không chịu nhận, viết một bài thơ đưa cho sứ-giã mà nói rằng: « Vì ta dâng bài thơ này cho vua xem. » Thơ rằng: « *Mây liêu ơ-thơ ai biết không, phần tàn hóa lệ thấm khăn hồng. Tràng-môn chẳng gọi vì ai đó, thêm gói trân-châu để bận lòng.* 柳葉雙眉久不描. 殘粧和淚濕紅綃. 長門自是無梳洗. 何必珍珠慰寂寥. » Vua xem thơ, ngâm-ngui ít lâu, có ý buồn-bã, rồi bắt nhạc-phủ đem lời tán-thanh ấy độ vào tân-khúc, gọi tên là khúc *Nhất-học trân-châu* 一斛珍珠. khúc ấy mới truyền-bá trong nhạc-phủ.

Sau có giặc An Lộc-Sơn vào xâm phạm kinh-thành Tràng-an, vua Huyền-tôn chạy ra đất Tây-thục. Quí-phi bị chết. Đến khi giặc yên vua về, vua tìm chỗ Mai-phi ở thì không thấy dấu. Vua thương xót, vua nói sau cơn binh-hỏa hoặc lưu-lạc ở chốn nào. Vua hạ chiếu cho thiên-hạ người nào tìm được Mai-phi, thì cho quan tước tam-phẩm, kim-tiền trăm vạn, người đi dò-la mồi, cũng không biết ở đâu. Vua lại sai các người đạo-sĩ làm ra phù phép, lên trời xuống đất đi tìm-tòi cũng không thấy. Sau có một kẻ hoạn-giả đem dâng một bức họa-tượng. Vua xem vua nói giống Mai-phi lắm, nhưng dễ thường chết rồi, không còn sống nữa. Vì trong bức họa-tượng có bài thơ đề, không biết rằng ai đề, thơ rằng: « *Nhớ xưa người đẹp ở trong cung, cái đẹp thiên-nhiên lọ chuốt hồng. Tuy nét xuân-sơn in vẽ cũ, nhưng làn thu-thủy liễu ai không.* 憶昔嬌妃在紫宸。鉛華不御得天真。霜綃雖似當辰態。爭奈嬌波不願人。 » Vua đọc bài thơ, vua sa nước mắt khóc, rồi vua sai thợ đá cứ theo hình-dạng bức tranh lẫn bài thơ ấy khắc vào đá để ghi nhớ về mai sau.

Sau giữa tháng mùa nức, vua nằm ngủ ngày, phẳng-phất trông thấy Mai-phi đứng cách ven khóm trúc, mà đứng khóc, dơ ống tay áo gạt nước mắt, như hi-h-trạng đóa hoa ở trong đám sương mù. Lại nghe hình như có tiếng Mai-phi nói rằng: « *Thửa nọ gặp cơn gió bụi, quân-vương phải lánh đi, thiếp chết ở tay kẻ loạn-binh, có kẻ thương thiếp đem nắm xương thiếp chôn ở ven cây mai chỗ mé đông góc ao.* » Vua giật mình nước mắt đầm-dia mà thức dậy. Tức-khắc vua sai người đi ra ao Thái-dịch đào thì không thấy, vua càng lấy làm buồn-bã lắm. Sau vua chợt nghĩ ra rằng chỗ Thang-chi suối Ôn-toàn, ven chỗ ấy có mai hơn mười cây, chừng ở đấy chẳng. Vua sắp xa-giá thân-hành đi ra

sai người đào, cứ lần lượt từng gốc cây mai mà đào, đào đến vài cây, thì được xác Mai-phi thấy liệm bằng cái nệm gấm, dựng vào cái thùng rượu để làm quan-tài, mà chôn nông độ vài thước. Vua vật-vã than khóc vô-cùng, kể tả người hữu không ai dám trông lên. Đến lúc xem mình Mai-phi, thì thấy ở dưới sườn có dấu vết lưỡi dao, hoặc là do loạn-binh vô-ý mà bị chết, hoặc là do thân hương chất ngọc không chịu nhục với thói hời tanh mà bị chết, sự ấy thì cũng không biết. Vua tự soạn ra bài văn tế để tế Mai-phi, rồi dùng lễ hoàng-phi đem cải-táng

Lời phê-bình

Đường Minh-hoàng (tức Huyền-tôn) là một vị đế-vương phong-lưu cổ-kim đệ-nhất, lại là một vị đế-vương phiến-nảo cổ-kim đệ-nhất. Minh-hoàng là người trọng-sắc, binh-sinh gặp-gỡ được hai người, một là Giang-phi, hai là Quí-phi: Quí-phi với Giang-phi, tuy hai người có hai vẻ khác nhau, nhưng đều là hai người tuyệt-sắc cả. Cái lịch-sử phong-lưu nửa đời về trước của Minh-hoàng, là lịch-sử Giang-phi, cái lịch-sử phong-lưu nửa đời về sau của Minh-hoàng, là cái lịch-sử Quí-phi, cái lịch-sử cuối cùng của Minh-hoàng, là cái lịch-sử trăng-hạ, cái lịch-sử trăng-sầu cái lịch-sử phiến-nảo miên-miên vô-tận.

Minh-hoàng lại là một người biết thưởng-thức hoa cổ kim đệ-nhất, như Giang-phi tìm ra mai-hoa, thì gọi tên là Mai-phi, Quí-phi nằm ngủ trưa, thì bảo rằng hoa cái-duơng ngủ còn chưa đủ đấy ư. Ấy không những xưng được cái danh-hiệu cho hoa, mà lại xưng được cái sự thực cho hoa nữa, không những gọi ra được cái vẻ của hoa, mà lại gọi ra được cái thần của hoa nữa. Khiến cho người sau tay không được trông thấy Giang-phi Quí-phi, nhưng được trông thấy mai-hoa hải-duơng, thì Giang-phi Quí-phi, thiên-cổ hình như vẫn còn, mà người sau hình như vẫn được trông thấy vậy. Minh-hoàng tuy là người có tội với hoa, nhưng cũng là người có công với hoa. Minh-hoàng chơi hoa, cũng biết chơi về tinh-thần, không phải là toàn chơi về vật-chất, mà cái sự chơi hoa chơi lấy tinh-thần ấy, há không phải là cái đặc-tính xưa nay của người đồng-phương đấy ư?

Tuy vậy, kẻ phẩm-bình hoa chép truyện hoa, cũng không thể giấu cái lỗi cho Minh-hoàng được, Minh-hoàng cũng còn là người tục, chỉ đủ cái tư-cách chơi hải-đường, chứ đủ các tư-cách chơi mai-hoa. Nay hãy xin so-sánh cái đức mai-hoa với cái đức hải-đường, thì cái phẩm - cách Minh-hoàng thế nào khác rõ. Mai-hoa gầy, hải-đường béo. Mai-hoa thanh - nhũ, hải-đường nồng-nàn. Mai-hoa kiêu cả hương sắc, hải-đường chỉ có sắc mà thôi. Mai-hoa nở đầu trăm hoa, làm vị trang-nguyên trong hoa-quốc; hải-đường nở giữa mùa hoa, làm vị túy-khách trong hoa-trường. Cái thời-kỳ hoa mai nở, chứa có ong, chứa có bướm, chỉ có tuyết; cái thời-kỳ hoa hải-đường nở, ong nhiều, bướm nhiều, lại có chim đến làm tổ trộm nữa. Mai-hoa ưa nước sạch, ưa trắng non; hải-đường ưa mưa gió. Mai-hoa - thích-hợp với khách làm phú làm thơ, hải-đường thích-hợp với khách say rượu.

Mai-hoa có kết-quả, vị chua mà có tinh hay; hải-đường không có kết-quả, hoa rụng xuống đất, hỗn-hợp với chất uế chất bùn. Xét kỹ ra, Minh-hoàng quý mai-hoa, chẳng qua quý như người bạn hiền mà thôi; yêu hải-đường mới thật là làm nô-lệ cho hải-đường. Rút lại bề thiên-hương không thẳng được bề quốc-sắc. Tiếng cười trên dặm đỏ, vì xa-xôi đáng quả gọi là lệ-chi; giấc mộng buổi xuân tàn, chỉ phảng-phất thấy người bên bóng trúc. Cung Thuỵng-dương dễ lẫn cỏ rậm, vì ai ngầu trở gió đông, góc Thương-trì thăm góc mai già, thêm phi muộn vãn giọt lệ. Minh-hoàng tuy có công với hoa; nhưng cũng là có tội với hoa vậy. Thưa ôi, làm kiếp hoa cũng đau đớn thay! Thuật-giả xin đem lời này kính-cáo với những khách chơi hoa.

Tùng - vân NGUYỄN ĐÔN - PHỤC

TÂM - LÝ HỌC (1)

IX

Phán-đoán (jugement)

Theo các nhà luận-lý-học (logiciens) thì bao nhiêu sự phán-đoán đều tả thành câu.

Theo các nhà tâm-lý-học thì phán-đoán hoặc đoán-định là định một cái quan-hệ của hai hiện-tượng hay là hai ý. Phán với đoán-định là ngờ (doute), ngờ tức là không có đoán-định. Chối (nier) cũng là đoán-định. Như nói: lửa nóng, là định rằng nóng hợp vào lửa, tức là thích-hợp đoán-định (jugement de convenance). Như nói: nước không nóng là định rằng cái nóng không hợp vào nước, tức là bất-hợp đoán - định (jugement de non convenance). Như

hỏi rằng: « Mặt trăng có sinh-vật không? » Nếu cho rằng ý sinh-vật thích-hợp vào mặt trăng thì đoán-định rằng: « Mặt trăng có sinh-vật »; nếu cho rằng ý sinh-vật không thích-hợp với mặt trăng thì đoán-định rằng: « Mặt trăng không có sinh-vật ». Nếu không quyết định nào, không định lẽ nào, ngờ thì nói: « Không biết có hay không. » Ngờ tức là không có đoán-định.

Không nên cứ thành câu mới gọi là đoán-định. Câu đoán-định nào hóa rồi thì thành câu. Nhà động-vật-học xét từ giống động-vật ở cuối cùng thang động-vật, giáp với thực-vật, thì nhà tâm-lý-học cũng nên xét từ cái phán-đoán mập-mờ, chưa đủ rõ-ràng, chưa đủ sức mạnh mà

(1) Xem N. P. số 89, 90, 92, 95, 96, 101, 102.

thành câu nói. « Tôi đi chơi một mình ở ngoài đồng, gặp cái rãnh tôi đứng lại một giây đồng-hồ, tôi « liệu » xem rãnh rộng hẹp thế nào, tôi « đo » trước cái sức tôi dùng để vượt qua. — Tôi đánh billard tôi không nói nhưng tôi cũng « tính » cái sức tôi đẩy hòn bi, cái hướng chạy của hòn bi ... » Bao nhiêu những sự « liệu », « đo », « tính » nằm trong bụng ấy là bấy nhiêu sự phán-đoán cả.

Sự tin. — Khi đoán-định — bất-cứ là thích-hợp hay bất-hợp — tất có sự tin. Vậy vì những cơ gì, lẽ gì mà người ta tin? Tim những lẽ đó, tức là xét nguyên-nhân của sự tin.

Sự tin đại-khải có năm nguyên-nhân.

1^o Lẽ phải (la raison) — Đoán-định rằng hai với hai là bốn là vì lẽ ấy hợp với lẽ phải. Đoán-định rằng bốn-phần nhỏ hơn toàn thể là vì lẽ ấy hợp với lẽ phải.

2^o Kinh-nghiệm (l'expérience). — Đoán-định rằng: Không ăn thì chết, gần mực thì đen, đi xa về hay nói dối, là vì đã từng kinh - nghiệm được mấy lẽ đó.

3^o Thói quen và bắt chước (L'habitude et l'imitation) — Cái gì nghe quen tai, trông quen mắt thì dù không hợp cũng hợp, dù trước không tin sau cũng tin. Ông CATON L'ANCIEN lần nào diễn-thuyết ở « Quốc-hội » La-mã, cuối cùng cũng chêm câu: « ... và tôi thiết tưởng nên triệt hạ thành Carthage ... » (Ceterum censeo Carthaginem esse delendam ... — et d'autre part, je pense qu'il faut détruire Carthage). Người La-mã, trước không hề tâm đến sự đánh Carthage một lần nữa, — vì trước đã có đánh — sau vì ông CATON lần nào cũng thúc giục, nghe quen tai, cho rằng triệt-hạ Carthage là phải. Bởi vậy, lần thứ ba, đại-tướng SCIPION EMILIEN sang tàn-phá Carthage.

4^o Tình-tự (Sentiments) — Sự cái gì hay tin là có, thích cái gì hay tin là thật. Sự ma tin có ma; ghét người ghét cả đường đi, ghét người ghét cả tông-chỉ họ-hàng.

5^o Tưởng - tượng (L'imagination) — Người ta nhiều khi theo tưởng-tượng mình mà xét việc đời. Bởi thế nên mới tin rằng thời cổ-trung-hậu hơn thời kim.

SUY-LÝ (Raisonnement)

Thế nào là suy-lý? — Suy-lý là gồm nhiều sự phán-đoán có quan-hệ với nhau. Trong sự suy-lý người ta thường lấy « đoạn » nọ thay « đoạn » kia; hai « đoạn » giống nhau bao nhiêu thì sự suy-lý càng chắc bấy nhiêu (Dans tout raisonnement il y a substitution de termes et la rigueur du raisonnement dépend de la similitude des termes substitués).

— a) Ví như có bốn cái « phương trình-thức » (égalités) sau này: $A=B$, $B=C$, $C=D$, $D=E$. Một người không học số-học bao giờ cũng hiểu rằng người ta có thể đem C, D hoặc E thay vào B, hoặc lấy B, A, C thay vào E. vắn vắn, và viết lại một cái « phương trình thức » này: $A=E$, hoặc $B=D$

Ví như muốn thay « đoạn » ở trong câu này: Bắc-ninh nhỏ hơn Nam-định, Nam-định nhỏ hơn Hà-nội $B < N < H$ Có thể đem H thay N mà nói rằng Bắc-ninh nhỏ hơn Hà-nội ($B < H$).

— b) Ví như có: A khác B, B khác C, C khác D ($A \neq B$, $B \neq C$, $C \neq D$). không ai có thể đem D hoặc C để thay B mà kết-quan rằng A khác C, hoặc A khác D ($A \neq D$, $A \neq C$).

Lại ví như: Giáp ghét Ất, Ất ghét Bình, Bình ghét Đinh. Không thể đem Sinh, hoặc Bình thay Ất mà kết-luận rằng Giáp ghét Bình, hoặc Giáp ghét Đinh. Không có thể thay được như thế vì ý-nghĩa cùng các « đoạn » còn hàm-hồ: A khác B, nhưng A to hay B to, B khác C nhưng C to hay B to; Giáp ghét Ất, Ất ghét Bình, nhưng Bình có chắc là ghét Giáp không?

— c) « Đoạn » có rõ-ràng thì mới thay đổi được. Ví như câu: Aluminium là

loài kim nhẹ, cái chìa khóa này bằng Aluminium. Trong câu ấy có thể lấy chữ (đoạn) nhẹ thay chữ Aluminium mà kết-luận rằng : cái chìa khóa này nhẹ. Câu suy-lý ấy đúng vì các «đoạn» rõ-ràng cả. Nếu chưa biết Aluminium là loài kim có tính-chất nhẹ thì không suy-lý được rằng : chìa khóa này nhẹ, chìa khóa bằng Aluminium, vậy thì Aluminium nhẹ...

Nay ta phải xét công việc của tri trong lúc suy-lý. Tri người ta chỉ xét được cá-vật, sau đem cái sự kinh sự nghiệm đó mà ứng-dụng vào các sự-vật khác chưa xét đến. Cho được thể tất người ta phải so-sánh vật mới vật cũ. Sự so-sánh ấy có thể là một sự bao-quát (comparaison globale) hay là một sự phân-tích (comparaison analytique). Khi nào người ta không phá các tính-chất phức-tạp của sự-vật ra, cứ để toàn thể toàn-hình mà so-sánh, mà suy-lý thì là sự so-sánh bao - quát. Đưa trẻ con trông thấy một ngọn lửa làm chảy một thỏi chì, kết-luận ngay rằng ngọn lửa nào cũng làm cho chảy chì, ngọn lửa nào cũng có thể làm cho chảy các loài kim khác, vì nó không phân-biệt rằng lửa có ngọn sức nóng mạnh, có ngọn-sức nóng yếu, loài kim có loài khó chảy, tóm lại là nó không phân-tính-chất lửa và loài kim, cứ bao-quát hàm-hồ.

Chỉ dùng cách so-sánh bao-quát thì người ta chỉ hoặc là «quần chữ» (tautologie), hoặc là sai lầm. Bởi thế nên người ta lại phải dùng cách «phân-tích» các sự-vật rút lấy từng tính-chất. Dùng cách ấy người ta mới chuyển-dịch được các «đoạn». Cứ lấy cách so-sánh bao-quát thì không khi nào sự hô-hấp lại giống sự cháy được. Hô-hấp là thở ra hít vào, là trống ngực đập, trong sự hô-hấp có cảm-giác mát-mẻ, cháy là lửa bốc, là khói, là nóng, sao lại có giống hô-hấp? Nhà bác-sĩ phân-tích sự hô-hấp và sự cháy ra, thấy rằng việc quan-hệ nhất trong hai sự đó là sự hóa hợp với dưỡng

khí, là sự dưỡng-hóa (oxydation) Bởi vậy mới suy-lý được rằng : Hô-hấp là một sự dưỡng-hóa, dưỡng-hóa là sự cháy, vậy thì hô-hấp là sự cháy.

Tam-đoạn - luận.— Nhiệm-vụ của «trung-đoạn» (Syllogisme. Rôle du moyen terme). — Xem như thế thì sự suy-lý là một sự phân-tích. Trong sự phân-tích đó, điều cốt-yếu nhất là tìm lấy một «đoạn» đứng làm chốt gọi là «trung-đoạn» Như câu tam-đoạn-luận : «Người hiền là người sướng, ông SOCRATE là người hiền, vậy thì ông SOCRATE là người sướng.» Trong câu ấy «trung-đoạn» là chữ «hiền». Trước khi suy-lý thế trong tri tự hỏi rằng : Ông SOCRATE có sướng không? Muốn trả lời câu ấy ta tìm hết cả các cái phụ-thuộc vào nhân-cách ông SOCRATE xem ông có cái gì đủ làm sướng không. Ta biết rằng ông SOCRATE nhiều bằng-hữu hết lòng vì ông, nhưng ông cũng nhiều kẻ thù quyền-thế, ông có người vợ tính nề không ra gì, ông lại nghèo khó... trong bằng ấy cái không có cái nào khả-dĩ làm hạnh-phúc cho ông. Nhưng ta lại nhớ lại rằng ông có một cái đức tốt của linh-hồn là sự hiền, cái đức ấy làm cho người ta thoát ra ngoài cõi khổ của nhân-gian, đủ gây nên hạnh-phúc lớn.

Cách suy-lý cũng có ba đoạn. Ba đoạn ấy khi là ba câu, có khi thật dài nhưng tóm lại cũng chỉ có ba đoạn, hai đoạn đầu là khởi-lý (prémises) đoạn, cuối là «kết-lý» (conclusion). Xin lấy hai câu tam-đoạn-luận sau này, một câu dài một câu ngắn.

CÂU NGẮN :

Khởi-lý } Đoạn thứ nhất — Người ta
 ai cũng làm :
 } Đoạn thứ hai — Đức Không
 Phu-tử cũng là người.

Kết - lý — Đoạn thứ ba — Vậy thì đức Không phu-tử cũng làm.

CÂU DÀI:

Khỏi-lý

Đoạn thứ nhất — Phàm cái gì có mĩ-thuật là có thiêng-liêng (Mĩ-thuật là gồm cả các sự-vật có thủy-chung phân-minh. Mĩ-thuật là trật-tự, là khuôn nấp, ván ván...; cái gì không có mĩ-thuật là tinh-cờ, ngẫu-nhiên, không trật-tự, thủy-chung luộm-thuộm...)

Đoạn thứ hai — Vũ-trụ này là một cái qui-trình đáng khen-ngợi, tỏ rằng có mĩ-thuật sâu-sắc (Muốn chứng rằng vũ-trụ như thế, cụ-linh-mục FÉNELON lược tả các điều kỳ-quan của thế-giới).

Kết - lý

Đoạn thứ ba — Vậy thì Vũ-trụ này có cơ thiêng-liêng (Cơ thiêng-liêng đó, há chẳng phải Thượng-đế sao?)

FÉNELON « Traité de l'existence de Dieu »

Các chứng-loại suy-lý. — Có nên chia sự suy-lý ra nhiều chứng-loại không? Cứ xem như trên kia đã bàn thì sự suy-lý nào rút cục lại cũng là một. Song cái vật-chất (la matière) thiên-hình vạn-trạng, người ta cũng phải đổi cách học đi thì mới thấu hết lẽ sự-vật. Ông CLAUDE BERNARD là một nhà sinh-lý-học trứ-danh nước Pháp về thế-kỷ thứ 19 có nói rằng: « Tôi thiết-tưởng rằng trí chỉ có một cách suy-nghĩ cũng như thần-thể chỉ có một cách đi đứng. Song, khi đi trên khu đất chắc-chắn bằng-phẳng, ở trên con đường thẳng quang-dương đã quen thì người ta đi nhanh bước chắc. Khi đi trên con đường quặt-quẹo, gồ ghề tối-tăm, thì người ta sợ sa vực thăm hang cùng mà phải lần từng bước. » Bởi thế nên các nhà « luận-lý-học » (logiciens) thường chia ra ba cách suy-lý.

1. — Diễn-tích suy-lý — (Raisonnement déductif ou déduction). Diễn-thích suy-lý là suy-lý rằng một cái mệnh-đề gọi là phụ-lý (conséquence) phải nếu các nguyên-lý (principe) của phụ-lý ấy phải. Khi đã nhận nguyên-lý là phải thì không thể chối rằng phụ-lý không phải. Thí dụ như các sự suy-lý trong số-học và các tam-đoan-luận.

Vì như trong số-học muốn chứng lý C là phải thì phải dựa vào lẽ phải đã chứng ở lý B, muốn chứng lý B là phải thì phải dựa vào lẽ phải của lý A. Lý A không cần phải dựa vào lý nào nữa, vì lý đó là đề-nhất nguyên-lý của số-học, là chân-lý (axiome), là định lý (postulat).

2. — Quy-nạp suy-lý. — (Raisonnement inductif ou induction). — Qui-nạp suy-lý suy từ các sự-vật đến lẽ khai-quát. Như suy rằng: Sắt chì kẽm là loài kim, sắt chì kẽm đun chảy, vậy thì tất cả các loài kim đun cũng chảy.

Mắt xét thấy có một vài loài kim đun chảy mà suy rộng đến hết cả các loài kim khác. Qui-nạp suy-lý lầm; vì như suy rằng: Đồng, kẽm là loài kim đều rắn, thủy-ngân cũng loài kim, vậy thì thủy-ngân rắn.

Diễn-thích suy-lý là căn-bản của các khoa triết-học, các diễn-thích-khoa-học (sciences déductives) như số-học, kỷ-hà-học. Qui-nạp suy-lý là căn-bản của các qui-nạp khoa-học hay là thực-nghiệm khoa-học (sciences inductives ou sciences expérimentales) như vật-lý-học, giải-phẫu-học, hóa-học.

Vì qui-nạp suy-lý hay lầm nên nhà khoa-học muốn thấu lý sự-vật tất phải qua ba thời-kỳ sau này:

A) Quan-sát các hiện-lượng;

B) Đặt một ức-thuyết, nghĩa là lấy sự tưởng-tượng nghĩ ra các điều quan-hệ của nhiều hiện-lượng (Xem qua lại mục Tưởng-tượng),

C) Sắt-nghiệm lại xem ức-thuyết đó có đúng không. Muốn sắt-nghiệm lại phải dùng một hoặc cả ba phương-pháp sau này : 1^o — Phép hợp nhân với quả ; 2^o Phép rút hiện-tượng ; 3^o Phép gia giảm nguyên-nhân.

Xưa ở nước Ý có bệnh «sốt rét» (paludisme). Người nói tại khí trời xấu, người nói tại hơi các ao tù hãm bốc lên. Năm 1880 nhà bác-sĩ Pháp là ông LAVERAN lấy phép hợp nhân với quả mà biết rằng bệnh ấy sinh ra bởi trong máu có một thứ vi-trùng gọi là « huyết-trùng » (hématozoaire). Nhưng không biết vì đâu mà trùng ấy vào trong người. Cái gì là vật truyền-nhiễm ? Khí xấu chăng ? hơi ao tù hãm chăng ? Muối dốt chăng ? Khi đó các nhà y-học mới tưởng-tượng rằng muối là vật truyền-nhiễm. Muốn cho ức-thuyết ấy có giá-trị phải lấy cái phương-pháp trên kia mà sắt-nghiệm.

1^o Phép rút hiện-tượng. — (Méthode de différence). — Dem mấy người học trò khỏe mạnh đến nước Ý cho ở vào vùng bệnh «sốt rét» đang kịch-liệt. Những học trò ấy ngày đêm ở trong nhà có phên sắt không cho muối vào ; nhà ấy ở giữa vùng ao tù, khí trời xấu, những người ấy cũng hấp khí trời xấu, hơi ao tù hãm, chỉ không phải muối dốt. Trong nửa tháng không thấy phát bệnh, chắc là muối truyền trùng vào người. Theo lẽ «có nhân thì có quả» nay quả không có, chắc nhân là cái không có, là cái muối dốt.

2^o Phép hợp nhân với quả Méthode de concordance). — Năm 1900 nhà y-sĩ nước Anh là MANSON đem muối

và ng bệnh «sốt rét» ở Ý về Anh-cát-lợi, cho dốt con y-sĩ. Trong giấy phết bệnh phát dưng dưng. Người con y-sĩ MANSON, ở nước Anh, chỗ không có ao tù hãm, không có khí trời xấu, chỉ bị muỗi dốt mà thụ bệnh, thì nhân là muối dốt mà quả là bệnh.

Lại dùng phép rút hiện-tượng mà biết rằng giống muỗi culex không truyền bệnh ; dùng phép hợp nhân với quả biết rằng giống muỗi anophèle truyền bệnh và cũng chỉ giống anophèle nào đã dốt người có bệnh mới truyền được bệnh.

3^o Phép gia-giảm nguyên-nhân (Méthode de variations concomitantes). — Thế-kỷ thứ 17 ông TORICELLI (1) cho thủy-ngân vào ống thủy-tinh thật đầy, lấy ngón tay bịt một đầu lại rồi ngược lên chậu thủy-ngân. Ông thấy thủy-ngân không đứng yên, lại trụt xuống một ít, nói rằng vì « tạo-hóa sợ chỗ trống không » (La nature a horreur du vide). Sau ông PASCAL (2) không cho lý-thuyết đó là đúng. Ông bèn tưởng-tượng ra thuyết không. Khi có áp-lực, sức ấy ấn xuống mặt thủy ngân trong chậu, không cho cột thủy-ngân trụt hẳn xuống. Ông lại suy rằng : nếu thật là vì áp-lực của không-khí, nếu áp-lực của không-khí là nhân mà sự cao thấp của cột thủy-ngân là quả, thì đem đổi sức áp-lực đi (đổi nhân) tất cột thủy ngân (quả) cũng đổi. Vì thế ông lên ngọn núi Puy de Dôme để rút sức áp-lực của không-khí — si càng cao áp-lực không-khí càng kém — để giảm cái nguyên-nhân, quả-nhiên cột thủy-ngân kém 76 phân (3-4).

(1) Vật-lý-học số-học-gia nước Italia.

(2) Ông PASCAL là một nhà văn-chương, tư-tưởng, vật-lý-học-triết-học, số-học trứ-danh ở nước Pháp trong thế-kỷ thứ 17.

(3) Thực ra thì ông PASCAL không dùng thủy-ngân để thí-nghiệm trên ngọn núi Puy de Dôme. Ông dùng cột nước, ống thủy-tinh dài quá 10 thước, ai biết vật-lý-học tất hiểu.

(4) Ba phương-pháp khác nhau như sau này :

A) Phép hợp nhân với quả — Một hiện-tượng A cùng xảy ra một lúc với các hiện-tượng a, b, c, d. Không biết chắc rằng a hay b hay c hay d là nhân của A. Tưởng-tượng rằng c là nhân của A. Bèn để riêng c ra, nếu A xuất-hiện thì c là nhân mà A là quả.

B) Phép rút hiện-tượng — Nếu bỏ a, b và d đi mà A vẫn còn thì c là nhân mà a là quả.

C) Phép gia-giảm nguyên-nhân — Bèn biến c ra C mà a biến ra A thì c cũng là nhân mà a là quả. Vì những câu thí dụ trên thuộc về một việc mà một cái thí dụ chưa đủ rõ nên lấy mẫu từ mà khái quát ba phép ấy ra cho rộng. Người học đã quen thì lấy a, b, c mà lý-luận lại dễ hơn lấy việc thực.

30 **Tương-tự suy-lý** (Raisonnement par analogie). — *Tương-tự suy-lý* là sự qui nạp suy-lý mới phôi-thai, mới một phác-họa (une ébauche d'induction). *Tương-tự suy-lý* là lấy một vài cái giống bề ngoài mà suy cái giống ẩn ở trong. Như suy rằng: Hỏa-linh cũng có khi bao, cũng có nhiệt-độ như địa cầu ta, có lẽ hỏa-tinh cũng có sinh-vật như địa-cầu ta. *Tương-tự suy-lý* không được vững-vàng chắc-chẽ như hai cách suy-lý trên kia, thường làm cho người ta lầm lẫn. Như suy rằng: Giáp là thẳng ác, Ất giống Giáp, vậy thì Ất cũng là thẳng ác. Vì có sự suy-lý đó nên mới trông mặt bắt hình-dong, mới làm cho người ta hay mắc lầm; song: Nhân hiền tại mao, trắng gạo cũng có ngon cơm; mà người làm sao quả-chiếm-bao có làm vậy!

Các câu ngụy-biện

Trước hết không nên lầm « *ngịch-biện* (paradoxe) với « *ngụy-biện* ». *Ngịch-biện* là một ý-kiến lạ tai, lạ trí công-chúng; hiện-thời là nghịch, nhưng vị-tất đã là sai lầm. Ông GALILÉE đương-thời thiên-hạ cho là « *ngụy-biện* », nhưng ý-tưởng ông đối với thời đó chỉ là « *ngịch-biện* », hiện nay là ý-tưởng đúng.

« *Ngụy-biện* » (sophisme) là lý-tưởng trái chân-lý. Có nhiều cách « *ngụy-biện* »

10 **Lạc-đề**. — Vì như muốn chống lý gì mà cứ nói ra ngoài truyện, trống suôi kèn ngược.

20 **Vô-chứng**. — *Pétition de principe* — Nghĩa là suy-lý dựa vào một lẽ vô-lý vô-bằng. Ví như: muốn chối không nhận một sự cải-cách gì, người viện lẽ rằng « *Cái ấy chưa từng có* ». Trong hiểu ngầm rằng « *cái gì mới cũng không ra gì* » (sự phán-đoán đó không hững-minh, không có lý gì cả).

30 **Mậu-lệ** (cercle vicieux). — *Cách ngụy-biện* này cũng ở cách vô-chứng mà ra. Ví như suy-lý rằng: *Cái ấy sai vì là mới, điều gì mới cũng sai, vậy thì cái ấy sai, cái ấy sai là vì mới, cứ xoay đi như thế mãi được*

40 **Hàm-hỗ** (Các mệnh-đề — các đoạn (termes) — hàm-hỗ) — Ví như suy-lý rằng: « *chỗ nào không có tôi thì có anh, tôi không có ở trên mặt trăng, vậy thì anh ở trên mặt trăng.* »

Đệ-nhất nguyên-lý.

(Vérités premières)

Trong sự suy-lý phải lấy sự phán-đoán no dựa vào sự phán-đoán kia, cái no ý-giống vào cái kia. Cái gì đứng chống giữ cả, cái gì làm chuẩn-dịch cho sự suy-lý? Không có lẽ tri người ta lại chỉ quẩn-quanh, suy-lý mà cứ nói dựa đến vô cùng tận; không lẽ lại không có cái then-chốt cho tâm-tư, cho con tim khối óc. Then-chốt đó là các đệ-nhất nguyên-lý. Gồm cả các nguyên-lý là lý-tính (raison) hay là « *lẽ phải* ».

Tự phản-đối. — Như suy lý rằng: $A = B$ (A bằng B), $B = C$, vậy thì $A = C$. Sự suy lý ấy dựa vào lý: hai lượng số bằng một lượng số thứ ba thì phải bằng nhau (deux quantités égales à une troisième sont égales entre elles). Lý đó cũng là phụ-lý của lý: tư-tưởng không được tự phản-đối (la pensée ne peut se contredire). Đã nói rằng A bằng B, B bằng C mà lại nói rằng A khác C thì ra cho rằng A vừa bằng B, vừa khác B, thành ra tư tưởng tự phản-đối. Lý tư-tưởng không được tự phản-đối cùng do lý sau này mà ra: Sự phải, trái, có không, chẳng đi cùng nhau một lúc (L'affirmation et la négation de la même chose ne peuvent pas être vraies toutes les deux dans le même temps).

Như câu tam-đoạn-luận: Làm người ai cũng lầm, đức Khổng phu-tử cũng là người, vậy thì đức Khổng phu-tử

cũng làm. Sự suy-lý ấy dựa vào lý : loài thể nào thì một giống trong loài ấy cũng thế, hay là : cái gì đã đúng ở loại thì đúng ở giống (ce qui est vrai du genre est vrai de l'espèce). Lý đó cũng là phụ-lý của lý : tư-tưởng chẳng được tư-phản-đối (principe de non-contradiction).

Tiền-định nguyên - lý (principe du déterminisme). — Nhà bác - sĩ trông thấy hòn ngói rơi, suy ra đến « định-lệ sự trụ - lạc của vạn-vật » (lois de la chute des corps), tìm được cái « địa-tâm hấp-lực » (attraction centrale). Sự suy-lý đó dựa theo lý : hiện-tượng nào cũng có cái tiền-định trước, cũng theo lẽ tự-nhiên của tạo - hóa (Tout fait a des conditions qui le déterminent et est régi par des lois de la nature). Các lẽ của tạo - hóa phần nhiều là lẽ « nhân-quả » (lois causales), vậy thì bao nhiêu sự suy-nghĩ về các hiện-tượng của trời đất đều theo lý « nhân-quả » như sau này : Hiện-tượng nào cũng có nguyên-nhân (Tout phénomène a une cause), hay là : cái gì cũng là một sự kết-quả (Tout fait est un effet), hay là : Cùng một nhân thì cùng một quả (les mêmes causes produisent les mêmes effets). Lý nhân quả chiếm một địa-vị rất quan hệ, rất to tát trong khoa-học. Xem như trên thì hình như cách diễn-thích suy-lý (Dédution) theo nguyên-lý tư-tưởng bất-tương-phản ; cách qui-nạp

suy-lý theo nguyên-lý nhân-quả. Song cũng nhiều khi phép qui-nạp không ở lý nhân-quả mà ra. Như định-lệ của ông KÉPLER (1) về đường qui-đạo bầu-rac của các hành-tinh, luật « vạn vật hấp-dẫn » của ông NEWTON (2), luật triết-quang của ông DESCARTES (3). Các luật-lẽ ấy theo lý : Không thể cho những cái thích-hợp có ý nghĩa là sự ngẫu-nhiên (Il est impossible de mettre sur le compte du hasard certaines concordances significatives).

Cứu-cánh nguyên-lý (Principe de finalité). — Lại như một sự tương-tự suy-lý này : Hỏa-tinh có khí bao, có nhiệt độ như địa-cầu, vậy thì Hỏa-tinh có sinh vật. Tại làm sao tri người lại do cái giống bề ngoài mà suy đến cái giống bề trong ? Vì rằng người ta cho những cái giống đó là những « phương-liên » (moyens) có một cái « cứu-cánh » (fin). Cái nguyên lý cứu cánh như sau này : Tạo-hóa không sinh ra cái vô dụng (la nature ne fait rien en vain) (5).

Vậy cái sự suy-lý theo mấy nguyên-lý sau này : 1^o) tư tưởng bất tương phản, — hoặc gọi là tư-phản ; 2^o) tiền-định ; 3^o) nhân-quả ; 4^o) cứu-cánh. Lẽ nhân-quả có trước lẽ tiền-định. Lý tiền-định nhờ có thực-nghiệm khoa-học (sciences positives) mới phổ-thông cho mọi người, kể chưa có học còn mơ-hồ chưa hiểu định-lệ là gì, định-luật là gì, lý trời đất là gì. Còn như lý nhân-quả thì ai cũng thường biết, chỉ cái

(1) Là một nhà thiên-văn trứ-danh nước Đức (1571-1630).

(2) Là một nhà thiên-văn trứ-danh nước Anh (1642-1727).

(3) Triết-học-gia Pháp (1566-1650).

(4) Lý ấy của ông COUENOT, số-học bác-học trứ-danh nước Pháp (1801-1877).

(5) Tạo-hóa, hoặc Thượng-Đế hoặc Thiên-chúa. Tạo-hóa sinh ra khí bao ở địa-cầu để nuôi sinh-vật ở địa-cầu, Tạo-hóa sinh ra nhiệt-độ ở địa-cầu để làm sống sinh-vật ở địa-cầu. Ở trên hỏa-tinh, cũng có khí bao, cũng có nhiệt-độ. Cái khí-bao ấy, cái nhiệt-độ ấy Tạo-hóa sinh ra để làm gì ? Há chẳng phải để nuôi sống sinh-vật trên sao Hỏa-tinh sao ? Cách suy-lý này hay ở những người giàu lòng tôn-giáo.

cách tìm nhân-quả khác nhau (1).

Đến như lẽ cứu-cánh thì là một lẽ hơi trái khoa-học. Người không biết lẽ « không thể tự-phản » thì là người điên, người không hiểu lẽ nhân-quả thì không hiểu gì cả, khó mà sống được; còn người không nhận lẽ cứu-cánh có thể có một cái học-thức rất cao, cách-vật tri-tri rất rộng. Vậy rút lại chỉ có hai đề-nhất nguyên-lý: 1^o — Tự-tưởng chẳng được tự-phản; 2^o — Nhân-quả.

Các nguyên-lý ấy có tính-cách « phổ-thông » (universalité) và « tất-nhiên » (nécessité). Về phương-diện « chủ-quan » (point de vue subjectif), các nguyên-lý ấy cũng « phổ-thông » vì các nguyên lý ấy ở linh-tinh mà ra. Về phương-diện « khách-quan » (point de vue objectif), các nguyên-lý ấy cũng có tính-cách « phổ-thông » vì không ngoại-vật nào ép ta bỏ cái lẽ ấy được. Các nguyên lý ấy « tất nhiên » như thế, vì không bao giờ ta có thể tự-phản tự-tưởng ta, không bao giờ có thể không tin rằng sự-vật có nhân-quả.

Các dấu hiệu, ngôn-ngữ và văn-tự

Dấu-hiệu là một cái cảm-giác được, gọi cho tri biết những cái không cảm-giác được, hoặc không thể cảm-giác được, (un fait perçu qui évoque l'idée d'un autre fait non perçu ou non perceptible). Khói là dấu hiệu của lửa; lửa vì khuất mà không thấy (không cảm-giác được). Nước mắt là dấu-hiệu của sự buồn; buồn là một việc vô-hình, không thể cảm-giác được.

Lại nói rằng « dấu hiệu là liên-tưởng trông thấy khói, liên tưởng đến lửa vì lửa trước có phụ cận với khói. Phái liên-tưởng (associationnistes) nói rằng không có dấu hiệu nào là dấu hiệu tự-nhiên (signes naturels). Chưa kinh-nghiệm rằng khói đi cùng lửa, nước mắt chảy theo sự buồn, thì khói không là dấu-hiệu của lửa, nước mắt không là dấu-hiệu của sự buồn. Song nếu ta thường vấp gặp hai người đi với nhau, trông thấy người này, liên-tưởng đến người kia, thì hai người cũng không làm dấu hiệu cho nhau.

Biểu sau này chia chủng-loại các dấu-hiệu.

I. — DẤU-HIỆU TỰ-NHIÊN

- A — Thuộc thị-cảm (bộ diệu, đồ mặt, tia tai, run sợ)
- B — Thuộc thính-cảm (Reo hò, kêu khóc).

II. — DẤU-HIỆU VỨC-ĐỊNH

- A — Thuộc thị-cảm (Cách thông tin bằng cờ như ở thủy-quân, cách truyền-tư-tưởng của người câm điếc, dấu hiệu của sở hỏa-xa, cách biến các âm - nhạc, văn - tự.
- B — Thuộc thính-cảm (dấu hiệu bằng tiếng còi, tiếng loa — Ngôn-ngữ).

Dấu hiệu tự-nhiên

Thuyết ông DARWIN (2) — Năm 1872 ông DARWIN xuất bản một quyển sách

(1) Như thấy một người học chóng giỏi, chóng hiểu. Người nói rằng: Đó là vì đất nhà người ấy to, ngôi mộ tổ được hưởng... Người nói rằng: Đó là vì người ấy trí-tuệ khác người, cần-mẫn khác người... Trong hai người đó mỗi người lấy một nguyên-nhân, nhưng trong óc đều có lẽ nhân-quả cả.

Như có tiếng sét đánh chết một người. Người nói rằng: Trời bắt tội kiếp này hoặc kiếp trước. Người nói rằng: Vì hôm ấy trời u-âm, điện tự trên mây, âm dương của mây và của đất hút nhau, chẳng may người ấy đi đến đấy, giữa luồng điện thì bị điện làm chết... Tóm lại mà xét thì ai cũng biết lẽ nhân-quả cả, chỉ khác nhau vì cách tìm nhấm xét quả mà thôi.

(2) Bào-học-gia Anh-cát-lợi (1809-1882). Chính ông xướng ra câu: « Sinh tồn cạnh tranh, ưu thắng liệt bại. »

nhân đề : « Sự tiêu-biểu của cảm-tình » (L'expression des émotions). Trong sách ấy ông phát-mình ra ba lẽ sau này của sự phát-tiết cảm-tình :

10 Lẽ tập-hội các thói quen cũ. — Các sự cử-chỉ vận-dộng có ích cho sự thỏa điều vui, người điều bức tức, cứ ôn-tập đi lại mãi thành ra một thói quen, quen đến nỗi rằng khi nào hơi có sự vui, hơi có sự tức bức, cũng xuất-hiện ra ngay ». Bởi thế nên khi giận thì nắm tay lại, dường như muốn đâm đánh ai. Cái dáng ấy tuy rằng nay vô-ích, nhưng cũng là dấu vết của tổ-tiên đời hàng lỗ di-truyền lại. Người đời hàng lỗ giận ai tất là phải xông đến người ấy mà cấu xé cho người giận.

« Khi người ta chia cho con chó một miếng ăn, nó nhìn vào miếng ấy trông-troc và vánh hai tai ra như là nghe, vì rằng khi nó nhìn cái gì cần-thận thì quen vánh tai để nghe cho thật rõ không sót tiếng gì ... Khi một người chối điều gì, không nghe điều gì, thì nhắm mắt lại quay mặt đi ; nếu nhận điều gì, nghe điều gì, thì nghiêng đầu và mở to mắt ra, vì rằng khi chối điều gì hình như không muốn trông, khi nhận điều gì hình như mở mắt ra mà trông, cũng như lúc chối đồ vật gì hay nhận đồ vật gì. Khi một người nghĩ đề nhớ lại điều gì thì giương mắt ra, dường như trông theo, nhìn xét cái tư-tưởng mình ... Khi khinh-bĩ thì bĩu môi ra như lúc nôn mửa mà lồm ... »

20 Lẽ phản-đối. — Ở dân-tộc nào cũng thế, kẻ thua đến cầu ân kẻ được

cũng quì xuống đất, chấp hai tay lại. Các bộ-điệu đó là phản-đối với bộ điệu thù-thân hay công-kích.

30 Lẽ thần-kinh-hệ bị kích-thích. — Khi thần kinh-hệ bị kích-thích mạnh thì sự cảm-dộng hay phát-tiết ra ngoài một cách mãnh-liệt, vì thần-kinh thừa sức mạnh, tràn ra ngoài.

« ... Vì thế nên trẻ con người lớn khi vui quá chân tay luống-cuống, cười nói hỉ-hả, đập tay vỗ đùi, nhảy, múa. »

Ông DUCHENNE DE BOULOGNE lại nói rằng mỗi một « bắp thịt » (muscle) dùng để phát-tiết một cảm-tình : « bắp thịt » ở trán dùng để tả sự chú ý, « bắp thịt » ở mi mắt dùng để tả sự dọa, « bắp thịt » ở môi để tả sự khinh-bĩ.

Còn một điều nữa phải bàn là : tại làm sao ta hiểu các dấu-hiệu tự-nhiên đó. Nên biết rằng tự lúc nguyên-thủy không có dấu-hiệu nào tự-nhiên cả. Tiếng kêu không phải là dấu-hiệu của sự khổ, chỉ là cùng đi với sự khổ. — Trước khi đũa trẻ biết kinh-nghiệm nó có sợ cái mặt dâm-dọa không ? có yêu cái mặt tươi cười không ? Không dám chắc. Ông DARWIN (Đạt-nhi-văn) dùng trước mặt đũa con ông mới được bốn tháng mà thét, dâm-dọa, thề mà nó không sợ (Đó là ông thí-nghiệm, không phải ông dâm-dọa thật).

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT biên dịch.



QUẢ DƯA ĐỎ (1)

PHIÊU-LƯU-TIÊU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chương Hội Khai-Tri Tiến-Đức năm 1925)

V

XII. — Nghĩ cách làm lịch

Trong hang Hường-Việt, đang lúc đêm khuya, tối mù tối mịt, hai đứa trẻ thì mệt ngủ yên thìn-thít, hai vợ chồng An-Tiêm thì giần-giọc mãi, không thể ngủ được, hết nằm lại ngồi, ngồi chán hai vợ chồng lại đưa nhau ra cửa hang, trông trời, thì trời tối cũng như trong hang, chẳng trông thấy gì, hai vợ chồng lại đưa nhau vào ngồi nói chuyện, chuyện xa chuyện gần, chuyện nhà chuyện nước, cái cầu đã qua, con đường sau này, nhớ-nhung than-thở, mỗi lưng lại nằm, nằm lại nói chuyện, vì ngày hôm ấy, cả nhà đi vãn-cảnh núi Vọng về, người thấy mỗi-một mà cảm-dộng một cách bàng-khuâng, nên nghĩ sớm, không đi kiếm tôm như mọi tối, nhưng nằm nào có ngủ được đâu.

Nàng Ba nói :

— Mọi khi ở nhà đêm nào có việc gì cảm-dộng không ngủ được, thì thấp ngọn đèn trong, người xem sách xem vở, kẻ canh củi vá may, hoặc đánh thức con cái dậy nó chơi cho vui, bây giờ ở đây dầu đèn không có, nằm chán lại ngồi, ngồi chán lại nằm, càng chuyện càng nghĩ đến sự nhà nổi nước lại càng xôn-xao.

An-Tiêm nói :

— Dầu đèn là sự bỏ-khuyết cho vũ-trụ, đạo trời có âm có dương, có ngày có đêm, nhưng ý tạo-hóa không muốn để cảnh đêm lạng-lẽ quá, nên mới lập

ra có mặt trăng, bóng sáng mà mát chiếu-diệu cho thế-giới ban đêm thêm vẻ linh-lung; tuy-nhiên, bóng trăng có sáng mà không đủ soi rõ, nhiều khi mây mưa u-âm, lại không soi vào trong phòng trong nhà được, nên người ta phải chẻ ra dầu đèn để cho dài thì-giờ mà thêm công việc, người ta sợ-dĩ làm chủ-tể vũ-trụ, làm con tin-yêu của Thượng-đế được cũng vì lập nên được sự-nghiệp như thế, ở đây rồi ta cũng phải tìm cách mà tăng thêm bóng sáng cho ban đêm.

— Ở đây có tìm được gì mà thấp sáng được?

— Nghe ở ngoài bể có những con hải - cầu hải-mã, và thứ cá to khác có nhiều mỡ làm nên thấp sáng lắm, những thứ ấy thì ta không có cách gì mà tìm được rồi, bây giờ ta hãy chịu tốn nhiều củi đóm để đốt khi có việc gì cần, sau xem dầu có đóm-đóm thì bắt, hay là thứ cây gì có nhựa cháy, hạt gì có dầu thì sẽ dùng mà đốt.

Nói rồi hai vợ chồng cùng trông ra cửa hang vẫn tối mù tối mịt, chả biết là thời-khắc nào, tiếng trùng với tiếng sóng theo tiếng gió đưa ý-ô ran-rỉ cả ngoài cửa hang.

Nàng Ba đọc lên rằng :

Đêm sao dài mãi ru mà!

Trống lâu đã vắng canh gà lại không.

Một đêm bằng mấy năm ròng!

(1) Xem N.P. từ số 103. — Bộ tiểu-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

Bề sâu lai-láng ai đang biết sâu.

Lạnh-lung gió lọt hang sâu,

Cõi bờ mờ-mịt biết đâu mà nhìn.

An-Tiêm nghe vợ đọc xong cũng đọc tiếp theo lên rằng :

Hang sâu đêm tối nên lòa,

Gió bay mới biết kia là cửa hang.

Cõi trần dương lúc mê-man,

Có ai biết nổi đêm trăng này chăng ?

Tìm đâu được ngọn tàn-đăng,

Mà soi cái bóng trăm năm của mình !

Hai vợ chồng ngâm-nga hồi lâu, Nàng Ba nói :

— Từ hôm ở nhà ra đi đến nay, không biết đã bao nhiêu ngày tháng rồi, phu-quân có nhớ không ?

— Hôm phát-vãng là ngày 22 tháng hai, mình đi hai ngày đến cửa Đại-nha, vượt bể mất hai ngày nữa là năm ngày, hôm sau từ bến Sứ vào đến Hang Kho mất hai ngày, ở Hang Kho mười ngày, là mười-bảy ngày, lại từ Hang Kho dọn sang Hang Huống-Việt mất một ngày, thì mưa xuống như trút, hết ngày ấy sang ngày khác, có khi tối-tăm cả lại không phân-biệt là ngày đêm nào nữa, thành ra cứ ấy không nhớ đích là mấy ngày, nhưng ước chừng cũng đến hai mươi ngày ; lại từ hôm hằng nắng đến hôm qua lên núi Vọng vừa là một tháng, thế là từ nhà ra đi đến nay cũng đã hơn hai tháng rồi.

— Ở đây không có lịch, mới ít lâu mà đã không nhớ đích ngày tháng, rồi sau thì đến quên mất cả.

— Ở đây vì có lịch cũng không nhớ đích ngày tháng được, bởi vì lịch đủ cả ngày tháng thời tiết trong một năm, muốn xem thời tiết nào về ngày tháng nào thì giờ lịch ra xem, còn số ngày tháng, thì cả bàn-dân phải nhớ riêng với nhau ở ngoài, chứ lịch có nhớ được đâu ; vì như ở đây mà có

lịch, song vì có gì bỗng quên mất số ngày tháng đi thì còn hỏi ai được, giờ lịch ra xem thì lấy gì làm bằng. Tuy thế mặc lòng, lịch-số là một việc thiết-yếu trong vũ-trụ và cuộc nhân-thế, mà vũ-trụ thì bao giờ cũng vẫn có lịch-số thiên-nhiên rồi, trong một ngày đêm, ngày có bóng nắng, đêm có bóng trăng, cùng những tiếng con cầm điều báo tin sớm muộn, trong một tháng có tuần trăng tròn khuyết, trong một năm có bốn mùa mười hai tháng, trên cân-tượng thì ngôi sao chuyển-vận, độ thái-dương đi khắp nam-cực bắc-cực có 365 độ và một phần tư độ, dưới khôn-duy có hàn-thử đắp đổi, có hoa thảo cầm chừng ứng thời-tiết mà thay nhau suy vượng, thế là trong lưỡng-gian đều phải theo một cái luật-phép nhất-định mà vận-hành, hết lượt lại bắt đầu ; còn về vũ-trụ lâu dài, thì đã có những lớp mộc-thạch, những vết tang-thương để kỷ-chú lấy cổ kim đời kiếp. Người đời biết làm lịch là từ đời vua Hoàng - để mới trắc-nghiệm những lẽ tuần-hoàn trên kia mà làm ra sách thừa-lịch ; đến đời vua Nghiêu có hai thứ lịch : một là phép của Trung-quốc nghiệm là cây minh-giáp gọi là Giáp-lịch ; hai là phép của ta nghiệm ở mai con rùa gọi là Qui-lịch. Từ khi ta đem con thần - qui tặng vua Nghiêu, thì Tàu cũng tham cả phép qui-lịch nữa. Người đời sơ-dĩ phải cần đến lịch vì có hai lẽ : một là ghi nhớ lấy thời-dại đã qua mà tra xét việc cũ ; hai là dự-toán cái thời-tiết một năm sắp đến mà liệu việc sau. Bây giờ ta ở đây không những việc dưỡng-sinh không ai giúp đỡ, mà đến cái thời giờ cũng không ai kể ; hờ với mình. Ôi ! một đũa con mồ-côi lưu-lạc, sau lập nên một cái cơ-nghiệp, mới biết kẻ sẵn nề sẵn nếp của ông cha kia, sung-sướng là dường nào. Minh càng cách-tuyệt cõi nhân-thế bao nhiêu, mình càng nghĩ đến những kẻ sinh-tụ trong đời thịnh-

trị mà không biết đến ơn-huệ của tổ-tông để lại, của làng nước quây-quần thì thật là ngu-ngoa quá.

— Thế thì bây giờ ta có cách gì xem tuổi-thời được không ?

— Cũng có thể ghi lấy cái đại-yếu được, mà ta phải làm bắt đầu ngay từ mai trở đi, là nhật lấy ba mươi cái vỏ sò, mười-hai cái vỏ ngán và mười cái vỏ ốc, đan lấy ba cái rổ, để vào góc hang đánh dấu một cái ghi ngày, một cái ghi tháng và một cái ghi năm, cứ mỗi ngày nhốt bỏ một cái vỏ sò vào trong cái rổ ghi ngày, chính phép thì còn tháng đủ tháng thiếu, nhưng phép đó có người chuyên khoa làm lịch mới tính được, còn ta thì cứ đủ 30 ngày là một tháng, trong một vài tháng lại phải so ngày « sóc » với ngày « vọng » cho đúng tuần trăng, hai ngày sóc vọng ấy, may được ngày mồng một nào, hay là đêm hôm rằm nào trời quang mây tạnh, ngày xem mặt trăng mới, đêm xem mặt trăng đầy, mà gia-giảm số ngày cho hợp, đủ một tháng thì bỏ một cái vỏ ngán vào trong cái rổ ghi tháng. Phép lịch có tích phân thừa, ba năm lại phải đặt ra tháng nhuận, nhưng ta đã so lần đi với tuần trăng, đã không có tháng thiếu, thì cũng không phải có năm nhuận nữa, cứ đủ mười-hai tháng là một năm thì bỏ một cái vỏ ốc vào trong cái rổ ghi năm, mỗi năm thì lấy gươm vạch chữ « can-chi » vào đá, còn như tám tiết hai mươi bốn khí trong một năm, cũng là độ nhật-thực nguyệt-thực, về ngày nào giờ nào thì ta không có sách xem được, mà những việc đó cũng không cần cho ta lắm, ta chỉ cốt lấy lá và nhựa cây ghi chép lấy một thiên « nguyệt-lịch » ở đây, xem trong một năm trước về mùa nào ở đây có những thời-vật thổ-sản gì, để năm sau lại liệu mà tính cách trị-sinh.

Chuyện mãi gần-sáng hai vợ chồng mới ngủ. Cách mấy tối sau, tôm he

thấy được ít dần mãi đi, An-Tiêm nói với Nàng Ba rằng :

— Độ này về mùa hạ rồi, hết mùa tôm he đến mùa cá, ta phải tìm cách kiếm cá ăn mới được.

— Đồ bắt tôm có cất cá được không ?

— Vó tôm thì nhỏ mà cá nó nhanh, động nước nó chạy mất, không cất được. Tôi xem những chân núi đá giữa bãi ngoài kia có nhiều khe nhiều hốc, cá vào ăn có từng đàn đông, ta có thể đào hố ở địa bề mà đánh khăm, đan rọ thả xuống nước, rào dăng chặn các khe núi, chắt đá nhỏ bên bãi, rồi thả mồi bằng những ruột sò thối vào những chỗ đó, để dụ cá vào mà bắt, rồi sau này ta sẽ tìm cách mà chế được những đồ đánh cá cho tiện-lợi hơn.

— Cá bễ nhiều lắm, tôi không hiểu được mấy thứ ?

— Thượng-đế đã cho ta hơn vạn vật được cái trí khôn, ta nên biết khắp cả các vật quanh mình ta, phương-chi ta lại phải thủ-dụng vào vạn vật mà cung-cấp cái việc sinh-tồn, thì ta càng biết rộng bao nhiêu, càng lợi-ích cho sinh-kế của ta bấy nhiêu, bởi vậy Khổng phu-tử dạy học cũng lấy cách-vật tri-tri làm trọng, cách-vật tri-tri không những làm cho thần-tri được yêm-bác, mà chính là để cho nhân-sự được phong-hạnh, nhưng muốn cho cái học cách-vật tri-tri có thực-tiễn thì cái gì cũng phải nên duyệt-nghiệm mới được ; tôi nhờ được hai cái lịch-duyet sau này mà xem xét được nhiều những thảo-mộc cầm-thú còn-trùng, là khi tôi ở trong cung gần miền thượng-lâm, xem không thiếu gì hoa lạ cây thơm, thú kỳ chim dị, lại khi tôi đi tông-chinh, vào tận thâm-sơn cùng-cốc, gặp cái gì cũng hỏi, còn loài hải-vật thì tôi tuy không ở bề, nhưng cũng được biết ít nhiều. Kể những cá kinh, cá nghe, cá cón, cá chiên, trong sách nói to đầy

sống đầy hồ thì chưa được trông thấy, chỉ được thấy những cá to vừa như cá he dầu như đầu lợn, mình tròn bằng khúc gỗ; cá ngac giống như con thần-lân, ta gọi là cá sấu, mình to có thể bắt được cả trâu bò ở trên bờ. Cá he cá sấu là hai thứ cá dữ-tợn, đến những cá người ta đánh lưới được dễ ăn thường thì tôi hay xem ở những hàng cá bẻ vào bán ở Phong-châu, những cá nhỡ - nhỡ thì có: Cá dam, da ráp như cát mà xương mềm, người ta lấy vây nó nấu cổ gọi là long-tu; cá thủ, có bong-bóng ngon, cũng dùng nấu cổ. Những thứ cá ngon thịt thì có: cá gung, xương rắn; cá khoai, dài mình như con nêch; cá thu, xương mềm về mùa đông; cá dế, nhiều xương về mùa xuân; cá song, cá nhụ, cá thu, cá thu-ngang, cá chim về mùa hạ. Các thứ cá nhỏ như cá dừ, cá duôi, cá mòi, cá dớp, cá bẹ, cá thanh-bôi; lại còn cá rếch, cá nhám, cá sơn, nhỏ mà nhiều xương, ngâm để làm nước mắm thời ngon, nhưng cá ấy có mùa và có đàn, đánh được đặt một thứ nhiều lắm; còn những cá đánh được lẫn lộn, gọi là « cá ba quân » thì có cá mồi, cá mậu, cá phèn-chỉ, cá dứa; cá ngựa dầu như đầu con ngựa, tục truyền khi « làm-bồn » cầm cá ấy thời chóng xổ; cá chuồn-chuồn, cá cóc, cá ót, cá kìm, cá mực, cá đao. Về loài tôm thì có: tôm rồng chà - chành mà đẹp, tôm he, tôm đảo, tép diêm. Lại đến những con ở bãi cát thì có: hải-xâm, bóng-thùa, sò, ngán. Những con ở chân núi đá thì có: bạch-tuộc hình giống như con nhện, hầu và hà. Bề lại có những thứ ốc vỏ đẹp, dùng làm tù và, bát, chén được; ốc xà-cừ dễ khảm đồ gỗ; con chai có hạt trân-châu quý lắm, còn đồi-mồi hình giống con rùa, mai dùng làm ngoạn-khi. Đó là mới biết đại-lược những thứ thường thường, còn thì dầu người làm ngư-nghiep ở bề đến già, cũng không biết hết được. Nước

ta phân-giới với nước Tàu từ dãy núi Ngũ-linh trở về nam, một dải dư-độ rộng-rãi, không những cái lợi lâm-sản ở rừng, cái lợi nông-tang ở bình-nguyên đều phong-phủ hơn thiên-hạ, mà đến cái lợi ngư-diêm, cái lợi châu-báu, cũng không dầu sánh bằng. Thật là cái kho thiên-phủ của trời để dành phần, của tổ-tông đem huyết-hãn tưới thấm vào mà lưu-truyền lại cho, đến nay những kẻ được ngồi mát mà ăn bát vàng ở trong bờ cõi ấy, không biết mở-mang nguồn lợi cho ngày càng hưng-thịnh thêm lên, mà để cái cơ giầu đồ bìm leo kia đã hiện ra trước mắt, không khéo đến sa-lạc vào nơi hang sâu vực thẳm của quân rợ Thục, thì đáng tiếc là đường nào; Hay là cũng bởi dễ kiếm ăn quá, người không phải suy nghĩ, không cần phải vất-vả cũng có ăn, nên ngày sinh lười biếng nưu hèn mãi đi, như câu: « dân đồng mầu lấy đầu làm giới » ấy chẳng? Vì như đũa con nhà giầu xứ quê sản ăn sẵn chơi ngay từ thừa lọt lòng, không từng trải qua thế-cổ, nên lúc lớn không đủ tài sức mà giữ lấy gia-tư, nhưng nói thế chả hóa ra đổ tội cho cha ông đất nước hay sao, chẳng qua tội ở đũa ngu hèn, chứ cha ông đất nước làm gì nên tội, bởi thế cho nên tôi nghĩ rằng muốn cho nước mạnh phải lo dân giầu, cái sự bảo-đáp cho quân-phụ, cái sự bảo-đáp nước nhà ở ta bây giờ chỉ cho bằng cái cấp-vụ làm cho dân giầu ấy mà cái cấp-vụ ấy ở ta còn có khó gì, bởi thế tôi mới xin ra làm cái việc: khẩn-hoang là việc cần cho chóng có công-hiệu, để Thiên-tử có lòng tin rồi sẽ điều-trần đến những việc « quan-sơn phủ-hải » cho dân có việc mà nước đủ dùng, ai hay kẻ siểm-du ghen người hiền, ghét kẻ hay, làm cho Thiên-tử lia bỏ mình một cách điều-dấng thâm-thương, kẻ gian-du tưởng cái mưu như thế đã già, đã hoại được cái sự-nghiep của ta rồi, nhưng họ có biết dầu rằng cái sự-nghiep trước bởi Thiên-tử tin ta mà

ta làm được, mà cái sự-nghiệp sau này lại vì Thiên-tử ghét ta mà ta làm nên. Trước còn có tay vợ tay vịn, mà bây giờ thì tay không, thế thì dang nào về-vang hơn. Ông Khổng phu-tử nói: « Trời sinh đức cho ta, người Hoàn Đồi có làm gì được ta ». Ôi, trời không định hại người hiền-triết, thì kẻ ác-nhân cũng phải chịu, nay Thượng-đế không nỡ tuyệt ta, cái phúc tiền-thân ta chưa hết, cái mệnh hậu-lai ta còn nhiều, càng truân-chiến bao nhiêu, càng hiền-dương bấy nhiêu, thì cái công việc ta ở đây, nay mai há lại không phải là cái sơ-chỉ của ta ư. Hiền-thê thử xét mà xem, mới bữa nào khi ta mới đến đây, tưởng không bị rắn độc thủ dữ, mà bắt quỉ vô, thì cũng đến nhìn đôi nhìn khát với nhau mà chết, thế mà cái lương cũ chưa hết đã kể có cái lương mới, đủ mà sống với nhau, ta đã đủ sống được với nhau, há ta chịu ngồi yên hay sao.

An-Tiêm nói đến đây nghỉ một lát, lại nói về việc làm ăn mà rằng:

— Trước khi đánh cá ta phải phơi lấy muối đã, vì thịt loài cá thì lạt, mà ta ăn mặn đã quen, nếu không có muối thì ăn chóng chán.

Từ hôm ấy trở đi, nhà An-Tiêm vừa nghề đánh cá, lại giờ nghề phơi muối nữa. Khi được nhiều cá, ăn không hết, thì phơi khô để dành.

XIII. — Thứ rau mới phát-minh

Bề trời riêng thú sinh - nhai, đưa người văn-vật về đời hoang-chấn. Một bữa trưa hôm ấy, trong các món ăn của nhà An-Tiêm thường dùng mọi ngày như tôm he, cua bể, cá bể, lại thêm ra một món rất trân-kỳ hiếm có để điều-hòa với những món trên kia, thì mới đủ chất tư-bổ cho thân-thể như cách ăn thường lễ của người ta trong lục-địa, thật là một món ăn đáng mừng cho cái cuộc sống của nhà ấy. Món ăn

ấy có lạ gì đâu, chính là một món rau mà ông mới tìm ra được, bởi vì cái thảo này trơ-trọi, đến những thứ tài-mộc, những thứ rau quả thường dùng như trong nhân-thế, cái gì cũng hiếm, hay là tuyệt không vậy. Món ăn ấy An-Tiêm tìm được ở đâu, mà là thứ rau gì ở trong ta?

Trưa hôm ấy An-Tiêm ở đâu về, tay cầm một óm lá, ngon như ngọn khoai lang, lá như lá sồi mà vừa mềm vừa non dẻo-dẻo, chàng về đến cửa hang, đặt óm lá ấy xuống đã có ý mừng-rỡ lắm.

Nàng Ba hỏi:

— Là gì thế?

An-Tiêm nói:

— Một thứ rau tôi mới tìm ra được đây. Khi ở trong cung có được ăn một thứ rau « thạch-phát » ngon lắm, người ta nói nó ở trên mặt nước chỗ các khe đá ngoài bể, nên tôi vẫn có ý tìm mà chưa thấy, lâu nay ăn độc một vị tôm cá xột ruột thêm rau, vì người ta là giống ăn cả thịt lẫn rau quả, cho nên không ăn ngũ-cốc thì cũng phải ăn rau mới đủ điều-dưỡng được tạng-phủ.

— Trông không giống thứ rau gì ta vẫn ăn, nếu có độc thì làm sao?

— Tôi đã nghiệm kỹ rồi, tôi lấy lễ người ta hồi cò-sơ cũng như các con cầm-thú, vò được cái gì ăn cái ấy, rau quả cũng vậy, ăn một lần thấy ngon lành, thì lần sau lại ăn, như cái nghĩa hôm đã lâu tôi đã nói, dần dần khôn ngoan, biết nghề làm vườn ruộng, mới lấy giống những thứ rau quả đã ăn quen về trồng mả đặt tên cho từng cây một, nhưng mặt đất mỏng-ménh, hóa-công khéo-léo vô-cùng, mỗi nơi có một thổ sản riêng, có phải chỉ loanh-quanh mấy thứ rau quả ta vẫn quen ăn mà thôi đâu; tôi nhớ trong sách « Thần-Nông bản-thảo » nói đức Thần-Nông mới lập ra thuốc-thang, ngài phải đi nếm thử từng thứ

là cỏ một, cỏ ngày bị bảy mươi thứ cỏ độc, ngài đều thần-hóa đi được cả, ngài nghiệm ra có sáu vị là cam (ngọt), tân (cay), khổ (đắng), hãm (mặn), toan (chua), khi nào không đủ vị gì thì là đạm (nhạt). Sáu vị có bốn khí là hàn (lạnh), lương (mát), ôn (ấm), nhiệt (nóng), khi nào không đủ khí gì thì là bình (bình-thường). Mỗi vị có một công-dụng là đắng thì tả, cay thì tán, chua thì liễm, mặn thì thẩm xuống, ngọt thì hòa-hoãn. Sách thuốc lại nói vật nào mà khi nó bình vị nó cam và đạm thì cái tính nó tất hòa mà vô-độc; vật nào độc thì cái tính nó phải nhiệt mà vị nó phải cay, cho nên các vị về thảo-loại duy có thóc là khí bình, vì cam-đạm điều-hòa, nhiều chất bổ, nên đáng tiên dân dùng làm thứ ăn thường nuôi người; còn rau thì thứ nào cũng có sở-thiên, nên chỉ dùng làm thứ ăn thêm cho điều-hòa tạng-phủ; ta tuy không thần-hóa được, nhưng ta nhờ cồ-nhân có phép khảo-nghiệm sẵn ấy rồi. Tôi lấy phép ấy mà thí nghiệm một thứ rau này, nó mọc ở bờ bãi chỗ đất ẩm nhiều lắm, trước tôi còn nhầm sống một vài lá, sau nung chín thấy ngon và bổ, khi-vị cũng như rau muống, tôi gọi là « rau muống bễ », có khi đã nung ăn một mớ to, thấy mát ruột mà lành, mới dám hái đem về đây.

— Bây giờ làm thế nào mà ăn ?

— Thong-thả rồi ta cũng phải tìm cách chế ra nồi niêu mà nấu-nướng, bây giờ tôi đã có cách này làm cho rau chín được.

Nói xong ôm ôm rau lên trên giềng rửa sạch sẽ, lấy cỏ bọc ngoài rồi chặt bùn đi, đem về đốt lửa nung một lát bỏ ra, An-Tiêm ăn trước vừa ăn vừa nghe, lâu rồi Nàng Ba mới ăn, hai vợ chồng vừa ăn vừa cười cười nói nói, lấy làm ngon lắm, An-Tiêm nói :

— Tôi từ thừa nhất-sinh làm người đến giờ, hàn-vị có, phú-quí có, phiền-

hoa đã trải, thôn quê đã từng, nào yến nào tiệc, trải biết cả các vị trân-cam hỗn bễ, mà chưa từng được bữa nào ngon sướng như bữa rau muống bễ mới tìm ra, đắp đất nung chín này; chomời biết ở đời không có cái gì là quý, cái gì là hèn, tạo - hóa sinh ra vạn-vật, tạo-hóa coi cái nào cũng như cái nào, cái nào cũng có một cái công-dụng riêng, có cái nào là khinh cái nào là trọng gì đâu, chỉ tại người ta không biết lựa mà dùng cho phải cách, thành ra vật mới có cái khinh cái trọng; bây giờ thử đem một bát sào long-tu với một bát canh rau ra kể chợ mà hỏi, thì chắc ai cũng nói bát long-tu là trọng, bát canh rau là khinh, nhưng có biết đâu rằng rau là thứ ăn điều-dưỡng cho cả bản-dân, mà long-tu chỉ là một vị ăn phổ bày trong tiệc trọng, thì công-dụng bên nào đã khinh trọng hơn bên nào, mà vội cho ngay là cái này khinh cái này trọng thì cũng liều thật.

Bây giờ ăn uống vừa xong, trời đã xế chiều, mà động thì hương tây, nắng xiên vào, bức lắm. Nàng Ba đưa hai con ra trước cửa động hóng mát, An-Tiêm thì còn dọn-dẹp ở trong hang, Nàng Ba đang trông về mặt bể tây xem trời mà tưởng-vọng, chợt ngảnh lại dăng bên Sứ, thấy có một cánh buồm đen-đen, cách xa cửa bể thấp-thoảng trên làn sóng, lúc nhô lên lúc chìm xuống mà chạy thẳng vào bên Sứ. Nàng Ba mừng lắm vội gọi liu-lit lên rằng :

— Có một cái mảnh đang chạy vào bên Sứ, thầy ra mà xem.

An-Tiêm vội-vàng chạy ra đứng trông thì chỉ thấy buồm, chứ không trông rõ thuyền, nhưng cũng chắc là thuyền vào bên Sứ. Nàng Ba nói :

— Thuyền này chắc là thuyền sư-già chứ không phải thuyền thương khách, vì không phải quốc-sự thì không ai ra đến đây làm gì.

An - Tiêm nói :

— Phải, chắc là thuyền nhà vua, một là ra thăm xem ta ăn hết lương rồi thì chết hay còn sống, một là đem cấp thêm cho đồ dùng, lại một nữa là Thiên-tử đã xé tra biết ta oan mà cho đón về nhưng nếu có phải ra đón thực ; thì chắc Thiên-tử lúc đem đây ta ngài cũng tin rằng ta ra chỗ đã có nhân-dân như trong lời cáo-mệnh, chứ ngài có biết dân đến cái mưu độc của kẻ gian-ác thế này. Tuy-nhiên, nếu vậy thì Thiên-tử cho ra đón ta bây giờ cũng còn khi sớm, ta thêm khó nghĩ, vì ta cố-từ thì trái vương-mệnh, mà về thì chưa có chút công-nghiệp gì ở đây, để một cái cảnh tuyết-mã, một cái phủ trời hùng-vĩ xa-xôi của tòn-quốc này, lại yếm-một ở ngoài muôn dặm trùng-duong, bị mây trời nước bề che trùm đi như từ khi-khai tịch đến nay, từ nay đến sau ai còn biết đến, mà còn ích gì cho ai, bao lời ta hứa, bao chỉ ta định, toại-thành hư-không cả, mà ta chung-thân canh-cách bên lòng như người mang nợ chưa trả, ta vẫn mong rằng ta được ở đây ít lâu để ta đem cái sức chân tay tâm-huyết của một nhà ta mà lập nên công-nghiệp, đưa cái cõi hoang-vu lên đời thịnh-thế, bây giờ Thượng-đế sẽ mở đường cho về, cho những kẻ hôn-mê khi-trá, những kẻ phản-ngịch của Thượng-đế biết rằng Thượng-đế là đáng đáng tin, mà người chi-thành mới kham nổi tai-nạn, người kiên-nhẫn mới làm nổi công việc, thì ta không những là tôi con của Thiên-tử phải tận-tụy việc nước, mà ta lại là tôi con của Thượng-đế phải lấy thân làm gương cho đời, chớ càng hay dư !

— Thế nhưng mà ở đâu không tu được phúc, không tận được trung, cứ gì ở một đây.

— ta hãy ra đón xem thuyền sứ hay thuyền gì.

Bấy giờ Nàng Ba thì đang vận cái áo lụa trắng rách, xé mấy bận đã cụt cả vạt trước vạt sau, An-Tiêm thì cỡi trên đống khô, hai đứa con thì quần áo xộc-xếch.

Nàng Ba nói :

— Ta trở vào ăn mặc tử-tế để ra tiếp-tân cho khỏi vô-phép.

Vợ chồng lại vào hang mặc quần mặc áo chỉnh-tề. Nàng Ba với Mai-Lâm thì ra ý mừng rỡ lắm, một lát kéo nhau ra. An-Tiêm cỡi Mai-Lâm, Nàng Ba điu Quế-nương. lật-dật đi ra bến Sứ, vợ chồng cứ vừa đi vừa ngảnh trông ra chỗ thuyền vào, sau bị ngàn lau khuất đi, mới chịu cúi đầu mà đi, đến nơi thì không thấy cái thuyền ấy đâu cả, trông quanh trông quéo cũng chẳng thấy gì. Nàng Ba nói :

— Có lẽ vì ta nhớ mong mơ-tưởng quá. Rõ-ràng mờ mắt mà ra chiêm-bao chẳng ?

— Không có lẽ một người làm chủ hai người cũng mơ cả hay sao ! Hoặc là lúc ta đi khuất ngàn lau thì cái thuyền ấy bị sóng to đánh đắm mất mà ta không biết chừng, hay là gió đánh tạt vào đầu, thử tìm kỹ xem.

Một lát cái thuyền ở đầu lại rền lên trước mặt ngoài xa xa.

An-Tiêm vừa trông ra bề vừa bảo Nàng Ba một cách mừng rỡ quờ-huờ lên rằng :

— Cái thuyền ấy kia rồi, sóng vỗ tràn cả thuyền đi, chỉ hở một cái mũi ra mà thôi.

Hai vợ chồng bèn cho con đứng xuống bãi cát, cùng nhau vừa trông ra thuyền vừa vẫy tay. Thuyền vào gần mà cái thân thuyền cũng không nổi lên tí nào, hai vợ chồng đưa con ra gần mé nước đứng trông, bỗng lại thấy chìm lìm đi đầu mất, hai vợ chồng lấy làm ngạc-nhiên sợ lắm.

Nàng Ba nói :

— Hay là thuyền ở dưới long-cung thủy-tế hiện lên tiêu dao trên mặt bể, thấy người đương-gian ta làm lộ-liều mà lặn xuống chẳng?

An-Tiêm không nói gì đứng thần người ra có ý nghĩ-ngợi, tự-nhiên thấy ở gần trước mặt, quây lên năm sáu cái cực mạnh, phơi mình lên đen thui thui, to-tướng tần-vần, nước bắn lên trắng xóa, sóng cuộn lên như núi, sánh nước cả vào ngang lưng người đứng trên bờ. Nàng Ba với hai con hải chết khiếp người đi, không biết là làm sao. An-Tiêm cũng hoảng-hốt sợ-hãi, vội bế con dắt vợ chạy một quãng xa mới ngảnh cổ lại trông, thì lại thấy một vệt nước phun lên cao ngất trời, nước tỏa ra như mưa rào.

An-Tiêm nói:

— Đứng lại đây mà xem, nó là con cá rồi, cái bướm lúc nãy là vây nó đấy, có thuyền bè nào đâu, có lẽ nào Thượng-đế không cho ta thành-công ở đây, thì đưa ta đến đây làm gì.

Nàng Ba vừa run vừa thở mà rằng:

— Cá gì mà to đến như thế! chắc là sự hóa phép của vua Long-vương do thôi, không nên đứng ở đây mà chạm vạ không được.

— Không phải thế, chính là con cá đó. Tôi đã nói vũ-trụ là một nơi tốt lành tự-nhiên, không có cái gì là quái-gở bao giờ. Con cá này là một con trong loài kinh nghê, mà tiếng ta tổng danh là cá ông-voi. Tục ngữ có câu: «Nhất điều nhi ngư», là tron vật loại có chim là lớn nhất, đến cá là thứ hai. Câu ấy trong sách *Trang-tử* về thiên *Tiêu-dao* có nói: «Bề Đông có con cá còn nhảy một cái ba nghìn dặm hóa ra làm con chim bằng, cánh xò ra như đám mây rợp trời, vỗ cánh bay một cái chín vạn dặm, ra đến bể Nam-minh là một cái ao trời»; điển ấy tôi đã dẫn vào câu thơ hôm mới đến bến Sứ này

để tả cái nghĩa vũ-trụ cực rộng. Lại các phụ-lão ngoài đường bề có truyền-ngôn rằng: «Có một cái thuyền sáu người lớn nhỏ, bị con cá ông-voi nuốt vào bụng, rồi sáu người ấy cứ sảo thật cá mà ăn, giả thử sáu người ấy chỉ ăn mà thôi thì cá không biết, về sau họ không ăn cũng sảo để lấy lối ra, cá mới thấy đau bụng, đẩy mãi rồi vào bãi cát chết, sáu người mới ra ngoài thì người bé đã lớn, người lớn đã già.» Hai câu chuyện ấy chẳng biết có hay không, nhưng chính ngày tôi ở trong cung, ngoài bể có đem vào tiến một bộ xương cá, vua cho bày vào vườn Thượng-lâm làm cái núi non bộ thì thấy mỗi đốt xương sống của nó bốn người ngồi vừa, thế thì cái toàn-thân sinh-thời của con cá ấy có thể lượng mà biết được. Con chim to lắm thì chưa ai nom thấy, có lẽ trong thế-gian này mới biết cá là to nhất mà thôi. Người ta sinh ra ở đời cũng như xem hội, xem được cái gì hay là lợi cái ấy. Chúng ta được trải bao nhiêu cái cảnh thiên-nhiên diệu-tuyệt của tạo-vật, há không có cái nhỡn-phục to lắm thì sao có thể được.

Nói xong thì cái vệt nước phun vừa tạnh hết, bề lại im sóng, không thấy gì nữa. Trời xam-xăm tối, Nàng Ba giục chông cho con về.

XIV — Chế quần áo

Từ hôm ấy trở đi, Nàng Ba cứ nói chuyện đến con cá ông-voi ngoài bến Sứ mà lấy làm kinh-dị mãi,

An-Tiêm nói:

— Vạn-vật trong thế-gian, ta thấy con cá ông voi thì ta cho cái tài ông tạo làm rất vĩ-dại, nhưng ta nghe nói con «tiêu-minh» thì ta lại phải chịu cái tay ông tạo làm rất tí-mỉ nữa kia.

— Con tiêu-minh thế nào?

— Ngày xưa vua Tề Cảnh công hỏi ông An-lữ rằng trong thiên-hạ có con

vật gì là cực nhỏ không? An-tử thừa có con tiêu-minh, một đàn nó hàng mấy trăm nghìn con làm tổ ở trên đầu con muỗi, ăn ở bay nhảy một cách ung-dung, mà con muỗi cũng không biết. Ta không biết An-tử có cái thần-nhẫn thế nào chứ như mắt ta thì không thể nào thấy được.

Nàng Ba nghe nói càng thần-tán cái tài-năng của hóa-công và cái oai-linh của Thượng-đế. An-Tiêm liền đọc một bài thơ « Vạn-vật » rằng :

*Ra khơi xem cá ông voi,
Vào hang bắt muỗi xem loài tiêu-minh.
Cũng tâm cũng linh cũng tỉnh,
Cũng vùng-vẫy đủ cũng sinh nuôi
vừa.*

*Muốn vào trong một hóa cơ,
Chờ đem nông-nồi mà ngờ cao sâu.*

Nàng Ba nói :

— Tạo-hóa đã sinh ra vạn-vật, lớn đến thế nào, nhỏ đến thế nào, cũng đều cho được thỏa cái lòng sinh-dục cả. Tuy-nhiên cái sinh-dục của vạn-vật thì còn theo phép tự-nhiên dễ-dàng, mà cái sinh-kế của người ta đã dời ra cuộc cơ-xảo khó-khăn rồi, nay ta ở đây, cái ăn đã vậy, còn cái mặc thì vợ chồng con-cái, mỗi người có vài cái quần áo, mặc dày-vò đã mấy tháng nay, mà cái hạn lưu-phóng của ta ở đây chưa biết bao giờ sẽ mãn, mấy tháng nữa mặc rách hết thì lấy gì mà mặc?

— Việc ấy tôi cũng đã nghĩ, nhưng xem sản-vật ở đây, thì chỉ có hai thứ cây bông cây cói, là có thể đan mà chế ra quần áo cũng chiếu nằm được. Hiện-thế vốn biết nghề đan dệt, tôi chắc ta sẽ có một thứ quần áo kiểu mới vừa tiện vừa nhã mà mặc chứ chả lo.

— Vì có làm được thì cũng là mang toi khoác bị cho qua, lại còn tiện nhã gì?

— Tiện-nhã là cái ý-kiến của người đời không có nhất-định được. Có khi

một việc mà người này lấy làm tiện nhã, người kia lấy làm rất không tiện nhã, chỗ này lấy là tiện-nhã chỗ khác lấy làm rất không tiện-nhã, lại có khi tiện-nhã cho lúc này, mà lúc khác coi ra khổn-khổ, rất không tiện-nhã chút nào. Về việc y-phục, lẽ ấy lại càng rõ lắm. Ta nên xét lại từ đời Thái-cổ, ở đây chính là cái cuộc đời hồng-hoang, mà ta phải đi bắt đầu lại, và phải đem cái phương-pháp của tiên-dân trong lục-dịa mà khai-thác ra, cho nên mỗi việc không thể không dẫn đến việc cơ-sơ để làm gương được. — Về đời hỗn-dộn thì người ta cũng ở trần như cầm-thù, lúc bấy giờ há không coi làm tiện-nhã lắm ru! Bao lâu đến đời Thần-phóng thời mới cho cách ở trường là không tiện-nhã, mới bóc vỏ cây để che vào thân, mà chống với phong-sương, và cho khỏi lửa - lờ. Lúc đó coi cách đeo vỏ cây đã là tiện-nhã hơn cầm-thù lắm rồi, lại bao lâu đến đời vua Hoàng-đế lại cho cách che vỏ cây làm rất không tiện-nhã, mới dệt vải lụa, chế ra áo xiêm, thì tiện-nhã hơn trước là bao nhiêu. Đến đời Đường Ngu, lại cho áo xiêm trước làm chưa đủ tiện-nhã, chế ra gấm vóc có văn-thải, « rồng mây, sóng lửa », rực-rỡ vẻ-vang, thì tưởng đã là tiện-nhã lắm, không còn gì hơn. Dần dần đến nay từ các nước chư-hầu bên Trung-quốc, đến nước Việt-thường ta, bày ra các lối y-phục phiền-phức là dường nào, mà coi lối Đường Ngu làm không tiện-nhã nữa. Xem các y-phục đời nay nào triều-phục cát-phục quân-phục hung-phục nho-phục thường-phục, áo di ngủ, áo mùa rét, áo mùa nực, dùng bằng cừu bả g da, tơ, bông, gai, phân ra quý tiện đẳng-cấp, lấy làm tiện-nhã lắm, biết đâu sau này lại còn nhiều lối tiện-nhã hơn, mà chẳng cho cách bây giờ là thái-bất-tiện bất-nhã hay sao. Lại như hiện nay ta coi lối y-phục của nước ta làm

tiện làm nhả mà cho lối của nước khác như Ngô Triệu Sở Yên làm không tiện-nhã. Người các nước ấy đối với nước ta cũng thế. Thế thì cái tiện-nhã có phải là bởi ý-kiến của người đời không. Tuy-nhiên, việc thiên-hạ bề ngoài tuy nhiều hình-dạng, mà tự-trung chỉ có một cái nguyên-lý mà thôi, mình chấp lấy một cái nguyên-lý mà đối-phó với mọi sự phản-phiến, thì không việc gì mà không thông. Suy một việc y-phục từ cổ đến nay, thay đổi bao nhiêu hình-dạng, mà cái nguyên-lý bất-ngoại là « để che thân ». Trời sinh muôn vật, cầm thú thì có con da dày, con lông rậm, đủ mà chống với khí trời, đến như người ta thì da mềm mà lông lại thưa, cái va cảm-mạo càng dữ-dội hơn là cầm thú, nhưng trời lại phủ cho người ta cái tay khéo, cái trí khôn, thế là lúc đĩnh-sinh trời đã định cho người ta phải chế lấy quần áo mà mặc rồi đó. Coi đó thì dù phục-sức thế nào cũng chỉ là để che thân, nay ta ở đây người ít đất hẹp, một chút tài-liệu gì không có, mà muốn theo cái lối tiện-nhã như ở cõi đời bên kia, thì làm thế nào được. May Thượng-đế còn dà h cho ta một ít bông sợi ở ngoài bãi kia, ta nhân cái vật-sản đã có ấy tham với cái ý-kiến của mình mà chế ra một lối phục-sức mới cho thích-dụng, hễ đã thích-dụng cho ta được, thì là tiện-nhã cho ta đó. Vậy thì hôm nay trở đi mỗi ngày chia ra làm hai phần, một phần thì đánh cá hái rau ăn, một phần thì đi cắt bông cắt sợi về phơi, để chế ra quần áo mặc, phải liệu cho có quần áo mới mặc ngay đã rồi mới tính đến các việc sửa-sang khác được, còn đồ mặc cũ này thì cắt đi để dành. Khi nào có làm lễ cáo với Thượng-đế, với thần-minh, với quốc-tổ thánh-thần, sẽ mặc đến, lại chắc thế nào rồi cũng có người ở trong nội-dịa ra tới đây, thì ta sẽ lấy quốc-phục mà tiếp-kiến. Tôi nghĩ như thế, không phải tôi có lấy cái đồ phục-

sức cũ này là tiện-nhã hơn gì đồ phục-sức mới mà ta sẽ chế ra nay mai đâu. Cái đồ mới tuy chưa trông thấy nhưng thế nào mà không thích-dụng được, thích-dụng được là tiện-nhã rồi, ý tôi muốn dành những cái y-phục cũ ấy lại làm vật ghi nhớ quê hương xứ-sở, mỗi khi trông thấy thì nó có một cái sức tiềm-linh rất mạnh xúc-dộng cho tâm-thần ta phải sinh lòng hoài-cựu mà không vong-bản, sau là cái vật mà mình đã lấy làm kính thì mới cảm-thông được thần-nhân, cử-kê cái phép trị-những nước cựu-bang cổ-quốc kia, thì phải làm thế nào cho dân ngày thêm mới, cho càng được tới chốn « chí-thiện », thời phạm lễ-văn chế-độ, phạm nhất-hiến những việc nhân-sinh phải nhân thời tùy thế mà biến-thoại đi mới được, mà cái cách khư khư giữ lấy thói cũ thực có hại cho trị-hóa vậy. Nhưng mà cái cảnh-huống cái tình-thế của ta ở đây bây giờ thời lại khác. Ở đây là một cái đời hỗn-mang chi-sơ, là cái chốn ly-tuyệt với nước nhà dòng-dối, ly-tuyệt với thế-gian, phạm những sự dưỡng-sinh hằng ngày, chẳng tìm mới ra cũng chẳng được, cái cơ nó bách cho ta phải quên cả cội nguồn, nó bắt cho ta phải sa-dọa làm thân cầm thú, muôn đời nghìn kiếp không biết đến mình bởi đâu mà ra, thực lẽ để làm, thì hễ ta còn ghi nhớ được đời gì gọi là di-tích của tự-tiền-nhân, thì tức là cái dây buộc tâm hồn ta ở ngoài trời này với linh-phách tổ-tiền trong đất kia làm một đò. Cái dây ấy mà còn, thì ta mới còn biết muốn sống làm người, mà làm người cho không hổ với cao-dầy, cho khác với cầm-thú, cho lập nên công-nghiệp ở trong càn-khôn, cho được trọn làm con tin yêu của Thượng-đế mà đời phúc về sau, bởi vì làm người sống ở đời đã không biết mình tự đâu mà ra, không biết người sinh ra đời trước ta đã làm nên những công-nghiệp gì cho đời, thì

còn biết bằng-cứ vào đầu mà theo đuôi để tiến cái cuộc đời của mình lên bậc hoa-hạ hay di-dịch nào nữa.

Hai vợ chồng bàn-bạc xong, chiều hôm ấy khởi-hành ra bãi đi cắt cỏ cắt bông đem về phơi, độ ấy trời nắng ráo, bông cỏ hôm nào cắt về cũng phơi được nắng, thấm-thoát hơn một tháng trời, hai vợ chồng đã chế ra được bốn bộ tân-trang của người lớn trẻ con nam nữ.

An-Tiêm mừng lắm bảo Nàng Ba rằng :

— Thế là cái cối đời mới của bốn người ta ở đây mới độ ba bốn tháng,

mà đã qua được đời Hỗn-dộn sang đời Toại-nhân, lại qua đời Toại-nhân sang đời Hoàng-đế. Xem đó thì đủ biết Thượng-đế không lúc nào không run rủi, không giúp đỡ cho ta được trông thấy cái phú-quí của tiền-thần ta vậy.

Nói rồi ngâm lên rằng :

*Tháng ngày lấy cá thay cơm,
Cát bông chế cối đan làm áo xiêm.
Kho trời sẵn của thiên-nhiên,
Mà công tham-tán là riêng của mình.*
(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VĂN - U YÊN

THƠ CỤ NAM-KY

Thà gặp cạp chẳng thà gặp bạn (1)

Kết lữ năm ba bạn cặp-kè,
Duyên dẫu giải-cầu khéo thè-be.
Đã bùng-bít mặt cùng trời đất,
Chẳng hồ-hang lòng với ngựa xe,
Trẻ lần-thần dạo qua đàng liễu,
Già lơ-thơ ở dưới cội hòe.
Chào cũng ngỡ không chào cũng ngỡ,
Hùm ở non cao há chẳng thè.

Qua Hà-âm hữu cảm

Mịt-mịt mưa đêm kéo tối dầm,
Đau lòng thừa nợ cảnh Hà-âm.
Đống xương vô-dịnh sương phơi trắng,
Giọt máu phi-thường cỏ nhuộm thắm.

Gió trời dật-dờ nơi chiến-lũy,
Đèn trời nhấp-nhánh chốn u-lâm.
Nôm-na mượn chép vài câu kệ,
Dằng-dối ven thêm tiếng để ngâm.

Từ giả vợ đi làm quan (2)

Từ thừa vương mang mối chỉ hồng,
Tấm lòng ghi hẹn có non sông.
Đường mây cưỡi tở ham giông-ruổi,
Trưởng liễu thương ai chịu lạnh-lùng.
Ơn nước nợ trai đành lổi bại,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng (3).
Mấy lời dặn bảo khi chia bước,
Rằng nhớ rằng không lòng hỡi lòng.

(1) Bài thơ này với bài dưới là của Ông Bùi Hữu-Nghĩa người Nam-kỳ, ông đậu thủ-khoa, văn thơ nổi cũng nhiều bài xuất-sắc, có làm ra bản tuồng « Kim-thạch ký - duyên » người trong Nam lấy làm hoan-ngheh lắm. Ông đồng-thời với Ông Tôn Thọ-Tường, cũng là bạn tri-giao, nhưng từ khi ông Tôn ra làm quan với tân-triều, thì ông tuyệt giao, một hai khi có gặp thì ông cũng lánh mặt, nên ông mới làm bài thơ « Thà gặp cạp chẳng thà gặp bạn » để ngụ ý.

(2) Ba bài thơ sau này là của cụ Phan Thanh-Giản, ngài làm quan trong Nam-kỳ về hồi cuối năm Tự-đức, có đi sứ sang nước Pháp.

(3) Câu ngũ-lục có người truyên như sau này : Con Tao phỉnh-phơ duyên thực - nữ, mây linh giăng buốt gót anh-hùng.

Khi đi sứ nước Pháp đậu ở bến tàu

Gió đưa dương-liễu cành cành nguyệt,
Cụm tỏa ngò-dồng lá lá sương.
Thuyền mọn năm canh người bãi Hán,
Địch dài một tiếng kẻ lầu Dương.

Thơ di-bút (1)

Non nước tan-tành hệ bởi dẫu,
Một vùng mây bạc chốn ngao-châu.
Ba triều công-cán đôi hàng sớ,
Sáu tỉnh cương-thường một gánh thâu.
Ai bắc ngầy trông tin nhận vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quuyền sầu.
Minh-tinh chín chữ lòng con tặc,
Trời đất từ đây bật gió thu.

Buồn tình (2)

Buồn buồn chi xiết chuyện buồn buồn,
Buồn lỡ dai cân lỡ bán buồn.
Giúp nước hiềm không tài sửa vậy,
Trị nhà chẳng có đạo đo lường.
Ngồi châu nữ đệ nhường ngời dóm (3),
Tiếng gổm bao đánh lẫn tiếng chuông.
Đoái lại non sông dài-các cũ,
Buồn buồn chi xiết chuyện buồn buồn.

Thơ mảnh sành

Sầy tay một phút hóa tan tành,
Thiên-hạ còn kêu tiếng sỏi-sành.
Sắc lém đường gươm người gươm mặt,
Rán sao ra mỡ chúng hay danh.
Ghe phen sắp cắt nằm trên cát,
Có thừa làm chông đứng trước thành.
Chuông khánh miếu-đường chưa dám
Gõ nghe cũng có giọng canh-canh. [sành,

Cây dừa

Ba xuân đào-ly rất duyên ưa,
Bóng trái liền năm chẳng kịp dừa.
Đuôi phụng le-the che nắng gió,

Mình rồng tròn-trở gọi mây mưa.
Đãi dầu đỡ chúng soi khi tối,
Giúp nước vui người khát buổi trưa.
Dường cột tuy là chưa phải mặt,
Chống ngấn bờ cõi cũng bura-bura.

Cây bắp

Luống chịu ba đông trấn cõi bờ,
Thương vì một chút chúng dân cơ.
Nương oai tích-lịch mang râu đỏ,
Chờ lệnh đông-phong trở ngọn cờ.
Bởi muốn an nhà cùng lợi nước,
Chi nài trái gió với dầm mưa.
Chờ khi biển lặng tắm kinh bát,
Giải-giáp một khi thiên-hạ nhờ.

Cây vông

Uổng sinh trên thế mấy thu đông,
Cao lớn làm chi vông hời vông!
Da thịt chẳng già già xộp-xáp,
Ruột gan không có có gai chông.
Dường soi cột trở chưa nên mặt,
Giàu mỏng rào thưa phải lấy lòng.
Mới biết cây nào sanh trái nấy,
Xuân qua bốn tuổi cũng dầm bông.

Tự-thuật

Dằng-dỏi xa nghe dịch mực-dòng,
Thương cha nhớ mẹ ngậm-ngời trông.
Ơn nhà chưa trả lòng Ngụ Thuần,
Nợ nước còn mang gánh Tử-Phùng.
Vẫn muốn được nên danh tuấn-khiết,
Phải lo cho đáng mặt anh-hùng.
Họa may xích-để dời tay thợ,
Cũng phải vuông tròn để gánh không.

Trăng non

Khen ai các-cơ băm trời táy,
Tĩnh giấc hằng-nga khéo vẽ mây.
Một miếng linh-dinh trôi mặt nước,
Nửa vầng lũng-đứng gián chân mây.

(1) Ông Phan Thanh-Giản khi sắp mất có làm bài thơ di-bút để lại, và dặn con để miếu-dinh chín chữ: 海涯書生潘良溪之柩 Hải-nhai thư-sinh Phan Lương-khê chi cữu.

(2) Những bài từ đây trở xuống không truyền rõ là của cụ nào.

(3) Ngời là bóng sáng. Câu này nghĩa là bóng sáng hạt châu không nhường chỉ bóng sáng dóm dóm.

Cá ngờ câu nhấp tung-bừng lội,
Chim tưởng cung trương sập-sập bay.
Khuyên thể chó chẻ răng chích mào,
Sang rằm tròn-trặn bốn phương bay.

Trách Thúy-Kiều

Tài sắc chi mi hỡi Thúy-Kiều,
Bởi thương nên nhắc một đôi điều.
Vĩ đầu Viên-ngoại yu oan lăm,
Sao chẳng Đề-Oanh sớ sách kêu.
Mái tóc chàng Kim tình đáng mấy,
Lạng vàng chú Mã giá bao nhiêu.
Liều-dương nghìn dặm xa chi đấy,
Nỡ để Lâm-tri bướm đập-diu.

Bá-Di, Thúc-Tề.

Danh chẳng ham mà lợi chẳng mê,
Gan hay là sắt hỡi Di Tề ?
Gặp xe vua Võ tay cầm lại,
Thấy thóc nhà Châu mặt ngảnh đi.
Cổ-trúc hồn về mây mịch-mịch,
Thú-dương danh để đá tri-tri.
Cầu nhơn chẳng đứng nhơn mà chờ,
Cũng chẳng hờn ai chẳng oán chi.

Đưa chồng

Ngàn dặm lương-nhân thẳng vó cu,
Hà-kieu xứng vũng nước non thu.
Tay bưng chén ngọc trông doanh sóng,
Mắt ngóng người thương dạ ngợp Vu.
Ôm gối năm canh ngày tháng lụn,
Trông chừng ngàn dặm cỏ cây lu.
Thân này đã vậy thôi thì vậy,
Mặc đất mặc trời, mặc trượng-phu.

Vọng phu thạch

I

Tin chi nên đá chực non tây,
Vô-vô trông ai thăm triệu mây.
Con đại vốc trần trùn áo dáng,
Mẹ khoe tiết cứng vận xiêm mây.
Rửa tai biếng lóng hơi ve tủi,
Trông mắt xa nhìn trận nhạn bay.
Thầm-thĩ duyên xưa không mở miệng,
Nước non còn đó nước non hay.

II

Muôn kiếp tình si một khối đông,
Trơ trọi người đá đứng trông chông.
Tóc thề khăn-khăn mây phong bạc,
Lòng đợi lâu-lâu tuyết rửa trong.
Đoạn thâm để mòn non chất ngắt,
Giọt sầu khôn cạn biển mênh mông.
Đã cam cái phận dày mưa gió,
Dám phụ trăm năm một chữ đồng.

Tự thán

Bắc thang lên hỏi số Nam-tào,
Cái số như tôi số thế nào ?
Mà nợ mà nần mà lăm thế,
Tại căn tại kiếp tại làm sao ?
Mong vin cành quế tay còn thấp,
Rắp bước thang mây tới cửa cao.
Thấp thấp cao cao rồi cũng bước,
Mới ba mươi tuổi có là bao.

Dại khôn

Ông ông đua nhau những đại khôn,
Biết ai là đại biết ai khôn.
Khôn mê tẩu - sắc là khôn đại,
Đại dâm văn-chương ấy đại khôn.
Khôn ấy không tiền khôn ấy đại,
Đại mà nhiều của đại mà khôn.
Đố ai biết được ai khôn đại,
Mới gọi rằng người biết đại khôn.

Than cuộc đời

I

Xe ngựa lao xao giữa cõi trần,
Biết ai thiên-tử biết ai thần.
Nhạc Thiều dứt tiếng không trông
Sách Lỗ chôn rồi khó thấy lân. [phung.
Mỗi mắt Hi-Di trời ngũ-quí,
Nhọc lòng Gia-Cát đất tam-phân.
Sự đời thấy vậy ăn rồi ngủ,
Mặc lượng cao dày xử với dân.

II

Mỗi tơ ai gỡ lúc này xong,
Một giải trời nam biết mấy trùng.
Kể ư gan trung trượng mắt ngó,
Người liều dạ sắt mưa tay không.

Đánh bầy trùng-nghĩa theo tro bụi,
Hoài của giang-san trút biển sóng.
Ơn nước nợ nhà đành có thừa,
Biết bao giờ đợi biết bao trông.

III

Chiều chiều lại nhớ đến chiều chiều,
Cảm cảnh giang-san biết bấy nhiêu !
Dấu cũ gò bằng nền Hạ Vũ,
Phép xưa trái trấp luật Đường Nghiêu.
Hứa Do tức bụng làm thẳng mực,
Sào Phụ nghiêng tai giả chủ tiêu.
Thế vậy dẫu mình đừng có vậy,
Cờ mao chống-chỏi chờ cho xiêu.

Tưới cây

I

Đốc lòng chờ đợi buổi rồng mây,
Khuya sớm hằng lo việc tưới cây.

Oằn-oại hai vai cần việc nước,
Nặng-nề một gánh tướng ơn thầy.
Một mai chổi nẩy dăm bông trái,
Muôn dặm tiếng đồn khéo đắp xây.
Gặp lúc xuân sang vẩy hội cả,
Xanh vàng các sắc nở hây hây.

II

Ơn nhà nợ nước dăm so đo,
Cắt gách giang-san ắt phải lo.
Xuống vịnh Thương-lang liêu sức mọn,
Lên vườn Uyển-hựu bữa ơn to.
Trước là găng sức vun căn-cối,
Sau lại ra tài đắp bụi tro.
Hễ đứng làm trai thì phải vậy,
Ơn nhà nợ nước dăm so đo.

Hà-tiên LÂM TẤN - Phác sao-lục

THỜI-ĐÀM

Việc thế - giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Cứ xem mục Thời-đàm kỳ trước thì những vấn-đề trọng-yếu ở Âu-châu, đến cuối tháng ba Tây chưa việc gì là giải-quyết xong cả. Trong tháng tư và tháng năm lại xảy ra nhiều việc có quan-hệ to đến tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới, như: việc Đức và Nga ký điều-ước với nhau; việc tướng Ma-lac-kha ABD EL-KRIM hàng quân Pháp; việc thợ bãi-công ở nước Anh; việc chính-biến Ba-lan (Pologne); việc điều-định vấn-đề nợ Pháp MI; việc thủ-tướng ý Mussolini đi kinh-lược ở đất Tripolitaine; việc Nghị-viện Pháp đã chịu duyệt-y số dự-toán, và gia-công giải-quyết vấn-đề tài-chính; v. v.. Sau đây xin lược-thuật về đầu đuôi các việc ấy theo như các báo-chí mới sang chuyển tàu gần đây. Nếu cứ xem các điện-tín hàng

ngày thời không thể nào lý-hội được các việc ấy ra làm sao. Tuy là những việc xảy ra ở những nơi xa-xôi, không quan-hệ gì đến ta, tưởng chẳng cần phải chú-ý đến làm gì, nhưng ở thế-giới ngày nay, thật không có việc gì xảy ra ở phần địa-cầu bên kia mà không có ảnh-hưởng ba-cập tới phần địa-cầu bên này, cho nên kể thức-giả ở đời này, phạm việc to-lát trong thiên-hạ không thể không cố công tìm-tòi cho hiểu biết được rõ. Song nghĩ cũng khó thay. Xem điện-tín hàng ngày thì rời-rạc vụn-vặt, không biết đầu đuôi thế nào. Phải đợi vài ba tháng có các báo Tây sang thời mới biết được. Nhưng đọc báo Tây cũng khó: phần nhiều các báo là thuộc về đảng nợ đảng kia, cùng một việc mà thường khi phán-đoán khác nhau, không những phán-đoán, có khi tự-sự cũng khác nhau nữa. Cho

nên người đọc phải cẩn-thận, phải tham-bác nhiều nơi mà triết-trung cho lấy lẽ phải. Thành ra muốn hiểu được một việc gì cho rõ-ràng, phải đợi các báo-chi bên Tây, lại phải đọc đi đọc lại mà cố lý-hội lấy cái chân-tướng, kẻo cũng mất thì-giờ. Một mục Thời-đàm này, tuy không có văn-chương lý-thủ gì, và toàn là những chuyện phương xa xù lạ đầu đầu, vậy mà kẻ biên-lập không phải là không phí ít nhiều công-phu, đọc-giả cũng nên lượng biết.

Nếu đứng cao mà cái-quát cả các việc thế-giới, thời thấy cái xu-thế lớn trong thiên-hạ ngày nay rút lại chỉ ở một vấn-đề kinh-tế: các nước hoạt-động xung-đốt, tuy thiên hình vạn trạng, nhưng rút lại chỉ vì hai chữ lợi-quyền, hay là nói nôm sô-sàng: chỉ vì miếng ăn hết cả! Người quân-tử nghĩ đến thế không khỏi chán cho đời, nhưng cái thế tất-nhiên trong thiên-hạ như thế, chán cũng phải chịu. Liệt-cường sở dĩ giao-thiệp với nhau lóit-thoi, cũng chỉ để giải-quyết cái vấn-đề như sau này: là làm thế nào cho các nước chia cái quyền buôn-bán trong thiên-hạ và phân-phát các sản-vật thiên-nhiên cùng các hóa-vật công-nghe, để đều được hưởng lợi chung mà không đến nỗi thiệt-hại cho ai; vấn-đề này kể từ khi các nước mới giao-thông với nhau đã xuất-hiện ra rồi, nhưng đến ngày nay vì khoa-học ứng-dụng ra công-nghe mỗi ngày một tấn-tối, vì các cái khí-cụ để mậu-dịch là tiền-tệ các nước phân-phát bất quân-bình, nên lại càng kịch-liệt lắm nữa; bởi thế nên việc thiên-hạ lại càng phiền-phức lắm. Nhưng xét cho đến căn-đề, mọi việc xảy ra, chỉ vì một lẽ kinh-tế hết cả. Đã biết lẽ đó rồi thì việc thế-giới ngày nay xét không khó gì nữa.

Song đó là chuyện triết-lý, đây không phải bàn triết-lý, xin thuật các việc đã lược kể trên kia như sau này.

Nói về nước Đức và nước Nga

— Trong suốt tháng tư, các báo ngày nào cũng nói về việc hai nước Đức và Nga thương-thuyết để ký điều-ước với nhau. Điều-ước ấy nay ký xong rồi, mục-dịch là để cải-bổ cái hòa-ước của hai nước ký ở Rapallo trước. Điều-ước ngắn, chỉ có ba điều quan-trọng: điều thứ nhất, là hai nước tỏ ý giao-hiệp với nhau, lấy tình thân-thiện mà giải-quyết mọi vấn-đề chính-trị kinh-tế quân-hệ đến hai nước; điều thứ nhì định rằng trong hai nước nếu một nước bị nước ngoài đến đánh thời nước kia cam-đoan thủy-chung giữ trung-lập; điều thứ ba định rằng trong hai nước nếu một nước bị nước ngoài lập mưu để-chế về đường kinh-tế hay đường tài-chính thời nước kia cam-đoan không can-thiệp vào việc để-chế đó. — Xem thế thì điều-ước này là một điều-ước bảo-an về kinh-tế và về chính-trị. Nay có cái ý-nghĩa gì xa-xôi nữa không? Phạm việc ngoại-giao bao giờ cũng có ý-nghĩa ngầm, cứ lời công-văn thì không thể biết được. Cái ý-nghĩa ngầm về việc điều-ước Đức Nga như sau này: Đức sắp vào Hội Vạn-quốc, hiện nay chưa được vào, nhưng sớm trưà rồi cũng vào. Trong hiệp-ước Hội Vạn-quốc, có điều thứ 16 định rằng hệ liệt-quốc có nước nào phạm đến cuộc hòa-bình thế-giới thời các nước khác đều có cái nghĩa-vụ phải hiệp-lực để đàn-áp nước ấy bằng võ-lực và để-chế nước ấy về kinh-tế. Nay Đức chưa vào Hội Vạn-quốc mà đối với Nga đã tự bó-buộc trước như thế, là có ý không thừa-nhận điều thứ 16 trong hiệp-ước đó. Cái thái-độ của Đức đó cũng hơi giống cái thái-độ của Nga từ trước đến nay vẫn phản-đối Hội Vạn-quốc. Đức tuy có xin vào Hội Vạn-quốc, nhưng không có ra gì Hội Vạn-quốc, vì biết rằng Hội Vạn-quốc chỉ chủ ý ngăn-trở sự hành-động của mình. Bởi thế nên ký ước với Nga để phòng-

bị sự ngăn-trở đó. Nga thời lại có lợi ở đó lắm nữa: là tự nay được tự-do về mặt Tây, không phải lo Đức hiệp-lục với liệt-cường mà đàn-áp mình. Thành ra hai nước ký ước với nhau, là chủ-ý đối với Hội Vạn-quốc cả, vì hai nước đều sợ Hội Vạn-quốc ngăn-trở mình, nên cùng nhau phòng-bị. Nhưng Đức nay còn xin vào Hội Vạn-quốc chưa được mà đã lộ ra cái dã-tâm như thế thời công-nhiên đối với Hội Vạn-quốc thế nào? Đức vẫn có lẽ nói lại, là Hội Vạn-quốc là một cái cơ-quan để giữ cuộc hòa-bình, thời điều thứ 16 trong chương trình Hội có gì là trái với cái điều-ước bảo-an của Đức Nga ký với nhau, điều-ước này cũng là chủ hòa-bình. Đức đáp lại như thế thì liệt-cường cũng vô-khả-nại. — Đó là về phương-diện chính-trị; về phương-diện kinh-tế thời hai nước Đức Nga công-nhiên hứa với nhau không khi nào ngăn-trở lẫn nhau; nhưng cái ý ngầm có phải là kết-liên để làm - thời giúp đỡ lẫn nhau không? Ai cũng biết rằng cái chí của Đức xưa nay vẫn là muốn khuếch-trương các sự-nghiệp công-thương ở nước Nga, mà chưa thể làm được. Lại về phần Nga thời cũng cần phải có nước ngoài giúp cho về đường kinh-tế và đường tài-chính; tự Đức thời không có sức giúp được, nhưng hoặc có thể làm môi-giới cho Nga với Mĩ chăng? Mĩ có nhiều tiền bạc, cần có người tiêu dùng đặt lợi cho, song Mĩ đối với Nga vẫn có ác-cảm, nên cũng có lẽ Đức nhận làm tay môi-giới trong việc này. — Dù thế nào mặc lòng, việc Đức Nga ký điều-ước cũng là một việc khiến cho các bộ ngoại-giao Âu-châu rất đương chú-ý. Nhất là các nước nhỏ ở trung-bộ Âu-châu (như Ba-lan, Triết-khắc.v.v.) lại lấy làm lo lắng, mà các nước này đều có quan-hệ với Pháp cả, nên Pháp cũng để ý dò-xét kỹ lắm. — Cứ thực ra thì việc cũng chẳng lấy gì làm khó hiểu: Hội Vạn-quốc đặt ra công-nhiên là để

bảo-toàn cho cuộc hòa-bình, nhưng kỳ thực là một cái « đại-đồng-minh » của mấy nước thắng trận vừa rồi, cốt để bảo-toàn cho quyền-lợi của mình mà thôi. Bởi thế nên Mĩ không chịu vào, mà Nga vẫn phản-đối. Còn như Đức thời thế bất-đắc-dĩ cũng phải vào, nhưng biết cái mưu Hội Vạn-quốc chỉ muốn lung-lạc mình để đàn-áp cho dễ, nên định vào thời đòi cho được bằng-dẳng với liệt-cường mới nghe; và trước khi vào thời ký ước ngay với một nước đại-cừ-thù với Hội Vạn-quốc là nước Nga để công-nhiên tỏ ra rằng không sợ gì Vạn-quốc đâu. Vạn-quốc muốn đàn-áp Đức, Đức tất phải phòng-bị, đó là lẽ tự-nhiên vậy.

Về nội-chính thời Đức trong khoảng tháng tư tháng năm cũng xảy ra mấy việc bối-rối, như việc tòa Nội-các LUTHER đòi, việc tịch-biên các tài-sản của Hoàng-tộc cũ. Nội-các LUTHER từ kỳ Hội-ngập Hội Vạn-quốc ở GENÈVE đã thấy ý thế; nhân xảy ra vấn-đề quốc-kỳ, trong dân-gian kể thì muốn giữ cái cờ đế-quốc cũ, kể thì muốn dùng cái cờ dân-quốc mới, nghị-luận phân-ván, đáng phản-đối ở Nghị-viện trách chính-phủ là giải-quyết không xong, có ý thiên-vi, thành ra Nội-các bị đòi. Giám-quốc HINDENBURG trước mời Lục-quán Tổng-trưởng VON GESSLER tỏ - chức Các mới, ông không nhận, sau đến Dr MARX thời chịu nhận. Nội-các mới này chỉ đòi người, còn chính-sách vẫn như cũ. Về vấn-đề quốc-kỳ thời chầm-chước dùng cả hai thứ cờ, để được lòng cả hai bên. Còn vấn-đề tịch-biên các tài-sản Hoàng-tộc cũ, (tịch-biên hoặc không bồi-thường, hoặc có bồi-thường, hoặc bồi-thường nhiều, hoặc bồi-thường ít), thời Chính-phủ cùng Nghị-viện chưa biết giải-quyết thế nào. Có 13 triệu người dân có quyền bầu-cử đầu đơn xin Nghị-viện mở một cuộc « điều-tra chúng-dân ý-kiến » (referendum populaire) cho biết dân-ý thế nào. Cuộc điều-tra ấy định vào ngày

20 tháng 6. Ngoài 13 triệu ấy, còn 27 triệu người nữa có quyền bầu-cử, vừa đàn ông vừa đàn bà. Xem kết-quả cuộc điều-tra sau này thì biết dân-tinh Đức đối với Hoàng-tộc và Đế-chính cũ đậm nhạt thế nào.

Nói về nước Anh. — Nước Anh trong khoảng tháng tư tháng năm mới rồi phải qua một cuộc nguy-biến rất kịch-liệt về kinh-tế, về chính-trị, làm chuyển-động cả sự sinh - hoạt trong nước. Việc nguy - biến này là cuộc đồng-bãi-công của nhất-ban công-nhân trong nước, thật xưa nay chưa nước nào xảy ra một cuộc bãi-công to-tát như thế. — Nghề than là nghề căn-bản của nước Anh. Nhân đã mấy lâu nay các mỏ than buôn-bán thua lỗ, không thể đổi pho được với sự yếu cầu của bọn công-nhân, Chính-phủ phải trích trong công-kho để trợ-cấp cho các chủ mỏ, cũng là một cách cứu-trợ tạm-thời để qua buổi khó-khăn, định đến cuối tháng tư thì thôi. Các chủ mỏ bấy giờ, không được tiền trợ-cấp của Chính-phủ nữa, mới lục-tục định giảm công người làm, và tăng giờ làm việc. Các hội Trade Unions, là hội liên-hiệp của đảng công-nhân, nhất-định phản đối không chịu. Các chủ mỏ với bọn làm công-công-nhiên xung-đột nhau. Kết-quả đến các hội liên-hiệp hạ lệnh đồng bãi-công (grève générale), nghĩa là hết thầy các công-nhân trong nước bất cứ thuộc về nghề gì, đều đồng lòng bỏ việc không đi làm nữa, cho kỳ bọn thợ mỏ yếu-cầu được như ý mới thôi. Người nước Anh đã quen cái tinh hợp-quần lắm, và đảng công-nhân lao-động đã tổ-chức được hoàn-bì lắm, cho nên lệnh bãi-công tuyên-bố ra thời hải, trăm năm mươi vạn thợ các nghề lập-tức đình-cống ngay, đều-dẫn rầm-rập, và giữ một cái thái-độ rất bình-tĩnh không hề phạm một điều gì trái luật-pháp. Bãi công như thế trong 12 ngày, khắp cả trong nước

và khắp cả các nghề, chỉ trừ có sở bưu-chính thì không. Trong 12 ngày ấy, cuộc sinh-hoạt trong ấy thật là đình-đốn cả lại, ngoài phố không có xe hơi, trong nhà không có đèn điện, bày ra một cái cảnh-tượng nguy-nan vô-cùng. Những việc khẩn-giếu, không thể bỏ-khuyết được, như việc vận-tải, việc cảnh-sát, việc phân phát lương - thực, thời có nhiều người dân tình-nguyên ra thay, cả thầy có 92.000 người, phần nhiều là những bọn thanh-niên các trường học lại tỏ ra nhiệt-thành lắm. Tuy vậy một nước lớn như nước Anh mà nhất-dân mọi việc đình-đốn cả như thế, không khác gì như trong thán-thế mà các mạch máu không chảy được, nguy-hiểm vô-cùng. Trong cuộc bãi-công này là đảng công-nhân quyết-đấu với bọn tư-bản và với Chính-phủ, bên nào được bên nào thua ?

Chính-phủ biết sự nguy-hiểm cho nước, hết sức chống lại, và quyết-chí, không chịu nhượng-bộ chút nào. Đảng công-nhân, thấy sự bãi-công không có kết-quả gì, đành phải chịu quay về làm việc. Tuy thế là Chính-phủ đắc-thắng, nhưng sự xung-đột đảng lao-động với đảng tư-bản vẫn chưa giải-quyết xong. Vì người Anh có tinh trầm-tiêm cho nên sự xung-đột ấy không xuất hiện ra kịch-liệt mà thôi. Song kết-quả rồi cũng có ngày đến biến-cách cả tình-trạng xã-hội chính-trị nước Anh, cho tùy theo sự nhu-yếu về kinh-tế ngày nay, sự biến-cách ấy, ngày nay đã thấy bắt đầu rồi. Như đế-quốc Anh bây giờ mỗi ngày biến dần ra thành như một cái đại-công-ty, các thuộc-địa tự-trị đối với mẫu-quốc như các cổ-dồng trong một hội buôn đối với nhau, chỉ có cái giây liên-lạc về kinh-tế, không có cái mối quan-hệ về chính-trị; song đó là sự biến-cách to-tát và lâu dài, những việc xảy ra như cuộc bãi-công vừa rồi cũng là một cái trạng-thái của sự biến-cách đó, đủ làm cho mỗi ngày gấp mau lên. —

Hoặc-giả nói việc bãi-công này có tay bọn Công-sân Nga vào đó không ? Các tay lãnh-tự trong đảng công-nhân nước Anh thời đều quyết rằng không. Và lại duyên-do việc bãi-công này đều là thuộc về nội-tình nước Anh, tuyét-nhiên không có cái tinh-cách thụ-dộng ở ngoài. Và lại thiên-hạ ngày nay vì sợ cái dịch Công-sân quá, cho nên thấy đâu có xảy ra sự biến gì cũng đổ tại đó hết, như thể cũng khi quá. Cái họa Công-sân cũng đáng sợ thật, nhưng mà chính-phủ Xô-viết nước Nga tuy vậy cũng chưa phải là có cái thế-lực to-tát khiến cho việc gì trong thế-giới cũng có thể dùng tay can-thiệp vào. — Cuộc bãi-công ở nước Anh mới rồi thiệt-hại cho công-nghề nước ấy nhiều lắm, nhất là nghề than, mà cũng không giải-quyết được sự xung-đột bọn chủ mỏ với bọn thợ mỏ, hai đảng vẫn kháng-kháng không chịu nhượng-bộ nhau một chút nào. Về phần chính-phủ thời vẫn giữ các kế-hoạch đặc-biệt thi-hành trong khi đương bãi-công, thứ nhất là hạn-chế sự dùng than trong các việc vận-tải, việc đun đốt, vận ván... Lại bây giờ bãi-công đã xong rồi, chính-phủ còn phải bỏ-cứu lại những sự tai-hại, chi-cấp cho những thợ không có việc làm, công việc còn nặng-nề lắm, thành ra cái tình-trạng bãi-công-chỉ-hậu cũng nhiều nông-nỗi khó-khăn phiền-kịch chẳng kém gì giữa lúc đương bãi-công. — Về ngoại - giao thì việc thành Mossoul nước Anh đã điều-dinh xong với nước Thổ, lợi được cả hai bên, mà Anh thời được quyền khai các mỏ dầu-hỏa ở đây.

Nói về nước Ba-lan. — Giữa lúc việc bãi-công ở nước Anh vừa mới xong, thời có tin xảy ra việc chính-biến ở Ba-lan (Pologne). Dư-luận Âu-châu đều lấy làm lạ, vì không ai ngờ. Đột-nhiên thấy nói rằng chính-phủ bị đổ và quân-đội vào đóng ở kinh-dô.

Muốn hiểu đầu đuôi việc chính-biến này thời phải biết người chủ-dộng là

ai. Người chủ - động đây là tướng PILSUDSKI.

Nước Ba-lan tự năm 1863 nổi cách-mệnh để mưu độc-lập không xong, thời dường như không còn có cơ nào khôi-phục được nữa. Bây giờ bị một hồi đồn-tỏa, nhân-dân đã thất-vọng. Sau sự thất-bại năm 1863 mỗi ngày một người dân đi, cái chí độc-lập lại nhóm lên. Khi ấy JOSEPH PILSUDSKI mới tìm cách nuôi lấy dân-khí và bồi-thực cho cái lòng ái-quốc trong dân-gian. Muốn cho có hiệu-quả thời phải có cái hiện-tượng trước mắt, lấy trật-tự và lấy võ-lực làm căn-bản. Hiện-tượng ấy, tức là quân-đội, biết thế ông PILSUDSKI mới định lập ra một đội nghĩa-binh. Ngay ở Ba-lan và ở các kinh-dô nước Ti, nước Thụy-sĩ, nước Pháp, ông dụng ra những hội bí-mật, đủ tất cả các học-sinh vào hội. Những hội y bề ngoài gọi là Strzeley, là hội thể-thao, mà mục-dịch chính là để luyện cho bọn thanh-niên Ba-lan có cái tinh-thần thượng-võ. Thanh-niên một lòng nhiệt-thành hăng-hái, tức là cái lợi-khí ở trong tay ông, và tức là cái mầm quốc-gia độc-lập vậy. — Kịp đến năm 1914, khởi ra cuộc Âu-chiến, thời cái địa-vị của PILSUDSKI thật cũng khó xử thay. Nước Nga là kẻ thù thiên-cổ của Ba-lan lại hiệp-lực với Pháp và Anh là hai nước bạn cố-hữu của Ba-lan. Còn về mặt đất Galicie thuộc Áo thời người Ba-lan ở đây vẫn được chính-phủ Áo đãi cũng rộng-rãi, được tự-do. Phải tìm xem hai bên nên hiệp-lực với bên nào và chống lại với bên nào cho có thể mong được việc cho nước mình. Ông PILSUDSKI tự năm 1907 vẫn ở đất Galicie, bây giờ suy-tính cân-nhắc thật kỹ, mới quyết định đánh Nga. Nhưng xin rằng đánh mất Nga mà thôi, chứ không bao giờ sang đánh mất Anh Pháp. Quyết-dịnh đầu đây rồi mới công-nhiên tổ-chức đệ-nhất lữ-đoàn quân Ba-lan, trong lữ-đoàn này thời tính cả 60 phần 100 quân-linh là những

người có bằng tốt-nghiệp Đại-học cả. Nghĩ cái thái-độ ông tướng Ba-lan này cũng kỳ : công-nhiên đánh Nga mà ngăm-ngăm ghét Đức. Đức vẫn tưởng ông về bên với mình, không ngờ ông lại phản đối. Đức yêu-cầu cho Ba-lan phải tở-chức lấy một quân-đội, tướng ý vào cái thể-lực to của ông, thể nào cũng mộ được 30, 40 vạn người. Ông không chịu thể, kháng-khải nói rằng : « Ba-lan đã độc-lập rồi. » Đức cố cưỡng bắt phải mộ quân cho được. Ông bèn truyền lệnh cho người Ba-lan không được ứng-mộ. Lệnh ông theo rầm-rập, 30, 40 vạn người chẳng thấy đâu, trước sau chỉ có 375 người ra ứng mộ. Bức tức lắm, sau khi lệnh ông tuyên-bố ra liền bắt ông đem giam ở Đức. Bạn đồng-chí ông nhiều khi bị đem dây ra các trại khổ-bình : mấy người bị bắn chết. — Tuy-nhiên năm 1918, các nước vẫn công-nhận cho Ba-lan được độc-lập. Khi chiến-tranh xong, ông PILSUDSKI được tha về nước, thấy nước Ba-lan đương phải hai cái hiểm-tượng rất nguy : một là sự cô-động của đảng quá-khích Nga, hai là việc cách-mệnh ở nước Đức. Trong tay ông bấy giờ có 4 vạn quân, thật là vào hạng tinh-binh. Ông phải được đảng quá-khích ở Ba-lan, đặt được một chính-phủ thuộc về tả-đảng. Chính-phủ của ông vừa là tiêu-biểu cho chủ-nghĩa quốc-gia, vừa là tiêu-biểu cho chủ-nghĩa xã-hội, kẻ cũng là một sự lạ Ông vốn là một tay linh-tụ trong đảng xã-hội, mà nay lại có công khôi-phục cho tổ-quốc nhà. Nên sau khi ông đã được bầu làm Giám-quốc Dân-quốc Ba-lan, trong nhà Quốc-hội bức ảnh của ông vẫn treo đối với bức ảnh KARL MARX.

Ta đã biết tung-tích người chủ-động việc chính-biến vừa rồi, nay xét xem việc ấy xảy ra thế nào.

Năm 1923, một người nghị-viên thuộc về đảng trung-trong, ông WIROS, ra tở-chức một Nội-các về hữu-dục, có ý phản-

đối và lập mưu muốn bài-trừ ông PILSUDSKI ra ngoài chính-phủ. Ông PILSUDSKI bấy giờ cũng cho là nghĩa-vụ mình đối với nước làm đã trọn rồi, từ-chức về ở một cái nhà nhỏ cách kinh-đô Varsovie 20 cây-lô-mét. Từ đây ông quyết chí không muốn can-thiệp đến việc chính-trị nữa. Ông đã 59 tuổi, cho rằng sự-nghiệp thế đã đủ rồi, có thể về an-nhàn dưỡng-lão. Nước Ba-lan trước kia là một nước nửa sống nửa chết, một tay ông đã cải-từ hoàn-sinh, làm thành một quốc-gia độc-lập. Thế là công việc ông xong rồi. — Nhưng ở đời có những hạng nhân-vật dầu không can-thiệp vào sự đời nữa mà vẫn ảnh-hưởng đến việc đời. Ông PILSUDSKI là thuộc vào hạng đó. Cho nên ông vẫn ngồi yên mà quốc-dân vẫn ngưỡng-vọng vào ông. — Từ 1923, Nội-các thay đổi mấy lần, khi xoay về tả, khi thên về hữu. Đến đầu năm 1926 này, thời mảy đảng ở Nghị-viên ám-mưu với nhau, lại đề cho ông WIROS ra tở-chức một Nội-các thuộc về hữu-dục. — Việc chính-biến mau-nhau ra từ đó. Khởi-hấn là từ một nhà làm báo, đến thăm ông PILSUDSKI ở nơi biệt-thự ông, phỏng-vấn ông về việc thời-chính. Ông cứ thực tình tỏ ý-kiến, công-nhiên bài-bác chính-phủ mới. Lời phẩm-bình của ông đăng lên báo, thiên-hạ nhao-nhao lên. Tờ báo bị tịch-ký. Ở Ba-lan xưa nay chưa bao giờ thấy như thế. Dư-luận bèn kích-động lên. Đối với quốc-dân Ba-lan, ông PILSUDSKI trước sau vẫn là một nhà đại-chí-sĩ, một người đề-nhất tiêu-biểu trong nước, nói một câu đủ khiến cho cả nước phải theo. Chợt bấy giờ có tin đồn rằng đảng quốc-gia cho người đến đánh nhà ông PILSUDSKI. Tin ấy truyền đến tại một đội kỵ-binh đương tập-trận ở 6 cây-lô-mét cách đây. Đội kỵ-binh tức-tức đến nơi, đi lùng cả các rừng ở chung quanh nhà ông. Rồi hoan-hô chúc-tặng ông, mời ông đi kinh-đô để nói thẳng cho ông WIROS biết những lời ông đã tuyên-bố

cho nhà báo. Ông PILSUDSKI cũng nghĩ rằng nên trực-tiếp nói chuyện còn hơn là sai người môi-giới. Ông liền lên xe, đi Varsovie, đội kỵ-binh theo hầu. — Bấy giờ có người báo cho ông Tổng-lý Nội-các WITOS rằng Tướng quân PILSUDSKI tiến quân lên đánh kinh-dô. Lập-tức ông Tổng-lý hạ-lệnh chống lại, không cho tướng quân vào thành. — Ông PILSUDSKI lấy làm kinh ngạc, không ngờ đầu đến thế, còn ngần-ngại. Cửa thành đóng kín, trong hai ngày ông vẫn do dự chưa quyết tiến-quân vào đánh. Nhưng lui về bấy giờ cũng không được. Ông bèn hạ-lệnh cho quân vào đánh. Nội-các WITOS bị dồn, trong thành không còn chính-phủ nữa. — Những người biết ông PILSUDSKI thời quyết rằng ý ông không định làm việc chính-biến đó, chẳng qua bắt-dắt-dĩ mà phải làm thôi. — Ông làm việc đó là trái hiến-pháp thật, nhưng thành-công rồi, ông lại xin phục-tòng hiến-pháp. Giám-quốc cũ WOCICKOWSKI cùng các viên Nội-các chạy trốn cả, bên hợp quốc-hội đề bầu Giám-quốc mới. Ông PILSUDSKI không muốn ứng-cử, mãi đến sau mới chịu ra. Ngày 31 tháng 5 ông được bầu 292 vé, người đại-biểu ứng-cử của các đảng hữu là DOBRZANSKI được 193, còn 61 người không bỏ vé. Ông liền tuyên-bố rằng được số vé ít như thế không đủ thể-lực ra cầm quyền việc nước, vậy xin từ-chức. Quốc-hội phải họp lần nữa để bầu người khác. Ông có giới-thiệu ông Giáo IGNACE MOSCIECKI là một nhà bác học và công nghệ có tiếng. Nhưng dù ông không trực-tiếp tham dự việc nước, mà bình-quyền ở trong tay ông, các đảng tán-tiến về với ông, thực quyền nước cũng là tự ông chủ-trương vậy.

Ấy đầu đuôi việc chính-biến ở Ba-lan như thế. Kết-quả là chính-cục nước Ba-lan ngày nay lại xoay về mặt tả vậy.

Việc Ma-lạc-kha. — Kỳ trước đã nói tướng Ma-lạc-kha ABD EL KRIM

hàng với quân Pháp, thế là việc Ma-lạc-kha xong. Nay cũng nên kể qua về đầu đuôi việc hàng này thế nào. Trận Ma-lạc-kha cứ dài-dằng mãi không xong, hồi tháng tư Chính-phủ Pháp định thương-thuyết giảng-hòa với tướng ABD EL KRIM cho xong việc. Sự này cũng là bởi những lẽ thuộc về nội-chính nước Pháp khiến nên như thế. ABD EL KRIM biết vậy, có ý làm cao; đại-biểu hai bên hội-ng nghị mấy ngày ở Oudjda, về phần tướng Ma-lạc-kha các điều đều khăng-khăng không chịu nhận điều gì cả, sau phải bãi-ng nghị. Quân-Pháp đã dự-bị sẵn cả, sau khi được tin hội-ng nghị không xong, liền đánh giãn mấy trận, tiến vào chiếm Targuist là một nơi sào-huyệt của quân ABD EL KRIM. Bấy giờ các rợ đều bỏ hết, thế có không thể địch lại nổi, ABD EL KRIM bèn hàng cho tướng-Pháp G^l IBOIS ngày 23 tháng 5, đem cả vợ con đồ-dang xin nhờ lượng nước Pháp đãi cho phần nào được phần nấy. Nghe đầu Chính-phủ Pháp đồng-ý với Chính-phủ Tây-ban-nha định an-tri ở đảo Madagascar. Tuy tướng đã hàng, nhưng các rợ còn chưa chịu phục hết. Quân Tây-ban-nha còn phải dẹp trong ít lâu nữa mới thật là yên. — Nay việc chiến-tranh đã xong rồi, đến việc ngoại-giao sẽ thế nào? Hoặc có người nói rằng tất có ảnh-hưởng đến quốc-tế, những nước ký-ước năm 1904 công-nhận cho Pháp và Tây-ban-nha có đặc-quyền ở Ma-lạc-kha, không khỏi nhân dịp này can-thiệp vào. Nhưng theo như dự-luận Pháp thời việc này chỉ quan-hệ đến hai nước Pháp và Tây-ban-nha mà thôi, hai nước sẽ điều-dinh mà định cho rõ-ràng địa-giới với nhau, còn không xâm-phạm gì đến điều-ước quốc-tế trước. Cửa bể Tangervà phần tô-giới Vạn-quốc ở chung quanh vẫn để y-nguyên theo điều-ước, trong hai nước không nước nào dám động đến. — Tuy vậy việc Pháp Tây điều-dinh với nhau cho ổn-thỏa, cũng

có điều khó-khăn, chứ không phải dung-dị vậy.

Nói về nước Ý-đại-lợi. — Ở Ý-đại-lợi thời thế-lực của Tề-tướng Mussolini và Chính-phủ « Pha-xi » ngày một bành-trướng ra vững-vàng và mạnh-mẽ lắm. Hồi tháng tư thủ-tướng bị một người dân bà điên nước Anh, Miss Gibson, định bắn chết, nhưng may không trúng. Việc nội-chinh trong nước đã êm, bây giờ mới nghĩ đến đường khuếch-trương thế-lực ra ngoài. Nước Ý số dân mỗi ngày một nhiều, trong nước ở không đủ, tất phải di-dân ra ngoài, hiện nay người Ý sang ở phía Nam nước Pháp và ở xứ *Tunisie* là thuộc-địa Pháp nhiều lắm. Nhưng những đất thực-dân được trong miền Địa-trung-hải thời đã có người chiếm mất cả rồi, chỉ còn lại những phần xấu như đất *Tripolitaine* mà thôi, (đất này hiện đã vào vòng thế-lực Ý rồi). Bởi thế nên Ý rất lấy làm bất-mãn. Thủ-tướng thấy thế-lực mình đương mạnh, muốn trấn uy-danh, hồi tháng tư có di kinh-lược đất *Tripolitaine*, diễn thuyết nói những lời to-tát lắm, như nói rằng: « Nước Ý phải có một địa-vị xứng-đáng ở dưới bóng mặt trời, không thời cũng phải cổ chiếm lấy cho được », những lời ấy khiến cho các nước có lợi quyền ở miền Địa-trung-hải lấy làm chú-ý lắm. Nước Pháp thời cần-mật sự phòng-bị đất *Tunisie*, nước Anh thời cũng phải giữ lấy Ai-cập, nên ngay sau khi tề-tướng Mussolini diễn-thuyết ở *Tripolitaine* thời Chính-phủ Anh liền báo tin rằng sẽ cho một hạm đội xuống đóng ở đảo *Malte*. Việc Ma-lạc-kha (*Maroc*), Pháp cũng cố giữ cho Ý không thể can-thiệp vào được. Về bắc-bộ Phi-châu chỉ còn có một xứ tiếng là độc-lập, nhưng thực là nhờ Pháp Anh mà đứng được, là nước *Abyssinie*, nước này Ý cũng lắm-le lắm, khó lòng mà giữ toàn được. Song tới nay còn là những lời

diễn-thuyết thị-uy cả, chứ thực-sự chưa có gì hết. Tuy vậy cứ cái tình-thế nước Ý bây giờ thời sớm trưa tất phải có chuyện chinh-phạt chiến-tranh, chứ không yên được. Đảng Pha-xi bây giờ cầm cả chính-quyền trong nước, đương đương-tự-đắc, bành-hải vô-cùng, chỉ muốn ra thử sức với thế-giới một phen. Các tay lĩnh-tự muốn nuôi lấy cái sức bành-hải ấy thời thường phải kích-dộng luôn, cho nên Mussolini mới thỉnh-thoảng diễn-thuyết một bài để trấn-dộng nhân-tâm và ra oai với thiên-hạ. Nhưng nói mãi rồi cũng có ngày phải lâm, sợ mất lòng tin-dụng của đồ-đảng. Đến ngày ấy thời xảy ra thế nào, nhà chính-trị đã có người lo xa cho sự hòa-bình Âu-châu vậy.

Nói về hội Vạn-quốc. — Ở *Genève* tháng 5 có họp hội-dồng quốc-tế xét về vấn-đề giảm-bình. Còn là thuyết-lý cả, chưa quyết-định điều gì. Đại-biêu nước Pháp ở Hội-dồng là PAUL BONCOUR hết sức chủ-trương cái thuyết gọi là « thuyết tiềm-lực chiến-tranh » (*théorie du potentiel de guerre*), nghĩa là muốn xét cái sức võ-bi của một nước thời không nên lấy số quân-dội làm tỉ-lệ, phải lấy cái sức các nhà máy trong nước ấy làm thời có thể chế được bao nhiêu khí-giới làm tỉ-lệ. Xét về phương-diện đó thời sức võ-bi của nước Đức to lắm, vì tuy binh-thời số binh của Đức kém Pháp thật, nhưng các nhà máy trong nước sắp đặt chỉnh-dốn lắm, làm-thời có thể xoay ra chế các khí-giới rất mau, nhất là máy bay và các hóa-chất là những khoản tất-yếu cho sự chiến-tranh ngày nay. — Ở Hội-dồng, đại-biêu nước Anh LORD ROBERT CECIL phản-đối cái thuyết đó, nhưng sau Hội-dồng nghe ông PAUL BONCOUR hết sức thuyết-minh cũng bằng lòng nhận cả. Đó cũng là một sự đặc-thể cho nước Pháp. Nhưng cái thuyết đó, sau này hoặc có đem ra thi-hành được, thời hiệu-lực thế

nào ? Bây giờ không thể đoán trước được, và chừng nước Đức hiện cũng chưa có chân hội Vạn-quốc, thời chưa phải xét đến vấn-đề đó vội. Vì chẳng nói ai cũng biết, câu chuyện này chỉ là một cách muốn dân-áp nước Đức đó mà thôi. Đức vào Hội Vạn-quốc rồi, phỏng có chịu như thế không ?

Nó về nước Bỉ. — Như kỳ trước đã nói, nước Bỉ (*Belgique*) hiện đương qua một buổi tài-chính rất khốn nạn. Lại thêm việc nội-chính cũng bối-rối nữa. Nội-các đồ đi lập lại mãi không xong. Đến sau các đảng đánh phải hiệp-lực nhau mà tổ-chức một Nội-các quốc-phòng (*Cabinet de défense nationale*), ông JASPAR làm Tổng-lý và gồm cả lãnh-tự các đảng như : DE BROUQUEVILLE, HUYMANS, VANDERVELDE, WAUTERS, HYMANS, FRANCOU, ANSELE. Nội-các này phải tìm kế-hoạch thế nào để khôi-phục cho đồng phát-lãng Bỉ khỏi mất giá trị. Nghị-viện đã biểu đồng-tình cho Nội-các hành-động.

Nói về nước Pháp — Tình-trạng nước Pháp cũng giống nước Bỉ, mà lại có phần nguy kịch hơn. Từ đầu năm cho đến cuối tháng ba, Nghị-viện không duyệt-y xong sổ dự-toán, các ông nghị chỉ cứ diễn-thuyết hoài. Sau ế-chê lắm rồi, trong khoảng tháng tư mới chịu duyệt sổ dự-toán và mấy thứ thuế mới đặt ra cho bên thu cần với bên chi. Lại bị dư-lộn bách-xác, phải chịu quyết-nghị mở ra một cuộc « tự-nguyện quyền-trợ » để giúp cho đồng phát-lãng tăng-giá và đặt ra cái quỹ riêng thu những khoản quyền-trợ đó để dùng trang-trải các quốc-trái ngắn hạn, quỹ ấy đặt tên là « quỹ tiêu-trái » (*Caisse d'amortissement*). Đó là về phần Nghị-viện. Về phần Chính-phủ thì việc thương-thuyết về vấn-đề nợ nước Mỹ đã tạm xong. Đại-sứ Pháp ở Washington là Nghị-viện Béranger liều dính mãi với Bộ Tài-chính Mỹ, hai bên đã dự-thảo một cái

hiệp-ước, chỉ còn đợi Nghị-viện hai nước duyệt-y nữa là thi-hành. Theo hiệp-ước ấy thì nước Pháp xin trả hết nợ nước Mỹ trong một hạn 62 năm, bắt đầu năm 1926 phải trả 30 triệu, đến năm 1930 tăng lên 35 triệu rồi tăng dần mãi lên 125 triệu từ năm 1942 đến 1988 ; hoặc năm nào bị duyên-cớ gì không trả được đủ số đã định thời có thể chỉ trả bằng số tiền-lãi khoản nợ thương-mại (*dette commerciale*) hiện nay là 20 triệu dollars. Xét ra các điều-đinh này không lợi cho nước Pháp bằng cách Mỹ điều-đinh với Ý mấy tháng trước. Nhưng dư-luận Pháp cũng không phản-nản gì cho lắm, cho rằng dù thế nào thì thế, thà rằng định một lần cho rõ, còn hơn là cứ bấp-bồng như trước, bao giờ cũng nơm-nớp sợ đến hạn phải trả những khoản to quá, không biết lấy vào đâu được, như giá không điều-đinh xong thì đến năm 1929 là kỳ-hạn phải trả 407 triệu dollars về khoản nợ « binh-lũ » (*dette des stocks de guerre*). Thế là xong về vấn-đề nợ Mỹ (chỉ còn chờ Nghị-viện duyệt nữa mà thôi, nhưng điều này nghe như cũng khó-khăn). Còn vấn-đề nợ Anh thì ông Tài-chính Tổng-trưởng R. PÉRET trong khoảng tháng tư đi Luân-đôn để thương-thuyết với Bộ Tài-chính Anh. Nhưng việc Mỹ đã xong thời việc Anh rồi cũng xong — Tuy vậy mà trong suốt tháng tư tháng năm đồng phát-lãng cứ xuống mãi là có làm sao ? Là tình-hình nội-chính nước Pháp vẫn bối-rối lắm, nên lòng tin-dụng ở Chính-phủ của quốc-dân và trong quốc-tế giảm sút đi nhiều. Nhà tư-bản trong nước sợ thuế nặng đem của ra gửi ngoại-quốc nhiều. Những nhà buôn xuất-cảng phần nhiều cũng không thu tiền về nước nữa. Mi ngoại-quốc thời thấy bấp-bồng như thế cũng đình cả sự giao-dịch lại. Lại thêm những kẻ « đầu-cơ » thừa cơ gây ra sự khủng-khoảng trên chợ hối-đoàn. Bấy

nhiều duyên-cớ làm cho nước Pháp tuy tư bản của dân vẫn nhiều mà tài-chính nhà nước quân-bách đến thế. Nói rút lại thời chỉ vì chính-trị nát cho nên kinh-tế hỏng. Mà chính-trị nát là bởi cái họa đảng-tranh. Từ kỳ tổng-tuyển-cử ngày 11 tháng 5 năm 1924, Nghị-viện Pháp khuyh-hướng hẳn về tả-dục, quyền chính-trị thuộc về «Tả-liên-đảng» (*Cartel des gauches*). Các đảng ôn-hòa hết sức phản-đối, tuy kém số ở Nghị-viện, nhưng mà trong quốc-dân toàn là những hàng trung-dưỡng xã-hội có vật-lực cả, kể về đường tư-bản thì Tả-liên-đảng còn kém xa. Một bên giàu lý-tưởng, một bên có tài-lực, hai bên chọi nhau trong hơn hai năm nay, không bên nào chịu nhượng-bộ cho bên nào, thành ra cái cảnh-tượng bối-rối như thế. Thuộc về vấn-đề tài-chính, bên tả thì muốn đặt thuế trực-tiếp, nghĩa là thuế đánh những người có của nhiều nhất, bên hữu thì muốn giữ thuế gián-tiếp, nghĩa là thuế đánh đều cả quốc-dân; hệ Chính-phủ theo về bên nọ thì bên kia phản-đối, cứ thế mãi. Nếu Tả-liên-đảng thật có thế-lực thời có thể lấy số nhiều mà đàn-áp đảng kia ở Nghị-viện được; nhưng trong liên-đảng có đảng xã-hội thì khi hiệp-lực, khi trung-lập, bất-nhất quá, cho nên thế-lực liên-đảng yếu đi nhiều. Từ năm 1924, mấy Nội-các đầu còn công-nhiên thuộc về Tả-liên-đảng, sau bị đổ mãi, phải đến ông BRIAND là tay thạo vận-động ra tổ-chức Các mới mấy lần; nhưng vì vấn-đề tài-chính giải-quyết không xong, Nội-các của ông muốn duy-trì chầm-chước cũng không được, sau lại đến đổ nốt. Việc này là thuộc về tháng sáu tháng bảy, Nội-các BRIAND đổ rồi thời đến HERRIOT là lãnh-tụ Tả-liên-đảng ra lập Các mới, vừa được một ngày lại bị đổ nốt. Thiên-hạ nói thế là Tả-liên-đảng tan từ đây. Nội-các hiện nay là ông POINCARÉ đứng đầu, tức cũng là một «Nội-các quốc-phòng»

như ở Ti-lợi-thì, gồm cả các tay cừ-khối trong các đảng: BRIAND, BARTHOU, HERRIOT, PAINELEVÉ, TARDIEU, LOUIS MARIN, BOKANOWSKI. Ông ALBERT SARRAUT, là nguyên Toàn-quyền Đông-Pháp, trước bị trục-xuất ra ngoài đảng Cấp-tiến, sau làm đại-sứ Pháp ở Thổ-nhĩ-kỳ, gần đây lại được phục-hồi đảng cũ, bầu làm thượng-nghi-viên ở quận Aude là hạt nhà, và lĩnh-chức Nội-vụ Tổng-trưởng trong Nội-các mới. Nội-các này nghe như được quốc-dân và Nghị-viện đều hoan-ngheh, nên xem giá quan tiền tây phát-lãng trước mỗi đồng bạc bên ta lên đến 26, 27 quan, nay đã xuống dưới 20 quan.

Việc nước Tàu. — Việc nước Tàu vẫn là việc nội-loạn tứ-tung, nào Tây-Bắc, nào Đông-Nam, nào Trung-ương, chỗ nào cũng chỉ những đánh nhau là đánh nhau. Cuộc đánh nhau to nhất vẫn ở miền Tây-Bắc, liên-quân Ngô Trương đánh với quốc-dân-quân của Phùng Ngọc-Tường, nhưng nay đã chuyển xuống miền Trường-giang và miền Nam, thành ra mấy phe mấy đảng thật phân-ván.

Ngô Bội-Phu và Trương Tác-Lâm hội-nghị ở Bắc-kinh để định cái kế-hoạch đánh Quốc-dân-quân, khi hội-nghị xong liền hạ-lệnh tổng-công-kích, rồi Trương thời về Đông-tam-tĩnh, và Ngô thời tiến lên mặt Tây-bắc để đốc-chiến. Trương đi để lại giúp Ngô hai tướng bộ-hạ là Trương Tôn-Xương và Trương Học-Lương. Liên-quân đánh nhau với Quốc-dân-quân ở địa-hạt Sơn-tây, có đánh một trận dữ-dội ở nơi Mật-vận. Ngô đã lên đến Nam-khẩu, nghe được tin quân Quảng-dông tiến lên Hồ-nam, muốn đánh lấy Hán-khẩu, liền bỏ mặt Tây-Bắc để về giữ nơi căn-cứ của mình. Nguyên cái mưu này là tự Nga giúp cho Phùng Ngọc-Tường và chính-phủ Quốc-dân ở Quảng-dông để chia thế liên-quân của Trương Ngô ra. Nghe đâu Sô-viết Nga giúp cho Phùng nhiều tiền bạc và

binh-khi, để cho về mặt trên thời quân Phùng đến đánh Hải-nhĩ và Mãn-châu-lý là nơi căn-bản của Trương Tác-Lâm; còn mặt dưới thời Nga giúp cho quân Bắc-phật Quảng-dông lên đánh Hồ-nam Hồ-bắc là nơi căn-bản của Ngô Bội-Phu; khiến cho hai mặt đều phải giữ thân không kịp, không thể nào hiệp-lực với nhau mà đánh tan quốc-dân-quân được. Chính-phủ Nga vẫn công-nhiên chối rằng không can-thiệp đến việc nội-loạn Tàu, nhưng việc ám-trợ cho Phùng và cho chính-phủ Quốc-dân Quảng-dông thời hẳn có, không còn nghi-ngờ được. Vả lại việc vận-dộng của Nga ở Mông-cô và Tân-cương thời hiển-nhiên ai cũng biết. Có tin rằng Nga xuất ra 500 vạn đồng để mua chuộc bọn thanh-niên ở Nội-ngoại Mông-cô, khiến cho đi các nơi mà tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản. Ở Tân-cương cũng giúp tiền cho các dân Hồi-hồi để vận-dộng thoát li với chính-phủ Bắc-kinh. — Vậy Ngô Bội-Phu đương khi đốc-chiến ở mặt Sơn-tây thời phải về Hồ-bắc để đối-phó với quân Bắc-phật Quảng-dông tiến lên. Quân Bắc-phật này do tướng Quảng-dông Trương Giới-Thạch làm tổng-tư-lệnh. Trương chuyển này nghe như có chí quyết-chiến, nên tiến quân đã dự-bị cẩn-thận lắm. Trước đã mưu với các công-nhân đường xe lửa Việt-Hán định thực-hành tổng-bãi-công để ngăn-trở sự vận-tải của quân Ngô. Lại huyện này đi đem cả vợ con theo, đủ biết cái chí cố đánh cho kỳ được, nhục-bằng không thời không về nữa. Xem như thế thì tình-thế Ngô cũng có điều nguy. Trương có hứa sẽ gửi tàu bay và tạc-dạn xuống giúp. — Nhưng gần đây lại xảy ra một việc không lợi cho quân Bắc-phật Quảng-dông: là cái thái-độ Tôn Truyền - Phưng, đốc-quân Giang-tô, làm tổng-tư-lệnh liên-quân năm tỉnh Trường-giang, trước vẫn giao-hiệp với Quảng-dông, nay thấy quân của Trương Giới-Thạch tiến

lên có ý xâm-lấn vào phạm-vi thế-lực của mình, liền xoay ra phản-đối Quảng-dông. Thế là Trương lại phải đối-phó với mặt đó nữa. Về mặt Hồ-bắc, Hồ-nam, Tứ-xuyên, Quý-châu, thời liên-quân mấy tỉnh đó vẫn có Triệu Hằng-Dịch làm tổng-tư-lệnh hết sức chống với quân Bắc-phật; nay có Ngô ở Bắc về thời Triệu lại càng mạnh thế lắm. Thậm-chi đến cái góc Tây-Nam là tỉnh Vân-Nam, nơi cùng-tích mà cũng muốn bị cuốn vào cái tuấn - oa nội - chiến. Nguyên Đường Kế-Nghiêu có nhận lời với Ngô Bội-Phu đánh Quảng-tây để ngăn-trở sự tiến-hành của quân Bắc-phật Quảng-dông. Nhưng Quảng-dông biết cái mưu ấy lại giúp cho Phạm Thạch-Sinh là kẻ thù của Đường để chặn đường cho không sang đánh được. — Còn về mặt Trương Tác-Lâm thời Ngô đã về Hán-khẩu, Trương cũng phải đương lấy cái trách-nhiệm đối-phó với Phùng, nghe như cũng khó-nhọc. Có tin rằng Trương thân đến Lữ-thuận và Đài-liên thăm quan Nhật ở đây. Có người nói Trương muốn cậy Nhật giúp để đánh Phùng, nếu thế thì Phùng nhờ Nga, Trương lại nhờ Nhật, mượn cái thế-lực ngoại quốc mà tương-tàn nhau, phỏng có thú-vị gì!

Ấy tình-hình nội-loạn Tàu lung-tung như thế. Trong khi ấy thời Chính-phủ Bắc-kinh thế nào? Từ khi Nhan Huệ-Khanh từ-chức thì Đỗ Tích-Khuê vẫn quyền-nhiếp cho đến giờ. Trương giảm ba ngày, một vài tuần, có người ra tổ-chức Nội-các mới thời lui về, nhưng từ bấy đến nay không ai chịu nhận cái trách-nhiệm nặng-nề và ác-bạc đó, nên Đỗ vẫn phải ở. Trước có mời Tôn Bảo-Kỳ, Tôn từ chối. Sau lại mời Lục Trưng-Tường hiện làm đại-sứ ở Anh, Lục cũng thoái-thác chưa muốn về. Trong Nội-các thời tổng-trưởng các Bộ cử «thảo» dân. Trưởng Bộ Tài-chính là Cổ Duy-Quân từ-chức; trưởng Bộ Lục-quân là Trương Cảnh-Huệ vẫn

không chịu nhận chức; trưởng Bộ Nội vụ là Trương Quốc-Kim thời bỏ đi dấu mất. Trong khi ấy thời Ngô cứ hăng ngày thúc phải trả tiền để chi quân-phí. Đỗ Tổng-lý lấy làm khốn-nạn lắm, thường phàn-nàn rằng nước Tàu cứ nội-loạn như thế này mãi thì đến Nội-các nào cũng chẳng làm gì được.

Về phương-diện Chính-phủ Quảng-đông thời gần đây chỉ thấy nói chuyện về việc tiến-quân Bắc-phạt để đánh Ngô Trương. Hôm Tổng Giời-Thạch được cử làm Tổng-tư-lệnh Bắc-phạt-quân, ở Quảng-châu có mở hội, nhân-

dân cổ-vũ lắm. Bữa ấy có kẻ ám-mưu thuê thích-khách ném tạc-dạn để giết Tướng, nhưng cảnh-sát biết trước đã bắt được. Tướng ở Quảng-châu được người ta mến-phục lắm, có người nói: «Tướng Trung - chính là Tôn Trung-son thứ nhì vậy.» — Còn sự giao-thiệp với Hương-cảng để điều-đinh về việc thợ bãi-công và việc đề-chế Anh-hóa, thời nghe như vẫn chưa xong, mà chính ngay ở Quảng-châu cũng nhiều bọn thợ dương vận - động bãi - công lung-tung cả. Gần đây nghe nói phải đặt luật giới-nghiêm.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị. — Tình-hình yên-ổn, chẳng có sự gì lạ. Cái học-trào nhao-nhao lên một độ, nay đã êm cả. Bây giờ còn ai nói đến tên ông Tây-hồ nữa không? Chỉ cậu học-trò nào bị đuổi là thiệt mà thôi. Dân-khí nước mình như mới hồng-bong, cháy ào một cái là hết, còn lại không được một đúm tro tàn. Như thế thời còn có thể bằng-cứ mà làm chuyện gì to-tát được nữa. Chính-phủ mấy tháng trước thấy những cái cảnh-trạng mới như việc truy-diệu ông Phan, nghênh-tiếp ông Bùi, có lẽ cũng tưởng rằng dân An-Nam đã đến ngày «khả-uy» rồi; nay thấy thiên-hạ hững-hờ rời-rạc mới biết rằng những chuyện vận-dộng không có thâm-trầm gì, thật là «bất-túc khinh-trọng» vậy. Cho nên những học-trò bạo-dộng ở Mỹ-tho trước bị tòa - án phạt tù, nay được tòa phúc-thẩm đổi cho án treo và tha cho ra cả. Những học-trò bị đuổi các trường học và bị trả lại lương học, nghe đâu Chính-phủ cũng sẵn lòng xữ khoan, chứ không nghiêm-nhặt như trước nữa. Thậm-chi đến Nguyễn An-Ninh, có người nói rồi cũng có lẽ được tha. Chính-phủ xoay ra cái chính-sách khoan-dung như thế,

cũng là một điều may cho kẻ dương-sự, nhưng thật không vẽ-vang gì cho dân-tộc mình. Người ta không muốn thẳng tay trị nữa, là người ta không coi mình vào đâu vậy.

Từ khi quan Toàn-quyền vào Nam thì bọn Tây phản-đối ở ngoài này cũng êm dần. Vả họ cũng không có chuyện gì mà chỉ-trích nữa. Kể sự phản-đối của họ thế cũng là thành-công rồi: họ khiến cho ông VARENNE không dám thi-thố gì nữa. Ấy cái thế-lực của phái thực-dân mạnh như thế: Kẻ công-nhiên phản-đối đã đành, kẻ ngấm-ngấm ngăn-trở cũng lắm, như thế thì ông Toàn-quyền thế có còn làm gì được nữa? Nói rằng trông mong vào kẻ thực-giả An-Nam để tăn-trợ cho, nhưng kẻ thực-giả An-Nam lơ-thờ rời-rạc, không thành thế-lực gì. Song sở-dĩ người Tây phản-đối mà người ta ơ-thờ như vậy, là chỉ vì ông không chắc có ở bên này được lâu không. Nếu ông chắc ở đây được lâu thời kẻ thờ-ơ, kẻ phản-đối rồi cũng quay về với ông cả; bấy giờ quả có cái chính-sách hay thời mới có thể thực-lực thi-hành được. Chứ năm sáu tháng một năm mà nói rằng cải-cách được to-tát, thời đâu được cả dân Tây dân

Nam biểu đồng-tình, cùng tán-trợ, cũng còn khó thay, huống chi lại gặp nhiều sự trở-ngại như bây giờ. Cho nên điều cốt - yếu là ông VARENNE có được ở hay có chịu ở bên này lâu không? Khi mới sang trọng-nhâm, ông đã tuyên - bố rằng ông ở đây một năm để nghiên - cứu các vấn-đề và dự-tính việc cải-cách, rồi sẽ về Pháp trình-bày với Chính-phủ, xong mới sang lần nữa thi-hành mọi việc. Tháng 10 Tây này họp hội-đồng Chính-phủ xong thì ông sẽ về Pháp. Đàng phản-đối ông ở đây và ở Pháp đương hết sức vận-dộng cho ông không trở lại đây được nữa. Nhưng xem ra cái địa-vị ông bên Pháp cũng vững-vàng lắm. Nay Nội-các tuy đổi mới mà liền có nghị-cho ông được tái-nhiệm một kỳ-hạn 6 tháng nữa, thế thì đủ biết Chính-phủ mới cũng có ý tin - dụng ông. Vả ông là một tay nghị-viên lão-luyện, đã từng làm đến phó nghị-trưởng, thời cũng có thể - lực trong chính - giới chứ không phải người thường vậy. Lại cứ xem ngay một điều như sau này thì đủ nghiệm. Các bạn đọc báo đã từng biết hội *Comité du Commerce et de l'Industrie de l'Indochine*, là hội các nhà công-thương Tây có quyền-lợi to ở bên này, hội-sở ở Paris, hội này trước cũng hơi có ý phản-đối ông VARENNE, nay thấy xoay ra tán-trợ ông. Nghị - viên Nam-kỳ là ERNEST OUTREY làm danh-dự hội-trưởng, vì công-kích ông VARENNE kịch-liệt lắm, không đồng-ý với hội-đồng, mới rồi phải xin từ chức. Bọn doanh-nghiệp là họ khôn-khéo lắm, thường hay biết chiều gió mà theo. Nay họ xoay về với ông VARENNE thì chắc là chiều gió về ông vậy. Điều đó cũng đáng chiêm-nghiệm — Nay còn một điều đáng ngờ nữa, là ông VARENNE có thể lại trở lại đây được, nhưng ông có chịu sang nữa không? Một nhà chính-trị như ông, ở bên Pháp cũng có thể

làm to được, hà-tất phải sang bên này để chịu bọn thực-dân họ mặt-sắt; cũng có lẽ ông chán mà ông không muốn trở lại nữa chẳng? Nhưng ngay mấy bữa nay (đầu tháng 8) ông đi kinh-lược mấy tỉnh miền Tây ở Nam-kỳ, có diễn-thuyết ở Cần-thơ, nói rõ-ràng rằng chuyến này ông về Pháp ít lâu rồi lại trở sang để thi-hành cái chương-trình cải-cách của ông. Như thế thì là ông quyết ý trùng-lai vậy. Tin ấy ta cũng đáng mừng và đợi đến sang năm Tây xem những sự cải-cách thế nào. Từ nay đến bấy giờ thì chắc không có sự gì lạ, vì ông nào quyền chức Toàn-quyền cũng chỉ thủ-thành làm việc thường chứ không có thay đổi gì.

Các ông thủ - hiến các xứ thì theo tin các nhật-trình Tây đăng rằng ông COGNACQ thống-đốc Nam-kỳ hiện nghị bên Tây rồi không trở lại Sài-gòn nữa; ông PASQUIER, khám-sứ Kinh thời đồn rằng sẽ về Paris làm Trưởng « Kinh-tế cục » (*Agence économique*), thay ông GARNIER về hưu.

Ở Trung-kỳ và Bắc - kỳ, Nhân-dân Đại-biểu-viện (tức là Tư-vấn nghị - hội trước) đã bầu cử xong. Nhưng rạp hát có đổi tên mà vở kịch vẫn như cũ, các báo hằng ngày có nghị-luận lao-nhào một độ, song chẳng có chuyện gì đáng nói.

Ở Nam - kỳ sắp bầu cử Hội-đồng Quản-hạt (*Conseil colonial*), nhưng các phái cũng chưa thấy vận-dòng gì mấy. — Ông Bùi Quang-Chiều mới mở một cái báo *La Tribune indochinoise* bằng chữ Pháp, mỗi tuần lễ ra ba kỳ, công-nhiên để là cơ-quan của đảng Hiến-chính.

Ở Bắc-kỳ năm nay lại nước tràn đê vỡ tứ-tung, dân-tình khổn-nạn quá; mấy tỉnh Bắc-ninh, Hải-dương, Hưng-yên, Thái-bình thiệt-hại nhiều nhất. Năm mươi năm nay Đại-Pháp bảo-hộ

mà vấn-đề trị thủy vẫn không giải xong, dân vẫn bị khổ như về thời Minh-mạnh Tự-đức, quốc-dân nghĩ thế có chán không, mà Chính-phủ nghĩ thế đã đang chưa ?

Báo Tây bàn về việc ta. — Trong tạp-chí *Revue du Pacifique* xuất-bản ở Paris, ông ERNEST BABUT là một nhà làm báo có tiếng ở bên này trước có đăng một bài đề là : *M Varenne et les Annamites*, ông VARENNE đối với người An-Nam), nghị-luận cũng xác-dáng. Có mấy cái ý-kiến kể giả vào người An-Nam nói thì cho là bạo, nhưng là người Tây nói thì thật là một cái dư-luận hay, ta cũng nên biết. Như nói về người Tây hay trách người Nam là vong-ơn, được nước Pháp khai-hóa cho mà không biết công, lại ăn ở bội-bạc, ông BABUT phê-bình một câu rằng : « Sự ơn-nghĩa là một cái nợ, mà các dân-tộc cũng như cá-nhân không hay trả ngay bao giờ ; cần phải cách xa một quãng lịch-sử lâu dài mới cảm biết được. Vả lại, vẫn biết rằng chúng ta có công xây lại nhà cho người An-Nam, nhà bây giờ được cao-ráo sáng-sủa hơn trước nhiều, không có hôi-hám ẩm-ám như trước nữa. Nhưng ta xây lại nhà cho họ, thì ta chiếm ngay từng gác ta ở. Đêm ngày giờ nào cũng chỉ nghe thấy tiếng dầy ta đi trên trần, tiếng cười ta động cả vách. Như thế thì trách nào người An-Nam lại không ơn ta ít mà oán ta nhiều. Sự ơn-nghĩa là một cái hoa thơm tễ-nhụy, không thể mọc ở dưới chân kẻ xâm-lược. » — Nói về sự độc-lập nước Nam sau này, ông nói rằng : « Có một ngày rồi chúng ta sẽ bỏ đất Đông-Pháp này mà đi. Ngày ấy là bao giờ, và ta đi cách thế nào ? Ngày nay chưa thể biết được, nhưng có một điều chắc là bao giờ việc ta đã xong, người Việt-Nam đã tự trị được, thời bấy giờ thế-tất ta phải đi. Ta không nên ở thêm lại một ngày nào nữa ; nước Pháp là một nước trọng dân-quyền,

không có lẽ lại có cái thái-độ khác được. Nghĩa vụ nước Pháp là xong việc rồi phải đi. Vả lại nếu ta khéo ra thì sự đi ấy không có thiệt mà lại có lợi cho ta. Cái mục-dịch chân-chính của sự khai-thuộc-địa có phải là đem quan-lai binh-linh sang nuôi ở thuộc-địa dầu, chính là thu lấy cái quyền giao-dịch buôn-bán với thuộc-địa, chính là một cái mục-dịch thuộc về kinh-tế ; chứ đem quân, đem quan sang thuộc-địa, chỉ tổn-hại cho mẫu-quốc, chứ có lợi gì ? Nay nếu bỏ được sự tổn-hại ấy mà giữ được cái lợi-quyền kia, thì việc chi ta chẳng làm. — Chúng ta phải biết tự ý ta mà ta đi. Ngày giờ nào đi thì chưa biết, nhưng ngay tự ta phải nên dự-bị cho ngày ấy chóng tới vậy. » — Những câu nói mới thú-vị thay ! Ta cũng nên cảm ơn luận-giả vậy.

Giới-thiệu sách mới

1. — *Gương Thiệu-niên*. Đông Tây nghĩa hiệp ái-quốc tiền-thuyết biên-dịch và phê-bình. Dịch-giả : Phạm Dật-Công và Phạm Mộng-Tiên. Cuốn thứ I. (56 trang). — Long-quang ấn-quản xuất-bản.

2. — *La Langue française expliquée en annamite*. Morceaux choisis des grands écrivains français traduits en annamite avec notes explicatives et notices biographiques. Par Nguyễn Hoài-Đĩnh, Nguyễn Diên et Nguyễn Bá-Phổ. — Imprimerie Ngàiem-hàm ; 202 pages ; 80 cents.

Tin-buôn. — Bản-báo mới được tin buồn cụ Tùng-sơn Phạm Huy-Hồ mới tạ-thế ngày 17 Aout 1926 tại qui-ấp làng Cao-du tỉnh Phú-thọ. Đến ngày 22 Aout thì cất đám an-táng tại nghĩa địa riêng gò Nhà Thiêm.

Cụ là thân-sinh ra ông giáo học Phạm Huy Kỳ, ông chủ bút báo *Trung bắc* Phạm Huy-Lục và ông Phạm Huy-Chín. Cụ nay hưởng-thọ đã ngoài sáu

mười tuổi. Cụ lấy là nhà dòng-dôi Thi-Thư, học-vấn rộng rãi, bình-nhất lại hay ham về đường khảo-cứu trước-thuật. Năm xưa Nhà nước mới bắt đầu cải-lương học-vụ, cụ có dự cuộc tù-thư. Sau cụ về hưu-dưỡng, gia công trước-tác, có làm ra quyển *Phong-tục ký* và có khảo về sự-tích Hùng-vương, biên-tập được các câu phong-dao cũng nhiều.

... Je suis un profane en philosophie, ... mais j'ai fréquenté des philosophes, vous en particulier, et j'ai mon idée sur eux... Ils sont par rapport à moi, ce que le géographe est à l'explorateur. Le géographe, pour étudier le globe terrestre, se penche sur un atlas. Son doigt se promène sur la carte; rien ne ralentit son avance, ni fleuves, ni déserts, ni le Mont Blanc, ni la chiure de mouche. L'explorateur, lui, arrose de ses sueurs une contrée restreinte qu'il parcourt sac au dos. Il sait où sont les frais vollons, les riantes paysages et les filles accueillantes à l'étranger. Le premier embrasse d'un regard l'ensemble du monde condensé en une petite image, mais il se perd dans les faubourgs de sa ville natale; le second s'oriente par les nuits les plus obscures au fond des maquis et des savanes. Vous lisez dans les âmes innombrables comme le géographe sur la carte, les voyant toutes et pas une en détail; moi, j'en connais relativement peu, mais dans les coins...

FRANÇOIS DE CUREL
(*Livresse du sage*)

Bản-chỉ đã từng có đăng lục ít bài từng-dặm của cụ. Nay cụ với từ cõi tục, vắng tiếng đàn văn, lâu lạc vắng người xưa, mấy bạc biết đâu tìm cổ-lão; non Thông thăm dấu cũ, quyền vàng còn để có di-hiền. Vậy xin có lời trân-trọng kính viếng cụ và chia buồn cùng qui-quyến.

... Tôi, chuyên triết-học thì tôi mơ hồ, ... nhưng tôi có từng đi lại với các nhà triết-học, nhất là tiên-sinh đây, tôi cũng có cái ý-kiến của tôi về các ngài... Các ngài đối với tôi, tức cũng như nhà địa-dư đối với nhà du-lich. Nhà địa-dư thời nhìn vào địa-dồ mà học địa-cầu. Ngón tay đưa trên bản đồ, gì mà ngăn được; giang-hà, sa-mạc, cho đến núi Pach-son, cho chí đồng cửu ruồi, cũng không dừng được ngón tay chạy. Đến như nhà du-lich thời: dầy đeo trên vai, chân đi từng bước, chỉ biết được một vùng nhỏ, nhưng mỗi tấc đất hình như tưới một giọt mồ-hôi. Thuộc lâu cả đường đất, nào đâu là nơi thung lũng mát-mẻ, đâu là chốn phong-cảnh tươi cười, đâu là có gái nữ-miêu, kheo chiều khách xa lạ. Nhà địa-dư thời một chớp mắt thu-quát cả thế-giới vào một tấm hình nhỏ, nhưng giá có ra khỏi tỉnh nhà, đến ngoài ô đã lạc đường; nhà du-lich thời đêm khuya đi mò, dò lấy phương-hướng ở giữa đám đồng không bụi rậm. Như tiên-sinh thời tiên-sinh biết đại-khái cái tâm-lý của nhất-ban nhân loại cũng nhà địa-dư xem trên địa-dồ vậy, bao-quát nhất-lâm, chứ không nghiên-câu từng li; tôi, tôi chỉ biết tâm-lý có ít nhiều người, nhưng biết thực-sự đến nơi. . .